FRESH FOOD

TÂM AN

Thực phẩm sạch - Cuộc sống xanh

FRESH FOOD
TÂM AN
Thực phẩm sạch - Cuộc sống xanh

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN

Được thành lập ngày 17 tháng 09 năm 2020, giấy phép kinh doanh số **0901084830**

Do sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Địa chỉ cơ sở 1 : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ cơ sở 2 : Thôn Từ Hồ, Xã Yên Phú, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Thông tin về người đứng đầu: Trần Thị Kim Anh

Điện thoại : 0977.072.666 – 0929.001.987

Email : Trankimanh8779@gmail.com

> ***Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An là nhà cung cấp thực phẩm tươi sạch, an toàn và chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho các bếp ăn Khu công nghiệp, Công ty, Trường học, Nhà hàng, ...với giá cả cạnh tranh.***

Dưới đây là một số sản phẩm chính của Tâm An: Thực phẩm tươi các loại rau củ, trái cây, thịt tươi sống, thực phẩm chế biến sẵn, thuỷ hải sản từ các nguồn uy tín,gạo, các loại gia vị, hàng khô đảm bảo chất lượng đến tay khách hàng.

Rau Củ Quả

Dưới đây là một số sản phẩm nổi bật, chúng tôi còn nhiều sản phẩm chất lượng khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Rau Củ Quả
Rau Cải
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Rau Củ Quả
Khoai Tây
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Rau Củ Quả
Su Hào
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Rau Củ Quả
Su Su
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Thực Phẩm Tươi Sống

Dưới đây là một số sản phẩm nổi bật, chúng tôi còn nhiều sản phẩm chất lượng khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Thực Phẩm Tươi Sống
Thịt Lợn
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Thực Phẩm Tươi Sống
Thịt Bò
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Thực Phẩm Tươi Sống
Thịt Gà
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Thực Phẩm Tươi Sống
Thịt Vịt
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Hải Sản

Dưới đây là một số sản phẩm nổi bật, chúng tôi còn nhiều sản phẩm chất lượng khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Hải Sản
Tôm
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Hải Sản
Cua
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Hải Sản
Cá
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Hải Sản
Mực
Liên hệ giá
★ ★ ★ ★ ★

Gia Vị Chế Biến

Dưới đây là một số sản phẩm nổi bật, chúng tôi còn nhiều sản phẩm chất lượng khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Gia Vị Chế Biến
Dầu Ăn
Liên hệ giá
★★★★★

Gia Vị Chế Biến
Ớt
Liên hệ giá
★★★★★

Gia Vị Chế Biến
Tỏi
Liên hệ giá
★★★★★

Gia Vị Chế Biến
Nước Mắm
Liên hệ giá
★★★★★

Thực Phẩm Chế Biến Sẵn

Dưới đây là một số sản phẩm nổi bật, chúng tôi còn nhiều sản phẩm chất lượng khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Thực Phẩm Chế Biến Sẵn
Giò Xào
Liên hệ giá
★★★★★

Thực Phẩm Chế Biến Sẵn
Giò
Liên hệ giá
★★★★★

Thực Phẩm Chế Biến Sẵn
Chả
Liên hệ giá
★★★★★

Thực Phẩm Chế Biến Sẵn
Chả Quế
Liên hệ giá
★★★★★

Hàng Khô

Dưới đây là một số sản phẩm nổi bật, chúng tôi còn nhiều sản phẩm chất lượng khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Hàng Khô
Bánh Kẹo
Liên hệ giá
★★★★★

Hàng Khô
Gạo Tẻ
Liên hệ giá
★★★★★

Hàng Khô
Gạo Nếp
Liên hệ giá
★★★★★

Hàng Khô
Sữa Tươi Vinamilk
Liên hệ giá
★★★★★

Tâm An luôn tuân thủ các nguyên tắc đảm bảo chất lượng và nguồn gốc xuất xứ về thực phẩm. Qua nhiều năm kinh nghiệm giao thực phẩm cho các bếp ăn công nghiệp, bếp ăn nhà hàng, công ty lớn nhỏ khác nhau chúng tôi đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng về tất cả các yếu tố như : dịch vụ, chất lượng và giá cả.

Với phương tiện vận chuyển chuyên nghiệp, nguồn hàng đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, khu tập kết hàng hoá rộng rãi, sạch đẹp, tiện nghi và đội ngũ nhân sự có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc Tâm An luôn tự tin đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng.

FRESH FOOD

TÂM AN

Thực phẩm sạch - Cuộc sống xanh

Đội ngũ nhân sự Công Ty gồm :

Giám đốc : Trần Thị Kim Anh (Số điện thoại : 0977.072.666 – 0929.001.987), là người chịu trách nhiệm cao nhất về việc điều hành, quản lý và định hướng cho toàn bộ tổ chức, đảm bảo sự phát triển bền vững và thành công của Công ty.

Kế toán :

- Bùi Thị Chi – kế toán công nợ, phụ trách đối chiếu công nợ hàng ngày, tháng.
- Đoàn Thu Hằng – kế toán đơn hàng, phụ trách tiếp nhận đơn, các phản hồi về thực phẩm, các hàng hoá phát sinh trong ngày.
- Trần Thị Phương Thảo – kế toán kho, phụ trách quản lý, kiểm soát hàng hoá ra vào trong kho
- Đào Linh – kế toán thuế, phụ trách xuất hoá đơn hàng ngày, hàng tháng cho doanh nghiệp.

Hành chính :

- Nguyễn Thị Kim Phượng – phụ trách báo giá, hoàn thiện tất cả các thủ tục, giấy tờ để cung cấp cho khách hàng khi cần.

Cùng đó là đội ngũ nhân viên giao hàng đầy nhiệt huyết, tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc, vui vẻ, hoà đồng.

TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

1.Tầm nhìn

- Tâm An luôn nỗ lực tìm kiếm, lựa chọn và cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm sạch, an toàn và giàu dinh dưỡng, kết hợp cùng dịch vụ chu đáo – chuyên nghiệp nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Chúng tôi thấu hiểu giá trị của sức khỏe đối với mỗi người lao động, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

2. Mục tiêu

- Phấn đấu trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp thực phẩm cho bếp ăn, với uy tín, chất lượng và sự tin cậy được khẳng định qua từng đơn hàng và đối tác hợp tác.
- Liên tục nâng cao giá trị sản phẩm và dịch vụ thông qua đổi mới, cải tiến và phát triển bền vững, mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

FRESH FOOD
TÂM AN
Thực phẩm sạch - Cuộc sống xanh

CÁC ĐỐI TÁC KINH DOANH

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI SƠN HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH THUẬN ĐỨC HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN PHÚ GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH NỔI VIỆT NHẬT

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN Á HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH TÂM SINH VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA STORY

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Á ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DINH DƯỠNG VIỆT NHẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĂN UỐNG GREENFOOD

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN STARGATE

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM BÁCH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG SẢN XUẤT BAO BÌ VIỆT

NHÀ ĂN BỆNH VIỆN SẢN NHI HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH TUẤN VINH GROUP

CÔNG TY THIÊN SƠN

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KIẾN THỊNH

NHÀ HÀNG ECOGRADEN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG XIANG GUE

CÔNG TY TNHH TUẤN VINH

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ẨM THỰC SEN VIỆT

NHÀ HÀNG MORRISON

CÔNG TY CP TECH-VINA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

CÔNG TY CỔ PHẦN AN VY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TECOMEN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂM PHÚC VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỊNH PHÁT HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI ĐỒNG TÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN PICKLE GLOBAL

CÔNG TY TNHH WISER MAX

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP

CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH BAO BÌ THUẬN ĐẠT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ 2

“ CAM KẾT LUÔN NỖ LỰC CHO NHỮNG CẢI TIẾN TIÊN PHONG :

Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An cam kết cung cấp thực phẩm tươi sạch, an toàn và chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để đưa những sản phẩm tốt nhất, tươi ngon nhất đến với khách hàng . Với đội ngũ nhân lực được đào tạo chuyên nghiệp ,luôn lắng nghe ý kiến khách hàng , làm việc có quy trình đảm bảo vệ sinh, chúng tôi rất mong được hợp tác cùng phát triển với Quý khách hàng. ”

FRESH FOOD TAM AN
Thực phẩm sạch - Cuộc sống xanh

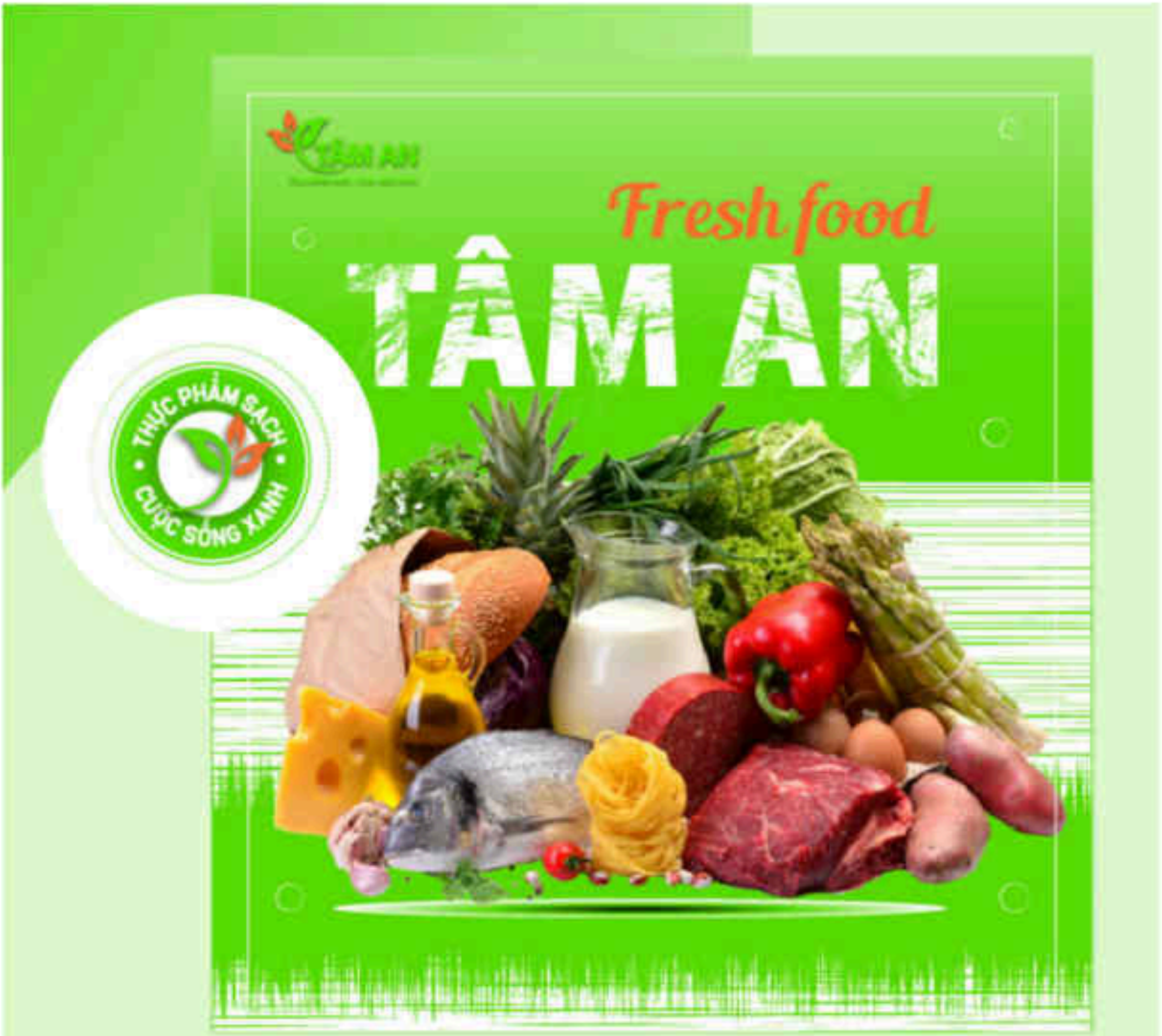

FRESH FOOD
TÂM AN

Mở cửa: Thứ Hai - Chủ Nhật: 8:00 - 17:00.

-ĐC1: Thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
-ĐC2: Thôn Từ Hồ, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

0929001987 - 0977072666

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901084830

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 09 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 20 tháng 06 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0977072666* Fax:

Email: *Trankimanh8779@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN THỊ KIM ANH Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *08/03/1987* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033187005355*

Ngày cấp: *12/11/2018* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Scanned with CamScanner

* Họ và tên: TRẦN THỊ KIM ANH Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *08/03/1987* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033187005355*

Ngày cấp: *12/11/2018* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Doãn Thị Tâm

Scanned with CamScanner

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 06 năm 2024

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH TỪ HỒ - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

thôn Từ Hồ, Xã Yên Phú, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0977072666* Fax:

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TRẦN THỊ KIM ANH Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *08/03/1987* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033187005355*

Ngày cấp: *29/09/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0901084830
Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Doãn Thị Tâm

HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN

Cơ sở/Estabilishment: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH TỪ HỒ - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**
Mã số/Approval number: 00001
Địa chỉ: Thôn Từ Hồ, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0977.072.666 Email: Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:
Has been foud to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Sơ chế, kinh doanh: thực phẩm tươi sống (rau, quả, thịt gia súc, thịt gia cầm).
2. Kinh doanh: hàng đông lạnh bao gói sẵn (thịt gia súc, thịt gia cầm), trứng, thủy sản nước ngọt tươi sống, hàng khô bao gói sẵn./.

(Tổng công suất thiết kế: 05 tấn/tháng)

Số cấp/number: 06/2025/NNPTNT-HY
Có hiệu lực đến ngày: 23 tháng 01 năm 2028
Valid until (date/month/year):
Và thay thế giấy chứng nhận số: cấp ngày tháng năm
And replaces The Certificate N° issued on (day/month/year)

http://hy.check.net.vn

Hưng Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2025
CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Trịnh Kim Uyên

CÔNG TY TNHH TM & DV
THỰC PHẨM TÂM AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH		SỐ CMTND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
1	TRẦN THỊ KIM ANH		Nữ	033187005355	29/09/2022	Cục trưởng cục QL về TTXH
2	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam		033093016487	05/10/2021	Cục trưởng cục QL về TTXH
3	ĐOÀN THU HẰNG		Nữ	033301004264	09/03/2024	Bộ Công An
4	PHẠM VĂN TÙNG	Nam		033083015088	29/3/2024	Cục trưởng cục QL về TTXH
5	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG		Nữ	033300002023	18/09/2025	Bộ Công An
6	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO		Nữ	033303007972	25/03/2021	Cục trưởng cục QL về TTXH
7	LÝ VĂN HOÀNH	Nam		033080005448	19/04/2023	Cục cảnh sát
8	TRẦN VĂN HÙNG	Nam		033098002627	10/8/2021	Cục trưởng cục QL về TTXH

Hưng Yên, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN

GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ KIM ANH

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604111 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA ...
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 03/10/2000
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033300002023
5. Cấp ngày: 18/09/2025 Tại: Bộ Công an
6. Chỗ ở hiện tại: Kim Ngưu, Văn Giang, Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Đăng lái xe

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

Scanned with CamScanner

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....Para - 10 tuần.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....158.....cm - Cân nặng: .....52..... Kg - Chỉ số BMI: ..20,8.....

- Mạch: .....75..... lần/phút - Huyết áp: ....110..../.....70.....mmHg

- Phân loại thể lực: .....P.....

Scanned with CamScanner

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Tăng men gan	
	Phân loại	Chưa phân loại	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	ThS.Bs. Khúc Thị Hương
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Da liễu:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:**	Thai ~ 10 tuần	
	Phân loại:	Chưa phân loại	BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Không		
	Phân loại: I		BS. Đặng Thị Vũ Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...../5..... m; Nói thầm ...../0,5..... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): .....Không.....		
Phân loại: .....I.....		BSCKI. Đỗ Quang Thành
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: .....Bình thường..... Hàm dưới: .....Phục hình R46.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): .....Không.....		
Phân loại: .....I.....		BS. Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: .4,48.. *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: 11,97.. *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: .257.. *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,7... *(mmol/l)* Urê: .3,7. *(mmol/l)* Creatinin: .68,2. *(µmol/l)* AST(GOT): 39,5. *(U/L)* ALT (GPT): 41,0. *(U/L)*	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: ..... ÂM TÍNH (-) ..... c. Khác (nếu có):	CNXN. Lê Thị Liễu
4. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...../.....	

IV. KẾT LUẬN

Phân loại sức khỏe: .....loại II (Hai).....

Các bệnh, tật (nếu có): .....Tăng men gan.....

.....Phục hình R46.....

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604109 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

X - Ray

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 20/07/2003
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033303007972
5. Cấp ngày: 25/03/2021 Tại: Cục Cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Ngân Hạnh, Hoàn Long, Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Đi công tác

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....Không.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....156.....cm - Cân nặng: .....49..... Kg - Chỉ số BMI: ..20,1.....

- Mạch: .....78..... lần/phút - Huyết áp: ...110...../...70.....mmHg

- Phân loại thể lực: .....I.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	ThS.Bs. Khúc Thị Hương
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Da liễu:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:**	Bình thường	
	Phân loại:	I	BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 2/10 Mắt trái 2/10 Có kính: Mắt phải 1.0/10 Mắt trái 1.0/10		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Hai mắt tật khúc cầu		
	Phân loại: II		BS. Đặng Thị Vũ Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...0,5... m Tai phải: Nói thường ...../..... m; Nói thầm ...../..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ...không...		
Phân loại: ...2...		BSCKI. Đỗ Quang Thành

6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: ...Bình thường... Hàm dưới: ...Bình thường...	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ...không...		
Phân loại: ...2...		BS. Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...4,1... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ...8,32... *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: ...155... *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: ...5,2... *(mmol/l)* Urê: ...4,1... *(mmol/l)* Creatinin: ...534... *(µmol/l)* AST(GOT): ...19,5... *(U/L)* ALT (GPT): ...14,9... *(U/L)*	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: ...ÂM TÍNH (-)... c. Khác (nếu có):	CNXN. Lê Thị Liễu
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...Bình thường...	BSCKI. Cao Tơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ...loại II (Hai)...

2. Các bệnh, tật (nếu có): ...Hai mắt tật khúc xạ...

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH VIETCARE KHÁM SỨC KHỎE PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604110 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **ĐOÀN THU HẰNG**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 17/03/2001

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033301004264

5. Cấp ngày: 24/03/2026 Tại: Bộ Công an

6. Chỗ ở hiện tại: Hoàn Long, Hưng yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bổ sung hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....Thai ~ 11 tuần.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐOÀN THU HẰNG

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....159.....cm - Cân nặng: .....58..... Kg - Chỉ số BMI: .....22,9.....

- Mạch: .....72..... lần/phút - Huyết áp: ..120..../.....80.....mmHg

- Phân loại thể lực: .....I.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	ThS.Bs. Khúc Thị Hương
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Da liễu:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:**	Thai ≈ 11 tuần	
	Phân loại:	Chưa phân loại	BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 2/10 Mắt trái 2/10. Có kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 9/10		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Hai mắt lác khúc xạ		
	Phân loại: II		BS. Đặng Thị Vũ Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...0,5... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ...Không...		
Phân loại: ...I...		BSCKI. Đỗ Quang Thành

6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: ...Mất nhiều răng... Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ...Không...		
Phân loại: ...II...		BS. Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...4,19... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ...9,56 *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: 215,0 *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,5 ... *(mmol/l)* Urê: ...3,0 *(mmol/l)* Creatinin: ...61,8 *(µmol/l)* AST(GOT): 16,5 *(U/L)* ALT (GPT): ..... *(U/L)*	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: ...ÂM TÍNH (-)... c. Khác (nếu có):	CNXN. Lê Thị Liễu
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...../.....	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ...loại II (Hai)...

2. Các bệnh, tật (nếu có): ...Thai ≈ 11 tuần...

...Hai mắt tật khúc xạ...

Hưng Yên, ngày 01 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI X. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604108 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

X - Ray

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **PHẠM VĂN TÙNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/09/1983
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033083015088
5. Cấp ngày: 29/03/2024 Tại: Bộ Công an
6. Chỗ ở hiện tại: Từ Tây, Việt Yên, Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: .....Bổ sung hồ sơ.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): /

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Văn Tùng

PHẠM VĂN TÙNG

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 166 cm - Cân nặng: 68 Kg - Chỉ số BMI: 24,6

- Mạch: 72 lần/phút - Huyết áp: 120 / 70 mmHg

- Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	ThS.Bs. Khúc Thị Thương
e)	*Cơ - xương - khớp*	Tiền sử phẫu thuật KHX cẳng chân trái	
	Phân loại	II	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa:	Tiền sử phẫu thuật KHX cẳng chân (T)	
	Phân loại:	II	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Da liễu:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:**		
	Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 9/10		
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái.....		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Không		
	Phân loại: I		BS. Đặng Thị Vũ Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...0,5... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ...không...		BSCKI. Đỗ Quang Thành
Phân loại: ...I...		

6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: ...Bình Thường... Hàm dưới: ...Bình Thường...	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ...không...		
Phân loại: ...I...		BS. Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...4,95... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ...6,59... *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: ...163... *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: ...5,1... *(mmol/l)* Urê: ...7,2... *(mmol/l)* Creatinin: ...74,4 *(µmol/l)* AST(GOT): ...30,6... *(U/L)* ALT (GPT): ...37,2... *(U/L)*	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: ...ÂM TÍNH (-)... c. Khác (nếu có):	CNXN. Lê Thị Liễu
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...Bình Thường...	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ...loại II (Hai)...

2. Các bệnh, tật (nếu có): ...Tiền sử phẫu thuật KHX cẳng chân trái...

.....

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604107 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

X - Ray

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/12/1993
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033093016487
5. Cấp ngày: ..... Tại: .....
6. Chỗ ở hiện tại: Đại Hạnh, Hoàn Long, Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: .....Bổ sung hồ sơ.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hoàng

NGUYỄN VĂN HOÀNG

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....165.....cm - Cân nặng: .....60..... Kg - Chỉ số BMI: .....22,0.....

- Mạch: .....70..... lần/phút - Huyết áp: ....120..../....80.....mmHg

- Phân loại thể lực: .....I.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	ThS.Bs. Khúc Thị Hương
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Da liễu:	Bình thường	
	Phân loại:	I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:**		
	Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái.....		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Không		
	Phân loại: I		BS. Đặng Thị Vũ Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...6,5... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ...Không...		
Phân loại: ...I...		BSCKI. Đỗ Quang Thành
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: ...Phục hình răng... Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ...Không...		
Phân loại: ...II...		BS. Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...4,81... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ...6,65... *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: ...168... *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: ...4,3... *(mmol/l)* Urê: ...4,5... *(mmol/l)* Creatinin: ...81,1... *(µmol/l)* AST(GOT): ...23,7... *(U/L)* ALT (GPT): ...26,1... *(U/L)*	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ...ÂM TÍNH (-)... b. Protein: ...ÂM TÍNH (-)... c. Khác (nếu có):	CNXN. Lê Thị Liễu
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...Bình Thường...	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ...Loại II (Hai)...

2. Các bệnh, tật (nếu có): ...Phục hình răng...

.....

Hưng Yên, Ngày 01 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: ..... /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: TRẦN THỊ KIM ANH
2. Giới tính: NỮ
3. Sinh ngày: 08/03/1987
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033187005355
5. Cấp ngày: 14/01/2025 Tại: Bộ Công An
6. Chỗ ở hiện tại: Hoàn Long - Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bổ sung hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): K không

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 13 tháng 6 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 155 cm - Cân nặng: 52 Kg - Chỉ số BMI: 21,6
- Mạch: 70 lần/phút - Huyết áp: 110 / 70 mmHg
- Phân loại thể lực: 2

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	Ths.Bs. Khúc Thị Hồng
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa	Bình thường	
	Phân loại:	I	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Da liễu	Bình thường	
	Phân loại:	I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:** Tiền sử mổ GEU		
	Phân loại: Chưa phát hiện bệnh		BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 6/10 Mắt trái 6/10		
	Có kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		
	Các bệnh về mắt (nếu có) Hoại tử tế bào biểu mô		
	Phân loại: II		BS. Dương Thị Tú Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 35 m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m		BSCKI. Đỗ Quang Thành
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Không		
Phân loại: I		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: Phục hình sắng Hàm dưới:		BS. Dương Thị Thắm
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Không		
Phân loại: II		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: 4,18 (T/L) Số lượng Bạch cầu: 6,1 (G/L) Số lượng Tiểu cầu: 228 (G/L) b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,36 (mmol/l) Urê: 4,4 (mmol/l) Creatinin: 70,0 (µmol/l) AST(GOT): 25,8 (U/L) ALT (GPT): 23,9 (U/L)	KTNXN. Lê Thị Liên
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ÂM TÍNH (-) b. Protein: c. Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Bình Thường	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II (Hai)

2. Các bệnh, tật (nếu có): - Tiền sử mổ GEU. Hai mắt tật khúc xạ
- Phục hình răng

Hương Tân, Ngày 13 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Ths.Bs. Khúc Thị Hương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 19 tháng 3 năm 2023

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Số : 759 /HĐ-T.H

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007;
- Căn cứ Nghị định: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở;
- Căn cứ Thông tư số: 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ vào khả năng cung cấp nước của Nhà máy nước sạch Thịnh Phát (mà Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Thịnh Phát là đơn vị đầu tư) và nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

Đại diện nhà máy nước sạch THỊNH PHÁT- bên bán (*gọi tắt là bên A):*
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
Người đại diện: **ÔNG LƯƠNG TIẾN HÙNG** Chức vụ: P.Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Thôn Từ Hồ Xã Yên Phú Huyện Yên Mỹ Tỉnh Hưng Yên
Tài khoản: 1004229996
Tại ngân hàng TMCP Sài gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hưng Yên
Tài khoản: 46610000333668 Tại ngân hàng: BIDV – chi nhánh Bắc Hưng Yên
Điện thoại liên hệ: *0973.918.333*
Mã số thuế: 0900839341

Đại diện bên mua (*gọi tắt là bên B):*
Chủ hộ ...Vương Đắc Tú và Trần thị Kim Anh...
Người đại diện Ông (bà)..... Chức vụ :.....
Số CMND/thẻ căn cước.....cấp ngày...../...../.....tại.....
Địa chỉ: ...Từ hồ, Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên...
Điện thoại:...0987213641

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sạch này với những nội dung sau:

Điều 1 . Đối tượng của hợp đồng:

Bên A đồng ý bán nước sạch cho bên B. Bên B đồng ý mua nước sạch của bên A; Bên B sử dụng nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp đồng này, cụ thể như sau:

1.1. Mục đích sử dụng nước: ...Sinh hoạt...

1.2. Điểm đấu nối vào hệ thống cấp nước của Bên A: Ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân ngoài tường rào công trình của Bên B trong điều kiện cho phép.

1.3. Hàng tháng bên A ghi chỉ số đồng hồ nước vào cuối tháng. Nếu các ngày trên trùng vào các ngày lễ, tết bên A sẽ ghi trước hoặc sau ngày nghỉ lễ tết 2-3 ngày.

1.4. Chỉ số đồng hồ của bên B được bên A ghi là cơ sở phát hành hóa đơn tiền nước tháng đó.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ :

2.1. Chất lượng nước sạch: Bên A cung cấp nguồn nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành.

2.2. Vị trí cấp nước: Tại vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước của bên B;

2.3. Khối lượng: Khối lượng nước sạch bên A bán cho bên B theo nhu cầu sử dụng của bên B và phù hợp với điều kiện cấp nước của bên A, được xác định qua đồng hồ đo đếm nước, đơn vị tính mét khối.

Điều 3. Giá bán nước sạch:

- Giá bán nước sạch áp dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định.

- Khi có sự thay đổi về giá bán nước sạch bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng cho khách hàng biết để phối hợp cùng thực hiện.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

4.1. Bên B thanh toán tiền nước sinh hoạt cho bên A theo định kỳ 1 tháng 1 lần .

4.2. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.3. Thời hạn thanh toán: Không quá 05 ngày kể từ ngày thông báo. Trường hợp bên B chưa thanh toán (hoặc vắng nhà) thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày thu tiền nước bên B phải mang tiền đến nhà máy cấp nước để nộp. Quá thời hạn trên, bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp nước. Sau 05 tuần kể từ ngày thông báo, bên A sẽ tạm ngừng cấp nước, sau khi bên B thanh toán tiền nước thì mới được xem xét đấu nối trở lại, mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán toàn bộ cho Bên A.

4.4. Bên A chỉ giao hóa đơn cho bên B khi đã nhận đủ số tiền ghi trong hóa đơn. Bên B phải có trách nhiệm giữ hóa đơn tối thiểu trong vòng 12 tháng để có thể kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

5.1. Quyền của bên A:

5.1.1. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hệ thống cấp nước, nhu cầu sử dụng nước và việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng của bên B.

5.1.2. Yêu cầu bên B thanh toán tiền nước và các chi phí liên quan khác đúng thời hạn quy định.

5.1.3. Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để thực hiện ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước và kiểm tra theo khoản 5.1.1 của điều này.

5.2. Nghĩa vụ của bên A

5.2.1. Cung cấp nước sạch ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng nước sạch theo tiêu chuẩn quy định và thực hiện các biện pháp để duy trì và cải thiện điều kiện cấp nước.

5.2.2. Đảm bảo đồng hồ đo nước được lắp đặt cho bên B đã được kiểm định và thực hiện việc bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ.

5.2.3. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến mua bán, sử dụng nước sạch, chất lượng nước sạch, đồng hồ đo nước đã được thoả thuận tại hợp đồng này và các quy định hiện hành.

5.2.4. Đọc và ghi chính xác chỉ số đồng hồ định kỳ hàng tháng cho bên B, thông báo số lượng tiêu thụ cho bên B nếu có yêu cầu.

5.2.5. Phát hành hoá đơn và thu tiền nước hàng tháng cho bên B .

5.2.6. Thông báo (trước 02 ngày) trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi ngừng cấp nước để bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo kế hoạch (*trừ trường hợp có sự cố đột xuất*).

5.2.7. Thông báo cho Bên B quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng, thay đổi giá nước.

5.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

6.1 Quyền của bên B:

6.1.1. Yêu cầu bên A cung cấp nước sạch đảm bảo về số lượng, chất lượng theo nội dung đã thoả thuận tại Điều 2 của hợp đồng này. Kiểm tra chất lượng nước sạch, tính chính xác của đồng hồ đo đếm nước sạch; số tiền nước phải thanh toán.

6.1.2. Yêu cầu bên A khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho bên B trong thời gian sớm nhất.

6.1.3. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin về giá cả hoặc giới thiệu các văn bản pháp lý có liên quan đến quản lý dịch vụ cấp nước và sử dụng nước sạch.

6.1.4. Yêu cầu bên A kiểm tra tính chính xác của đồng hồ đo đếm, số tiền thanh toán hàng tháng.

6.2 Nghĩa vụ của bên B:

6.2.1. Thanh toán tiền nước đúng thời hạn theo hoá đơn hàng tháng do bên A phát hành.

6.2.2. Sử dụng nước đúng mục đích đã đăng ký, khi có thay đổi về mục đích sử dụng nước thì phải thông báo cho bên A để áp giá theo quy định.

6.2.3. Phối hợp tạo điều kiện cho bên A thực hiện việc ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước, kiểm tra việc sử dụng nước, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống cấp nước.

6.2.4. Tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng nước sạch, bảo vệ đồng hồ đo nước, hệ thống ống dẫn nước từ họng cấp nước về đến nơi sử dụng. Trường hợp đồng hồ đo nước bị mất hoặc hư hỏng như: đứt kẹp trì, vỡ, chảy mặt kính, vỡ đường ống từ khởi thủy đến cụm hồ đồng hồ phải báo cho bên A để sửa chữa kịp thời.

6.2.5. Chỉ được lấy nước sạch qua đồng hồ được bên A lắp đặt, không được gian lận bằng bất cứ hình thức nào.

6.2.6. Thông báo kịp thời cho bên A khi có những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

6.2.7. Khi không có nhu cầu sử dụng nước sạch, chuyển chỗ ở mới hoặc chuyển giao hợp đồng từ chủ thể này cho chủ thể khác thì bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 10 ngày để làm các thủ tục theo quy định.

6.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tạm ngừng cấp nước, chấm dứt hợp đồng:

7.1. Tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Do nguyên nhân khách quan như: Mất điện, sự cố hệ thống...

- Bên B có yêu cầu vì các lý do hợp pháp như: Tạm vắng, tạm ngừng sử dụng nước trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước.

- Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoá đơn tiền nước sau 05 tuần kể từ ngày bên A thông báo việc ngừng cấp nước hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng dịch vụ cấp nước.

7.2 Chấm dứt hợp đồng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Bên B không có nhu cầu sử dụng hoặc bên A không đủ điều kiện cấp nước.

- Hệ thống cấp nước của bên B hoặc bên A bị giải toả, di rời theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Một trong hai bên không thực hiện các điều khoản của hợp đồng, vi phạm quy định quản lý và sử dụng nước, nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định đã hiện hành khác.

- Hai bên thoả thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

Điều 8. Xử lý vi phạm hợp đồng

Trong trường hợp các bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng dịch vụ cung cấp nước thì tùy thuộc vào lỗi của bên vi phạm mà xác định mức độ bồi thường, xử phạt. Mức bồi thường, xử phạt căn cứ theo hợp đồng; Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP, ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính Phủ *(về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở)*, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Điều khoản chung:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, các quy định hiện hành của pháp luật về mua bán sử dụng nước sạch.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu không được giải quyết sẽ được đưa ra toà án kinh tế giải quyết.

- Trong thời gian chờ giải quyết bên A và bên B vẫn phải thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Số điện thoại đường dây nóng để khách hàng liên hệ: 0973.918.333 hoặc 0904.127.840

ĐẠI DIỆN BÊN MUA (BÊN B)	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (BÊN A)
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
Tú	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
Vũng đắc Tú	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
	Lương Tiến Hùng

PHỤ LỤC

VỀ VIỆC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN NƯỚC SẠCH

1. Đối với những trường hợp vi phạm hợp đồng của Bên A

- Trường hợp Bên A cung cấp nước không đảm bảo chất lượng theo quy định ảnh hưởng đến sinh hoạt của người sử dụng thì phải bồi thường cho bên B toàn bộ số tiền bên B bỏ ra ứng với khối lượng nước không đảm bảo chất lượng.

- Khi bên A làm hư hỏng hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của bên B thì bên A chịu trách nhiệm bồi thường bằng giá trị thực tế phần hư hỏng.

- Bên A ghi sai chỉ số đồng hồ đo nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn thực tế sử dụng của bên B thì bên A hoàn trả số tiền thừa cho bên B.

2. Đối với trường hợp vi phạm hợp đồng của bên B

2.1: Đục đường ống, lấy nước không qua đồng hồ, khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức (tất cả các trường hợp trên bên A sẽ đơn phương ngừng cấp nước. Sau 03 tháng mới xem xét để cấp nước trở lại).

- Đục ống lấy nước không qua đồng hồ, bên B phải nộp tiền nước truy thu. Mức truy thu được tính như sau: Thời gian tính truy thu ít nhất là 01 năm (365 ngày) với lượng nước tính truy thu mỗi ngày ít nhất là 2m3, giá nước tính truy thu là giá dịch vụ. Đối với trường hợp thời gian lắp đặt <1 năm tính đến thời điểm phát hiện vi phạm thì mức truy thu được tính từ ngày lắp đặt bàn giao cụm đồng hồ.

- Khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức, bên B phải nộp tiền nước truy thu được tính như sau: Thời gian tính từ ngày lắp, bàn giao đồng hồ đo nước với mức tối thiểu là 03 giờ/ 01 ngày, lưu lượng nước tính bằng mức nhỏ nhất là 0,2 lít/giây, giá nước để tính truy thu là giá nước dịch vụ tại thời điểm xử lý vi phạm hợp đồng. Phải thay thế đồng hồ mới và kinh phí bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

2.2: Tự ý di chuyển đồng hồ, để đồng hồ bị mất, hư hỏng, làm đứt niêm phong chì, bên B phải:

- Thanh toán toàn bộ chi phí cho việc tháo, kiểm định và lắp lại đồng hồ (trong trường hợp kiểm định đồng hồ không còn đảm bảo chất lượng hoặc làm mất đồng hồ thì bên B phải thanh toán chi phí thay đồng hồ mới).

- Tiền nước của tháng vi phạm được tính như sau: Lấy sản lượng nước của tháng cao nhất trong năm và thanh toán theo giá nước dịch vụ.

2.3: Thanh toán tiền nước không đúng thời hạn:

- Quá hạn 03 ngày thì bên B phải ký cam kết về việc không tiếp tục vi phạm

- Quá hạn 05 ngày thì bên A tạm ngừng cấp nước, sau khi thanh toán số tiền nợ thì mới được xem xét đấu nối trở lại. Mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán.

2.4: Sử dụng nước không đúng mục đích như đã đăng ký, bán lại nước sạch không được sự đồng ý của bên A:

- Bên B phải thanh toán tiền nước theo giá dịch vụ.

2.5. Bên A đơn phương tạm ngừng cấp nước và thu hồi cụm đồng hồ của hộ gia đình khi:

- Bên B đã lắp đồng hồ nước nhưng không sử dụng trong 3 tháng liên tiếp.

- Bên B không lắp đặt đồng hồ mới thay thế đồng hồ cũ đã hỏng.

Mọi chi phí liên quan tới việc đấu nối lại khi bên B có nhu cầu sử dụng nước thì bên B phải thanh toán toàn bộ.

CÔNG TY CP ĐT KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
NHÀ MÁY NƯỚC THỊNH PHÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU LẮP ĐẶT VÀ BÀN GIAO CỤM ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC – THÔN ..T..H.....

Căn cứ hợp đồng số: ...../HĐ-..... ngày ...../...../2023 giữa Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Thịnh phát và Chủ hộ ...Vũ Đắc Tú.....

Hôm nay, ngày..19..tháng...3...năm 2023 chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Đại diện Nhà máy nước sạch Thịnh Phát – CÔNG TY CP ĐT Khoáng sản Thịnh phát .

- Ông: Lương Tiến Hùng Chức vụ: P. Tổng Giám đốc
- Ông : Nguyễn Văn Huấn Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật

III. Đại diện Hộ dân (Chủ hộ)

- Ông/Bà: ....Vũ....Đắc....Tú.....(Kim Anh).....

Cùng nhau tiến hành nghiệm thu lắp đặt và bàn giao cụm đồng hồ đo nước như sau:

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đồng hồ nước UHM-MAM-P:15-3M/H Loại tích hợp van 1 chiều	Chiếc	01	
2	Đai khởi thủy	Chiếc	01	
3	Rắc co HDPE D15	Cái	02	
4	Hộp đồng hồ nhựa Composit	Cái	01	
5	Van bi tay bướm MIHA D15 vỏ đồng	Chiếc	01	
6	Khâu nối ren ngoài HDPE D25x3/4	Chiếc		
7	Ống HDPE D25 PN12,5	M		
8	Ống PVC phi 21 Clas 2	M		
9	Cút PCV phi 21	Cái		
10	Nối ren trong PVC phi 21	Cái		
11	Góc nối ren HDPE			
12	Hoàn thiện mặt bằng như hiện trạng			
13				

Vị trí lắp đặt: Tại trước cổng vào nhà hộ dân hay ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân ngoài tường rào công trình của chủ hộ hoặc cơ quan trong điều kiện cho phép.

Số seri đồng hồ:..04545.3..Số đồng hồ nước tại thời điểm lắp đặt: 1,0m³(Một mét khối);

Thời gian lắp đặt ngày 19 tháng...3 năm 2023

Chi phí lắp đặt cụm đồng hồ do hai bên tự thoả thuận.

Ghi chú: Sau khi nghiệm thu lắp đặt và bàn giao, Hộ gia đình có trách nhiệm bảo vệ cụm đồng hồ của gia đình mình, nếu để xảy ra mất mát hoặc hư hỏng do yếu tố bị phá hoại thì Hộ gia đình phải chịu toàn bộ chi phí lắp đặt cụm đồng hồ mới.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	CÁN BỘ KĨ THUẬT	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, tên đóng dấu)*
Tú	Nguyễn Văn Huấn	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Đắc Tú		Lương Tiến Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hưng Yên, ngày 19 tháng 3 năm 2023

ĐƠN XIN CẤP NƯỚC SẠCH

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Thịnh Phát

Tên tôi là: Vương Đắc Tú Nam/nữ: ..... Dân tộc: Kinh

Họ tên vợ/chồng: Trần thị Kim Anh

Số điện thoại liên hệ: 0987.213.611

Địa chỉ: Tổ 6, yên phú, yên mỹ, hưng yên

Hiện nay gia đình tôi chưa có nước sạch để phục vụ sinh hoạt. Tôi đề nghị Công Ty CPĐT khoáng sản Thịnh Phát lắp đặt hệ thống ống nhánh và đồng hồ nước cho gia đình tôi theo địa chỉ nêu trên

Nếu được chấp thuận cho lắp đặt, chúng tôi xin chấp hành đúng các quy định của công ty cấp nước và các điều khoản ghi trong hợp đồng, đồng thời bảo quản tốt hệ thống đồng hồ nước và bảo quản đường ống cho Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tú

Vương Đắc Tú

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: http://labo.huph.edu.vn

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-227 (26.1464)

1. Tên mẫu/ *Name of sample* : **Mẫu đầu nguồn tại Nhà máy nước sạch Thịnh Phát**
2. Loại mẫu/ *Sample type* : **Nước sạch**
3. Tên khách hàng/ *Name of customer* : **Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Thịnh Phát**
4. Địa chỉ khách hàng/ *Address of customer* : **Thôn Từ Hồ, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
5. Mô tả mẫu/ *Description* : **Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường**
6. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **08/05/2026**
7. Người lấy/gửi mẫu/ *Sample taking* : **Lương Đức Phong**
8. Thời gian thử nghiệm/ *Testing time* : **08/05/2026 – 18/05/2026**
9. Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

TT *No*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-227	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	*Coliform tổng số*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	*E. coli*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00304	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,45	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,19	2
9	Permanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,33	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:
Mẫu do khách hàng gửi đến:
QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;
(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp;Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 3600224423-108

Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 12 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 01 tháng 08 năm 2025

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM - CHI NHÁNH NM 3 TẠI HÀ NỘI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: C.P. VIETNAM CORPORATION - HANOI FACTORY 3

Tên chi nhánh viết tắt: CPV - NM 3 TẠI HÀ NỘI

2. Địa chỉ:

Lô CN-5,Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: SốFax:

Thư điện tử: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: KIỀU ĐÌNH THÉP Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *02/01/1974* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 025074000184

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 2209, tòa M1, chung cư 6th Element, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 3600224423

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Biên Hòa II, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Trần Anh Đức

ĐKN00192

CENTER FOR TESTING AND CERTIFICATION - TQC CGLOBAL

GIẤY CHỨNG NHẬN

TQC
BỀN VỮNG CÙNG PHÁT TRIỂN

Chứng nhận sản phẩm LỢN THỊT

Của: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM 3 TẠI HÀ NỘI**

Địa chỉ: Lô CN-5, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng trang trại/chủ hộ chăn nuôi gia công: 196 trại nuôi

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định 3551/2024/QĐ-TQC ngày 31/05/2024)

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của Quy trình thực hành chăn nuôi tốt do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành:

VIETGAP

(Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015)

Phương thức chứng nhận: Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Mã số chứng nhận VIETGAP	:	VIETGAP-CN-19-19-01-003	Ngày bắt đầu chu kỳ	:	31/05/2024
Loại hình cấp	:	Chứng nhận lần đầu	Phiên bản	:	01
Ngày hiệu lực	:	31/05/2024	Ngày kết thúc	:	30/05/2026
Chi tiết tại Quyết định số	:	3551/2024/QĐ-TQC			

Từ ngày 31/05/2025, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 02 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 01 lần).

Quét mã truy xuất chứng chỉ

TQC.26.3551

Dấu chứng nhận

VIETGAP CHUẨN
TIÊU CHUẨN VIETGAP CHĂN NUÔI VÀ AN TOÀN
TQC VIETGAP-CN-19-19-01-003 TQC.3551

GIÁM ĐỐC

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Lê Mạnh Cường

V6000777

ISOCERT
Hài Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199302834109-FSMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM 3 TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Lô CN-5, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

GIẾT MỔ VÀ PHA LÓC THỊT HEO.

(Mã ngành: C0, CI)

Ngày chứng nhận	: 05.09.2024
Ngày phát hành	: 05.09.2024
Ngày hết hạn	: 04.09.2027
Chi tiết tại quyết định số	: 050924.13/QĐ-ISOCERT

Mã Truy Xuất Chứng Chỉ: 9199302834109

VICAS 067-FSMS

ISOCERT ISO 22000:2018

GIÁM ĐỐC

ThS. Vũ Hoàng Tuấn

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://isocert.net/tra-cuu-giay-chung-nhan

ISO00 293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: http://isocert.org.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM
CHI NHÁNH NM 3 TẠI HÀ NỘI
Số: 259/MBH-0108/CPVN/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ vào nhu cầu năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 08 năm 2026, chúng tôi gồm có:

Bên mua hàng: (Sau đây gọi là Bên A)

Bên A: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An

Địa chỉ: thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

MST: 0901084830

Đại diện: **Trần Thị Kim Anh** Chức vụ: Giám Đốc

Điện Thoại: 0977072666 Email: congtytaman2023@gmail.com

Bên bán hàng : (Sau đây gọi là Bên B).

Bên B :CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM-CHI NHÁNH NM 3 TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Lô CN-5 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 3600224423-108

Đại diện : Ông : KIỀU ĐÌNH THÉP Chức vụ : Giám Đốc Kinh Doanh

Sau khi thỏa thuận, hai bên đi đến thống nhất ký hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, GIÁ CẢ, SỐ LƯỢNG

1.1: Chủng loại hàng hóa:

Bên B đồng ý cung cấp, Bên A đồng ý mua các sản phẩm do Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam chăn nuôi, sản xuất, hoặc sơ chế và chế biến mang nhãn hiệu C.P.Group(hình bông sen) và các nhãn hiệu liên quan của tập đoàn C.P., thể hiện trên các sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm (nếu có) hoặc thể hiện trên tên công ty, tên thương mại, tên giao dịch, các phương tiện truyền thông, website, quảng cáo,…; các phương tiện kinh doanh như biển hiệu tại trụ sở ,trang trại, nhà máy, kho, văn phòng và các cơ sở kinh doanh khác, in ấn trên phương tiện vận chuyển, giấy tờ giao dịch, trên con dấu và các phương tiện kinh doanh ,thông tin liên lạc khác .. Riêng sản phẩm nội tạng có bán kèm theo hoặc không kèm theo với thịt heo mang nhãn hiệu CP dựa trên cơ sở 2 bên có sự thỏa thuận, gắn bó có trách nhiệm trong quá trình hợp tác.

Chủng loại cụ thể được thể hiện trên hóa đơn bán hàng của Bên B trong từng đợt giao hàng căn cứ vào đơn đặt hàng của Bên A hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên.

Cuối - gia hạn HĐ
Hạn 31/12/2026

1.2: Quy cách phẩm chất hàng hóa:

Hàng bên B giao cho bên A phải theo đúng chủng loại, quy cách, mẫu mã và chất lượng đã thoả thuận giữa hai bên.

Hàng hóa giao cho Bên A phải đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm, phù hợp với các tiêu chuẩn về chất lượng trong vận chuyển và bảo quản theo quy định của cơ quan nhà nước.

1.3: *Giá cả hàng hóa:*

- Giá bán hàng hóa Bên B giao cho Bên A là giá theo thông báo giá của Bên B, có hiệu lực tại thời điểm Bên B xác nhận Đơn Đặt Hàng của Bên A và được bên B đồng ý chấp nhận đơn hàng đặt, giá có thể thay đổi theo tình hình thị trường và được bên B báo cho bên A 01 (một) ngày trước khi áp dụng.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN HÀNG

2.1: Phương thức đặt hàng: Bên A đặt hàng cho bên B bằng xác nhận tin nhắn điện thoại hoặc email.

2.2: Thời gian đặt hàng và giao nhận hàng: Thời gian đặt hàng từ 8h00-14h00 hàng ngày và trước khi giao nhận hàng 01 (một) ngày

Giao hàng sau 24 giờ kể từ khi nhận được đơn hàng hoặc do hai bên thỏa thuận.

-Trọng lượng giao nhận hàng được tính theo trọng lượng trên phiếu giao hàng của bên B.

2.3: Địa điểm giao hàng: Bên B giao hàng cho bên A tại nhà máy sản xuất hoặc kho của bên B hoặc tại cửa hàng, kho của bên A và các địa điểm khác do hai bên thỏa thuận, đảm bảo có chỗ đậu xe, bốc dỡ hàng hóa, đạt yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch thú y.

Trường hợp vị trí cửa hàng, kho của bên A nằm trong khu vực đường cấm (hoặc phát sinh cấm tải, cấm đường, hoặc xe tải, xe lạnh không thể lưu thông vì lý do nâng cấp sửa chữa cầu đường… trong khoảng thời gian xác định) thì bên A phải thực hiện các thủ tục cần thiết để xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phương tiện vận chuyển của bên B được vào tận cửa hàng, kho của bên A để giao hàng hoặc bên A chủ động đưa các phương tiện vận chuyển của Bên A đến để vận chuyển hàng hóa từ nơi xe giao hàng của bên B đậu về cửa hàng, kho của mình. Mọi chi phí phát sinh trong trường hợp này sẽ do bên A chịu, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí đậu đỗ xe của bên B trong thời gian bên B chờ bên A bốc dỡ hàng hóa, chi phí lưu giữ hàng hóa tính từ thời điểm bên B không thể tiếp tục giao hàng hóa đến khi hàng hóa được bàn giao cho bên A, các chi phí khác mà bên B phải chịu do không thể giao hàng hóa cho bên A như bình thường.

2.4: Phương thức giao nhận hàng hóa: Khi nhận hàng Bên A sẽ kiểm tra hàng hóa thực tế về chủng loại, số lượng, trọng lượng và đối chiếu với chứng từ giao hàng. Bên B chỉ giải quyết

các trường hợp hàng hóa thiếu hụt, sai quy cách, chủng loại, chất lượng,... tại thời điểm giao nhận hàng. Bên B không chịu trách nhiệm về mọi phát sinh sau đó.

Bên B cung cấp cho Bên A các chứng từ liên quan đến nguồn gốc, an toàn thú y và các kiểm dịch liên quan.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản

Thông tin chuyển khoản:

Bên A có thể chuyển tiền cho bên B bằng các thông tin, tài khoản và ngân hàng dưới đây:

Người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM

1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Nai

(VIETTINBANK- CN ĐỒNG NAI)

Số Tài khoản: 116000164547

2. Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát triển Việt Nam – CN Đồng Nai

(BIDV – CN ĐỒNG NAI)

Số Tài khoản: 6700787583

3. Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đồng Nai

Số Tài khoản: 208385749

4. Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Sài Gòn

Số Tài khoản: 1101101678002

5. Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh – CN SGD Đồng Nai

   Số Tài khoản: 135704070031409

6. Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam – CN Biên Hòa

   Số Tài khoản: 5990201015708

7. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

   (SACOM BANK - PGD BIÊN HÒA – CN Đồng Nai)

   Số Tài khoản: 050064616177

8. Ngân hàng VIETCOMBANK – CN Đồng Nai

   Số Tài khoản: 0121000090194

9. Ngân Hàng VP Bank – Hội Sở

   Số Tài khoản: 5582488888

10. Techcombank – CN TP HCM

Số Tài khoản: 19038008397013

Để thuận tiện cho việc kiểm tra và xác nhận số tiền của quý khách. Khi nộp tiền quý khách vui lòng ghi nội dung:Tên khách hàng- code khách hàng– BP0108 VN09 heo mảnh 510212900

(ví dụ: nguyễn văn A-2000xxxxxx-BP0108 VN09 heo mảnh 510212900)

3.2: Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Bên B trước khi nhận hàng 01 (một) ngày.Nếu ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ tuần hoặc nghỉ lễ thì việc thanh toán sẽ tiến hành vào ngày trước đó. Tất cả các công việc thanh toán tiền cụ thể được dựa trên hóa đơn chính thức do Bộ Tài Chính hoặc Tổng cục thuế công nhận.

ĐIỀU 4: CHIẾT KHẤU & QUÀ TẶNG.

4.1: Nếu sản lượng và phương thức kinh doanh của bên A đạt theo yêu cầu của bên B, theo các điều kiện ràng buộc của bên B quy định tại mỗi thời điểm (nếu có) thì sẽ được xét để hưởng mức chiết khấu theo quy định của bên B theo từng đợt , theo tháng, theo quý hoặc theo năm.

4.2: Bên A sẽ được hưởng chiết khấu, khuyến mại, quà tặng (nếu có) theo quy định của bên B.

4.3: Chiết khấu được tính trên tổng doanh số mua trước thuế. Số tiền này sẽ được trừ trực tiếp trên hoá đơn mua hàng của Bên A.

4.4: Thuế & nghĩa vụ thuế:

-Bên A tự chịu trách nhiệm pháp lý kê khai và nộp (và không yêu cầu Bên B bồi hoàn) đối với các loại thuế (bao gồm nhưng không giới hạn: thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp…) mà cơ quan thuế Việt Nam có thể ấn định đối với Bên A liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này;

-Bên B, theo quy định pháp luật về thuế của Việt Nam, sẽ thực hiện kê khai, khấu trừ và nộp cho cơ quan thuế bất kỳ khoản thuế nào theo quy định của pháp luật trước khi chi trả các khoản thu nhập phát sinh từ hợp đồng này cho Bên A

ĐIỀU 5: QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A.

5.1: Bên A cung cấp đầy đủ hồ sơ và đăng ký mẫu chữ ký của người đặt hàng và nhận hàng với bên B.

5.2: Bên A cam kết nhận hàng và chịu trách nhiệm về hàng hóa theo đơn đặt hàng mà Bên B đã thực hiện. Có trách nhiệm bảo quản hàng hóa theo đúng quy định của Bên B và tiêu thụ theo đúng quy định của cơ quan Nhà Nước.

5.3: Bên A có trách nhiệm chuẩn bị không gian, địa điểm và hỗ trợ bên B bốc, dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển và bàn giao cho bên A. Không được dùng bất cứ hành động nào thúc ép, gây khó khăn cho đại diện vận chuyển của bên B trong quá trình xuống hàng, dỡ hàng.

5.4: Thanh toán tiền hàng đúng theo quy định (điều khoản 3)

5.5: Nhận kiểm hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng theo đơn đặt hàng và sẽ hoàn tất việc kiểm tra và thông báo thiếu hụt hoặc lỗi của sản phẩm (nếu có) trước khi ký nhận vào phiếu giao hàng hóa.

5.6: Có quyền yêu cầu bên B cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan đến hàng hóa tiêu thụ.

5.7: Có quyền đối chiếu cũng như trách nhiệm xác nhận công nợ với bên B theo quy định.

5.8: Có trách nhiệm bảo quản những tài sản (nếu có) của bên B đã đầu tư, trong trường hợp nếu hỏng, mất phải bồi thường theo giá tài sản mà bên B thông báo.

5.9: Nếu bên A lấy bất kỳ sản phẩm thịt heo nào của đơn vị khác rồi đem bán chung quầy với hàng hóa của bên B cung cấp hoặc bán lại cho bên thứ 3, khi có cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện sản phẩm không đảm bảo chất lượng, bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Bên A chỉ được bán thịt heo do bên B cung cấp tại cửa hàng, nếu bên B phát hiện bên A lấy thịt heo không phải do bên B cung cấp thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về sản phẩm thịt heo đó, đồng thời chịu mọi biện pháp xử lý mà bên B đưa ra , kể cả thanh lý hợp đồng và tháo dỡ biển bảng (chi phí phát sinh do việc thanh lý bên A chịu trách nhiệm chi trả).

ĐIỀU 6: QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B.

6.1: Giao hàng đúng thời gian, số lượng và chất lượng, quy cách theo tiêu chuẩn đã được thống nhất bởi hai bên.

6.2: Có trách nhiệm hỗ trợ bên A khi có yêu cầu về giấy tờ hàng hóa, thông số

6.3: Không áp dụng đổi trả hàng. Tất cả các vấn đề liên quan đến chất lượng, số lượng, quy cách sản phẩm sẽ được xác nhận và xử lý tại thời điểm giao hàng. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về việc hư hỏng, mất mát, quá hạn sử dụng khi sản phẩm đã được bên B giao cho bên A

6.4: Nếu muốn thay đổi, bổ sung hợp đồng thì hai bên phải báo trước 30 (*ba mươi*) ngày.

6.5: Nguồn hàng bên B đưa vào phải đầy đủ giấy tờ hợp lệ

6.6: Có quyền từ chối giao hàng nếu Bên A không thanh toán đúng theo điều khoản thanh toán đã nêu trên (điều 3).

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày **31/12/2026** Hợp đồng sẽ tự thanh lý vào ngày hết hạn và đảm bảo xác nhận, đối chiếu, giải quyết công nợ hàng hóa giữa 2 bên. Nếu còn công nợ vào ngày hết hạn hai bên vẫn phải trách nhiệm thanh toán đầy đủ nghĩa vụ.

7.2: Hợp đồng sẽ tự thanh lý theo thông báo từ bên B và nếu bên A vi phạm Điều 5 các mục 5.9 và đảm bảo xác nhận, đối chiếu, giải quyết công nợ hàng hóa giữa 02 bên. Nếu còn công nợ vào ngày thanh lý, hai bên vẫn phải có trách nhiệm, thanh toán đầy đủ nghĩa vụ.
7.3 : Từ thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu hai bên không có giao dịch mua bán tối thiểu 02 lần trong 02 tháng, thì coi như hợp đồng đó không có giá trị, nhưng công nợ của hai bên vẫn phải đảm bảo trách nhiệm, kiểm tra, đối chiếu, xác nhận và thanh toán xong phần công nợ của hai bên. Căn cứ để xác định có giao dịch mua bán dựa trên phiếu giao hàng và hóa đơn.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

8.1: Việc thanh tra kiểm tra của cơ quan chức năng , cơ quan chuyên môn phải đảm bảo yêu cầu khi có mặt của cả bên A và bên B, hàng còn nguyên đai nguyên kiện, nguyên niêm phong kẹp chì.

8.2: Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên. Hợp đồng này và các phụ lục đi kèm tạo thành một hợp đồng hoàn chỉnh giữa các bên về tất cả các vấn đề liên quan đến hợp đồng và thay thế cho mọi thoả thuận trước đây liên quan đến việc bán hàng hóa. Mọi thay đổi trong hợp đồng này phải được sự thỏa thuận, có xác nhận chữ kí của hai bên bằng văn bản. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật hiện hành về Hợp Đồng kinh tế.

8.3: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh khó khăn thì hai bên cùng nhau bàn bạc để giải quyết trên tinh thần hợp tác tôn trọng lẫn nhau.

8.4: Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, nếu không giải quyết được thì sẽ chuyển vụ việc ra Tòa án Kinh Tế Hà Nội. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện, án phí do bên thua chịu.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 01 (một) bản, bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA (BÊN A)	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (BÊN B)
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC	KIỀU ĐÌNH THÉP
TRẦN THỊ KIM ANH	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN

(V/v: Xác nhận địa chỉ trụ sở kinh doanh)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM.

Tôi tên là Trần Thị Kim Anh đại diện cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An , hiện là khách hàng của Quý công ty. Nay tôi xin xác nhận địa chỉ trụ sở kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh Doanh đã đăng ký và được cấp bởi cơ quan nhà nước, là thông tin cá nhân để thực hiện các giao dịch mua hàng hóa – dịch vụ với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam như sau:

1. Thông tin trên Web: https://tracuunnt.gdt.gov.vn/
   - Tên chính thức: **Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An**
   - Địa chỉ trụ sở kinh doanh: thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
   - MST: 0901084830
2. Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

(MS Doanh Nghiệp:0901084830 Đăng ký thay đổi lần 2, ngày 20 tháng 06 năm 2024)

   - Tên công ty: **Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An**
   - Địa chỉ trụ sở kinh doanh: thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
   - MS Doanh Nghiệp:0901084830

Tôi đề nghị công ty sử dụng địa chỉ trụ sở kinh doanh của tôi theo địa chỉ kinh doanh mới là **thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** trong hồ sơ tạo mã số khách hàng và trên hệ thống của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam để đảm bảo tính chính xác khi xuất hóa đơn.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về đề nghị trên.

Trân trọng cảm ơn!

Hưng Yên, ngày 25 tháng 05 năm 2026

Phòng kinh doanh	Người làm đơn
Kiều Đình Thép	GIÁM ĐỐC TRẦN THỊ KIM ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---------***---------

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

SỐ: 01/2026/XNTHKTATTP

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số: 55/2010/QH12 của Quốc Hội;

Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM – CHI NHÁNH NM 3 TẠI HÀ NỘI**

Địa chỉ: Lô CN5 – KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.32013319

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600224423-108. Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 12 năm 2018. Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 01 tháng 08 năm 2025

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố Hà Nội

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách sau đây đã được tập huấn kiến thức về An toàn thực phẩm ngày 28/04/2026 và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về An toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2026

Giám đốc nhà máy

(Ký tên/đóng dấu)

Voraset Ranvongsanithichot

STT	Mã số nhân viên	CCCD	Họ Và Tên	Bộ phận/Vị trí công việc	Chữ ký
1	10000848	3540100331033	GADMANEE KITTICHAI	TECHNICAL	
2	10015491	3471201068933	RANVONGSANITHICHOT VORASET	FACTORY 3 HA NOI	
3	10107566	001189026245	PHÙNG THỊ THU HƯƠNG	SPECIAL CUTTING	
4	10107584	001190042029	DƯƠNG THỊ HẬU	QUALITY CONTROL	
5	10107588	001091057903	LƯƠNG VIẾT LUÂN	WAREHOUSE	
6	10107592	001091029471	NGUYỄN VĂN LÂM	CUTTING & DEBONING	
7	10107602	040190013762	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	DRY STORE	
8	10107691	017086006086	BÙI VĂN PHONG	CUTTING & DEBONING	
9	10107742	017089005566	LÊ QUANG TUẤN	DEHAIRLING	
10	10107892	025189016712	NGUYỄN THU TRANG	LOGISTICS	
11	10107945	030078000163	PHAN THANH TUẤN	Pork Shop	
12	10108276	037087008445	LÊ DUY LUÂN	Pork Shop	
13	10108293	035086000047	ĐINH VĂN THU	Pork Shop	
14	10108311	035090002477	ĐẶNG MINH ĐỨC	FRESH SHOP	
15	10108321	035074006800	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Pork Shop	
16	10108359	038084025768	HOÀNG VĂN ÂN	FRESH SHOP	
17	10108603	025074000184	KIỀU ĐÌNH THÉP	PORK SALES	
18	10108640	001191050623	TẠ THỊ CẢI	CHILL STORAGE	
19	10108664	001092047411	TRƯƠNG MẠNH HÙNG	QUALITY CONTROL	
20	10108745	031184004951	BÙI THỊ ÁNH NGUYỆT	CUTTING PLANT	
21	10108785	008181000040	NGUYỄN PHA MI	ADMIN SALES	
22	10108806	019079008399	DƯƠNG VĂN PHÚ	Pork Shop	
23	10108834	022081009168	ĐỖ VĂN TÂN	Pork Shop	
24	10108896	001076068354	NGUYỄN QUỐC TOÀN	Pork Shop	
25	10108917	001079010638	NGUYỄN VIẾT THẮNG	Pork Shop	
26	10108929	001076029440	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	Pork Shop	
27	10108944	001080004453	VŨ VĂN BIÊN	OFFAL	
28	10108951	001078039701	BÙI VĂN HIÊN	Pork Shop	
29	10108987	001086049158	NGUYỄN VĂN MẠNH	ENGINEERING	
30	10108998	001082054112	ĐỖ KHIÊM	Pork Shop	
31	10109074	001083027410	NGUYỄN VIẾT BA	SPECIAL CUTTING	
32	10109113	001087009930	NGUYỄN NGỌC TIẾN	CARCASS SPLITTING	
33	10109221	001086033310	HẠ HUY THUYẾT	CARCASS SPLITTING	
34	10109222	001086022923	ĐINH TIẾN HÙNG	Pork Shop	
35	10109289	001187052858	NGUYỄN THỊ HƯƠNG NGÂ	QUALITY CONTROL	
36	10109300	001187041761	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	CHILL STORAGE	
37	10110230	038084025768	LÊ MẠNH TUẤN	FRESH SHOP	
38	10111080	034188018962	NGUYỄN THỊ HUYỀN	PLANNING	
39	10111093	001094022502	VÕ VĂN CƯỜNG	SPECIAL CUTTING	

40	10111424	001090007690	NGUYỄN NGỌC SỸ	SPECIAL CUTTING	
41	10111517	001186024597	ĐẶNG THỊ LINH	SPECIAL CUTTING	
42	10111573	001091002956	LÊ VIẾT CẢNH	RM RECEIVING	
43	10111579	017077000178	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	CUTTING & DEBONING	
44	10111629	001182020850	LÊ THỊ HỒNG	SPECIAL CUTTING	
45	10111632	001180002242	NGUYỄN THỊ THU	SPECIAL CUTTING	
46	10112007	001080015995	QUẢN VĂN GIÁP	CUTTING & DEBONING	
47	10112013	017189008327	THÁI THỊ HÀ	SPECIAL CUTTING	
48	10112045	001094037080	NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG	SPECIAL CUTTING	
49	10112577	001089035922	ĐỖ VIẾT HIỆU	OFFAL	
50	10112766	001084031765	ĐỖ CÔNG ĐIỀN	RM RECEIVING	
51	10112971	034093000060	VŨ NGỌC TRUNG	Pork Shop	
52	10113148	001094046250	TRẦN ĐỨC HUẤN	Pork Shop	
53	10113321	040196023462	PHAN THỊ HOA	FRESH SHOP	
54	10113619	001082029304	ĐỖ VĂN NGUYÊN	DEHAIRLING	
55	10113636	001190034058	NGUYỄN THỊ BÌNH	SPECIAL CUTTING	
56	10113639	001091055319	ĐẶNG ĐÌNH TƯỜNG	SPECIAL CUTTING	
57	10113874	001182052969	BÙI THỊ THÚY	SPECIAL CUTTING	
58	10114149	001179020820	HOÀNG THỊ NHÂM	SPECIAL CUTTING	
59	10114242	001194048656	TRẦN THỊ NHƯỜNG	SPECIAL CUTTING	
60	10114246	036091022673	TRẦN GIA PHƯỚC	CHILL STORAGE	
61	10114351	001087025557	VŨ HUY TRINH	ENGINEERING	
62	10114371	001086019535	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	CHILL STORAGE	
63	10114512	001083002916	ĐOÀN ĐÌNH BA	CUTTING & DEBONING	
64	10114536	001093005226	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	ENGINEERING	
65	10114764	019089007104	NGUYỄN HỮU DUY	FRESH SHOP	
66	10114769	001092028393	PHÙNG VĂN THẠCH	CUTTING & DEBONING	
67	10114962	001195015465	NGUYỄN THỊ OANH	CUTTING & DEBONING	
68	10114963	001188029130	NGUYỄN THỊ HOAN	SPECIAL CUTTING	
69	10114964	001185021092	TRỊNH THỊ ĐỊNH	SPECIAL CUTTING	
70	10114967	001098003263	TRẦN VĂN LÂM	CUTTING & DEBONING	
71	10115142	034188006623	ĐOÀN THỊ HOA	SPECIAL CUTTING	
72	10115190	001088001677	NGUYỄN ĐÌNH HIỀN	CUTTING & DEBONING	
73	10115192	001090028923	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	SPECIAL CUTTING	
74	10115198	001090052639	ĐỖ HỮU THỨC	CUTTING & DEBONING	
75	10115241	001096019610	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CHILL STORAGE	
76	10115294	031089004741	NGÔ VĂN VINH	Pork Shop	
77	10115375	001094024960	TRẦN BÁ THƯỜNG	SPECIAL CUTTING	
78	10115845	025094004615	GIANG NGỌC TOÀN	Pork Shop	
79	10115847	001094017113	NGUYỄN HỒNG SƠN	Pork Shop	
80	10116021	001201023840	LÊ QUANG THẾ ANH	SPECIAL CUTTING	
81	10116105	001194016241	ĐINH THỊ HOA	SPECIAL CUTTING	

82	10116106	001092030604	NGUYỄN QUANG NGHĨA	CUTTING & DEBONING	
83	10116159	001186015084	VŨ THỊ TUYẾT	SPECIAL CUTTING	
84	10116186	001096018011	NGUYỄN QUÁN DUY	CUTTING & DEBONING	
85	10116275	001301021361	BÙI THU HOÀI	SPECIAL CUTTING	
86	10116279	001080019810	PHÙNG VĂN MẠNH	DEHAIRLING	
87	10116296	001086031483	TRẦN TRUNG KHƯƠNG	SPECIAL CUTTING	
88	10116297	036182010274	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	SPECIAL CUTTING	
89	10116317	035096004871	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	Pork Shop	
90	10116407	001085028756	NGUYỄN NHƯ HIẾU	CUTTING & DEBONING	
91	10116542	001083026595	BÙI VĂN MẠNH	CUTTING & DEBONING	
92	10116555	001191026456	NGUYỄN THỊ HÒA	SPECIAL CUTTING	
93	10116584	017097007855	LÊ TUẤN NGHĨA	CUTTING & DEBONING	
94	10116624	001085021919	NGUYỄN ĐĂNG SỬU	DEHAIRLING	
95	10116738	001190045958	NGUYỄN THỊ THU HOA	SPECIAL CUTTING	
96	10116812	001196043300	ĐỖ THỊ THỦY	SPECIAL CUTTING	
97	10116981	034094000692	KHIẾU XUÂN MAI	Pork Shop	
98	10116982	037094004608	ĐỖ VĂN QUANG	FRESH SHOP	
99	10117105	001198012275	TRẦN THỊ HIỀN	ENGINEERING	
100	10117993	001200036210	NGUYỄN HỮU KHANG	SPECIAL CUTTING	
101	10118105	038083017469	NGUYỄN TRỌNG QUỲNH	FRESH SHOP	
102	10118518	#N/A	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Pork Shop	
103	10119818	001097027050	NGUYỄN DUY VẦN	SPECIAL CUTTING	
104	10119926	025098005219	NGUYỄN DUY CƯƠNG	Pork Shop	
105	10119927	030087020286	PHAN THANH HẢI	Pork Shop	
106	10119940	033098002842	LUYỆN VĂN HIẾN	Pork Shop	
107	10121221	001090034147	NGUYỄN VIỆT ANH	ENGINEERING	
108	10121223	001093042242	TỐNG QUANG VỮNG	ENGINEERING	
109	10121996	025095009969	LÊ TRUNG HÀ	FRESH SHOP	
110	10122001	#N/A	PHẠM ĐỨC TRUNG	FRESH SHOP	
111	10122006	019197006253	LÊ THỊ NHẬT MINH	FRESH SHOP	
112	10122164	030195000851	HOÀNG VÂN HUYỀN	FRESH SHOP	
113	10122483	001092013799	ĐỖ HỮU THỊNH	DEHAIRLING	
114	10122738	001090011658	VƯƠNG SỸ HIẾU	WAREHOUSE	
115	10122830	024095002331	HOÀNG TUẤN ANH	FRESH SHOP	
116	10122884	024097004939	PHAN THANH HẢI	Pork Shop	
117	10123078	034094014362	HOÀNG THANH TÙNG	FRESH SHOP	
118	10123204	001095028532	LÊ ANH HUY	SHE & ISO	
119	10123490	035195004431	HOÀNG THỊ THỦY	RESEARCH AND DEVELOPMENT	
120	10123689	001094019851	TRẦN BÁ KHƯƠNG	ENGINEERING	
121	10123694	001087029468	NGUYỄN VĂN MINH	ENGINEERING	
122	10123696	001081035619	NGUYỄN TRỌNG GIỚI	ENGINEERING	
123	10123713	040196015012	TRẦN VĂN ANH	QUALITY ASSURANCE	

124	10123982	036197002033	PHẠM THỊ THỦY	FRESH SHOP	
125	10123999	025187017073	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	FRESH SHOP	
126	10124006	019198000255	TRẦN THỊ HỒNG HOA	FRESH SHOP	
127	10124041	090493038195	PHAN THỊ MAI PHƯƠNG	FRESH SHOP	
128	10124042	042185011125	ĐẶNG THỊ THỦY	FRESH SHOP	
129	10124137	025095005397	NGUYỄN QUANG CHUNG	FRESH SHOP	
130	10124139	025098011399	TRẦN CÔNG KHÁNH	Pork Shop	
131	10124167	040198017553	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	FRESH SHOP	Trang
132	10124168	036193012237	BÙI THỊ THÊU	FRESH SHOP	
133	10124187	001194002374	ĐỖ THỊ HỒNG	SPECIAL CUTTING	
134	10124232	031196009959	PHẠM KHÁNH TRANG	FRESH SHOP	
135	10124233	024197000481	HOÀNG THỊ THANH HẰNG	FRESH SHOP	
136	10124829	019195008945	DƯƠNG THỊ UYÊN	FRESH SHOP	
137	10124830	025199005889	PHÙNG THỊ THU HUYỀN	FRESH SHOP	
138	10125425	01096019610	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	FRESH SHOP	
139	10125443	038088047446	NGUYỄN NGỌC TIỆP	FRESH SHOP	
140	10125445	38089042134	HOÀNG VĂN LINH	FRESH SHOP	
141	10126033	001192000837	NGÔ THỊ HIỀN	CARCASS SPLITTING	
142	10126042	001079012123	NGUYỄN GIA CHUẨN	SPECIAL CUTTING	
143	10126134	#N/A	TRIỆU THỊ HIỀN	FRESH SHOP	
144	10126136	037195007751	NGUYỄN THỊ DUYÊN	FRESH SHOP	
145	10126370	001183053065	TRỊNH THỊ THÚY	SANITATION	
146	10126377	001177022770	PHẠM THỊ TÂM	OFFAL	
147	10126407	001091001802	TRỊNH VĂN HOẠT	OFFAL	
148	10126475	001179032565	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	OFFAL	
149	10126498	001187051866	ĐẶNG THỊ BẰNG	OFFAL	
150	10126514	001185002195	NGUYỄN THỊ LIÊN	SANITATION	
151	10126532	001079018026	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	CARCASS SPLITTING	
152	10126558	001082055371	HÀ HUY LƯỢNG	CARCASS SPLITTING	
153	10126622	001188028777	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THÚY	SANITATION	
154	10128167	030198010116	HÀ THỊ HOA	FRESH SHOP	
155	10128182	001095002167	NGUYỄN HỮU QUỲNH	FRESH SHOP	
156	10128189	#N/A	BÀNH THỊ THÙY LINH	FRESH SHOP	
157	10128200	001098026981	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	FRESH SHOP	
158	10128972	#N/A	ĐỖ VĂN TÀI	FRESH SHOP	
159	10128983	038198012695	NGUYỄN THỊ NGÂN	FRESH SHOP	
160	10129739	038087044064	NGUYỄN HỮU DŨNG	FRESH SHOP	
161	10129798	#N/A	NGUYỄN TUẤN ANH	FRESH SHOP	
162	10131004	025196008725	ĐỖ THU HIỀN	FRESH SHOP	
163	10131016	038195032404	MAI THỊ LY	FRESH SHOP	
164	10132959	#N/A	TRẦN THỊ BIÊN	FRESH SHOP	
165	10133086	027097005523	NGUYỄN VĂN TUẤN	QUALITY CONTROL	

166	10133088	001097040313	NGUYỄN VĂN CHIẾN	ENGINEERING	
167	10133319	022199002671	NGUYỄN THỊ MAI LAN	FRESH SHOP	
168	10133456	024200005434	BÙI QUANG VŨ	FRESH SHOP	
169	10133856	001198024031	ĐỖ THỊ THU HẠ	QUALITY CONTROL	
170	10134209	001076063026	BÙI ĐẮC BẢY	DEHAIRLING	
171	10134228	001088012274	NGUYỄN BÁ HAI	WAREHOUSE	
172	10134259	001087026001	NGUYỄN VĂN DŨNG	CARCASS SPLITTING	
173	10134288	001086052491	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	DEHAIRLING	
174	10134331	001178036938	HOÀNG THỊ LOAN	SANITATION	
175	10134335	001179044705	TRẦN THỊ SOẠN	SANITATION	
176	10134347	001179038580	CAO THỊ CHUYÊN	SANITATION	
177	10134366	038186000529	LÊ THỊ PHƯỢNG	SANITATION	
178	10134370	001192006475	NGUYỄN THỊ HUYỀN	SANITATION	
179	10134385	001189025084	TRẦN THỊ HẰNG	SANITATION	
180	10134429	001183045765	PHAN THỊ NHÀN	SANITATION	
181	10134479	001190021626	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	OFFAL	
182	10134516	001080013846	ĐẶNG ĐÌNH DƯỢC	CARCASS SPLITTING	
183	10134541	011198004730	LƯỜNG THỊ DIÊN	FRESH SHOP	
184	10134577	020082001337	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Pork Shop	
185	10134638	#N/A	LỘC THỊ THIỆN	FRESH SHOP	
186	10134663	025094007044	NGUYỄN NHƯ HOÀNG	FRESH SHOP	
187	10134761	001089029368	NGUYỄN VĂN HIỀN	DEHAIRLING	
188	10134772	017090005448	BÙI VĂN MIỀN	CARCASS SPLITTING	
189	10134940	034198000145	PHAN THỊ HÀ	LOGISTICS	
190	10134943	001195041064	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ADMIN SALES	
191	10135044	026197009049	NGÔ THỊ HẢI YẾN	QUALITY CONTROL	
192	10135047	001200019105	HÀ HUY QUANG	CHILL STORAGE	
193	10135062	001096035712	NGUYỄN VĂN HÒA	CHILL STORAGE	
194	10135070	001073019989	NGUYỄN HỮU HỢP	DEHAIRLING	
195	10135476	001098007406	TRẦN TIẾN ĐẠT	WAREHOUSE	
196	10135929	001188032988	NGUYỄN THỊ THÁI	SPECIAL CUTTING	
197	10135989	#N/A	VÂN VĂN XUÂN	FRESH SHOP	
198	10136071	020300000037	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	SPECIAL CUTTING	
199	10136074	001300022908	TRẦN THỊ NGOAN	SPECIAL CUTTING	
200	10136103	001081029757	NGÔ DUY TRUNG	SPECIAL CUTTING	
201	10136233	001098007792	NGUYỄN THẾ HIỆP	SHE & ISO	
202	10136235	001082016777	NGUYỄN HỮU TỰ	SPECIAL CUTTING	
203	10136601	001081015363	TÔ VĂN HIẾU	DEHAIRLING	
204	10136604	001075030876	NGUYỄN VĂN BẢO	ENGINEERING	
205	10136618	001092038533	ĐỖ XUÂN HIẾU	ENGINEERING	
206	10136623	001189010111	NGUYỄN THỊ TRANG	SANITATION	
207	10136628	001193016267	CHU THỊ HOA	SANITATION	

208	10136637	001091039358	ĐỖ VĂN LUÂN	WAREHOUSE	
209	10136839	034196000593	NGUYỄN THỊ VIÊN	FRESH SHOP	
210	10136852	001099016711	NGUYỄN VĂN HIẾU	FRESH SHOP	
211	10137046	001075007989	TRỊNH ĐÌNH THI	DEHAIRLING	
212	10137051	001184040018	TRẦN THỊ HOÀN	SANITATION	
213	10137052	001186024514	TRẦN THỊ HOAN	SANITATION	
214	10137083	026300005027	BÙI THỊ THÚY	FRESH SHOP	
215	10137094	010191000750	BÙI THU THỦY	FRESH SHOP	
216	10137099	015188001518	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	FRESH SHOP	
217	10137382	001086052549	TỐNG VĂN HOAN	DEHAIRLING	
218	10138199	001191026930	NGUYỄN THỊ THỊNH	WEIGHING	
219	10138386	019195011849	NGUYỄN HỒNG NHUNG	FRESH SHOP	
220	10138387	024195007332	NGUYỄN THỊ CHINH	QUALITY CONTROL	
221	10138391	019195011849	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	FRESH SHOP	
222	10138446	001098009986	NGUYỄN NGỌC CHÂU	WAREHOUSE	
223	10138794	#N/A	HÀ ĐÌNH THÁNH	FRESH SHOP	
224	10533264	024200011821	ĐOÀN THẾ DƯƠNG	FRESH SHOP	
225	10534031	025098002360	LƯU QUỐC HOÀN	FRESH SHOP	
226	10534035	026199002226	VŨ THỊ HUYỀN	FRESH SHOP	
227	10534124	001087023654	NGUYỄN VĂN TOÀN	CARCASS SPLITTING	
228	10534197	019094003686	LÝ DƯƠNG	FRESH SHOP	
229	10536702	001094017728	ĐỖ HỮU THÀNH	CARCASS SPLITTING	
230	10537103	001094002855	TRƯƠNG VĂN KHUÊ	CHILL STORAGE	
231	10537750	030190018013	ĐOÀN THỊ HƯỜNG	FRESH SHOP	
232	10538204	020081007533	NGUYỄN QUANG THUỲ	FRESH SHOP	
233	10539243	001201039179	NGUYỄN QUANG LONG	CHILL STORAGE	
234	10539256	001085022266	NGUYỄN QUÝ NHUẬN	CHILL STORAGE	
235	10539266	001090028423	TRẦN BÁ HỌN	CHILL STORAGE	
236	10539284	001196040783	NGUYỄN THẢO HUYỀN	QUALITY CONTROL	
237	10540515	017094006515	BÙI HỒNG MỸ	FRESH SHOP	
238	10540770	015088012332	LƯƠNG VĂN THẬP	ENGINEERING	
239	10540773	001203048049	ĐỖ BÁ HIỆP	CHILL STORAGE	
240	10542468	001098004216	VŨ THÀNH DŨNG	ENGINEERING	
241	10543024	001181008985	PHẠM THỊ HƯƠNG	SANITATION	
242	10543252	001179015005	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	OFFAL	
243	10543275	001098004181	BÙI VĂN CƯỜNG	ENGINEERING	
244	10546064	001094038901	ĐỖ XUÂN KHÁNH	ENGINEERING	
245	10546831	001196021875	VŨ THỊ HÀ	QUALITY CONTROL	
246	10547641	035196010660	NGÔ THỊ ÁNH	FRESH SHOP	
247	10547648	001196029320	BÙI THU THỦY	SPECIAL CUTTING	
248	10547848	030188006880	NGUYỄN THỊ CÚC	FRESH SHOP	
249	10548005	006192006742	TRIỆU THỊ LIÊN	FRESH SHOP	

250	10548008	001079052874	NGUYỄN ĐÌNH HÀ	DEHAIRLING	
251	10548017	001087023773	TRẦN BÁ PHƯƠNG	OFFAL	
252	10549597	001095010265	TRẦN VĂN NHÂN	ADMIN SALES	
253	10549617	001095026557	ĐỖ HUY MINH	LOGISTICS	
254	10549982	034200011996	NGUYỄN CAO TRƯỜNG	FRESH SHOP	
255	10549987	025200003922	NGUYỄN TIẾN DŨNG	FRESH SHOP	
256	10550012	001096017003	ĐINH VĂN ĐOÀN	WAREHOUSE	
257	10551028	001084068105	LÊ VIẾT THÁI	RM RECEIVING	
258	10551110	001188002705	TRẦN THỊ HỒNG	SANITATION	
259	10554832	#N/A	NGUYỄN VĂN TOÀN	FRESH SHOP	
260	10560115	#N/A	NGUYỄN MINH HẰNG	FRESH SHOP	
261	10560123	001098013384	LƯU MINH ANH	Pork Shop	
262	10562446	008200003299	HOÀNG YẾN NHI	FRESH SHOP	
263	10562576	001089035766	NGUYỄN TIẾN VIỆT	SPECIAL CUTTING	
264	10562615	037094004608	ĐỖ VĂN QUÂN	FRESH SHOP	
265	10564443	#N/A	TRẦN MINH HẢI	FRESH SHOP	
266	10564560	001088032955	NGUYỄN NGỌC DŨNG	WAREHOUSE	
267	10566467	001069005959	NGUYỄN VĂN THÀNH	SPECIAL CUTTING	
268	10567202	#N/A	TRẦN VĂN HÙNG	FRESH SHOP	
269	10568357	001196005933	TÔNG ÁI LINH	SPECIAL CUTTING	
270	10569681	001099018991	NGUYỄN TUẤN MINH	FRESH SHOP	
271	10570231	001086030305	NGUYỄN VĂN DIỆP	DEHAIRLING	
272	10570239	001200019098	NGUYỄN QUANG VINH	WAREHOUSE	
273	10572665	001096013045	NGUYỄN VŨ UY	DEHAIRLING	
274	10590330	001096022791	DOÃN TIẾN LONG	CHILL STORAGE	
275	10591788	001201027701	NGUYỄN HỮU HIẾU	CARCASS SPLITTING	
276	10603375	001084064032	HẠ HUY XIÊM	DEHAIRLING	
277	10604627	001180013441	NGUYỄN THỊ NHÂN	SANITATION	
278	10607048	001203032803	NGUYỄN XUÂN HƯNG	WAREHOUSE	
279	10607050	001203042666	NGUYỄN DUY MẠNH	WAREHOUSE	
280	10609427	001186008358	NGUYỄN THỊ HUYỀN	SANITATION	
281	10610289	001097015332	NGUYỄN TRỌNG TRẦN	CUTTING & DEBONING	
282	10611855	017184006442	HOÀNG THỊ BẢY	OFFAL	
283	10614936	001073044710	NGUYỄN VĂN DŨNG	SPECIAL CUTTING	
284	10615784	083082020196	NGUYỄN VIỆT MẠNH	FRESH SHOP	
285	10621430	001185008313	NGUYỄN THỊ MINH	SPECIAL CUTTING	
286	10621452	001070047918	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠI	ENGINEERING	
287	10621519	001096006825	DOÃN TIẾN TÀM	DEHAIRLING	
288	10622046	001092050641	ĐỖ HỮU TUẤN	ENGINEERING	
289	10622253	015301003980	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	QUALITY CONTROL	
290	10624026	001187031951	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	SPECIAL CUTTING	
291	10624039	001184048610	HẠ THỊ CHIÊM	SPECIAL CUTTING	

292	10624337	001184041352	NGUYỄN THỊ BỐN	OFFAL	
293	10624668	#N/A	ĐỖ VĂN TIẾN	FRESH SHOP	
294	10624710	001190031717	NGUYỄN THỊ HÒA	SPECIAL CUTTING	
295	10625525	001184036215	NGUYỄN THỊ HOA	SPECIAL CUTTING	
296	10626053	001306069358	ĐOÀN THỊ LY	SPECIAL CUTTING	
297	10626063	001306060102	NGUYỄN THỊ DIỆU QUYÊN	SPECIAL CUTTING	
298	10626321	037095004814	PHẠM VĂN QUANG	FRESH SHOP	
299	10626536	001087002744	TRẦN VĂN SÁNG	RM RECEIVING	
300	10626600	#N/A	ĐỖ THỊ NGA	FRESH SHOP	
301	10627356	036194007330	VŨ THỊ MAI	SPECIAL CUTTING	
302	10627358	001194022204	CAO THỊ THANH TÂM	SPECIAL CUTTING	
303	10627359	001198035166	PHẠM THỊ THU QUỲNH	SPECIAL CUTTING	
304	10628297	031200006239	VŨ HOÀNG LONG	FRESH SHOP	
305	10629206	001190051452	NGUYỄN THỊ THI	SPECIAL CUTTING	
306	10630512	001189037821	NGUYỄN THỊ ÂN	SPECIAL CUTTING	
307	10634248	001098004182	NGUYỄN NHƯ DŨNG	QUALITY CONTROL	
308	10634265	001086021792	ĐỖ ĐÌNH PHƯỚC	SPECIAL CUTTING	
309	10636305	001305042518	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	SPECIAL CUTTING	
310	10637031	001084076371	TÔ VĂN THẢO	DEHAIRLING	
311	10637035	001082035250	PHẠM VĂN BIÊN	CARCASS SPLITTING	
312	10637038	001083011937	ĐỖ VĂN LÂM	DEHAIRLING	
313	10638111	001086050966	DƯƠNG TRUNG NHẬN	DEHAIRLING	
314	10638875	001197016688	BÙI THỊ HẰNG	SPECIAL CUTTING	
315	10638884	001081029301	NGUYỄN HUY TIỆP	CUTTING & DEBONING	
316	10639146	001201019808	VŨ ĐỨC TRUNG	PLANNING	
317	10639837	001099016711	NGUYỄN VĂN HIẾU	SPECIAL CUTTING	
318	10640125	001089049296	LÊ VIẾT TRƯỜNG	CUTTING & DEBONING	
319	10640842	001177019398	NGUYỄN THỊ HẰNG	SANITATION	
320	10641598	001099002334	DOÃN TIẾN ĐỨC	CHILL STORAGE	
321	10641614	025200004870	NGUYỄN ĐỨC TÂM	ADMIN SALES	
322	10642225	001092013418	HÀ HUY NĂM	WAREHOUSE	
323	10642226	001204024801	NGUYỄN NĂNG TUẤN	WAREHOUSE	
324	10643178	037094004608	ĐỖ VĂN QUANG	FRESH SHOP	
325	10643636	001188022643	ĐÀO THỊ HUYỀN	SANITATION	
326	10644314	001091032027	NGUYỄN TIẾN MÙI	ENGINEERING	
327	10644443	126097009049	NGÔ THỊ HÀ	FRESH SHOP	
328	10644523	001095006403	NGUYỄN ĐẮC TIẾN	CUTTING & DEBONING	
329	10644644	001181038122	NGUYỄN THỊ HUỆ	OFFAL	
330	10645288	001206003817	ĐỖ VIẾT THƯỜNG	CHILL STORAGE	
331	10646342	001082046358	DOÃN TIẾN THỤ	FRESH SHOP	
332	10646679	001098019675	NGUYỄN CHÍ TƯỜNG	WAREHOUSE	
333	10647042	001188027187	NGUYỄN THỊ TUYẾN	SPECIAL CUTTING	

334	10647044	001194039336	TRỊNH THỊ HỒNG	SPECIAL CUTTING	
335	10647383	001191056636	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	SPECIAL CUTTING	
336	10649400	001179024081	NGUYỄN THỊ THƠM	OFFAL	
337	10649409	001178010962	DƯƠNG THỊ XUÂN	OFFAL	
338	10649420	001088049149	TÔ VĂN TUẤN	CARCASS SPLITTING	
339	10651246	001186023822	NGUYỄN THỊ THẢO	SANITATION	
340	10658101	001074020154	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	DEHAIRLING	
341	10658122	001088007366	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	DEHAIRLING	
342	10658489	017093010752	NGUYỄN NGỌC VINH	CARCASS SPLITTING	
343	10659682	001201036645	HỒ MINH HUỲNH	SPECIAL CUTTING	
344	10659697	001200023831	NGUYỄN VIẾT NAM	CHILL STORAGE	
345	10661645	001084037134	TRẦN BÁ VĂN	WAREHOUSE	
346	10661651	001178010166	LÊ THỊ NẾT	SANITATION	
347	10662909	026086006161	PHÙNG VĂN TRƯỜNG	FRESH SHOP	
348	10663358	001206005427	NGUYỄN VĂN QUANG	OFFAL	
349	10664631	001307003227	TRẦN THỊ THÙY LINH	SANITATION	
350	10668007	001082052321	NGUYỄN BÁ NHÀN	SPECIAL CUTTING	
351	10668771	042093011714	NGUYỄN BÁ NHẬT	FRESH SHOP	
352	10668871	001305047792	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	SPECIAL CUTTING	
353	10669346	001087037788	PHAN NGỌC QUANG	CUTTING & DEBONING	
354	10669748	001080004263	HOÀNG TRUNG HUỲNH	CARCASS SPLITTING	
355	10670179	001096038840	NGUYỄN NGỌC DUY	WAREHOUSE	
356	10670403	001093022873	HOÀNG VĂN VŨ	QUALITY CONTROL	
357	10674755	001072019104	LÊ VĂN LEN	DEHAIRLING	
358	10675148	001182003432	ĐẶNG BÍCH THẢO	OFFAL	
359	10675153	001207006113	NGUYỄN TRỌNG TÀI	WAREHOUSE	
360	10676413	001085051896	HẠ VIẾT ĐỒNG	CARCASS SPLITTING	
361	10676462	017194000722	TRẦN THỊ HẢI HÀ	FRESH SHOP	
362	10678814	001079006957	HÀ HUY THƯ	CARCASS SPLITTING	
363	10679238	001203011914	NGUYỄN XUÂN AN	QUALITY CONTROL	
364	10680132	001080012710	BÙI ĐẮC KIÊN	CARCASS SPLITTING	
365	10680260	001095027957	NGUYỄN ĐỨC DUY	WAREHOUSE	
366	10680447	001069018636	LÊ VĂN TẮC	CARCASS SPLITTING	
367	10680450	001178002423	NGUYỄN THỊ MỸ	SANITATION	
368	10680514	042091003369	PHẠM HOÀNG QUÂN	SPECIAL CUTTING	
369	10681133	#N/A	NGUYỄN MẠNH HÙNG	FRESH SHOP	
370	10682108	001198018152	TRỊNH THỊ XUYẾN	SPECIAL CUTTING	
371	10684140	001082016803	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	ENGINEERING	
372	10684606	001084031703	ĐỖ SỸ TOÀN	SPECIAL CUTTING	
373	10685314	001306060340	TRẦN MINH NGUYỆT	SPECIAL CUTTING	
374	10686049	001301036227	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	SPECIAL CUTTING	
375	10686053	001176021218	NGUYỄN THỊ HIỀN	SANITATION	

376	10686809	037202006153	PHẠM KHẮC SANG	CHILL STORAGE	
377	10688099	001303048112	LÊ NGỌC ÁNH	SPECIAL CUTTING	
378	10688101	001305035693	LÊ HẠNH TRANG	SPECIAL CUTTING	
379	10688109	001097025605	LÊ QUANG THẮNG	CUTTING & DEBONING	
380	10688118	036201013507	NGUYỄN VĂN TOÀN	SPECIAL CUTTING	
381	10688238	001092050115	TRẦN LÊ HÙNG	CHILL STORAGE	
382	10689498	001182045248	NGUYỄN THỊ HUẾ	SANITATION	
383	10689502	001082018413	NGUYỄN TRỌNG LẠC	SPECIAL CUTTING	
384	10689822	017094002588	NGUYỄN THÀNH CÔNG	LOGISTICS	
385	10690481	001190058990	BÙI THỊ HUYỀN	SPECIAL CUTTING	
386	10690487	001184030924	NGUYỄN THỊ HẸN	SANITATION	
387	10690499	001083025788	BÙI VIẾT HUẤN	CARCASS SPLITTING	
388	10690505	001082056126	NGUYỄN NGỌC HUY	WAREHOUSE	
389	10690513	001079020840	LÊ QUÝ TƯ	WAREHOUSE	
390	10690817	001075002306	TRẦN BÁ HAI	CARCASS SPLITTING	
391	10691226	001098036405	NGUYỄN TRỌNG CẬY	WAREHOUSE	
392	10691227	001191029021	NGUYỄN THỊ THOAN	SPECIAL CUTTING	
393	10691963	040203002732	LÊ VIẾT HUYỀN	QUALITY CONTROL	
394	10692430	001085002275	NGUYỄN XUÂN QUYẾT	WAREHOUSE	
395	10692494	001184025332	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	SPECIAL CUTTING	
396	10692498	001078005291	NGUYỄN VĂN ĐẠI	DEHAIRLING	
397	10692509	001091015878	LÊ VĂN QUYỀN	WAREHOUSE	
398	10692889	001094047058	TRẦN ĐÌNH TÀI	QUALITY CONTROL	
399	10693030	033194005246	NGUYỄN THỊ HẰNG	SPECIAL CUTTING	
400	10693035	001080003558	NGUYỄN VĂN HÙNG	CHILL STORAGE	
401	10693188	001084012424	LÊ CÔNG CHÍNH	SPECIAL CUTTING	
402	10591373	017195005063	TRẦN KIM CHI	HRM	
403	10108798	020187000564	PHẠM THỊ HUYỀN	HR	
404	10109024	001185040497	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	HR	
405	10123089	001193039963	NGUYỄN THỊ DUNG	HRM	
406	10657142	001302021978	BÙI THỊ THẢO	HR	
407	10121584	001185017196	ĐẶNG THỊ TUYẾT	HR	
408	10121582	035183000215	NGUYỄN THỊ THANH NHUNG	HR	
409	10121583	001184024866	HOÀNG THỊ NHÀI	HR	
410	10121586	001192034164	LÃ THỊ THU THANH	HR	
411	10567412	001199028272	CHU THỊ TÚ LINH	HR	

CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT ANH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA YKAO
Số: 1 SKSKĐK/01D22/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1425B10001

Họ và tên *(chữ in hoa)*: **VORASET RANVONGSANITHICHOT**

. Giới tính: **Nam**

. Sinh ngày: **19/03/1968** (Tuổi:**58**)

. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: **3 4712 01068 93 3**

. Cấp ngày: ..... Tại: .....

6. Chỗ ở hiện tại: .....

Số điện thoại liên hệ:.....

7. Nghề nghiệp: Bộ phận: **AVP**

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM**

CHI NHÁNH NHÀ MÁY 3 HÀ NỘI

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: .....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm.....tháng từ ngày...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

VORASET RANVONGSANITHICHOT

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KIỀU BÍCH THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT ANH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA YKAO
Số: **258** SKSKĐK/01D22/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1425B10258

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: **ĐỖ HỮU THÀNH**

2. Giới tính: **Nam**

3. Sinh ngày: **03/12/1994** (Tuổi:**32**)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: **001094017728**

5. Cấp ngày: 24/7/2021 Tại: Đồng Sơn - Đồng Sơn - xã Phú nghĩa - TP Hà Nội

6. Chỗ ở hiện tại: .....

Số điện thoại liên hệ: 0966322600

7. Nghề nghiệp: Bộ phận: **Giết mổ**

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM**

CHI NHÁNH NHÀ MÁY 3 HÀ NỘI

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: .....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm.....tháng từ ngày...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỖ HỮU THÀNH

KIỀU BÍCH THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT ANH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA YKAO
Số: **201** SKSKĐK/01D22/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1425B10201

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: **TRẦN LÊ HÙNG**

2. Giới tính: **Nam**

3. Sinh ngày: **10/09/1992** (Tuổi:**34**)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: **001092050115**

5. Cấp ngày: ..... Tại: .....

6. Chỗ ở hiện tại: .....

Số điện thoại liên hệ: 0383 095 861

7. Nghề nghiệp: Bộ phận: **Pha lóc**

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM**

CHI NHÁNH NHÀ MÁY 3 HÀ NỘI

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: .....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm.....tháng từ ngày...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

TRẦN LÊ HÙNG

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KIỀU BÍCH THỦY

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901237205

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 04 năm 2026

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 18 tháng 05 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM HUY HOÀNG HƯNG YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

thôn Hòa Mục, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0981807666* Số Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: TRẦN VĂN NGẠN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *01/01/1963* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 033063011564

Địa chỉ liên lạc: *thôn Ngân Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN VĂN NGẠN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *01/01/1963* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *033063011564*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *thôn Ngân Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATE*

Cơ sở/Estabilishment: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM HUY HOÀNG HƯNG YÊN**

Mã số đăng ký kinh doanh/Registration number: 0901237205

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Mục, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0981.807.666 Fax: Email:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been foud to be in compliance with food safety regulations for following products:

Giết mổ, sơ chế, kinh doanh: Thịt lợn./.

(Công suất thiết kế: 50 con/ngày)

*Số cấp/number: **43/2026/SNNMT-HY***
Có hiệu lực đến ngày: 17 tháng 6 năm 2029
Valid until (date/month/year): 17/6/2029

http://hy.check.net.vn

Hưng Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Đức Kiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--------***--------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số : 2006.2026 /HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 06 năm 2026 , tại **Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An**

Chúng tôi gồm :

BÊN MUA (BÊN A) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : **Bà Trần Thị Kim Anh** **Chức vụ : Giám đốc**

Điện thoại : 0977 072 666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản : 681600868686 - Ngân hàng Vietinbank, chi nhánh Hưng Yên

BÊN BÁN (BÊN B) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM HUY HOÀNG HƯNG YÊN**

Địa chỉ : Thôn Hoà Mục, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : **Ông Trần Văn Ngạn** **Chức vụ : Giám đốc**

Điện thoại : 0981 807 666

Mã số thuế : 0901237250

Tài khoản :

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

ĐIỀU I : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua gia súc : thịt lợn các loại theo đơn đặt hàng của Bên A gửi cho bên B (Gọi tắt là Hàng hóa)

ĐIỀU II : CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA, ĐỊA ĐIỂM GIAO

2.1 Chất lượng hàng hóa: Bên B cam kết Lợn trước khi giao phải là Lợn khỏe mạnh có quy trình chăn nuôi rõ ràng, không ốm, dịch bệnh, chết và có quy trình giết mổ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.2 Địa điểm giao hàng: Tại khu sơ chế thịt của bên B.

ĐIỀU III : GIÁ CẢ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Giá cả

- Theo thỏa thuận của hai bên theo từng thời điểm và xác nhận thông qua điện thoại

-Trường hợp có sự biến động về giá cả thị trường sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất trước 02 ngày trước khi đi vào thực hiện chính thức

3.2 Phương thức thanh toán.

Sau khi cân hàng xong Bên A sẽ thanh toán toàn bộ số tiền cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán cho bên B theo đúng quy định tại điều 3 của hợp đồng này.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng.

4.2. Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng cho bên A theo đúng thỏa thuận tại điều 2 của hợp đồng này.
- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa đã giao cho bên A.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã giao cho Bên A.

ĐIỀU V : PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

-Nếu bên bán không giao đủ hàng đúng số lượng và chất lượng, đúng thời gian theo quy định Hợp đồng này thì sẽ phải cung cấp tiếp hàng hóa theo đúng định và bị phạt số tiền theo hai bên thoả thuận về số lượng hàng hóa bị vi phạm

ĐIỀU VI : TRÁCH NHIỆM CHUNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh vi phạm Hợp đồng các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Những vướng mắc không thể giải quyết được sẽ do tòa án kinh tế Hưng Yên giải quyết và phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện

ĐIỀU VII : CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các Văn bản Pháp luật về Hợp đồng kinh tế do Nhà nước ban hành

ĐIỀU VIII : ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

8.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao giấy đăng ký kinh doanh và bản sao giấy an toàn thực phẩm.

8.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng văn bản và được sự xác nhận của hai bên

8.3: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2026, nếu không có khiếu nại từ hai phía hợp đồng sẽ tự động gia hạn, còn sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thanh toán và muốn chấm dứt hợp đồng thì cần thông báo cho bên còn lại trước 30 ngày bằng văn bản

8.4: Hợp đồng này gồm 8 điều được lập thành 04 bản chính, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản. các bản có giá trị Pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM HUY HOÀNG HƯNG YÊN
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ KIM ANH	TRẦN VĂN NGẠN

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV THỰC PHẨM
HUY HOÀNG HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, Giám đốc Trần Văn Ngạn xác nhận các ông/bà có tên trong danh sách sau đáp ứng đủ các kiến thức cơ bản để sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp	Nơi cấp CMTND
1	Trần Văn Ngạn	Ngân Hạnh, Hoàn Long, Hưng Yên	033063011564	12/08/2021	Cục cảnh sát
2	Trần Văn Hùng	Ngân Hạnh, Hoàn Long, Hưng Yên	033098002627	10/8/2021	Cục cảnh sát
3	Lý Văn Hoành	Văn Giang, Hưng Yên	033080005448	19/04/2023	Cục cảnh sát

Giấy này có giá trị hết ngày 05 tháng 06 năm 2027

Hưng Yên, ngày 05 tháng 06 năm 2026
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM HUY HOÀNG HƯNG YÊN
HOÀN LONG - T. HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN NGẠN

Scanned with CamScanner

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08172 /GKSK/BVPL

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: TRẦN VĂN NGÂN
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm : 1/1/1963 (Tuổi:)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 033063 011564
5. Cấp ngày 12/08/2021 Tại Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Hoàn Long - Hoài Đức
7. Lý do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒

Scanned with CamScanner

8	Khó thở	☐	x	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	x
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	x	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	x
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	x	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	x
11	Nghiện rượu, bia	☐	x	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	x

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... *ngày* ..6.... *tháng*....5.*năm*.2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....1.70.....cm; - Cân nặng: .....73..... kg; - Chỉ số BMI: .....
- Mạch: .....70.....lần/phút; - Huyết áp:...120...../.....80..... mmHg

Phân loại thể lực:.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*		

	Phân loại		
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*		
	Phân loại		
e)	*Cơ-xương-khớp*	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*		
	Phân loại		
h)	*Tâm thần*		BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	Bình thường I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:** - *Ngoại khoa:* *Phân loại:* - *Da liễu:* Phân loại:	BÌNH THƯỜNG I	BS. Nguyễn Thuận Cảnh
3.	**Sản phụ khoa:** ..... Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 4/10 Mắt trái 5/10 Có kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		BSCK. Đặng Thị Kim Loan
	Các bệnh về mắt (nếu có): 2 mắt cận thị		
	Phân loại: II		
5.	**Tai - Mũi - Họng**		
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường 5 m; Nói thầm 0,5 m		BS. Đỗ Tiến Tơn
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): BÌNH THƯỜNG		
	Phân loại: I		
6.	**Răng - Hàm - Mặt**		
	Kết quả khám: Hàm trên: Cmp Rj 26-27		

PHÚC LÂM - SỞ KHOA HỌC HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM
MSDN: 0900259291

Hàm dưới:.....	BÁC SỸ
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại II	Vũ Thanh Bình

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 5,02T/L Số lượng Bạch cầu: 8,61G/L Số lượng tiểu cầu: 226G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 6,2mmol/l Urê: 3,2mmol/l Creatinin: 82µmol/l ASAT(GOT): 31U/L ALAT (GPT): 25U/L	CNXN.Phan Văn Chính
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: / b) Protein: Âm tính c) Khác (nếu có):	CNXN.Phan Văn Chính
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):.....	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: IV

2. Các bệnh, tật (nếu có): Hiện tại đủ sức khỏe học tập và công tác.

ngày 06 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

PHỤ LỤC II

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

Số: 04526 ...../GKSKLX/33075/26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: TRẦN VĂN HƯNG
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐
3. Ngày tháng năm sinh: 27/04/1998 (Tuổi: 28)
4. Số CCCD/CC/Hộ chiếu/Định danh công dân: 033098002627
5. Cấp ngày 10/08/2021 Tại Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Ngõ Hành Hoàn Long Hưng Yên
7. Đề nghị khám sức khỏe để lái xe hạng: C

I. TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑; b) Có ☐;

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử, bệnh sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không *(Bác sỹ hỏi bệnh và đánh dấu X vào ô tương ứng)*

	Có/Không			Có/Không	
Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		X	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		X
Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		X	Bệnh tâm thần		X
Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		X	Mất ý thức, rối loạn ý thức		X
Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		X	Ngất, chóng mặt, mệt mỏi, buồn ngủ hoặc ngất xỉu		X
Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		X	Bệnh tiêu hóa		X
Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo		X	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		X

nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		x			x
Tăng huyết áp		x	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		x
Khó thở		x	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		x
Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		x	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		x
Bệnh thận, lọc máu		x	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		x

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

.....

3. Câu hỏi khác (nếu có):

Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày 19. tháng 03.. năm 2026.

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hoàn Văn Hưng

CÔNG TY TNHH PHÚC LÂM - SỞ KHĐT
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM
MSDN: 0900259

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Tâm thần: Bình thường Kết luận I	
2. Thần kinh: Bình thường Kết luận I	BS. Nguyễn Thị Ngọc
3. Mắt: - Thị lực nhìn xa từng mắt: + Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10 + Có kính: Mắt phải: ..... Mắt trái: ..... - Thị lực nhìn xa hai mắt: Không kính ..... Có kính	

- Thị trường:

Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương)		Thị trường đứng (chiều trên-dưới)	
Bình thường	Hạn chế	Bình thường	Hạn chế
✓		✓	

- Sắc giác

+ Bình thường ☑

+ Mù màu toàn bộ ☐ Mù màu: - Đỏ ☐ - Xanh lá cây ☐ - vàng ☐

Các bệnh về mắt (nếu có):

.....

BSCKI. Nguyễn Thị Kim Dung

Kết luận

Loại I

4.Tai-Mũi-Họng

Kết quả khám thính lực (có thể sử dụng máy trợ thính)

+ Tai trái: Nói thường: .....m; Nói thầm: .....m

+ Tai phải: Nói thường: .....m; Nói thầm: .....m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

Bình thường

BÁC SỸ

Vũ Thanh Bình

Kết luận

I

5. Tim mạch:

+ Mạch: 71 lần/phút;

+ Huyết áp: 110/65 mmHg

Bình thường

Kết luận

I

BS. Nguyễn Thị Ngọc

6. Hô hấp

Bình thường

Kết luận

I

7. Cơ Xương Khớp:

Bình thường

Kết luận

I

Bs. Nguyễn Văn Sơn

8. Nội tiết: Bình thường Kết luận I	83. Nguyễn Thị Ngọc

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ/Trưởng bộ phận
1. Xét nghiệm ma túy (Xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy theo quy định của Bộ Y tế: Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin) Kết quả: ÂM TÍNH	CNXN. Phan Văn Chính
2. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sỹ khám sức khỏe: Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở/huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác (điện não đồ, điện tim...) a) Kết quả:	
b) Kết luận:	

IV. KẾT LUẬN (4)

HIỆN TẠI ĐỦ ĐIỀU KIỆN SỨC KHỎE LÁI XE / ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG HẠNG C

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận)

....., ngày 19 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

C.TY TNHH PHÚC LÂM KHÁNH HÒA BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM MSDN: 0900259214

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKI. Nguyễn Tiến Hưng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

Số: 01549 /GKSK/BVPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: LÝ VĂN HOÀNH
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm : 30/05/1980 (Tuổi:)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 033080005448
5. Cấp ngày 19/04/2022 Tại Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Văn Giang - Hưng Yên
7. Lý do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	

8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... *ngày* 24 *tháng* 04 *năm* 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hoành

Lý văn Hoành

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 170 cm; - Cân nặng: 68 kg; - Chỉ số BMI: .....

- Mạch: 82 lần/phút; - Huyết áp: 120 / 72 mmHg

Phân loại thể lực: .....

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*		

	Phân loại		
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*		
	Phân loại		
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	
e)	*Cơ-xương-khớp*		
	Phân loại		
g)	*Thần kinh*		BS. Nguyễn Thị Ngọc
	Phân loại	Bình thường	
h)	*Tâm thần*	I	
	Phân loại		
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:** *- Ngoại khoa:* *Phân loại:* *- Da liễu:* Phân loại:	Bình thường I	BS. Nguyễn Thị Ngọc
3.	**Sản phụ khoa:** ..... Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 20/20 Mắt trái 20/20 Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại: I			BSCK2 Nguyễn Thị Kim Dung
5.	**Tai - Mũi - Họng**		
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....15..... m; Nói thầm.....10/15..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại: I			BÁC SỸ Vũ Thanh Bình
6.	**Răng - Hàm - Mặt**		
Kết quả khám: Hàm trên: Bt.....			

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

Hàm dưới: N	BÁC SỸ Vũ Thanh Bình
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại V	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 5,19 T/L Số lượng Bạch cầu: 7,66 G/L Số lượng tiểu cầu: 414 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,6 mmol/L Urê: 5,0 mmol/L Creatinin: 87 mmol/L ASAT(GOT): 33 U/L ALAT (GPT): 35 U/L	CNXN. Phan Văn Chính
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: Âm tính b) Protein: Âm tính c) Khác (nếu có):	CNXN. Phan Văn Chính
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hình ảnh X Quang Tim phổi Bình thường	BSCKI. Nguyễn Tiến Hưng

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Hiện tại đủ sức khỏe

2. Các bệnh, tật (nếu có): học tập và công tác.

.....

.....ngày 24 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Bs. Phạm Đức Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 9 tháng 11 năm 2019

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Số : 102/HĐ-NGANHANH

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007;
- Căn cứ Nghị định: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở;
- Căn cứ Thông tư số: 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ vào khả năng cung cấp nước của Nhà máy nước sạch Thịnh Phát (mà Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Thịnh Phát là đơn vị đầu tư) và nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

Đại diện nhà máy nước sạch THỊNH PHÁT- bên bán (*gọi tắt là bên A):*
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
Người đại diện: **ÔNG LƯƠNG TIẾN HÙNG** Chức vụ: P.Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Thôn Từ Hồ Xã Yên Phú Huyện Yên Mỹ Tỉnh Hưng Yên
Tài khoản: 1004229996
Tại ngân hàng TMCP Sài gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hưng Yên
Tài khoản: 46610000333668 Tại ngân hàng: BIDV – chi nhánh Bắc Hưng Yên
Điện thoại liên hệ: *0973.918.333*
Mã số thuế: 0900839341

Đại diện bên mua (*gọi tắt là bên B):*
Chủ hộ ..... Trần Văn Ngọn (Khương) .....
Người đại diện Ông (bà)..... Chức vụ :.....
Số CMND/thẻ căn cước.....cấp ngày...../...../.....tại.....
Địa chỉ: Ngân Hạnh – Hoàn Long – Yên Mỹ - Hưng Yên
Điện thoại: 0981 807 666 ;

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sạch này với những nội dung sau:

Điều 1 . Đối tượng của hợp đồng:

Bên A thực hiện dịch vụ cấp nước sinh hoạt cho Bên B theo các điều kiện chất lượng dịch vụ như quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật; Bên B sử dụng nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp đồng này, cụ thể như sau:

1.1 . Mục đích sử dụng nước: ..... S H .....

1.2. Điểm đấu nối vào hệ thống cấp nước của Bên A: Ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân tường rào công trình của Bên B trong điều kiện cho phép.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ :

2.1. Chất lượng nước sạch: Bên A cung cấp nguồn nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành.

2.2. Vị trí cấp nước: Tại vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước của bên B:

2.3. Khối lượng: Khối lượng nước sạch bên A bán cho bên B theo nhu cầu sử dụng của bên B và phù hợp với điều kiện cấp nước của bên A, được xác định qua đồng hồ đo đếm nước, đơn vị tính mét khối.

Điều 3. Giá bán nước sạch:

- Giá bán nước sạch áp dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định.

- Khi có sự thay đổi về giá bán nước sạch bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng cho khách hàng biết để phối hợp cùng thực hiện.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

4.1. Bên B thanh toán tiền nước sinh hoạt cho bên A theo định kỳ 1 tháng 1 lần .

4.2. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.3. Thời hạn thanh toán: Từ ngày 01 hàng tháng đến hết ngày 10 của tháng tại Nhà văn hóa Thôn.

Quá thời hạn qui định trên, bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp nước. Sau 05 tuần kể từ ngày thông báo, bên A sẽ tạm ngừng cấp nước, sau khi bên B thanh toán tiền nước thì mới được xem xét đấu nối trở lại, mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán toàn bộ cho Bên A.

4.4. Sử dụng nước không đúng mục đích, đăng ký bán lại nước sạch không được sự đồng ý của bên A, bên B phải thanh toán tiền nước theo giá dịch vụ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

5.1. Quyền của bên A:

5.1.1. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hệ thống cấp nước, nhu cầu sử dụng nước và việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng của bên B.

5.1.2. Yêu cầu bên B thanh toán tiền nước và các chi phí liên quan khác đúng thời hạn quy định.

5.1.3. Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để thực hiện ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước và kiểm tra theo khoản 5.1.1 của điều này.

5.2. Nghĩa vụ của bên A

5.2.1. Cung cấp nước sạch ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng nước sạch theo tiêu chuẩn quy định và thực hiện các biện pháp để duy trì và cải thiện điều kiện cấp nước.

5.2.2. Đảm bảo đồng hồ đo nước được lắp đặt cho bên B đã được kiểm định và thực hiện việc bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ.

5.2.3. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến mua bán, sử dụng nước sạch, chất lượng nước sạch, đồng hồ đo nước đã được thoả thuận tại hợp đồng này và các quy định hiện hành.

5.2.4. Đọc và ghi chính xác chỉ số đồng hồ định kỳ hàng tháng cho bên B, thông báo số lượng tiêu thụ cho bên B nếu có yêu cầu.

5.2.5. Phát hành hoá đơn và thu tiền nước hàng tháng cho bên B .

5.2.6. Thông báo (trước 02 ngày) trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi ngừng cấp nước để bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo kế hoạch (*trừ trường hợp có sự cố đột xuất*).

5.2.7. Thông báo cho Bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước, thay đổi giá nước.

5.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

6.1 Quyền của bên B:

6.1.1. Yêu cầu bên A cung cấp nước sạch đảm bảo về số lượng, chất lượng theo nội dung đã thoả thuận tại Điều 2 của hợp đồng này. Kiểm tra chất lượng nước sạch, tính chính xác của đồng hồ đo đếm nước sạch; số tiền nước phải thanh toán.

6.1.2. Yêu cầu bên A khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho bên B trong thời gian sớm nhất.

6.1.3. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin về giá cả hoặc giới thiệu các văn bản pháp lý có liên quan đến quản lý dịch vụ cấp nước và sử dụng nước sạch.

6.1.4. Yêu cầu bên A kiểm tra tính chính xác của đồng hồ đo đếm, số tiền thanh toán hàng tháng.

6.2 Nghĩa vụ của bên B:

6.2.1. Thanh toán tiền nước đúng thời hạn theo hoá đơn hàng tháng do bên A phát hành.

6.2.2. Sử dụng nước đúng mục đích đã đăng ký, khi có thay đổi về mục đích sử dụng nước thì phải thông báo cho bên A để áp giá theo quy định.

6.2.3. Phối hợp tạo điều kiện cho bên A thực hiện việc ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước, kiểm tra việc sử dụng nước, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống cấp nước.

6.2.4. Tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng nước sạch, bảo vệ đồng hồ đo nước, hệ thống ống dẫn nước từ họng cấp nước về đến nơi sử dụng. Trường hợp đồng hồ đo nước bị mất hoặc hư hỏng như: đứt kẹp trì, vỡ, chảy mặt kính, vỡ đường ống từ khởi thủy đến cụm hồ đồng hồ phải báo cho bên A đến sửa chữa kịp thời.

6.2.5. Chỉ được lấy nước sạch qua đồng hồ được bên A lắp đặt, không được gian lận bằng bất cứ hình thức nào.

6.2.6. Thông báo kịp thời cho bên A khi có những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

6.2.7. Khi không có nhu cầu sử dụng nước sạch, chuyển chỗ ở mới hoặc chuyển giao hợp đồng từ chủ thể này cho chủ thể khác thì bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 10 ngày để làm các thủ tục theo quy định.

6.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tạm ngừng cấp nước, chấm dứt hợp đồng:

7.1. Tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Do nguyên nhân khách quan như: Mất điện, sự cố hệ thống...

- Bên B có yêu cầu vì các lý do hợp pháp như: Tạm vắng, tạm ngừng sử dụng nước trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước.

- Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoá đơn tiền nước sau 05 tuần kể từ ngày bên A thông báo việc ngừng cấp nước hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng dịch vụ cấp nước.

7.2 Chấm dứt hợp đồng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Bên B không có nhu cầu sử dụng hoặc bên A không đủ điều kiện cấp nước.

- Hệ thống cấp nước của bên B hoặc bên A bị giải toả, di rời theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Một trong hai bên không thực hiện các điều khoản của hợp đồng, vi phạm quy định quản lý và sử dụng nước, nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định đã hiện hành khác.

- Hai bên thoả thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

Điều 8. Xử lý vi phạm hợp đồng

Trong trường hợp các bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng dịch vụ cung cấp nước thì tùy thuộc vào lỗi của bên vi phạm mà xác định mức độ bồi thường, xử phạt. Mức bồi thường, xử phạt căn cứ theo hợp đồng; Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP, ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính Phủ *(về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở)*, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Điều khoản chung:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, các quy định hiện hành của pháp luật về mua bán sử dụng nước sạch.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu không được giải quyết sẽ được đưa ra toà án kinh tế giải quyết.

- Trong thời gian chờ giải quyết bên A và bên B vẫn phải thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Số điện thoại đường dây nóng để khách hàng liên hệ: 0973.918.333 hoặc 0904.127.840

ĐẠI DIỆN BÊN MUA (BÊN B)	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (BÊN A)
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Trần Văn Ngạn	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG S THỊNH PHÁT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Lương Tiến Hùng

PHỤ LỤC

VỀ VIỆC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN NƯỚC SẠCH

1. Đối với những trường hợp vi phạm hợp đồng của Bên A

- Trường hợp Bên A cung cấp nước không đảm bảo chất lượng theo quy định ảnh hưởng đến sinh hoạt của người sử dụng thì phải bồi thường cho bên B toàn bộ số tiền bên B bỏ ra ứng với khối lượng nước không đảm bảo chất lượng.

- Khi bên A làm hư hỏng hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của bên B thì bên A chịu trách nhiệm bồi thường bằng giá trị thực tế phần hư hỏng.

- Bên A ghi sai chỉ số đồng hồ đo nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn thực tế sử dụng của bên B thì bên A hoàn trả số tiền thừa cho bên B.

2. Đối với trường hợp vi phạm hợp đồng của bên B

2.1: Đục đường ống, lấy nước không qua đồng hồ, khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức (tất cả các trường hợp trên bên A sẽ đơn phương ngừng cấp nước. Sau 03 tháng mới xem xét để cấp nước trở lại).

- Đục ống lấy nước không qua đồng hồ, bên B phải nộp tiền nước truy thu. Mức truy thu được tính như sau: Thời gian tính truy thu ít nhất là 01 năm (365 ngày) với lượng nước tính truy thu mỗi ngày ít nhất là 2m3, giá nước tính truy thu là giá dịch vụ. Đối với trường hợp thời gian lắp đặt <1 năm tính đến thời điểm phát hiện vi phạm thì mức truy thu được tính từ ngày lắp đặt bàn giao cụm đồng hồ.

- Khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức, bên B phải nộp tiền nước truy thu được tính như sau: Thời gian tính từ ngày lắp, bàn giao đồng hồ đo nước với mức tối thiểu là 03 giờ/ 01 ngày, lưu lượng nước tính bằng mức nhỏ nhất là 0,2 lít/giây, giá nước để tính truy thu là giá nước dịch vụ tại thời điểm xử lý vi phạm hợp đồng. Phải thay thế đồng hồ mới và kinh phí bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

2.2: Tự ý di chuyển đồng hồ, để đồng hồ bị mất, hư hỏng, làm đứt niêm phong chì, bên B phải:

- Thanh toán toàn bộ chi phí cho việc tháo, kiểm định và lắp lại đồng hồ (trong trường hợp kiểm định đồng hồ không còn đảm bảo chất lượng hoặc làm mất đồng hồ thì bên B phải thanh toán chi phí thay đồng hồ mới).

- Tiền nước của tháng vi phạm được tính như sau: Lấy sản lượng nước của tháng cao nhất trong năm và thanh toán theo giá nước dịch vụ.

2.3: Thanh toán tiền nước không đúng thời hạn:

- Quá hạn 03 ngày thì bên B phải ký cam kết về việc không tiếp tục vi phạm

- Quá hạn 05 ngày thì bên A tạm ngừng cấp nước, sau khi thanh toán số tiền nợ thì mới được xem xét đấu nối trở lại. Mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán.

2.4: Sử dụng nước không đúng mục đích như đã đăng ký, bán lại nước sạch không được sự đồng ý của bên A.

Bên B phải thanh toán tiền nước theo giá dịch vụ.

CÔNG TY CP ĐT KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
NHÀ MÁY NƯỚC THỊNH PHÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU LẮP ĐẶT VÀ BÀN GIAO CỤM ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC – THÔN NGÂN HẠNH XÃ HOÀN LONG

Căn cứ hợp đồng số: ...../HĐ-NGANHANH ngày ...../..../201... giữa Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Thịnh phát và Chủ hộ .....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 201.... chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Đại diện Nhà máy nước sạch Thịnh Phát – CÔNG TY CP ĐT Khoáng sản Thịnh phát

- Ông: Lương Tiến Hùng — Chức vụ: P. Tổng Giám đốc
- Ông : — Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật

III. Đại diện Hộ dân (Chủ hộ)

- Ông/Bà: .....Trần Văn Tuấn.....

Cùng nhau tiến hành nghiệm thu lắp đặt và bàn giao cụm đồng hồ đo nước như sau:

TT	Tên vật tư	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Đồng hồ nước UHM-MAM-P:15-3M/H Loại tích hợp van 1 chiều	Chiếc	01	
2	Đai khởi thủy	Chiếc	01	
3	Rắc co HDPE D25	Cái	02	
4	Hộp đồng hồ nhựa Composit	Cái	01	
5	Van bi tay bướm MIHA D20 (3/4) vỏ đồng	Chiếc	01	
6	Khâu nối ren ngoài HDPE D20x3/4	Chiếc	1	
7	Ống HDPE D20 PN 12,5	M	3	
8	Ống PVC phi 21 Clas 2	M	1	
9	Cút PCV phi 21	Cái	1	
10	Nối ren trong PVC phi 21	Cái	1	
11	Góc nối ren HDPE		1	
12	Hoàn thiện mặt bằng như hiện trạng		1	
13				

Vị trí lắp đặt: Tại trước cổng vào nhà hộ dân hay ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân tường rào công trình của chủ hộ hoặc cơ quan trong điều kiện cho phép.

Số seri đồng hồ:.....76932.....Số đồng hồ nước tại thời điểm lắp đặt: 1,0m^3(Một mét khối); Thời gian lắp đặt ngày .9...tháng 12..năm 2019

Chi phí lắp đặt cụm đồng hồ do hai bên tự thoả thuận.

Ghi chú: Sau khi nghiệm thu lắp đặt và bàn giao, Hộ gia đình có trách nhiệm bảo vệ cụm đồng hồ của gia đình mình, nếu để xảy ra mất mát hoặc hư hỏng do yếu tố bị phá hoại thì Hộ gia đình đó phải chịu toàn bộ chi phí lắp đặt cụm đồng hồ mới.

ĐẠI DIỆN HỘ DÂN	CÁN BỘ KĨ THUẬT	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu)*
Trần Văn Tuấn		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Lương Tiến Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: http://labo.huph.edu.vn

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-227 (26.1464)

1. Tên mẫu/ *Name of sample* : **Mẫu đầu nguồn tại Nhà máy nước sạch Thịnh Phát**
2. Loại mẫu/ *Sample type* : **Nước sạch**
3. Tên khách hàng/ *Name of customer* : **Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Thịnh Phát**
4. Địa chỉ khách hàng/ *Address of customer* : **Thôn Từ Hồ, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
5. Mô tả mẫu/ *Description* : **Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường**
6. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **08/05/2026**
7. Người lấy/gửi mẫu/ *Sample taking* : **Lương Đức Phong**
8. Thời gian thử nghiệm/ *Testing time* : **08/05/2026 – 18/05/2026**
9. Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

TT *No*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-227	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	*Coliform tổng số*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	*E. coli*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00304	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,45	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,19	2
9	Permanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,33	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:
Mẫu do khách hàng gửi đến:
QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;
(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp;Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

UBND XÃ HOÀN LONG
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 033171011345

Đăng ký lần đầu, ngày 08 tháng 08 năm 2025

1. Tên hộ kinh doanh:
Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH ĐỖ THỊ HÀ (XÃ HOÀN LONG) - BÁN LẺ THỰC PHẨM

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0976347331 Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
2	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781 (Chính)*
3	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*

4. Vốn kinh doanh:
Vốn kinh doanh (Bằng số): 100.000.000 đồng
Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Một trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: ĐỖ THỊ HÀ
Giới tính: Nữ
Sinh ngày: 18/07/1971 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Số định danh cá nhân: 033171011345
Nơi thường trú: THÔN ĐẠI HẠNH, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Nơi ở hiện tại: Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X. HOÀN LONG - T. HƯNG YÊN

TRƯỞNG PHÒNG
VŨ NGUYÊN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ

Cơ sở/ Establishment: **ĐỖ THỊ HÀ**

Mã số/ Approval number: 05D800001632/ HKD

Địa chỉ/ Address: thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại/ Tel: 0976.347.331 Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

Chế biến, kinh doanh giò, chả

Số cấp/ Number: 01 /2025/NNPTNT-HY

Có hiệu lực đến ngày 17 tháng 01 năm 2028.

Valid until (date/month/year): / /2028.

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số: , cấp ngày tháng năm

and replaces The Certificate N°: issued on (day/month/year)

Yên Mỹ, ngày 17 tháng 01 năm 2025, day/month/year

TUQ. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT

Nguyễn Văn Kha

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THỰC PHẨM

Số : 2010.2025 /HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2025 , tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thực Phẩm Tâm An chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Bà **Trần Thị Kim Anh** - Chức vụ : Giám Đốc

Điện thoại : 0977072666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản : 681600868686 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Bắc Hưng Yên.

BÊN BÁN (BÊN B) : **HỘ KINH DOANH ĐỖ THỊ HÀ (XÃ HOÀN LONG) – BÁN LẺ THỰC PHẨM**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Bà **Đỗ Thị Hà** - Chức vụ: Chủ HKD

Điện thoại : .....

Mã số thuế : 033171011345

Tài khoản : .....

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

<u>Điều 1</u> : Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua các loại giò, chả: lợn, gà, bò, bê theo đơn đặt hàng của Bên A gửi cho bên B (Gọi tắt là Hàng hóa)

<u>Điều 2</u> : Chất lượng, hàng hóa, thời gian, địa điểm giao

2.1 Bên B phải cung cấp hàng đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên đúng thời gian của Bên A đã gửi và chất lượng Hàng hóa theo đúng mẫu bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng

Địa điểm giao hàng: Giao nhận tại địa điểm mà hai bên đã thỏa thuận và thống nhất

2.2 Bên B phải cung cấp hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho bán trên thị trường.

2.3 Bên B chịu trách nhiệm chất lượng về các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm cho sản phẩm

2.3. Cách đóng gói và bảo quản khi vận chuyển.

- Đóng gói tùy theo yêu cầu của bên mua

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo VSATTP, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của bên A.

<u>Điều 3</u> : Giá cả, đối chiếu công nợ, phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá thanh toán được áp dụng theo bảng giá Bên B đã gửi cho Bên A tại thời điểm đã được hai bên thỏa thuận và xác nhận thông qua điện thoại

- Đơn giá trên đã bao gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp tại địa điểm hai bên đã thỏa thuận và thống nhất

-Trường hợp có sự biến động về giá cả thị trường sẽ được hai bên thỏa thuận và thống nhất trước 02 ngày trước khi đi vào thực hiện chính thức

3.2 Đối chiếu công nợ.

Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các phiếu giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bảng đối chiếu công nợ chi tiết về trụ sở của Bên A chậm nhất vào ngày 05 của tháng, kèm theo việc cung cấp đầy đủ cho bên A phiếu xuất kho, giấy thanh toán khi giao hàng và các giấy tờ chứng nhận khác về xuất xứ hàng hóa, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Bên A

3.3 Phương thức thanh toán.

- Sau khi đã thống nhất công nợ hai bên, Bên A sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản

- Thời hạn thanh toán: theo thoả thuận của hai bên.

<u>Điều 4</u>: Trách nhiệm của các bên

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán cho bên B theo đúng quy định tại điều 3 của hợp đồng này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng.

4.2. Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng cho bên A theo đúng thỏa thuận tại điều 2 của hợp đồng này.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa đã giao cho bên A.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã giao cho Bên A

<u>Điều 5: Phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại</u>

-Nếu bên bán không giao đủ hàng đúng số lượng và chất lượng theo quy định Hợp đồng này thì sẽ phải cung cấp tiếp hàng hóa theo đúng định và bị phạt số tiền là 0.05%/ tổng giá trị hàng hóa bị vi phạm cho 01 ngày chậm

- Nếu bên bán không giao hàng đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0.05%/ tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm

Điều 6: Trách nhiệm chung

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh vi phạm Hợp đồng các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Những vướng mắc không thể giải quyết được sẽ do tòa án kinh tế Hưng Yên giải quyết và phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện

Điều 7: Các thỏa thuận khác

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các Văn bản Pháp luật về Hợp đồng kinh tế do Nhà nước ban hành

Điều 8: Điều khoản thi hành

8.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Mã số thuế
- Các giấy tờ liên quan đến VSATTP

8.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng văn bản và được sự xác nhận của hai bên

8.3: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 20 tháng 10 năm 2026

8.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán, không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn theo từng năm và hợp đồng sẽ được thanh lý khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng nhưng phải báo với bên còn lại trước 15 ngày bằng văn bản.

8.5: Hợp đồng này gồm 8 điều được lập thành 04 bản chính, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản. các bản có giá trị Pháp lý như nhau

8.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc được ủy quyền để ký Hợp đồng này

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PẨM TÂM AN GIÁM ĐỐC TRẦN THỊ KIM ANH	Đỗ Thị Hà

HỘ KINH DOANH
ĐỖ THỊ HÀ
(XÃ HOÀN LONG) – BÁN
LẺ THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH		SỐ CMTND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
1	ĐỖ THỊ HÀ		Nữ	033171011345	10/08/2021	Cục cảnh sát
2	PHẠM VĂN QUÂN	Nam		033069001404	11/08/2021	Cục cảnh sát
2	TRẦN QUỐC TUẤN	Nam		033093002451	29/09/20222	Cục cảnh sát

Hưng Yên, ngày 20 tháng 05 năm 2026

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Đỗ Thị Hà

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07.810/GKSK/BVPL

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐỖ THỊ HÀ
2. Giới tinh: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh Ngày tháng năm: 18/12/1971 (Tuổi: 56T)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 033171011345
5. Cấp ngày 10/8/2021 Tại Cục Cảnh Sát
6. Chỗ ở hiện tại: Hoàng Long Trung Yên
7. Mục đích khám sức khỏe: đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒

Nội khoa (miễn cảm)

Bạn có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy kể tên thuốc đang dùng

Tiền sử dị ứng (Đối với phụ nữ):

Cam đoan những điều khai trên là hoàn toàn đúng sự thật theo tôi biết.

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ tên)

II. THỂ LỰC

Chiều cao: ... cm - Cân nặng: ... kg - Chỉ số BMI: ...

Tuần hoàn: ... lần/phút - Huyết áp: ... / ... mmHg

Thể lực:

III. CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
Khoa	
Kết quả	Bình thường
Kết luận	BS. Nguyễn Đức Ngọc
Ký	

	Phát hiện		
	Tiền sử bệnh	Bình thường	
13	Phát hiện		BS. Nguyễn Đức Ngọc
	Phát hiện Tim mạch	Bình thường	
14	Phát hiện		
	Nội tiết		
15	Phát hiện	Bình thường	BS. Nguyễn Đức Ngọc
	Cơ xương khớp		
16	Phát hiện	Bình thường	
	Phát hiện		
17	Phát hiện		BS. Nguyễn Đức Ngọc
	Phát hiện	Bình thường	
18	Phát hiện		BS. Nguyễn Đức Ngọc
	Ngoại khoa, Da liễu:		
	Ngoại khoa		
	Phát hiện	Bình thường	
	Da liễu		
	Phát hiện		
	Sản phụ khoa:		BS. Nguyễn Đức Ngọc
19	Phát hiện	Bình thường	

4. Mắt

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ... Mắt trái ...

Có kính: Mắt phải ... Mắt trái ...

Cận thị nặng (nếu có)

Phát hiện: BS. Nguyễn Đức Ngọc

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám nghe tai

Tai trái: Nói thường ... m, Nói thầm ... m

Tai phải: Nói thường ... m, Nói thầm ... m

Cân bằng (nếu có): Đi ... Đứng ...

Phát hiện: BS. Đỗ Đức Tiến

6. Răng - Hàm - Mặt

Răng sữa: ... Răng trẻ em: Bình thường

Hàm dưới: Bình thường	BÁC SỸ Vũ Thanh Bình
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): I	
Phân loại	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,39 T/L Số lượng Bạch cầu: 6,13 G/L Số lượng tiểu cầu: 155 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,2 mmol/l Urê: 4,2 mmol/l Creatinin: 60 µmol/l ASAT(GOT): 41 U/L ALAT (GPT): 21 U/L	CNXN Phan Văn Chính
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: Âm tính b) Protein: c) Khác (nếu có):	CNXN Phan Văn Chính
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hình ảnh X Quang Tim phổi bình thường	BSCKI Nguyễn Tiến Hưng

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hiện tại đủ sức khỏe học tập và công tác.

ngày 29 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

GIÁM ĐỐC

BSCKI Nguyễn Minh Thắng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0741.../GKSK/BVPL

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: PHẠM VĂN QUÂN
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm : 23.9.1969 (Tuổi: 57)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 033069001704
5. Cấp ngày 11/8/2021 Tại Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Tứ hạ, xã Việt yên, Huyện yên
7. Lý do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒

3. Cho ban khám chữa bệnh

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy kể tên các thuốc đang dùng và liều lượng

b) Tiền sử dị ứng (Dùng thuốc gì, thức ăn gì):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật. Nếu có điều gì sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: ... cm; - Cân nặng: ... kg; - Chỉ số BMI:
- Mạch: ... Nhịp/phút; - Huyết áp: ... / ... mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Bình thường	
Phân loại		
b) Hô hấp		Đ. Nguyễn Thị Ngọc
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu		
Ngoại khoa		
Phân loại	Bình thường	
Da liễu		Đ. Nguyễn Thị
Phân loại		
Sản phụ khoa		
3. Phân loại		
4. Mắt		
Kết quả thị lực: Không kính: Mắt phải ... Mắt trái ...		
Có kính: Mắt phải ... Mắt trái ...		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại:		BSCK Nguyễn Thị Ngọc
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả kiểm tra thính lực:		
Tai phải: Nói thường ... m; Nói thầm ... m		
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 1,5 m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm mũi dị ứng		BS. Đỗ Đ.
Phân loại:		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Răng sữa:	Bình thường	

Hàm dưới: Bình thường	Bác sỹ Vũ Thanh Bình
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại:	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,55 T/L Số lượng Bạch cầu: 7,78 G/L Số lượng tiểu cầu: 223 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 61 mg/dl Ure: 5,4 mg/dl Creatinin: 78 µmol/l ASAT(GOT): 21 U/L ALAT (GPT): 35 U/L	CNXN Phan Văn Chính
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: / Âm tính b) Protein: c) Khác (nếu có):	CNXN Phan Văn Chính
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hết cắt L Cung Tim ngực BT Thẳng	BSCKI Nguyễn Tuấn Hưng

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: 1

2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hiện tại đủ sức khỏe học tập và công tác.

ngày 22 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

GIÁM ĐỐC

BSCKI Nguyễn Mạnh Thắng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0289 GKSK/BVPL

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): TRẦN QUỐC TUẤN
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm: 4.6.1993 (Tuổi: 34)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu định danh CD: 033093002451
5. Cấp ngày 29/9/2022 Tại Cục CSQLHC về TTXH
6. Chỗ ở hiện tại: Nam Long - Thuỷ Xuân
7. Mục đích khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ... cm; Cân nặng: ... kg; Chỉ số BMI: ...

Mạch: ... lần/phút; Huyết áp: ... / ... mmHg

Nhận xét chung: ...

7. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
Nội khoa		
Tuần hoàn	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
Phổi hoặc		
Tiêu hóa		
Thần kinh	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
Cơ xương khớp		
Phân loại	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
Tâm thần		
Phân loại	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
Phân loại	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
Ngoại khoa, Da liễu:	Bình thường	BS. Nguyễn Thị Ngọc
Ngoại khoa		
Phân loại		
- Da liễu		
Phân loại		
Sản phụ khoa:		
Phân loại		

8. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: ... Mắt trái: ...

Có kính: Mắt phải: ... Mắt trái: ...

Kết luận: ... BSCK. Nguyễn Thị Tam Dung

9. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực

Tai trái: Nói thường ... m; Nói thầm ... m

Tai phải: Nói thường ... m; Nói thầm ... m

Kết luận về sức nghe giảm (nếu có): ... BS. Đỗ Thanh Tâm

Phân loại: ...

10. Răng - Hàm - Mặt Bình thường

Kết quả khám: ... Phân loại: ...

Hàm dưới: Bình thường	Bác sỹ Vũ Thanh Tình
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,54 T/L Số lượng Bạch cầu: 8,13 G/L Số lượng tiểu cầu: 180 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 7,9 mmol/L Urê: 5,9 mmol/L Creatinin: 92 µmol/L ASAT(GOT): 54 U/L ALAT (GPT): 34 U/L	CNXN Phan Văn Chính
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: /Âm tính b) Protein: /Âm tính c) Khác (nếu có):	CNXN Phan Văn Chính
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hết tổn thương tim phổi bất thường	BSCKI Nguyễn Tiến Thắng

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Hiện tại đủ sức khỏe học tập và công tác.

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....ngày 22 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHỤC LÂM

GIÁM ĐỐC

BSCKI Nguyễn Minh Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2019

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số : 361/HĐ-ĐAIHANH

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007;
- Căn cứ Nghị định: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở;
- Căn cứ Thông tư số: 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ vào khả năng cung cấp nước của Nhà máy nước sạch Thịnh Phát (mà Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Thịnh Phát là đơn vị đầu tư) và nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

Đại diện nhà máy nước sạch THỊNH PHÁT- bên bán (*gọi tắt là bên A*):
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
Người đại diện: **ÔNG LƯƠNG TIẾN HÙNG** Chức vụ: P.Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Thôn Từ Hồ Xã Yên Phú Huyện Yên Mỹ Tỉnh Hưng Yên
Tài khoản: 1004229996
Tại ngân hàng TMCP Sài gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hưng Yên
Tài khoản: 46610000333668 Tại ngân hàng: BIDV – chi nhánh Bắc Hưng Yên
Điện thoại liên hệ: *0973.918.333*
Mã số thuế: 0900839341

Đại diện bên mua (*gọi tắt là bên B*):
Chủ hộ .....Trần Văn Nam.....
Người đại diện Ông (bà)..... Chức vụ :.....
Số CMND/thẻ căn cước.....cấp ngày...../...../.....tại.....
Địa chỉ: Đại Hạnh – Hoàn Long – Yên Mỹ - Hưng Yên
Điện thoại: 0979 653 605;

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sạch này với những nội dung sau:

Điều 1 . Đối tượng của hợp đồng:

Bên A thực hiện dịch vụ cấp nước sinh hoạt cho Bên B theo các điều kiện chất lượng dịch vụ như quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật; Bên B sử dụng nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp đồng này, cụ thể như sau:

1.1 . Mục đích sử dụng nước: .....

1.2. Điểm đấu nối vào hệ thống cấp nước của Bên A: Ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân tường rào công trình của Bên B trong điều kiện cho phép.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ :

2.1. Chất lượng nước sạch: Bên A cung cấp nguồn nước sạch sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành.

2.2. Vị trí cấp nước: Tại vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước của bên B;

2.3. Khối lượng: Khối lượng nước sạch bên A bán cho bên B theo nhu cầu sử dụng của bên B phù hợp với điều kiện cấp nước của bên A, được xác định qua đồng hồ đo đếm nước, đơn vị tính mét khối.

Điều 3. Giá bán nước sạch:

- Giá bán nước sạch áp dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định.

- Khi có sự thay đổi về giá bán nước sạch bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng cho khách hàng biết để phối hợp cùng thực hiện.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

4.1. Bên B thanh toán tiền nước sinh hoạt cho bên A theo định kỳ 1 tháng 1 lần .

4.2. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.3. Thời hạn thanh toán: Từ ngày 01 hàng tháng đến hết ngày 10 của tháng tại Nhà văn hóa Thôn.

Quá thời hạn qui định trên, bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp nước. Sau 05 tuần kể từ ngày thông báo, bên A sẽ tạm ngừng cấp nước, sau khi bên B thanh toán tiền nước thì mới được xem xét đấu nối trở lại, mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán toàn bộ cho Bên A.

4.4. Sử dụng nước không đúng mục đích, đăng ký bán lại nước sạch không được sự đồng ý của bên A, bên B phải thanh toán tiền nước theo giá dịch vụ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

5.1. Quyền của bên A:

5.1.1. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hệ thống cấp nước, nhu cầu sử dụng nước và việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng của bên B.

5.1.2. Yêu cầu bên B thanh toán tiền nước và các chi phí liên quan khác đúng thời hạn quy định.

5.1.3. Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để thực hiện ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước và kiểm tra theo khoản 5.1.1 của điều này.

5.2. Nghĩa vụ của bên A

5.2.1. Cung cấp nước sạch ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng nước sạch theo tiêu chuẩn quy định và thực hiện các biện pháp để duy trì và cải thiện điều kiện cấp nước.

5.2.2. Đảm bảo đồng hồ đo nước được lắp đặt cho bên B đã được kiểm định và thực hiện việc bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ.

5.2.3. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến mua bán, sử dụng nước sạch, chất lượng nước sạch, đồng hồ đo nước đã được thoả thuận tại hợp đồng này và các quy định hiện hành.

5.2.4. Đọc và ghi chính xác chỉ số đồng hồ định kỳ hàng tháng cho bên B, thông báo số lượng tiêu thụ cho bên B nếu có yêu cầu.

5.2.5. Phát hành hoá đơn và thu tiền nước hàng tháng cho bên B .

5.2.6. Thông báo (trước 02 ngày) trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi ngừng cấp nước để bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo kế hoạch (*trừ trường hợp có sự cố đột xuất*).

5.2.7. Thông báo cho Bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước, thay đổi giá nước.

5.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

6.1 Quyền của bên B:

6.1.1. Yêu cầu bên A cung cấp nước sạch đảm bảo về số lượng, chất lượng theo nội dung đã thoả thuận tại Điều 2 của hợp đồng này. Kiểm tra chất lượng nước sạch, tính chính xác của đồng hồ đo đếm nước sạch; số tiền nước phải thanh toán.

6.1.2. Yêu cầu bên A khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho bên B trong thời gian sớm nhất.

6.1.3. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin về giá cả hoặc giới thiệu các văn bản pháp lý có liên quan đến quản lý dịch vụ cấp nước và sử dụng nước sạch.

6.1.4. Yêu cầu bên A kiểm tra tính chính xác của đồng hồ đo đếm, số tiền thanh toán hàng tháng.

6.2 Nghĩa vụ của bên B:

6.2.1. Thanh toán tiền nước đúng thời hạn theo hoá đơn hàng tháng do bên A phát hành.

6.2.2. Sử dụng nước đúng mục đích đã đăng ký, khi có thay đổi về mục đích sử dụng nước thì phải thông báo cho bên A để áp giá theo quy định.

6.2.3. Phối hợp tạo điều kiện cho bên A thực hiện việc ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước, kiểm tra việc sử dụng nước, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống cấp nước.

6.2.4. Tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng nước sạch, bảo vệ đồng hồ đo nước, hệ thống ống dẫn nước từ họng cấp nước về đến nơi sử dụng. Trường hợp đồng hồ đo nước bị mất hoặc hư hỏng như: đứt kẹp trì, vỡ, chảy mặt kính, vỡ đường ống từ khởi thủy đến cụm hồ đồng hồ phải báo cho bên A đến sửa chữa kịp thời.

6.2.5. Chỉ được lấy nước sạch qua đồng hồ được bên A lắp đặt, không được gian lận bằng bất cứ hình thức nào.

6.2.6. Thông báo kịp thời cho bên A khi có những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

6.2.7. Khi không có nhu cầu sử dụng nước sạch, chuyển chỗ ở mới hoặc chuyển giao hợp đồng từ chủ thể này cho chủ thể khác thì bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 10 ngày để làm các thủ tục theo quy định.

6.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tạm ngừng cấp nước, chấm dứt hợp đồng:

7.1. Tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Do nguyên nhân khách quan như: Mất điện, sự cố hệ thống...
- Bên B có yêu cầu vì các lý do hợp pháp như: Tạm vắng, tạm ngừng sử dụng nước trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước.
- Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoá đơn tiền nước sau 05 tuần kể từ ngày bên A thông báo việc ngừng cấp nước hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng dịch vụ cấp nước.

7.2 Chấm dứt hợp đồng cấp nước trong các trường hợp sau:

- Bên B không có nhu cầu sử dụng hoặc bên A không đủ điều kiện cấp nước.
- Hệ thống cấp nước của bên B hoặc bên A bị giải toả, di rời theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Một trong hai bên không thực hiện các điều khoản của hợp đồng, vi phạm quy định quản lý và sử dụng nước, nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định đã hiện hành khác.
- Hai bên thoả thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

Điều 8. Xử lý vi phạm hợp đồng

Trong trường hợp các bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng dịch vụ cung cấp nước thì tùy thuộc vào lỗi của bên vi phạm mà xác định mức độ bồi thường, xử phạt. Mức bồi thường, xử phạt căn cứ theo hợp đồng; Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP, ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính Phủ *(về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở)*, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Điều khoản chung:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, các quy định hiện hành của pháp luật về mua bán sử dụng nước sạch.
- Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu không được giải quyết sẽ được đưa ra toà án kinh tế giải quyết.
- Trong thời gian chờ giải quyết bên A và bên B vẫn phải thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Số điện thoại đường dây nóng để khách hàng liên hệ: 0973.918.333 hoặc 0904.127.840

ĐẠI DIỆN BÊN MUA (BÊN B)	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (BÊN A)
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Hoàng Văn Nhel	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Lương Tiến Hùng

PHỤ LỤC

VỀ VIỆC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN NƯỚC SẠCH

1. Đối với những trường hợp vi phạm hợp đồng của Bên A

- Trường hợp Bên A cung cấp nước không đảm bảo chất lượng theo quy định ảnh hưởng đến sinh hoạt của người sử dụng thì phải bồi thường cho bên B toàn bộ số tiền bên B bỏ ra ứng với khối lượng nước không đảm bảo chất lượng.

- Khi bên A làm hư hỏng hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của bên B thì bên A chịu trách nhiệm bồi thường bằng giá trị thực tế phần hư hỏng.

- Bên A ghi sai chỉ số đồng hồ đo nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn thực tế sử dụng của bên B thì bên A hoàn trả số tiền thừa cho bên B.

2. Đối với trường hợp vi phạm hợp đồng của bên B

2.1: Đục đường ống, lấy nước không qua đồng hồ, khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức (tất cả các trường hợp trên bên A sẽ đơn phương ngừng cấp nước. Sau 03 tháng mới xem xét để cấp nước trở lại).

- Đục ống lấy nước không qua đồng hồ, bên B phải nộp tiền nước truy thu. Mức truy thu được tính như sau: Thời gian tính truy thu ít nhất là 01 năm (365 ngày) với lượng nước tính truy thu mỗi ngày ít nhất là 2m3, giá nước tính truy thu là giá dịch vụ. Đối với trường hợp thời gian lắp đặt <1 năm tính đến thời điểm phát hiện vi phạm thì mức truy thu được tính từ ngày lắp đặt bàn giao cụm đồng hồ.

- Khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức, bên B phải nộp tiền nước truy thu được tính như sau: Thời gian tính từ ngày lắp, bàn giao đồng hồ đo nước với mức tối thiểu là 03 giờ/ 01 ngày, lưu lượng nước tính bằng mức nhỏ nhất là 0,2 lít/giây, giá nước để tính truy thu là giá nước dịch vụ tại thời điểm xử lý vi phạm hợp đồng. Phải thay thế đồng hồ mới và kinh phí bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

2.2: Tự ý di chuyển đồng hồ, để đồng hồ bị mất, hư hỏng, làm đứt niêm phong chì, bên B phải:

- Thanh toán toàn bộ chi phí cho việc tháo, kiểm định và lắp lại đồng hồ (trong trường hợp kiểm định đồng hồ không còn đảm bảo chất lượng hoặc làm mất đồng hồ thì bên B phải thanh toán chi phí thay đồng hồ mới).

- Tiền nước của tháng vi phạm được tính như sau: Lấy sản lượng nước của tháng cao nhất trong năm và thanh toán theo giá nước dịch vụ.

2.3: Thanh toán tiền nước không đúng thời hạn:

- Quá hạn 03 ngày thì bên B phải ký cam kết về việc không tiếp tục vi phạm

- Quá hạn 05 ngày thì bên A tạm ngừng cấp nước, sau khi thanh toán số tiền nợ thì mới được xem xét đấu nối trở lại. Mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán.

2.4: Sử dụng nước không đúng mục đích như đã đăng ký, bán lại nước sạch không được sự đồng ý của bên A.

Bên B phải thanh toán tiền nước theo giá dịch vụ.

CÔNG TY CP ĐT KHOÁNG SẢN THỊNH PHÁT
NHÀ MÁY NƯỚC THỊNH PHÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU LẮP ĐẶT VÀ BÀN GIAO CỤM ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC – THÔN ĐẠI HẠNH XÃ HOÀN LONG

Căn cứ hợp đồng số: ...../HĐ-ĐAIHANH ngày ...../..../201... giữa Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Thịnh phát và Chủ hộ .....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 201.... chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Đại diện Nhà máy nước sạch Thịnh Phát – CÔNG TY CP ĐT Khoáng sản Thịnh phát

- Ông: Lương Tiến Hùng Chức vụ: P. Tổng Giám đốc
- Ông : Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật

III. Đại diện Hộ dân (Chủ hộ)

- Ông/Bà: .....Trần Văn Nam.....

Cùng nhau tiến hành nghiệm thu lắp đặt và bàn giao cụm đồng hồ đo nước như sau:

TT	Tên vật tư	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Đồng hồ nước UHM-MAM-P:15-3M/H Loại tích hợp van 1 chiều	Chiếc	01	
2	Đai khởi thủy	Chiếc	01	
3	Rắc co HDPE D25	Cái	02	
4	Hộp đồng hồ nhựa Composit	Cái	01	
5	Van bi tay bướm MIHA D20 (3/4) vỏ đồng	Chiếc	01	
6	Khâu nối ren ngoài HDPE D20x3/4	Chiếc	1	
7	Ống HDPE D20 PN 12,5	M	3	
8	Ống PVC phi 21 Clas 2	M	0,5	
9	Cút PCV phi 21	Cái	1	
10	Nối ren trong PVC phi 21	Cái	1	
11	Góc nối ren HDPE		1	
12	Hoàn thiện mặt bằng như hiện trạng			
13				

Vị trí lắp đặt: Tại trước cổng vào nhà hộ dân hay ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân tường rào công trình của chủ hộ hoặc cơ quan trong điều kiện cho phép.

Số seri đồng hồ: 55096.....Số đồng hồ nước tại thời điểm lắp đặt: 1,0m^3(Một mét khối); Thời gian lắp đặt ngày 15 tháng 12 năm 2019.

Chi phí lắp đặt cụm đồng hồ do hai bên tự thoả thuận.

Ghi chú: Sau khi nghiệm thu lắp đặt và bàn giao, Hộ gia đình có trách nhiệm bảo vệ cụm đồng hồ của gia đình mình, nếu để xảy ra mất mát hoặc hư hỏng do yếu tố bị phá hoại thì Hộ gia đình đó phải chịu toàn bộ chi phí lắp đặt cụm đồng hồ mới.

ĐẠI DIỆN HỘ DÂN	CÁN BỘ KĨ THUẬT	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
Trần Văn Nam		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hoàn Long, ngày …… tháng ……năm 2019

ĐỀ NGHỊ CẤP NƯỚC SẠCH

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Thịnh Phát

Tên tôi là: .....Trần Văn Nam.....Nam/nữ:.....Dân Tộc.....

Họ tên vợ/chồng: .....Đỗ Thị Hà.....

Số điện thoại liên hệ:.....097.653.605.....

Địa chỉ: thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Yên Mỹ, Hưng Yên

Hiện nay gia đình tôi chưa có nước sạch để phục vụ sinh hoạt. Tôi đề nghị Công Ty CPĐT khoáng sản thịnh phát lắp đặt hệ thống ống nhánh và đồng hồ nước cho gia đình tôi theo địa chỉ nêu trên

Nếu được chấp thuận cho lắp đặt, chúng tôi xin chấp hành đúng các quy định của công ty cấp nước và các điều khoản ghi trong hợp đồng, đồng thời bảo quản tốt hệ thống đồng hồ nước và bảo quản đường ống cho Công ty.

Trân trọng cám ơn!

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Trần Văn Nam

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: http://labo.huph.edu.vn

VILAS 1008

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2605-227 (26.1464)

1. Tên mẫu/ *Name of sample* : **Mẫu đầu nguồn tại Nhà máy nước sạch Thịnh Phát**
2. Loại mẫu/ *Sample type* : **Nước sạch**
3. Tên khách hàng/ *Name of customer* : **Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Thịnh Phát**
4. Địa chỉ khách hàng/ *Address of customer* : **Thôn Từ Hồ, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
5. Mô tả mẫu/ *Description* : **Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường**
6. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **08/05/2026**
7. Người lấy/gửi mẫu/ *Sample taking* : **Lương Đức Phong**
8. Thời gian thử nghiệm/ *Testing time* : **08/05/2026 – 18/05/2026**
9. Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

TT *No*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2605-227	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	*Coliform tổng số*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	*E. coli*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,00304	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,45	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,19	2
9	Permanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,33	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:
Mẫu do khách hàng gửi đến:
QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;
(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp;Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0111367927

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2026

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 02 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG LINH FOODS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SONG LINH FOODS CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số Nhà 33, Đường Bái Đô, Thôn Sào Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0966991995* Số Fax:

Thư điện tử: *Linh991995@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN CHÍ LINH Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *09/09/1995* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 001095034185

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Sào Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN CHÍ LINH Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *09/09/1995* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001095034185*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Sào Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thế Vinh

VCA CERTIFICATION

Website: www. vca.net.vn

Số: 2406.4A /QĐCN-VCA

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VCA

- *Căn cứ Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0105326834 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 24 tháng 5 năm 2011;*
- *Căn cứ Giấy chứng nhận số 1402/TĐC-HCHQ ngày 23/4/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận;*
- *Căn cứ Quy định chứng nhận Hệ thống quản lý của VCA;*
- *Xét kiến nghị cấp chứng chỉ của Trưởng phòng Chứng nhận VCA đối với khách hàng mang mã hồ sơ VCA.2406.4A.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH

Địa chỉ: Số nhà 33, đường Bái Đô, Thôn Sảo Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm chứng nhận: Số 55, Đường Trục Thôn Tạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Có Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn: HACCP (TCVN 5603:2023 - CAC/RCP 1-1969, Rev.2022)

Phạm vi chứng nhận:
Sơ chế, bảo quản, kinh doanh thịt bò tươi sống.
(Code: C0, CI, FII).

Điều 2: Tổ chức được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng chứng chỉ mã số **VCA.2406.4A,** dấu chứng nhận và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của VCA trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 04 năm 2026 đến ngày 16 tháng 04 năm 2029. Tổ chức được chứng nhận chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng/lần.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VCA

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu CD.

CHỨNG NHẬN

Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH

Địa chỉ:
Số nhà 33, đường Bái Đô, Thôn Sào Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm chứng nhận: Số 55, Đường Trục Thôn Tạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thực hiện và duy trì **Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP**

Với phạm vi áp dụng:
Sơ chế, bảo quản, kinh doanh thịt bò tươi sống.
(Code: C0, CI, FII).

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

HACCP (TCVN 5603:2023 - CAC/RCP 1-1969, Rev.2022)

Chứng nhận số:	VCA.2406.4A
Ngày cấp:	17 - 04 - 2026
Hiệu lực:	16 - 04 - 2029

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VCA
M.S.D.N: 0105326834 - C.T.C.P
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc

VITRANCO BUILDING, 192 Thái Thịnh, Phường Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

CERTIFICATE

Vietnam Certification Association

Hereby certifies that the company:

SONG LINH FOODS COMPANY LIMITED

Address:
No. 33, Bai Do Street, Sao Ha Village, Dai Xuyen Commune, Hanoi City, Vietnam
Certification location: No. 55, Axis Road, Ta Village, Dai Xuyen Commune, Hanoi City, Vietnam

Implemented and maintains a **Hazard Analysis and Critical Control Points - HACCP**

Scope:
Preliminary processing, preservation, and trading of fresh beef.
(Code: C0, CI, FII).

Through an audit, documented in a report, it was verified that the management system fulfills the requirements of the following standard:

HACCP (TCVN 5603:2023 - CAC/RCP 1-1969, Rev.2022)

Certificate registration no:	VCA.2406.4A
Date issue:	17 - 04 - 2026
Valid until:	16 - 04 - 2029

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VCA
M.S.D.N: 0105326834 - C.T.C.P - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Đặng Anh Tuan
General Director

VITRANCO BUILDING, 192 Thai Thinh, Dong Da Ward, Ha Noi, Vietnam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ

Số : 0104.2026 /HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ

ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2026 , tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thực Phẩm Tâm An chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Bà Trần Thị Kim Anh Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : 0977072666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản : 681600868686 - Ngân hàng Vietinbank, chi nhánh Hưng Yên

BÊN BÁN (BÊN B) : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH**

Địa chỉ : Số nhà 33, Đường Bái Đô, Thôn Sảo Hạ, Xã Đại Xuyên, TP Hà Nội, Việt Nam

Đại Diện : Ông Nguyễn Chí Linh Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : 0966991995

Mã số thuế : 0111367927

Tài khoản : 2213201018300 – Ngân hàng Agribank , chi nhánh Phú Xuyên

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua thịt bò các loại (Gọi tắt là Hàng hóa)

Điều 2: Chất lượng hàng hóa, thời gian địa điểm giao hàng

2.1 Chất lượng hàng hóa

- Bên B phải cung cấp đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên, chất lượng hàng hóa theo đúng mẫu Bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng.

- Bên B phải cung cấp hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

2.2 Đặt hàng, Thời gian, địa điểm giao hàng

- Đặt hàng, địa điểm giao hàng: Theo thỏa thuận giữa hai bên

2.3 Cách đóng gói và bảo quản khi giao nhận

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của Bên A.

- Trên bao bì phải thể hiện rõ các nội dung: Tên, xuất xứ hàng hóa, ngày sản xuất, hạn sử dụng, chỉ tiêu chất lượng (Theo quy định của Nhà nước).

Điều 3: Giá cả, đối chiếu công nợ và phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá cả tùy thuộc theo thị trường sẽ có báo giá cụ thể

3.2 Đối chiếu công nợ

- Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các hóa đơn chứng từ đã giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bản đối chiếu công nợ chi tiết, ký xác nhận và chuyển bản đối chiếu xác nhận công nợ chi tiết về trụ sở Bên A vào ngày cuối tháng

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản/tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: Theo thoả thuận của hai bên

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho bên B đúng theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng tại các địa điểm do bên A chỉ định

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho bên A đúng theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

- Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp cho bên A.

Điều 5: Trách nhiệm chung

- Hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Nếu hai bên không tự giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn thì việc tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Các thỏa thuận khác

- Các điệu kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản Pháp luật về Hợp đồng mà Nhà nước ban hành.

7: Điều khoản thi hành

7.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh
- Mã số thuế
- Các giấy tờ liên quan đến VSATTP

7.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng Văn bản và phải được sự xác nhận của cả hai bên.

7.3: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm tính từ ngày hai bên ký hợp đồng

7.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán và không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn thêm 01 (một) năm và tự động thanh lý Hợp đồng khi hết hạn mà không cần biên bản thanh lý Hợp đồng.

7.5: Hợp đồng này gồm 07 điều và được lập thành 04 bản chính, mỗi bên giữ 02 bản, các bản có giá trị Pháp lý như nhau

7.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc ủy quyền để ký Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN – TỈNH HƯNG YÊN – M.S.D.N: 0901084830-C.T.T.N.H.H	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI – M.S.D.N: 0111367927-C.T.T.N.H.H
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ KIM ANH	Nguyễn Chí Linh

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV151711041/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Số Nhà 33, Đường Bái Đô, Thôn Sảo Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Mẫu Thịt Bò**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong túi kín; khối lượng: 150g/túi; số lượng: 01 túi
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 17/04/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 17/04/2026-27/04/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 27/04/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Salbutamol *	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.182 (2026) (Ref: TCVN 11294:2016)
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	$3,6x10^5$	TCVN 4884-1:2015
3	*E. coli* *	CFU/g	$2,8x10^3$	TCVN 7924-2:2008
4	*Salmonella spp.* *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*
- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN VÀ XÉT NGHIỆM THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số: **913** /CĐXN1-CS2/KQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 059

1. Loại mẫu: Mẫu nước sản xuất

2. Theo Phiếu nhận mẫu/Yêu cầu thử nghiệm số: 437/CĐXN1-CS2/YC ngày 13/12/2025

3. Nơi gửi mẫu: Cơ sở giết mổ trâu bò Nguyễn Văn Quang

4. Địa chỉ: Thôn Bái Đô, xã Đại Xuyên, Tp Hà Nội

5. Kết quả:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện ước tính ($eLoD_{50}$)	Kết quả
1	Vi sinh vật tổng số[b]	CFU/ml	ISO 6222:1999		$5,1 \times 10^2$
2	*Coliforms*	MPN/100ml	SMEWW23rd – 9221B		KPH
3	*Fecal coliforms*	MPN/100ml	SMEWW23rd – 9221E		KPH
4	*E.coli giả định*	MPN/100ml	SMEWW23rd – 9221G		KPH
5	*Cl.perfringens*	CFU/ml	TCVN 4991:2005		KPH

Ghi chú:- KPH (không phát hiện): < Giới hạn phát hiện ước tính ($eLoD_{50}$)

Ghi chú:
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích, sao chép một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Chẩn đoán và Xét nghiệm thú y Trung ương I.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
4. Chỉ tiêu có dấu 'a' là đã được chỉ định (LAS-NN 30); Chỉ tiêu có dấu 'b' là đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VILAS 059)
5. Thời gian lưu mẫu: Một tuần kể từ ngày trả kết quả thử nghiệm trong trường hợp có thỏa thuận lưu mẫu.
6. Địa chỉ liên hệ: Số 28, ngõ 78, đường Giải Phóng, phường Kim Liên, TP. Hà Nội;
Tel: (024)38 68 54 32; Fax: (024)38 68 60 97; Email: vstytw1@gmail.com

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	LoD/LoQ; Phạm vi đo (nếu có)	Kết quả
6	pH	-	TCVN 6492-2011	2 – 12	7,82
7	Độ cứng ($CaCO_3$)	mg/l	VS1/QT/05/MT	10 – 4000	95
8	Nitrat	mg/l	VS1/QT/18/MT	0 – 30	1,0
9	Sắt tổng số	mg/l	VS1/QT/55/MT	0,02/0,05	KPH
10	Sulfat	mg/l	VS1/QT/22/MT	0 – 70	6

Ghi chú :-KPH (không phát hiện): < Giới hạn phát hiện (LoD); Nếu kết quả ≥ Giới hạn định lượng (LoQ) thì ghi con số cụ thể; Nếu kết quả từ LoD và nhỏ hơn LoQ thì ghi là < LoQ

PHỤ TRÁCH XÉT NGHIỆM

Chử Văn Tuất

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phùng Minh Phong

ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2- CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---	---
Số: 01/GXN/2026	**Hà nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026**

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 012026/XNKT-ATTP

ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2- CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH

- Căn cứ Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ kết quả bài kiểm tra kiến thức an toàn thực phẩm của các công nhân viên thuộc ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2- CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH

ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2- CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH xác nhận người lao động có cơ sở sản xuất có tên trong danh sách kèm theo đã có kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy xác nhận này có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

Giám Đốc

M.S.D.N: 0111367927-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN CHÍ LINH

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ĐƯỢC XÁC NHẬN KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Danh sách kèm theo xác nhận số 012026/XNKT-ATTP của ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2- CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH)

STT	Họ và tên	Năm sinh	CCCD	Ngày cấp	Địa chỉ	Chức vụ
1	Nguyễn Chí Linh	1995	001095034185	24/07/2021	Thôn Sảo Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội	Giám đốc
2	Nguyễn Thị Mỹ Linh	2001	001301028533	24/07/2024	Thôn Sảo Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội	Nhân viên
3	Đỗ Văn Thuận	1989	001089002936	10/07/2021	Thôn Bạch Hạ, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội	Nhân viên

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

Đại diện tổ chức đề nghị xác nhận

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM SONG LINH

NGUYỄN CHÍ LINH

Mẫu số 01- Phụ lục số XXIV

Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CÔNG TY TNHH DVYT& TM HUỆ LINH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG
Số: 250320260086/GKSK-PKĐKYCHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

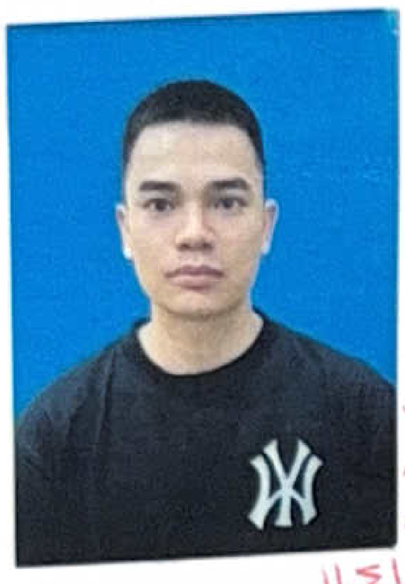

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN CHÍ LINH
2. Giới tính: Nam
3. Sinh Ngày: 09/09/1995 Tuổi: 31
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001095034185
5. Cấp ngày: 24/07/2021 Tại: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
6. Chỗ ở hiện tại: Đại Xuyên, Hà Nội
7. Lý do khám sức khỏe: để đi làm việc sở chế thực phẩm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHOẺ

1. Tiền sử gia đình :

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a)Không ☑ b)Có ☐ ; Nếu "có" đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ)		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

1) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

2) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Ninh Bình, Ngày 25 Tháng 3 Năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Linh

NGUYỄN CHÍ LINH

1. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 167 cm; - Cân nặng: 60 kg; - Chỉ số BMI: .....

Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 100/70 mmHg

Phân loại thể lực: 1

2. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: ..... *Phân loại:* ..... b) Hô hấp: ..... *Phân loại:* ..... c) Tiêu hóa: ..... *Phân loại:* ..... d) Thận-Tiết niệu: ..... *Phân loại:* ..... đ) Nội tiết: bình thường *Phân loại:* ..... e) Cơ - xương - khớp: ..... *Phân loại:* ..... g) Thần kinh: ..... *Phân loại:* ..... h) Tâm thần: ..... *Phân loại:*	BS. Trần Quang Huy
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: bình thường *Phân loại:* 1 - Da liễu: bình thường *Phân loại:* 1	BS. Trần Quang Huy BS. Vũ Thị Thắm
3. Sản phụ khoa: ..... *Phân loại:*	.....
4. Mắt: Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10 Có kính: Mắt phải: ..... Mắt trái: ..... Các bệnh về mắt (nếu có): bình thường *Phân loại:* 1	BS CKI. Vũ Văn Bảo
5. Tai-Mũi-Họng: Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường: ..... m; Nói thầm: ..... m; Tai phải: Nói thường: ..... m; Nói thầm: 0,7 m; Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): bình thường *Phân loại:* 2	Bs. Ngô Văn Công
6. Răng-Hàm-Mặt: Kết quả khám: - Hàm trên: ..... - Hàm dưới: bình thường Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ..... *Phân loại:* 2	Bs. Nguyễn Thị Hoa Mai

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG - CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH - MSCN: 0100820664-001 - CNCTTNHH - P. DUY SÁCH - T. NINH BÌNH

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: 1) Công thức máu: Số lượng HC: ..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng tiểu cầu: ..... 2) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê: ..... Creatinin: ..... ASAT(GOT):..... ALAT (GPT):	.....
2. Xét nghiệm nước tiểu: 1) Đường: ..... 2) Protein: ..... 3) Khác (nếu có):	.....
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	.....

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ..... loại 2 .....

HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE LAO ĐỘNG, HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

Ninh Bình,Ngày 25 Tháng 3 Năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG C.TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH

GIÁM ĐỐC

BS. Nguyễn Thị Huệ

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
Y CAO HOA HỒNG
Đ/c: TDP Đông Hải, P.Duy Hà, tỉnh Ninh Bình

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG
SĐT: 0902076131
CÔNG TY TNHH DV Y TẾ VÀ TM HUỆ LINH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
Y CAO HOA HỒNG

CHUYÊN KHOA SẢN, NHI, NỘI, NGOẠI, CHẤN THƯƠNG, ĐÔNG Y, CHỤP X-QUANG KTS, XÉT NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, NỘI SOI DẠ DÀY - ĐẠI TRÀNG, TAI MŨI HỌNG, NỘI SOI CỔ TỬ CUNG, CHỌC TẾ BÀO SINH THIẾT ...., XÉT NGHIỆM TẾ BÀO PHÁT HIỆN UNG THƯ SỚM ... CHUYÊN KHOA MẮT, RĂNG HÀM MẶT, DA LIỄU ...

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN CHÍ LINH Tuổi: 31 GIỚI: NAM

Địa chỉ: ĐẠI XUYÊN, HÀ NỘI

Tên xét nghiệm	Giá trị tham chiếu	Kết quả
HBsAg	ÂM TÍNH	**ÂM TÍNH**

Ngày 25 Tháng Ba 2026

CN,KTV XÉT NGHIỆM

NGUYỄN ÁNH NGỌC

Mẫu số 01- Phụ lục số XXIV

Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CÔNG TY TNHH DVYT& TM HUỆ LINH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG
Số: 250320260085/GKSK-PKĐKYCHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ MỸ LINH
2. Giới tính: Nữ
3. Sinh Ngày: 16/10/2001 Tuổi: 25
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001301028533
5. Cấp ngày: 24/07/2024 Tại: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
6. Chỗ ở hiện tại: Đại Xuyên, Hà Nội
7. Lý do khám sức khỏe: để đi làm việc sở chế thực phẩm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHOẺ

1. Tiền sử gia đình :

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a)Không ☑ b)Có ☐ ; Nếu "có" đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		X	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		X
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		X	13	Bệnh tâm thần		X
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		X	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		X
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		X	15	Ngất, chóng mặt		X
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		X	16	Bệnh tiêu hóa		X
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		X	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		X
7	Tăng huyết áp		X	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		X
8	Khó thở		X	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		X
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		X	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		X
10	Bệnh thận, lọc máu		X	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		X
11	Nghiện rượu, bia		X	22	Bệnh khác (ghi rõ)		X

3. Câu hỏi khác (nếu có):

1) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

2) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Ninh Bình, Ngày 25 Tháng 3 Năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

NGUYỄN THỊ MỸ LINH

1. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 170 cm; - Cân nặng: 55 kg; - Chỉ số BMI: .....

Mạch: 85 lần/phút; - Huyết áp: 100/60 mmHg

Phân loại thể lực: .....

2. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: ..... *Phân loại:* ..... b) Hô hấp: ..... *Phân loại:* ..... c) Tiêu hóa: ..... *Phân loại:* ..... d) Thận-Tiết niệu: ..... *Phân loại:* ..... đ) Nội tiết: ..... *Phân loại:* ..... e) Cơ - xương - khớp: ..... *Phân loại:* ..... g) Thần kinh: ..... *Phân loại:* ..... h) Tâm thần: ..... *Phân loại:*	BS. Trần Quang Huy
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: ..... *Phân loại:* ..... - Da liễu: ..... *Phân loại:*	BS. Trần Quang Huy Bs. Vũ Thị Thắm
3. Sản phụ khoa: ..... *Phân loại:*	Bs. Phạm Thị Ánh Đào
4. Mắt: Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải : ..... Mắt trái: ..... Có kính: Mắt phải : 9/10 Mắt trái: 9/10 Các bệnh về mắt (nếu có): Cận thị 2 mắt *Phân loại:*	BS CKI. Vũ Văn Bảo
5. Tai-Mũi-Họng: Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 0,25 m; Tai phải: Nói thường: ..... m; Nói thầm: ..... m; Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm tai giữa *Phân loại:*	Bs. Ngô Văn Công
6. Răng-Hàm-Mặt: Kết quả khám: - Hàm trên: ..... - Hàm dưới: Sâu ngà R36 Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ..... *Phân loại:*	Bs. Nguyễn Thị Hoa Mai

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG C.TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH - MSCN: 0700820664-001 - P. DUY HÀ - T. NINH BÌNH

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: 1) Công thức máu: Số lượng HC: ..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng tiểu cầu: ..... 2) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê: ..... Creatinin: ..... ASAT(GOT):..... ALAT (GPT):	.....
2. Xét nghiệm nước tiểu: 1) Đường: ..... 2) Protein: ..... 3) Khác (nếu có):	.....
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	.....

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ..... Loại I .....

.....

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

.....

.....

HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE
LAO ĐỘNG, HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC

Ninh Bình,Ngày 25 Tháng 3 Năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

MSCN: 0700820664-001 - CNCT TNHH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG C.TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH
P. DUY HÀ - T. NINH BÌNH

GIÁM ĐỐC

BS. Nguyễn Thị Huệ

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
Y CAO HOA HỒNG
Đ/c: TDP Đông Hải, P.Duy Hà, tỉnh Ninh Bình

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG
SĐT: 0902076131

CÔNG TY TNHH DV Y TẾ VÀ TM HUỆ LINH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG

CHUYÊN KHOA SẢN, NHI, NỘI, NGOẠI, CHẤN THƯƠNG, ĐÔNG Y, CHỤP X-QUANG KTS, XÉT NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, NỘI SOI DẠ DÀY - ĐẠI TRÀNG, TAI MŨI HỌNG, NỘI SOI CỔ TỬ CUNG, CHỌC TẾ BÀO SINH THIẾT....., XÉT NGHIỆM TẾ BÀO PHÁT HIỆN UNG THƯ SỚM ... CHUYÊN KHOA MẮT, RĂNG HÀM MẶT, DA LIỄU ...

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN THỊ MỸ LINH Tuổi: 25 GIỚI: NỮ

Địa chỉ: ĐẠI XUYÊN, HÀ NỘI

Tên xét nghiệm	Giá trị tham chiếu	Kết quả
HBsAg	ÂM TÍNH	**ÂM TÍNH**

Ngày 25 Tháng Ba 2026
CN,KTV XÉT NGHIỆM

NGUYỄN ÁNH NGỌC

Mẫu số 01- Phụ lục số XXIV

Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CÔNG TY TNHH DVYT& TM HUỆ LINH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG
Số: 260320260022/GKSK-PKĐKYCHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐỖ VĂN THUẬN
2. Giới tính: Nam
3. Sinh Ngày: 01/07/1989 Tuổi: 37
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001089002936
5. Cấp ngày: 10/07/2021 Tại: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
6. Chỗ ở hiện tại: Đại Xuyên, Hà Nội
7. Lý do khám sức khỏe: để đi làm việc sở chế thực phẩm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHOẺ

1. Tiền sử gia đình :

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a)Không ☑ b)Có ☐ ; Nếu "có" đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ)		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

1) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

2) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Ninh Bình, Ngày 26 Tháng 3 Năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thuận

ĐỖ VĂN THUẬN

1. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 168 cm; - Cân nặng: 68 kg; - Chỉ số BMI: .....

Mạch: 79 lần/phút; - Huyết áp: 150/80 mmHg

Phân loại thể lực: T

2. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: ..... *Phân loại:* ..... b) Hô hấp: ..... *Phân loại:* ..... c) Tiêu hóa: ..... *Phân loại:* ..... d) Thận-Tiết niệu: ..... *Phân loại:* ..... đ) Nội tiết: MS BT *Phân loại:* ..... e) Cơ - xương - khớp: ..... *Phân loại:* ..... g) Thần kinh: ..... *Phân loại:* ..... h) Tâm thần: ..... *Phân loại:*	BS. Trần Quang Huy
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Vá gãy cuống sốn (T) năm 2007. *Phân loại:* II - Da liễu: mụt lẹo *Phân loại:* I	BS. Trần Quang Huy Bs. Vũ Thị Thắm
3. Sản phụ khoa: ..... *Phân loại:*	.....
4. Mắt: Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 9/10 Mắt trái: 9/10 Có kính: Mắt phải: ..... Mắt trái: ..... Các bệnh về mắt (nếu có): K *Phân loại:* I	BS CKI. Vũ Văn Bảo
5. Tai-Mũi-Họng: Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: ..... m; Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 05 m; Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm xoang *Phân loại:* I	Bs. Lê Văn Tuấn
6. Răng-Hàm-Mặt: Kết quả khám: - Hàm trên: ..... - Hàm dưới: Viêm xoang Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ..... *Phân loại:* I	Bs. Nguyễn Thị Hoa Mai

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HỒNG C.TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH
MSCN: 0700820664-001 - CNT TNHH
P. DUY HÀ - T. NINH BÌNH

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: 1) Công thức máu: Số lượng HC: ..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng tiểu cầu: ..... 2) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê: ..... Creatinin: ..... ASAT(GOT): ..... ALAT (GPT):	.....
2. Xét nghiệm nước tiểu: 1) Đường: ..... 2) Protein: ..... 3) Khác (nếu có):	.....
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	.....

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại I

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE
LAO ĐỘNG, HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC

Ninh Bình, Ngày 26 Tháng 3 Năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

MSCN: 0700820664-001 - CNCTTNHH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG C.TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH
P. DUY HÀ - T. NINH BÌNH

BS. Nguyễn Văn Huy

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
Y CAO HOA HỒNG
Đ/c: TDP Đồng Hải, P.Duy Hà, tỉnh Ninh Bình

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG
SĐT: 0902076131

CÔNG TY TNHH DV Y TẾ VÀ TM HUỆ LINH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
Y CAO HOA HỒNG

CHUYÊN KHOA SẢN, NHI, NỘI, NGOẠI, CHẤN THƯƠNG, ĐÔNG Y, CHỤP X-QUANG KTS, XÉT NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, NỘI SOI DẠ DÀY - ĐẠI TRÀNG, TAI MŨI HỌNG, NỘI SOI CỔ TỬ CUNG, CHỌC TẾ BÀO SINH THIẾT...., XÉT NGHIỆM TẾ BÀO PHÁT HIỆN UNG THƯ SỚM ... CHUYÊN KHOA MẮT, RĂNG HÀM MẶT, DA LIỄU ...

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên bệnh nhân: ĐỖ VĂN THUÂN Tuổi: 37 GIỚI: NAM

Địa chỉ: HÀ NỘI

Tên xét nghiệm	Giá trị tham chiếu	Kết quả
HBsAg	ÂM TÍNH	**ÂM TÍNH**

Ngày 26 Tháng Ba 2026

CN,KTV XÉT NGHIỆM

NGUYỄN ÁNH NGỌC

a. Làm bằng vật liệu bền, không thấm nước, chống trơn trượt, để vệ sinh và khử trùng.
b. Làm bằng vật liệu bền.
c. Làm bằng vật liệu không thấm nước.
d. Làm bằng vật liệu chống trơn trượt.

Câu 7. Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có các nghĩa vụ sau đây:
a. Lưu giữ hồ sơ, các thông tin cần thiết theo quy định
b. Thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn
c. Cả đáp án a và b đều đúng
d. Không đáp án nào nêu trên

Câu 8. Cách nào sau đây dùng để tiêu diệt hầu hết vi khuẩn gây bệnh?
a. Sử dụng nhiệt độ cao (nấu ở nhiệt độ sôi)
b. Sử dụng nhiệt độ từ -12 đến 0 độ C
c. Sử dụng nhiệt độ từ 0 đến 4 độ C
d. Sử dụng nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C

Câu 9. Sản xuất, kinh doanh thực phẩm là hoạt động:
a. Tự do, không cần điều kiện
b. Là hoạt động sản xuất kinh doanh có điều kiện
c. Thực hiện chỉ theo nhu cầu nhà sản xuất
d. Thực hiện chỉ theo yêu cầu khách hàng

Câu 10. Công đoạn nào cần phải quản lý an toàn thực phẩm
a. Trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh
b. Sơ chế, chế biến
c. Kinh doanh
d. Trồng trọt

Câu 11. Tác nhân nào có thể gây mất an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến:
a. Người trực tiếp tiếp xúc thực phẩm và dụng cụ chế biến tiếp xúc thực phẩm
b. Môi trường chế biến
c. Cả đáp án a và b đều đúng
d. Không đáp án nào nêu trên

Câu 12. Mối nguy sinh học gồm:
a. Vi khuẩn
b. Vi rút
c. Ký sinh trùng
d. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 13. Cửa ra vào và cửa sổ tại khu vực giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:
a. Tránh sự xâm nhập của động vật gây hại.
b. Bề mặt nhẵn, dễ vệ sinh và tránh sự xâm nhập của động vật gây hại.
c. Dễ vệ sinh.
d. Bề mặt nhẵn.phải đảm bảo:

Câu 14. Mối nguy vật lý gồm:
a. Bề mặt thiết bị, dụng cụ bị mốc
b. Phụ gia sử dụng trong quá trình chế biến
c. Mảnh kim loại, mảnh gỗ nhọn
d. Tồn dư kim loại nặng trong thực phẩm

Câu 15. Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nếu không đảm bảo an toàn có làm cho thực phẩm bị ô nhiễm không?
a. Có
b. Chỉ ô nhiễm với sản phẩm đông lạnh
c. Chỉ ô nhiễm với sản phẩm đã nấu chín
d. Không ảnh hưởng

Câu 16. Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có nghĩa vụ

a. Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm
b. Thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm
c. Tự kiểm tra trong quá trình sản xuất thực phẩm
d. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 17. Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có các nghĩa vụ sau đây:
a. Thông tin trung thực về an toàn thực phẩm
b. Cảnh báo kịp thời về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm
c. Thông báo yêu cầu về vận chuyển, bảo quản, sử dụng thực phẩm
d. Tất cả các đáp án trên

Câu 18. Hệ thống cung cấp nước cho hoạt động giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải được:
a. Bảo dưỡng khi có đoàn kiểm tra, thanh tra
b. Bảo dưỡng định kỳ theo tần suất quy định tại cơ sở.
c. Bảo dưỡng theo yêu cầu khách hàng.
d. Các câu trả lời trên đều sai.

Câu 19. Ngộ độc thực phẩm có thể do:
a. Mối nguy sinh học
b. Mối nguy hóa học
c. Cả đáp án a và b đều đúng
d. Mối nguy vật lý

Câu 20. Mái hoặc trần cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:
a. Làm bằng vật liệu khó bám bụi.
b. Làm bằng vật liệu bền, khó bám bụi, dễ vệ sinh.
c. Làm bằng vật liệu dễ vệ sinh.
d. Làm bằng vật liệu bền.

Câu 21. Cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật cần được thiết kế theo nguyên tắc:
a. Theo nguyên tắc một chiều để không làm nhiễm bẩn sản phẩm.
b. Thịt tươi sống và sản phẩm sau chế biến được bảo quản tại cùng một khu vực.
c. Các hoạt động giết mổ, sơ chế, chế biến và bảo quản được thực hiện trong cùng một phòng kín.
d. Các câu trả lời trên đều đúng.

Câu 22. Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có các quyền sau đây
a. Công bố các tiêu chuẩn sản phẩm do mình sản xuất, cung cấp
b. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật
c. Cả đáp án a và b đều đúng
d. Tự do sản xuất thực phẩm theo ý thích, không cần điều kiện

Câu 23. Nước dùng cho hoạt động giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải đáp ứng:
a. Quy chuẩn nước dùng cho ăn uống theo quy định của Bộ Y tế.
b. Quy chuẩn nước dùng cho sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế.
c. Quy chuẩn chất lượng nước theo quy định của Bộ Nông nghiệp.
d. Các câu trả lời trên đều đúng.

Câu 24. Nước dùng cho hoạt động giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải
a. Kiểm tra chất lượng lần đầu.
b. Giám sát chất lượng định kỳ.
c. Kiểm tra chất lượng lần đầu và giám sát chất lượng định kỳ.
d. Các câu trả lời trên đều sai.

Câu 25. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải đáp ứng yêu cầu nào dưới đây?
a. Được xác nhận kiến thức về ATTP theo quy định

b. Đủ điều kiện về sức khỏe để chế biến thực phẩm theo quy định
c. Cả 2 đáp án a và b đều đúng
d. Không đáp án nào nêu trên

Câu 26. Có được phép sử dụng động vật chết do bệnh, dịch để làm nguyên liệu chế biến thực phẩm không?
a. Có
b. Không
c. Chỉ được dùng để chế biến thực phẩm phải nấu chín trước khi ăn
d. Chỉ được dùng để chế biến thực phẩm bao gói sẵn

Câu 27. Mối nguy hóa học gồm:
a. Thuốc kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật còn tồn dư trong thực phẩm
b. Độc tố nấm
c. Kim loại nặng
d. Tất cả các đáp án trên

Câu 28. Thực phẩm có thể bị ô nhiễm từ nguồn nào dưới đây?
a. Từ bàn tay người sản xuất không đảm bảo vệ sinh
b. Từ nguyên liệu bị ô nhiễm
c. Từ trang thiết bị không đảm bảo vệ sinh
d. Cả 3 đáp án trên

Câu 29. Hóa chất, phụ gia sử dụng trong giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải đảm bảo:
a. Có tên trong danh mục hóa chất, phụ gia được phép sử dụng theo quy định của Bộ Y tế.
b. Có tên trong danh mục hóa chất, phụ gia được phép sử dụng theo quy định của Bộ NN&PTNT.
c. Có tên trong danh mục hóa chất, phụ gia được phép sử dụng theo quy định của Bộ Công Thương.
d. Tất cả các yêu cầu trên.

Câu 30. Hệ thống chiếu sáng tại khu vực giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải đảm bảo:
a. Đủ cường độ ánh sáng để thực hiện các thao tác sơ chế, chế biến.
b. Các bóng đèn có lưới chụp bảo vệ.
c. Đặt ở độ cao cách mặt sàn 4m.
d. Các yêu cầu a và b.

------ HẾT ------

UBND PHƯỜNG THẠCH KHÔI
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Mã số hợp tác xã: 0801319574

Đăng ký lần đầu, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 6 tháng 10 năm 2025

1. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX HOÀNG NAM PHÁT

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, TDP Tầng Hạ, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0975917666 Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng *(Ba mươi tỷ đồng)*

4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Họ và tên HỒ VIỆT HOÀN Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 05/02/1988 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 030088006135

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Tranh Đấu, phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 285 quyển số 01 SCT/BS
Ngày 26 tháng 10 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

LÊ THÙY LINH

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG GIA LỘC

CÔNG CHỨNG VIÊN
Cao Văn Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION*

Cơ sở/Establishment: **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Mã số đăng kí kinh doanh/Registration number: 0801319574

Địa chỉ/Address: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, TDP Tằng Hạ, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại/Tel: 0975 917 666

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

Kinh doanh, sơ chế rau, củ, quả tươi.

Số cấp/Number: 20/2026/SNNMT-TPHP

Có hiệu lực đến ngày 27 *tháng* 4 *năm 2029*

Valid until date 27 month 4 year 2029./.

Hải Phòng, ngày 27 *tháng* 4 *năm 2026*
Hai Phong, day 27 month 4 year 2026

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bùi Văn Thăng

FAO
CERTIFICATION AND TESTING

BẢN SAO

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 132 quyển số: 01 SCT/BS
Ngày 21 tháng 10 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

Chứng nhận cho/ *Certificate for:*

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

Địa chỉ/*Address:*

Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Land lot No. 58, map sheet 16, Tranh Dau village, Gia Xuyen commune, Hai Duong city, Hai Duong province

Địa điểm sản xuất/*Address of product:*

Thôn Bến Thôn, xã Thăng Long và thôn Trần Xá, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Ben Thon village, Thang Long commune and Tran Xa village, Lac Long commune, Kinh Mon town, Hai Duong province

Sản phẩm/*Product:* Cà rốt, Bắp cải, Rau các loại, Chuối, Ổi, Dưa hấu

Carrot, Cabbage, Vegetables, Banana, Guava, Watermelon

(*Phụ lục kèm theo/ Attcahed appendix*)

Diện tích sản xuất/*Acreage:* 14,86 ha

Sản lượng dự kiến/*Expected quantity:* 755 tấn/năm/*755tons/year*

ĐƯỢC SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THEO TCVN 11892-1:2017

VietGAP

Produced in compliance with the requirements of the National Standard for Good Agricultural Practices in Crop Production according to TCVN 11892-1:2017

ĐƯỢC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN
Use the certificate mark:

VIETGAP FAO No.: FAO-VG-TT-31-25-01

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG GIA LỘC

CÔNG CHỨNG VIÊN
Cao Văn Tùng

Mã số CN/*Certification code*	:	FAO-VG-TT-31-25-01
Ngày cấp/*Issue date*	:	08/05/2025
Hiệu lực đến/*Expiry date*	:	07/05/2028

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
(FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY)
Trụ sở chính/Address:
E4 - 2, Lê Văn Tưởng, KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
E4-2, Le Van Tuong, Residential area 586, Phu Thu ward, Cai Rang District, Can Tho City
Website: http://fao.com.vn
Điện thoại/ Phone: 0969 444 096

CS Scanned with CamScanner

FAO
CERTIFICATION AND TESTING

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo giấy chứng nhận
mã số: FAO-VG-TT-31-25-01 cấp ngày 08/05/2025

STT	Tên sản phẩm	STT	Tên sản phẩm
1	Cải ngọt	21	Tía tô
2	Cải xanh	22	Cải cúc
3	Mồng tơi	23	Xà lách
4	Rau đay	24	Cải bó xôi
5	Cải ngồng	25	Cải cầu vồng
6	Rau ngót	26	Cải Kale
7	Súp lơ	27	Ngò gai
8	Cải thảo	28	Thì là
9	Rau dền	29	Măng tây
10	Rau húng lủi	30	Bầu
11	Dưa chuột	31	Mướp
12	Đậu bắp	32	Su hào
13	Dưa lê	33	Dưa lưới
14	Cà chua	34	Dưa kim hoàng hậu
15	Bí xanh	35	Củ đậu
16	Bí đỏ	36	Bắp cải
17	Củ cải đỏ (Củ cải Radish)	37	Cà rốt
18	Củ cải trắng	38	Dưa hấu
19	Khoai tây	39	Chuối
20	Ngò rí	40	Ổi

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 05032026 HNP-TA

Giữa

HTX HOÀNG NAM PHÁT

Và

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khả năng mua bán hàng và sự thỏa thuận của Hai Bên;

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Hợp đồng nguyên tắc này ("**Hợp đồng**") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở trụ sở Công ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ Và Thương Mại Hải Nam Family bởi và giữa:

BÊN BÁN: HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

Địa chỉ: TDP Tầng Hạ, Phường Thạch Khôi, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế :0801319574

Đại diện bởi : **Ông HỒ VIỆT HOÀN** Chức vụ: **Giám đốc**

Số tài khoản : 111643386789

Mở tại NH : Vietinbank - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Chi nhánh: Hải Dương

BÊN MUA: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN

Địa chỉ: Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế : 0901084830

Đại diện bởi : Bà **TRẦN THỊ KIM ANH** Chức vụ: **Giám đốc**

Bên Bán và Bên Mua sau đây được gọi chung là "**Các Bên**" hoặc "**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**".

XÉT RẰNG:

A. Bên Bán là nhà sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông sản được thành lập và hoạt động hợp pháp, đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật Việt Nam.

B. Bên Mua mong muốn và có nhu cầu mua các sản phẩm nông sản làm nguyên liệu chế biến hoặc kinh doanh, tuy nhiên không ngoại trừ cho các mục đích khác của Bên Mua.

Vậy nên, sau khi xem xét các cơ sở đã nói ở trên, Các Bên tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán này với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp đồng này, trừ trường hợp có quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được định nghĩa như sau:

1.1 ***"Hợp đồng"*** hay ***"Hợp đồng này"*** có nghĩa là văn bản này, (các) Phụ lục và các bản sửa đổi, bổ sung được Các Bên ký kết tại từng thời điểm.

1.2 ***"Hàng hóa"*** có nghĩa là các mặt hàng, sản phẩm Các Bên mua bán theo Hợp đồng này.

1.3 ***"Danh mục hàng hóa"*** có nghĩa là tên gọi hay ký hiệu mặt hàng, sản phẩm và các đặc tính kèm theo tương ứng từng loại Hàng hóa được Các Bên thống nhất ghi nhận tại từng Đơn đặt hàng, báo giá.

1.4 ***"Đơn giá"*** có nghĩa là khoản tiền Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán tính trên mỗi đơn vị của loại Hàng hóa.

1.5 ***"Ngày làm việc"*** có nghĩa là bất kỳ ngày nào ngoại trừ ngày thứ bảy hoặc chủ nhật hoặc ngày

lễ, tết theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam.

1.6 ***"Bất khả kháng"*** được xác định là một hoặc những sự kiện, tình huống xảy ra mang tính khách quan, và nằm ngoài khả năng kiểm soát và nhận biết của Các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện thiên tai như động đất, mưa bão, lũ lụt, hoả hoạn, dịch bệnh...; chiến tranh, xâm lược, hành động thù địch của nước ngoài; sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền tại từng thời điểm; nội chiến, bạo loạn, nổi dậy của quân đội; và các thảm hoạ khác chưa lường trước hết được;

1.7 ***"Người phụ trách"*** có nghĩa là cá nhân được mỗi Bên chỉ định tại mỗi thời điểm, là đầu mối tiếp nhận thông tin, trực tiếp hay điều phối thực hiện Hợp đồng này giữa Các Bên.

1.8 ***"Biên bản giao nhận"*** có nghĩa là biên bản bàn giao, phiếu giao hàng hay một tài liệu tương tự phản ánh nghiệp vụ giao hàng và nhận hàng giữa Các Bên được xác nhận bởi đại diện các Bên tại thời điểm được xác định tại Hợp đồng này.

1.9 ***"Sự cố về an toàn thực phẩm"*** có nghĩa là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.

ĐIỀU 2. HÀNG HÓA

2.1 Danh mục hàng hóa: Hai Bên nhận thức rõ rằng năng lực, khả năng của Bên Bán trong việc cung cấp Hàng hóa theo quy định của Hợp đồng này có sự ảnh hưởng quan trọng đáng kể tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên Mua và bên thứ ba có liên quan khác. Các sản phẩm Bên Bán cung cấp bao gồm, nhưng không giới hạn, các sản phẩm nông sản là nguyên liệu hoặc đã qua sơ chế chế biến được quy định tại báo giá của Bên Bán gửi cho Bên Mua.

2.2 Đối với các mặt hàng ngoài báo giá của Bên Bán, Bên Bán sẽ nỗ lực cung cấp theo đề nghị của Bên Mua, trường hợp không thể đáp ứng phải phản hồi sớm nhất trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu hoặc thời hạn khác do Bên Mua quyết định và theo một cách thức phù hợp được quy định tại Hợp đồng này. Bên Mua không nhận được phản hồi từ Bên Bán trong thời hạn kể trên hoặc nhận được nhưng theo cách thức không phù hợp sẽ được hiểu là Bên Bán chấp thuận toàn bộ đề nghị từ Bên Mua. Thông báo của Bên Mua tại Khoản này được xem là Đơn đặt hàng mà Bên Mua gửi tới Bên Bán như quy định tại Hợp đồng; Bên Bán có trách nhiệm tự theo dõi, nhận biết các loại Hàng hóa dạng này.

2.3 Không một điều khoản nào của Hợp đồng trực tiếp hay ngụ ý được hiểu là Bên Mua cam kết mua từ Bên Bán tất cả các loại Hàng hóa và/hoặc với một số lượng nhất định. Chủng loại và số lượng Hàng hóa giao dịch giữa Hai Bên được xác định theo Đơn đặt hàng, tài liệu bàn giao và các chứng từ tài chính liên quan.

ĐIỀU 3. CHẤT LƯỢNG TIÊU CHUẨN

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

3.1 Cùng với các yêu cầu riêng được ghi nhận tại Đơn đặt hàng và điều khoản khác của Hợp đồng (nếu có), tất cả Hàng hóa được cung cấp cho Bên Mua theo Hợp đồng này phải (i) Là hàng chưa qua sử dụng, hợp pháp, đúng chủng loại yêu cầu, đáp ứng chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được nuôi, trồng, sơ chế, chế biến, sản xuất, bao gói, dán nhãn, theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước hoặc tổ chức có thẩm quyền, người sản xuất công bố áp dụng; (ii) Không chứa, chất cấm sử dụng trong sản xuất thực phẩm hoặc tồn dư vượt mức cho phép các thành phần có hại theo quy định hoặc khuyến cáo của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, đảm bảo an toàn đối với thực phẩm có thành phần biến đổi gen hoặc sản phẩm của sinh vật biến đổi gen; (iii) Còn tối thiểu [60]% hạn sử dụng đối với Hàng hóa có hạn sử dụng ghi tại nhãn Hàng hóa vào ngày Bên Mua thực tế nhận Hàng hóa; (iv) Được vận chuyển, bốc xếp, bảo quản bằng phương tiện, thiết bị phù hợp với đặc tính của Hàng hóa; (v) Được lưu thông hợp pháp trên thị trường theo quy định của pháp luật và (vi) Đáp ứng các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm khác. Bên Bán chịu trách nhiệm trước Bên Mua và/hoặc bên thứ ba và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các yêu cầu của Hàng hóa quy định tại Khoản này. Bên Bán sẽ ngay lập tức cung cấp đầy đủ và trung thực mọi thông tin liên quan đến Hàng hóa hoặc bằng chứng chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu tại Hợp đồng này khi được Bên Mua yêu cầu.

a) 3.2. Yêu cầu chi tiết đối với các hàng hóa đặc thù:

a) Tiêu chuẩn đối với rau củ các loại: Yêu cầu không dập nát, gốc, rễ, còn tươi, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tuân thủ theo thông tư 50/2016/TT/BYT hoặc tuân thủ theo các quy định liên quan.

b) Tiêu chuẩn đối với hàng hoá bao gói sẵn, không thể kiểm tra cảm quan bên trong, nếu trong thời gian còn hạn sử dụng sản phẩm, bao gói còn nguyên mà chất lượng hàng hoá không đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm, Bên Bán đồng ý thu hồi lại hàng hoá có khiếm khuyết do sản xuất hay do điều kiện bảo quản không tốt đồng thời chịu trách nhiệm đổi hàng đảm bảo chất lượng hàng hoá không gây ảnh hưởng đến uy tín, chất lượng phục vụ của bên Mua.

c) Tiêu chuẩn đối với các loại thực phẩm khác: Đạt tiêu chuẩn chất lượng, không có mùi, hàng mới, sạch sẽ và an toàn, không có hoá chất độc hại,

d) Đáp ứng yêu cầu quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

ĐIỀU 4. ĐƠN GIÁ

4.1 Đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng tuy nhiên đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp và các thuế, phí, lệ phí khác. Ngoài Đơn giá, Bên Mua không phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Để tránh hiểu nhầm, Bên Mua chỉ có nghĩa vụ thanh toán giá trị Hợp đồng tương ứng

khi và chỉ khi Bên Bán cung cấp Hàng Hóa đạt yêu cầu theo quy định tại Hợp đồng này. Tuy nhiên, việc Bên Mua thanh toán như vậy sẽ không miễn trừ trách nhiệm của Bên Bán đối với các vi phạm về chất lượng tiềm ẩn của Hàng hóa theo quy định tại Hợp đồng này.

4.2 Đơn giá được Các Bên ghi nhận cụ thể tại từng Đơn đặt hàng chi tiết. Trường hợp có căn cứ rõ ràng về việc xuất hiện các yếu tố làm ảnh hưởng tới giá Hàng hóa bao gồm tăng hoặc giảm giá Hàng hóa so với mặt hàng tương đương trên thị trường từ mười phần trăm (10%) trở lên và theo một thông báo trước thời điểm giao hàng không quá 2 ngày làm việc bằng văn bản của Bên Bán hoặc Bên Mua, Hai Bên có thể thảo luận xem xét điều chỉnh Đơn giá.

4.3 Đối với các Đơn đặt hàng đã được thống nhất, Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện mà không phụ thuộc vào Đơn giá tăng.

ĐIỀU 5. ĐẶT HÀNG VÀ XÁC NHẬN

5.1 Giao dịch mua bán của Các Bên được xác lập trên cơ sở Đơn đặt hàng do Bên Mua gửi cho Bên Bán tại từng thời điểm nhất định ("Đơn đặt hàng"). Đơn đặt hàng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng. Đơn đặt hàng được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện trong Hợp đồng này, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự không thống nhất giữa nội dung được quy định tại Đơn đặt hàng và Hợp đồng này, nội dung tại Đơn đặt hàng sẽ được ưu tiên áp dụng.

5.2 Đơn đặt hàng sẽ được thực hiện theo mẫu của Bên Mua. Người phụ trách của Bên Mua xác nhận và gửi cho Bên Bán Đơn đặt trước 15 giờ của ngày liền trước ngày giao hàng, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Trong thời hạn 03 giờ kể từ lúc nhận được Đơn đặt hàng, Bên Bán phải phản hồi cho Bên Mua về việc đã nhận được Đơn đặt hàng với một phương thức tương ứng. Trong trường hợp Bên Mua đã nhận được xác nhận chấp nhận Đơn đặt hàng của Bên Bán hoặc quá thời hạn kể trên mà không nhận được phản hồi của Bên Bán, Các Bên hiểu và đồng ý rằng Bên Bán chấp nhận toàn bộ Đơn đặt hàng đó.

5.3 Trước thời điểm giao hàng [12] giờ, Bên Mua được phép huỷ thay đổi một phần nhưng không vượt quá 20% số lượng đặt hàng của từng sản phẩm trong đơn đặt hàng và phải có sự chấp thuận của hai bên. Các Bên thừa nhận kết quả điều chỉnh Đơn đặt hàng của Bên Mua là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

5.4 Trong các trường hợp Bên Mua báo xác nhận Đơn đặt hàng muộn hơn so với thời hạn nêu trên, Bên Bán sẽ hỗ trợ tối đa để Hàng hóa được giao thành công và đúng hạn theo quy định tại Đơn đặt hàng và Hợp đồng này. Trường hợp Bên Bán giao hàng đúng quy định nhưng Bên Mua từ chối nhận hàng thì Bên Mua có trách nhiệm hỗ trợ chi phí bốc xếp và các chi phí phát sinh cho Bên Bán theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 6. GIAO HÀNG VÀ KIỂM TRA HÀNG HÓA

6.1 Bên Bán có trách nhiệm chuẩn bị đủ nhân lực, phương tiện giao hàng đúng theo yêu cầu bên Mua thông báo để giao các loại hàng hoá đã thoả thuận cho các cơ sở tại các địa điểm của bên Mua theo thông báo của Bên Mua tại từng thời điểm ("Cơ Sở").

6.2 Xác nhận giao hàng: Bên Bán có trách nhiệm kiểm tra xác nhận Đơn đặt hàng Bên Mua đã gửi. Sau khi nhận được Đơn đặt hàng. Bên Bán có trách nhiệm phản hồi tới Bên Mua tính sẵn có của nguyên vật liệu, hàng hóa thường xuyên và khả năng đáp ứng đơn hàng tối đa 03 giờ sau khi nhận được đơn đặt hàng chính thức từ bên Mua.

6.3 Thời gian giao hàng: Theo thông tin thống nhất của hai Bên, được thể hiện theo Báo giá của bên Bán và Đơn đặt hàng của bên Mua.

6.4 Hàng hóa theo Đơn đặt hàng từ Bên Mua không được trộn lẫn với Hàng của các Đơn đặt hàng từ khách hàng khác.

6.5 Người nhận hàng của Bên Mua và người giao hàng của Bên Bán sẽ cùng nhau kiểm tra số lượng, chất lượng của hàng hoá tại điểm nhận hàng của Bên Mua được ghi trên Đơn đặt hàng hoặc địa điểm được hai bên thống nhất. Bên Mua sẽ ký vào Phiếu Giao Hàng của Bên Bán sau khi kiểm tra và xác nhận đã giao đủ số lượng Hàng hóa. Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên Mua có quyền từ chối sản phẩm không đúng chất lượng và số lượng.

6.6 Bên Mua chỉ có trách nhiệm thanh toán đối với những phiếu giao hàng hợp lệ và thanh toán đúng số lượng, chất lượng Hàng hóa đã yêu cầu theo Đơn đặt hàng đã gửi, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Nếu Bên Bán giao hàng không đúng chủng loại, quy cách, không đúng chất lượng số lượng yêu cầu trong Đơn đặt hàng ("Hàng hóa khiếm khuyết") thì Bên Mua có quyền:

a) Từ chối nhận hàng và/hoặc hoàn trả hàng. Bên Bán tự chịu chi phí thu hồi Hàng hóa khiếm khuyết ngay sau khi có yêu cầu của Bên Mua.

b) Yêu cầu Bên Bán phải thay thế và/hoặc bổ sung ngay lập tức, việc bổ sung, thay thế Hàng hóa không chậm quá 02 giờ hoặc đàm phán thời gian đổi trả.

Trường hợp giao thừa, Bên Bán tự xử lý số lượng thừa, nếu không xử lý, số lượng thừa sẽ có đơn giá bằng không (0VNĐ).

6.7 Bên Bán không được phép tự ý thay đổi quy cách Hàng hoá mà bên Mua đã yêu cầu, bất kỳ sự thay đổi quy cách Hàng hoá giao mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của người có trách nhiệm của bên Mua, giao hàng không đạt chất lượng, giao hàng kém chất lượng, không như yêu cầu đều được xem là vi phạm cam kết,. Giá trị bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của Bên Bán được xác định theo thực tế phát sinh tuy nhiên mức tối thiểu , Bên Bán sẽ phải chịu

phạt vi phạm với mức phạt tương đương 8% giá trị của phần nghĩa vụ bị vi phạm về chất lượng và sản lượng đơn hàng.

6.8 Hàng hóa sẽ được xem là được Bên Mua nhận đầy đủ chỉ khi Bên Bán đã đáp ứng tất cả các yêu cầu về giao hàng theo quy định tại Hợp đồng này. Việc Bên Mua nhận hàng hóa theo quy định tại Điều này sẽ không miễn trừ trách nhiệm của Bên Bán cho cho bất kỳ khiếm khuyết nào về số lượng hoặc chất lượng hoặc không phù hợp với Hợp đồng hoặc hư hỏng nào đối với Hàng hóa mà Bên Mua không nhận biết được tại thời điểm nhận hàng. Hàng hóa sẽ bị xem là không phù hợp với Hợp đồng ngay cả khi hai bên thống nhất các sai phạm, khiếm khuyết này bị phát hiện đối với lỗi liên quan đến ngoại quan, quy cách, nội tỷ sau tối đa 2 tiếng đồng hồ; đối với lỗi liên quan đến Dư lượng thuốc BVTV, Vi sinh vật, Kim loại nặng và Vệ sinh An toàn thực phẩm là tối đa 7 ngày kể từ khi Bên Mua nhận hàng. Bên Bán chịu trách nhiệm trước Bên Mua, khách hàng Bên Mua và cơ quan quản lý nhà nước về việc cung cấp Hàng hóa.

6.9 Bên Bán có trách nhiệm thực hiện bồi thường theo khiếu nại của Bên Mua trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Sau thời hạn này mà Bên Bán không thực hiện thì Bên Mua có quyền đơn phương trừ số tiền đó vào công nợ đã mua hàng hoặc công nợ phát sinh của các đơn hàng tiếp theo.

ĐIỀU 7. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

7.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

7.2. Đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn: Hàng ngày, kế toán công nợ hai bên đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn VAT hàng ngày (ngày hoá đơn tương ứng với ngày giao hàng).

7.3. Trong tháng đầu tiên (30 ngày) kể từ thời điểm hợp đồng này được ký kết: Hai Bên sẽ chốt công nợ của tuần liền trước vào thứ 2 hàng tuần, Bên A sẽ phải thanh toán cho bên B công nợ sau tối đa 2 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán.

Kể từ tháng thứ 2 sau thời điểm hợp đồng này được ký kết: Hai bên sẽ chốt công nợ 1 tháng 2 lần vào ngày 15 và ngày cuối cùng của tháng. Sau tối đa 3 ngày làm việc Bên Mua sẽ phải thanh toán công nợ cho bên Bán sau khi đã nhận đủ hồ sơ thanh toán.

7.4. Lãi chậm trả: Nếu quá thời hạn trên, Bên Mua sẽ phải chịu lãi quá hạn số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tính từ ngày chậm trả đến ngày trả tiền.

7.5. Bộ chứng từ thanh toán Bên Bán cung cấp cho Bên Mua bao gồm:

- Hóa đơn GTGT hợp lệ theo quy định của pháp luật.
- Bản đối chiếu công nợ có sự xác nhận của kế toán hai bên.

ĐIỀU 8. BẢO MẬT THÔNG TIN

8.1 Ngoại trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, bất kỳ thông tin nào tại Hợp đồng này và/hoặc bất kỳ thông tin nào có liên quan đến Hợp đồng này bao gồm

cả các thông tin liên quan tới tranh chấp (nếu có), bất kể nhận được thông tin trước hay sau khi ký kết Hợp đồng này, sẽ được xem là thông tin mật *("Thông tin mật")* và không được sử dụng hoặc tiết lộ cho bên thứ ba hoặc sử dụng cho mục đích khác với mục đích thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại.

8.2 Các bên đồng ý nhanh chóng trả lại toàn bộ tài liệu hữu hình lưu trữ, chứa đựng các Thông tin mật của Bên còn lại mà một bên được cung cấp và hoặc có thể có được trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này ngay khi có yêu cầu của Bên kia hoặc khi chấm dứt Hợp đồng này tùy điều kiện nào đến sớm hơn ngoại trừ các thông tin cơ bản mà Bên Bán cần phải giữ lại để ghi nhận/chứng minh giao dịch giữa các Bên theo pháp luật thuế, kế toán và các quy định pháp luật khác. Bên vi phạm điều khoản này sẽ bồi thường thiệt hại mà Bên Bán vi phạm phải gánh chịu do việc chiếm giữ và/hoặc sử dụng và/hoặc tiết lộ các Thông tin mật của Bên Bán vi phạm.

8.3 Các bên thừa nhận sẽ tuân thủ khoản 1 điều này ngay cả khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

ĐIỀU 9. CHỐNG HỐI LỘ

9.1 Bên Bán cam kết và đảm bảo rằng giám đốc, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên Bán hoặc được Bên Bán chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên Mua sẽ không (i) Hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào *(gọi chung là "Hối lộ")*, cho bất kỳ giám đốc, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên Mua *(gọi chung là "Người Bên Mua")* hoặc thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hối lộ Người Bên Mua nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên hoặc hưởng các ưu đãi trong việc ký hợp đồng với Bên Mua một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, và/hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác. Các hành vi Hối lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp đồng này.

9.2 Trường hợp bất kỳ người nào thuộc Bên Bán nhận thấy bất cứ Người Bên Mua nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối lộ thì Bên Bán có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Người phụ trách của Bên Mua theo thông tin tại Điều 13.6 Hợp đồng này.

9.3 Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối lộ và tùy quyết định của Bên Mua, Bên Mua có quyền áp dụng một hoặc một vài hoặc đồng thời tất cả các hành động sau đây:

a) Phạt Bên Mua một khoản tiền bằng 08% tổng giá trị Hợp đồng/hành vi vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Bên Bán phải bồi thường cho Bên Mua các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp đồng này, hoàn trả cho Bên Mua các khoản tiền Bên Mua đã tạm ứng cho Bên Bán (nếu có) và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp đồng khi Hợp đồng bị

chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên Bán. Trong đó, tổng giá trị Hợp đồng được hiểu là toàn bộ giá trị của Hợp đồng ký kết và giá trị bổ sung tại các Phụ lục hợp đồng và các văn bản thỏa thuận khác của các bên ký kết dựa trên Hợp đồng (nếu có). Các Bên thừa nhận việc áp dụng chế tài này tách biệt và không ảnh hưởng đến quyền áp dụng các chế tài phạt vi phạm khác theo quy định tại Hợp đồng và các thỏa thuận khác được xác lập giữa các bên.

b) Đưa Bên Bán vào danh sách các đối tác, nhà cung cấp cần phải kiểm soát hoặc hạn chế hoặc bị loại bỏ khi tham gia các hoạt động dịch vụ/hàng hóa khác.

c) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối lộ có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

9.4 Miễn trừ: Bên Bán sẽ miễn trừ cho Bên Mua mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối lộ của Bên Bán vi phạm pháp luật Việt nam và phải bồi thường cho Bên Mua các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối lộ của Bên Bán.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT

10.1 Ngoại trừ phần khác của Hợp đồng có quy định khác đi, nếu xảy ra bất kỳ một trong các sự kiện sau đây có liên quan đến một Bên nào theo Hợp đồng này, Bên còn lại có thể chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo chấm dứt bằng văn bản cho Bên còn lại:

b) Nếu một trong hai Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này và không khắc phục nguyên nhân vi phạm Hợp đồng này như đã được quy định tại điều khoản này trong thời hạn mười lăm ngày (15) Ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên còn lại, Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo về vụ việc bằng văn bản cho Bên vi phạm.

c) Nếu một bên nhận được yêu cầu quản lý tài sản vô điều kiện hoặc vỡ nợ, hoặc phải khôi phục hoạt động kinh doanh hoặc ngừng hoạt động kinh doanh, hoặc bị sáp nhập với cá nhân, công ty hoặc tổ chức khác, Bên còn lại sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước ít nhất ba mươi (30) ngày.

d) Trường hợp khác được quy định tại Hợp đồng này và pháp luật hiện hành.

10.2 Việc chấm dứt theo quy định tại Điều này sẽ không làm giảm nhẹ trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ còn tồn đọng như thanh toán tiền mua Hàng hóa, giao Hàng hóa, bất kỳ chi phí hoặc bồi thường thiệt hại phát sinh trước hoặc trong khi một bên chấm dứt Hợp đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này, Điều 6, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Hợp đồng vẫn duy trì hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

10.3 Ngoài ra, Một bên có thể chấm dứt Hợp đồng bất kỳ lúc nào bằng cách gửi thông báo bằng văn

bản cho Bên Bán trước ít nhất hai mươi ngày (20) Ngày làm việc trước ngày chấm dứt.

10.4 Trường hợp tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng theo thông báo được gửi theo quy định tại Điều này mà các Bên đang thực hiện (các) Đơn đặt hàng đã được thống nhất xác lập theo quy định của Hợp đồng , trừ trường hợp Bên Mua yêu cầu khác đi, các Bên sẽ tiếp thực hiện Đơn đặt hàng này trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này và Hợp Đồng này sẽ được chấm dứt tại thời điểm kết thúc Đơn đặt hàng cuối cùng đó.

ĐIỀU 11. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

11.1 Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật của Việt Nam.

11.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực thi hành của Hợp đồng này hoặc có liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết trước tiên thông qua thương lượng bởi Các bên. Trong trường hợp Các bên không giải quyết được vụ việc trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày thông báo của một Bên, vụ việc sẽ được trình cho Tòa án có thẩm quyền. Bên thua kiện đó có trách nhiệm thanh toán khoản phí luật sư hợp lý và các chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng đó.

ĐIỀU 12. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

12.1 Hợp đồng này cũng như bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này không được chuyển nhượng hay chuyển giao bởi một trong Các bên cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại.

12.2 Bất kỳ bên nào vi phạm nghĩa vụ và cam kết của Hợp đồng phải chịu phạt 8.0% giá trị Hợp đồng vi phạm và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên còn lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên bị vi phạm có yêu cầu, ngoại trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác

12.3 Việc một Bên không thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này sẽ không được hiểu là từ bỏ điều khoản đó cũng như quyền của Bên đó đối với việc thực hiện quyền đó sau này, và việc miễn trừ một vi phạm Hợp đồng này sẽ không được xem là miễn trừ cho bất kỳ sự vi phạm tương tự hoặc vi phạm điều khoản khác.

12.4 Các tiêu đề trong Hợp đồng này chỉ nhằm để tham khảo và sẽ không nhằm mục đích ấn định, giải thích và ảnh hưởng đến ngữ nghĩa và các diễn giải đối với các điều khoản cụ thể của Hợp đồng này.

12.5 Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận và hiểu biết trước đây giữa các Bên liên quan đến việc mua và bán Hàng hóa. Không có bất kỳ bản sửa đổi nào của Hợp đồng này có hiệu lực hoặc có ràng buộc đối với Các bên trừ trường hợp có sự chấp thuận trước bằng văn bản và được ký bởi đại diện có thẩm quyền của Các bên.

12.6 Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị xem là trái pháp luật, vô hiệu hoặc không có giá trị thi hành, những điều khoản còn lại của Hợp đồng vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành theo nội

dung của điều khoản đó.

12.7 Thông tin Người phụ trách:

THÔNG TIN	BÊN MUA	BÊN BÁN
Họ và tên	TRẦN THỊ KIM ANH	HỒ VIỆT HOÀN
Thư điện tử	Trankimanh8779@gmail,com	Htx.hoangnamphat@gmail.com
SĐT	0977072666	0975917666
Địa chỉ	Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	TDP Tầng Hạ-Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Ngày các bên nhận được thông báo, thông tin trong Hợp đồng này được xác định như sau:

a) Trường hợp được gửi qua fax hoặc thư điện tử hoặc trao tay trực tiếp, ngày nhận được thông báo chính là ngày bên kia gửi hoặc thông báo.

b) Trường hợp thông báo gửi bằng bưu điện, chuyển phát tới địa chỉ của Bên còn lại được quy định tại Hợp đồng này, ngày nhận được thông báo là 03 Ngày làm việc sau ngày gửi được thể hiện trên phiếu gửi thư hoặc ngày Bên còn lại nhận được thông báo trên thực tế và thông báo cho Bên kia, tùy thời điểm nào tới trước.

Trong trường hợp một Bên mong muốn sửa đổi thông tin Người phụ trách, Bên này sẽ thông báo cho Bên còn lại trước ít nhất bảy (07) ngày trước ngày hiệu lực của việc thay đổi theo phương thức đã quy định như trên.

12.8 Các bản sửa đổi, các phụ lục đính kèm của Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này, bao gồm các bản sửa đổi và các phụ lục được lập tại bất kỳ thời điểm nào sau này. Trường hợp có bất kỳ nội dụng nào của các bản sửa đổi, các phụ lục của Hợp đồng này mâu thuẫn với các điều khoản của Hợp đồng này, nội dung tại Hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng, ngoại trừ trường hợp phụ lục, văn bản được ký kết hợp lệ sau có ngụ ý rõ ràng rằng sẽ thay thế, điều chỉnh nội dung của Hợp đồng này.

12.9 Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để xác định việc vi phạm nghĩa vụ của một Bên để dẫn đến việc Bên kia chấm dứt hoặc thực hiện các biện pháp xử lý như yêu cầu bồi thường, phạt Hợp đồng hoặc các biện pháp tài chính hoặc chế tài có giá trị tương ứng. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên Bán ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng được miễn thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình và thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm một khoảng thời gian tương ứng với khoảng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên Bán ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

12.10 Hợp đồng này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký. Hết thời hạn trên, nếu hai Bên không có ý kiến gì thì hợp đồng được tự động gia hạn vào năm tiếp theo cho đến khi có văn bản chấm dứt hợp đồng.

12.11 Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản để thực hiện.

ĐỂ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, đại diện có thẩm quyền của Các bên đã ký Hợp đồng này vào ngày tháng năm ghi tại phần đầu của Hợp đồng.

BÊN BÁN	BÊN MUA
S.G.C.N: 0801319574 - H.TX - HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	M.S.D.N: 0901084830 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN - TỈNH HƯNG YÊN
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
HỒ VIỆT HOÀN	TRẦN THỊ KIM ANH

HTX HOÀNG NAM PHÁT

HỒ SƠ NĂNG LỰC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Hợp Tác Xã HOÀNG NAM PHÁT - Chuyên cung cấp các loại nông sản sạch cho các bếp ăn, siêu thị, trường học, nhà hàng và chợ truyền thống.

Doanh nghiệp chúng tôi là một chuỗi liên kết khép kín giữa nông dân và doanh nghiệp. Chúng tôi chuyên cung cấp tất cả các mặt hàng nông sản tươi sạch, đạt chất lượng an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế với đa dạng chủng loại, giá cả hợp lí và sự uy tín trên toàn bộ sản phẩm của nông trại chúng tôi.

✤ Sản phẩm của chúng tôi:

→ Các loại rau củ: cải thảo, khoai tây, hành tây, su hào, bắp cải, súp lơ, cà rốt,..

→ Các loại hoa quả: Cam, nho, quýt, dưa hấu.....

✤Đảm bảo "3 không":

Không hoá chất tồn dư

Không phân bón hoá học

Không biến đổi Gen

HOÀNG NAM PHÁT

THÔNG TIN

Tên đơn vị: HTX Hoàng Nam Phát

Ngày thành lập : 20/03/2020

Mã số thuế: 0801319574

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 (Ba mươi tỉ đồng)

Người đại diện: Ông Hồ Việt Hoàn

Phone Number
0975 917 666

Website
www://htxhoangnamphat.com

Address
Gia Xuyên - TP. Hải Dương

STK: 111643386789
Ngân hàng TMCP Công thương VN
CN KCN Hải Dương

HOÀNG NAM PHÁT

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Hợp tác xã Hoàng Nam Phát được thanh lập theo giấy phép kinh doanh số: 0801319574 do UBND TP.Hải Dương cấp ngày 20/3/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/06/2024.

UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ
Số: 0801319574
Đăng ký lần đầu, ngày 20 tháng 3 năm 2020
Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 28 tháng 6 năm 2024

1. Tên hợp tác xã
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên hợp tác xã viết tắt: HTX HOÀNG NAM PHÁT
2. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, Xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Điện thoại: 0975917666 Fax:
Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150 *(chính)*
2	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
3	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
4	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
5	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
6	Bán buôn thực phẩm	4632
7	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
10	Chăn nuôi gia cầm	0146
11	Chăn nuôi khác	0149
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

4. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 *(Ba mươi tỷ đồng)*
5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã
Họ và tên : HỒ VIỆT HOÀN Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Sinh ngày: 05/02/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 030088006135
Ngày cấp: 09/07/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tranh Đấu, Xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam
Chỗ ở hiện tại: Thôn Tranh Đấu, Xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Giấy phép đăng ký kinh doanh

HOÀNG NAM PHÁT

CÁC GIẤY TỜ CHỨNG NHẬN

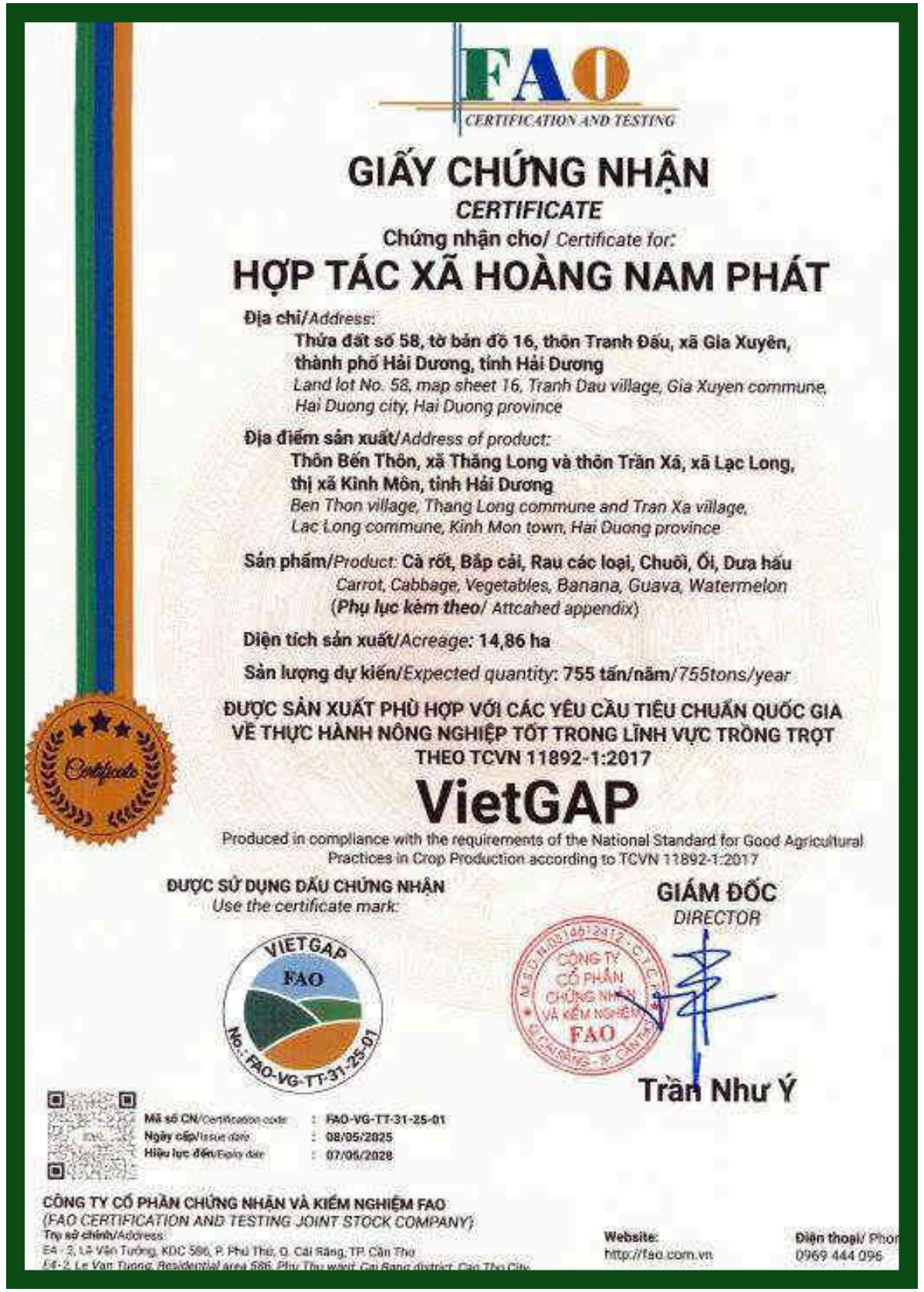

FAO
CERTIFICATION AND TESTING

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE
Chứng nhận cho/ Certificate for:
HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

Địa chỉ/Address:
Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Land lot No. 58, map sheet 16, Tranh Dau village, Gia Xuyen commune, Hai Duong city, Hai Duong province

Địa điểm sản xuất/Address of product:
Thôn Bến Thôn, xã Thăng Long và thôn Trần Xá, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Ben Thon village, Thang Long commune and Tran Xa village, Lac Long commune, Kinh Mon town, Hai Duong province

Sản phẩm/Product: Cà rốt, Bắp cải, Rau các loại, Chuối, Ổi, Dưa hấu
Carrot, Cabbage, Vegetables, Banana, Guava, Watermelon
(Phụ lục kèm theo/ Attcahed appendix)

Diện tích sản xuất/Acreage: 14,86 ha

Sản lượng dự kiến/Expected quantity: 755 tấn/năm/755tons/year

ĐƯỢC SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THEO TCVN 11892-1:2017

VietGAP

Produced in compliance with the requirements of the National Standard for Good Agricultural Practices in Crop Production according to TCVN 11892-1:2017

ĐƯỢC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN
Use the certificate mark:

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Trần Như Ý

Mã số CN/Certification code : FAO-VG-TT-31-25-01
Ngày cấp/Issue date : 08/05/2025
Hiệu lực đến/Expiry date : 07/05/2028

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
(FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY)
Trụ sở chính/Address:
E4 - 3, Lê Văn Tưởng, KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
E4-3, Le Van Tuong, Residential area 586, Phu Thu ward, Cai Rang district, Can Tho City
Website: http://fao.com.vn
Điện thoại/ Phon 0969 444 096

Chứng nhận VietGap

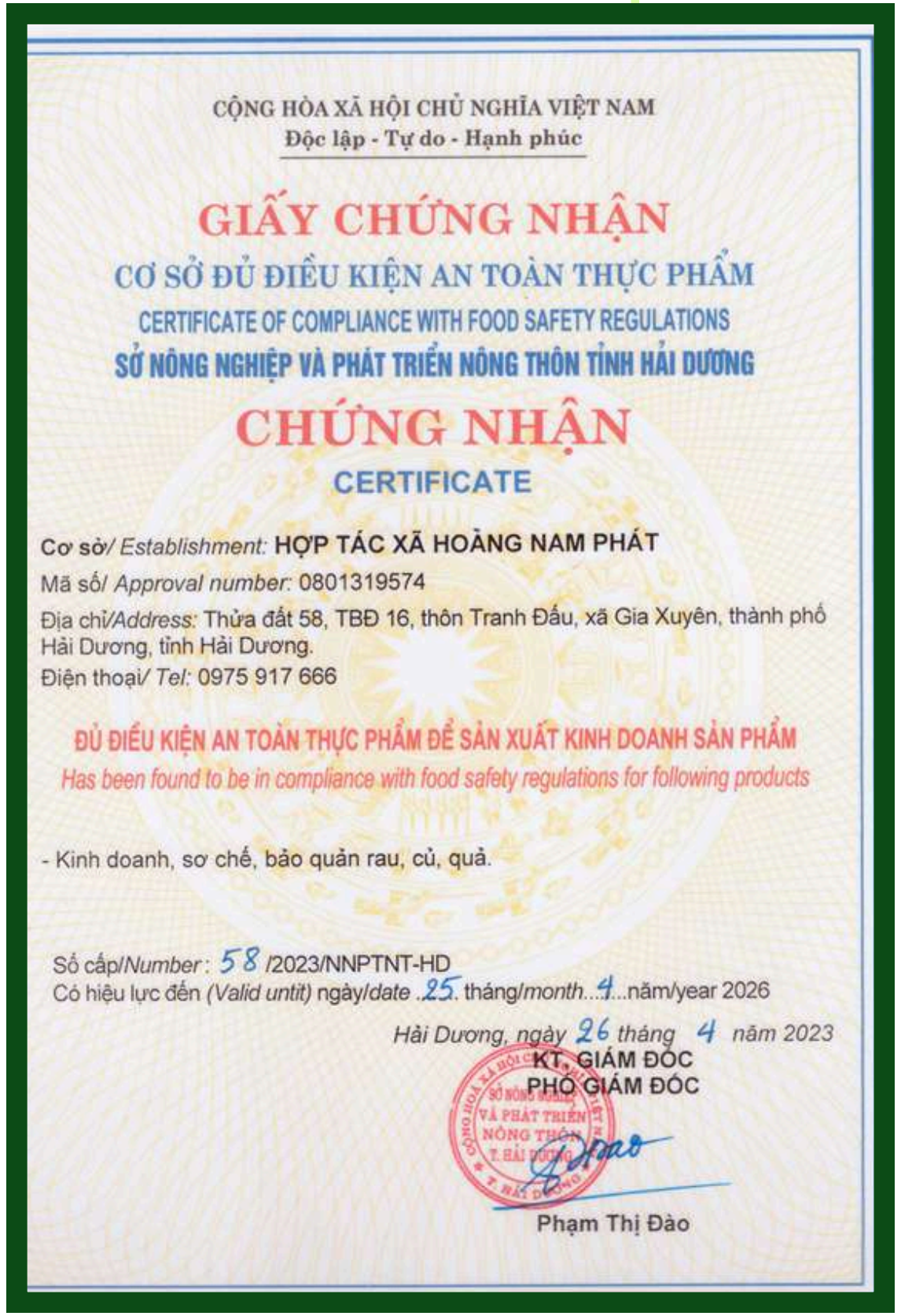

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HẢI DƯƠNG

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

Cơ sở/ Establishment: HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT
Mã số/ Approval number: 0801319574
Địa chỉ/Address: Thửa đất 58, TBĐ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Điện thoại/ Tel: 0975 917 666

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT KINH DOANH SẢN PHẨM
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products

- Kinh doanh, sơ chế, bảo quản rau, củ, quả.

Số cấp/Number: 58 /2023/NNPTNT-HD
Có hiệu lực đến (Valid untit) ngày/date .25. tháng/month...4...năm/year 2026

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2023
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Đào

Chứng nhận VSATTP

CÁC GIẤY TỜ CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP
ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Sản phẩm: BẮP CẢI TRẮNG
Đơn vị: HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT
Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2023

Hải Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2023
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4403/QĐ-UBND
Ngày 12 tháng 12 năm 2023
có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

Chứng nhận OCOP - BẮP CẢI 3 SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP
ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Sản phẩm: CÀ RỐT
Đơn vị: HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT
Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2023

Hải Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2023
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4403/QĐ-UBND
Ngày 12 tháng 12 năm 2023
có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

Chứng nhận OCOP - CÀ RỐT 3 SAO

CÁC GIẤY TỜ CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Sản phẩm: CẢI THẢO
Đơn vị: HTX Hoàng Nam Phát
Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương
Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

Chứng nhận OCOP - CẢI THẢO 3 SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Sản phẩm: KHOAI TÂY
Đơn vị: HTX Hoàng Nam Phát
Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương
Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

Chứng nhận OCOP - KHOAI TÂY 3 SAO

HTX HOÀNG NAM PHÁT

CÁC GIẤY TỜ CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Sản phẩm: DƯA HẤU
Đơn vị: HTX Hoàng Nam Phát
Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương
Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

Chứng nhận OCOP - DƯA HẤU 3 SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Sản phẩm: QUẢ CHUỐI
Đơn vị: HTX Hoàng Nam Phát
Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương
Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

Chứng nhận OCOP - QUẢ CHUỐI 3 SAO

NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Ông Hồ Việt Hoàn
Chức vụ : Giám Đốc

CỬ NHÂN QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Hường
Chức vụ : Phó Giám Đốc

CỬ NHÂN KINH TẾ

HOÀNG NAM PHÁT

QUY TRÌNH SƠ CHẾ SẢN PHẨM RAU CỦ QUẢ

01 NHẬP RAU CỦ VỀ KHU SƠ CHẾ
Rau củ quả sau khi thu mua từ các hộ liên kết được tập kết về khu vực sơ chế

02 NHẬP KHO
Kế toán kiểm đếm và kiểm soát chất lượng

03 PHÂN LOẠI
Rau củ được phân loại theo chất lượng, size cỡ theo yêu cầu của từng khách hàng

04 SƠ CHẾ
Rau củ được rửa, loại bỏ tạp chất và lá già....

05 ĐÓNG GÓI
Tuỳ vào yêu cầu của từng khách hàng, rau củ quả được bao gói theo quy cách khác nhau

06 NHẬP KHO THÀNH PHẨM
Rau củ quả sau khi đóng gói được nhập kho thành phẩm bảo quản để đảm bảo luôn tươi mới

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

HTX HOÀNG NAM PHÁT THU MUA TRÊN 100 TẤN NÔNG SẢN MỖI NGÀY

Hiện mỗi ngày đơn vị thu mua trên 100 tấn nông sản, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Toàn bộ sản phẩm của HTX cung cấp chủ yếu cho hệ thống siêu thị BIG C, WINMART, trung tâm thương mại Aeon Mall, Wincommer, Bách Hóa Xanh..... và các chợ đầu mối.

Dự kiến đầu tháng 12, HTX Hoàng Nam Phát sẽ tập trung cho thị trường xuất khẩu với các nông sản chính là: Bắp cải, súp lơ, cà rốt, cải thảo... được trồng theo tiêu chuẩn VietGAP.

HOÀNG NAM PHÁT

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Phát triển HTX nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp ở Hải Dương

Đến thời điểm này, ngoài 100 ha đất sản xuất để trồng các loại rau của quả theo mùa vụ như bí xanh, bí đỏ, mướp, cải bắp, dưa lưới, dưa chuột... HTX còn tổ chức liên kết cung cấp toàn bộ giống, vốn, hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, tiêu chuẩn VietGAP cho hơn 400 hộ liên kết ở các huyện, thành phố gồm Thành phố Hải Dương, huyện Thanh Miện, Kinh Môn, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Nam Sách, Cẩm Giàng, Kim Thành... và bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

NĂNG LỰC SẢN XUẤT TRỰC TIẾP TẠI XƯỞNG LÀ 60 TẤN/ NGÀY

Không chỉ xuất khẩu, HTX Hoàng Nam Phát còn hướng đến thị trường trong nước, trong đó có các bếp ăn công nghiệp, trường học, chợ truyền thống và các siêu thị. Vào mùa cao điểm, mỗi ngày HTX sơ chế, đóng gói sản xuất trực tiếp tải xưởng 60 tấn/ ngày.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

HỆ THỐNG KHO LẠNH VỚI SỨC CHỨA 1.000 TẤN LIÊN TỤC

Với hệ thống kho lạnh gồm 3 kho chính, mỗi kho lên đến 700m2. Các kho này có vai trò quan trọng trong điều phối hàng hoá, đảm bảo không bị gián đoạn cung cấp cho đối tác

HOÀNG NAM PHÁT

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

MÁY MÓC CÔNG NGHỆ GIÚP TĂNG HIỆU SUẤT LÀM VIỆC

Máy rửa cà rốt

Băng chuyền

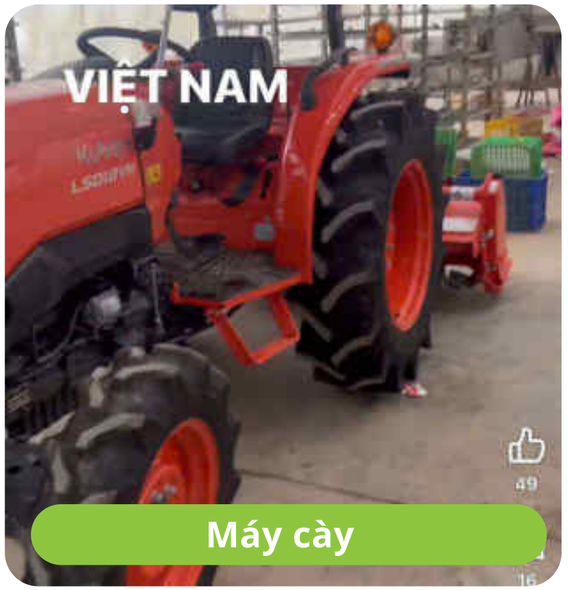

Máy cày

Xe nâng hạ

Máy gieo hạt

Ô tô tải

HÌNH ẢNH
XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

HTX Hoàng Nam Phát được vinh danh là đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc đóng góp xây dựng và phát triển thành phố Hải Dương

HTX Hoàng Nam Phát vinh dự được bình chọn 100 hợp tác xã tiêu biểu, trao giải thưởng Ngôi sao hợp tác xã – CoopStar Awards 2025

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

HOÀNG NAM PHÁT

HÌNH ẢNH
NÔNG SẢN TRÁI CÂY

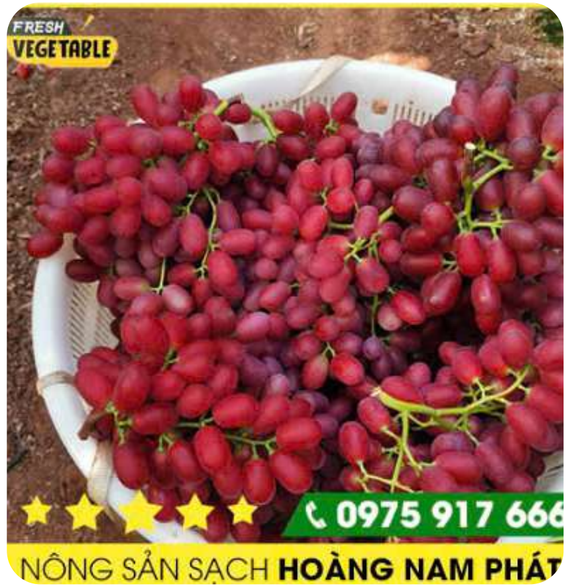

HOÀNG NAM PHÁT

HÌNH ẢNH
NÔNG SẢN RAU CỦ

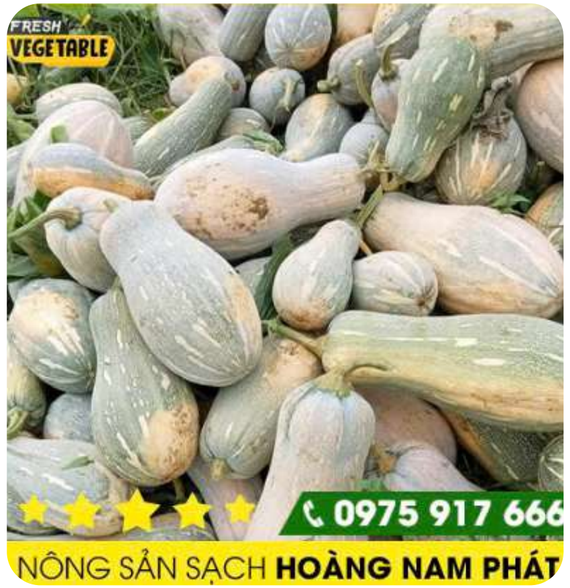

HOÀNG NAM PHÁT

HÌNH ẢNH
NÔNG SẢN RAU CỦ

HOÀNG NAM PHÁT

GIẢI THƯỞNG, BẰNG KHEN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Tặng

BẰNG KHEN

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương năm 2023

Hải Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2023

CHỦ TỊCH

Triệu Thế Hùng

SỐ QUYẾT ĐỊNH: 3256 /QĐ - UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Tặng

BẰNG KHEN

Ông Hồ Việt Hoàn

GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

ĐỊA CHỈ: THÔN TẦNG HẠ, XÃ GIA XUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích đóng góp trong xây dựng, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hải Dương (05/11/1994 - 05/11/2024)

Hải Dương, ngày 23 tháng 5 năm 2024

CHỦ TỊCH

Triệu Thế Hùng

SỐ QUYẾT ĐỊNH: 1254 /QĐ-UBND

HOÀNG NAM PHÁT

GIẢI THƯỞNG, BẰNG KHEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BAN CHẤP HÀNH
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
TẶNG

BẰNG KHEN

Hợp tác xã Hoàng Nam Phát

XÃ GIA XUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong xây dựng và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025
TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

Cao Xuân Thu Vân

Quyết định số: 291/QĐ-BCH, ngày 02/4/2025
Vào sổ số: 01

GIẢI THƯỞNG
NGÔI SAO HỢP TÁC XÃ NĂM 2025

CO-OPSTAR
AWARDS 2025

Tặng

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT,
XÃ GIA XUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH HẢI DƯƠNG

Tặng

GIẤY KHEN

Ông: Hồ Việt Hoàn

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021

Hải Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2021
T/M BAN CHẤP HÀNH LIÊN MINH HTX TỈNH
CHỦ TỊCH

Vào sổ khen thưởng số:254/QĐKT - LMHTX

Nguyễn Thị Thu Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

VINH DANH

CÔNG DÂN TIÊU BIỂU

Ông HỒ VIỆT HOÀN

Giám đốc Hợp tác xã Hoàng Nam Phát (HTX Hoàng Nam Phát), xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương

Địa chỉ: Thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương

Đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển thành phố Hải Dương

TP. Hải Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2024
CHỦ TỊCH

QĐ số 412/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 10 Năm 2024

Nguyễn Văn Kiên

HOÀNG NAM PHÁT

Home About Service Contact

CẢM ƠN

VÌ ĐÃ CHỌN CHÚNG TÔI!

UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 0801319574

Đăng ký lần đầu, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 28 tháng 6 năm 2024

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX HOÀNG NAM PHÁT

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, Xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0975917666 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150 *(chính)*
2	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
3	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
4	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
5	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
6	Bán buôn thực phẩm	4632
7	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
10	Chăn nuôi gia cầm	0146
11	Chăn nuôi khác	0149
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

4. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 *(Ba mươi tỷ đồng)*

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên : HỒ VIỆT HOÀN Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 05/02/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 030088006135
Ngày cấp: 09/07/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tranh Đấu, Xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam
Chỗ ở hiện tại: Thôn Tranh Đấu, Xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

FAO
CERTIFICATION AND TESTING

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận cho/ *Certificate for:*

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

Địa chỉ/*Address:*

Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Land lot No. 58, map sheet 16, Tranh Dau village, Gia Xuyen commune, Hai Duong city, Hai Duong province

Địa điểm sản xuất/*Address of product:*

Thôn Bến Thôn, xã Thăng Long và thôn Trần Xá, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Ben Thon village, Thang Long commune and Tran Xa village, Lac Long commune, Kinh Mon town, Hai Duong province

Sản phẩm/*Product:* **Cà rốt, Bắp cải, Rau các loại, Chuối, Ổi, Dưa hấu**

Carrot, Cabbage, Vegetables, Banana, Guava, Watermelon

(***Phụ lục kèm theo/*** *Attcahed appendix*)

Diện tích sản xuất/*Acreage:* **14,86 ha**

Sản lượng dự kiến/*Expected quantity:* **755 tấn/năm/***755tons/year*

ĐƯỢC SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THEO TCVN 11892-1:2017

VietGAP

Produced in compliance with the requirements of the National Standard for Good Agricultural Practices in Crop Production according to TCVN 11892-1:2017

ĐƯỢC SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN
Use the certificate mark:

VIETGAP FAO No.: FAO-VG-TT-31-25-01

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Mã số CN/*Certification code* : **FAO-VG-TT-31-25-01**
Ngày cấp/*Issue date* : **08/05/2025**
Hiệu lực đến/*Expiry date* : **07/05/2028**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
(FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY)
Trụ sở chính/*Address:*
E4 - 2, Lê Văn Tưởng, KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
E4-2, Le Van Tuong, Residential area 586, Phu Thu ward, Cai Rang district, Can Tho City

Website: http://fao.com.vn

Điện thoại/ *Phone:* 0969 444 096

FAO
CERTIFICATION AND TESTING

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo giấy chứng nhận
mã số: FAO-VG-TT-31-25-01 cấp ngày 08/05/2025

STT	Tên sản phẩm	STT	Tên sản phẩm
1	Cải ngọt	21	Tía tô
2	Cải xanh	22	Cải cúc
3	Mồng tơi	23	Xà lách
4	Rau đay	24	Cải bó xôi
5	Cải ngồng	25	Cải cầu vồng
6	Rau ngót	26	Cải Kale
7	Súp lơ	27	Ngò gai
8	Cải thảo	28	Thì là
9	Rau dền	29	Măng tây
10	Rau húng lủi	30	Bầu
11	Dưa chuột	31	Mướp
12	Đậu bắp	32	Su hào
13	Dưa lê	33	Dưa lưới
14	Cà chua	34	Dưa kim hoàng hậu
15	Bí xanh	35	Củ đậu
16	Bí đỏ	36	Bắp cải
17	Củ cải đỏ (Củ cải Radish)	37	Cà rốt
18	Củ cải trắng	38	Dưa hấu
19	Khoai tây	39	Chuối
20	Ngò rí	40	Ổi

Trụ sở chính/Address:
E4 - 2, Lê Văn Tưởng, KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
E4-2, Le Van Tuong, Residential area 586, Phu Thu ward,
Cai Rang district, Can Tho City

Website:
http://fao.com.vn

Điện thoại/Phone:
0969 444 096

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HẢI DƯƠNG

CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Cơ sở/ *Establishment:* **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Mã số/ *Approval number:* 0801319574

Địa chỉ/*Address:* Thửa đất 58, TBĐ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại/ *Tel:* 0975 917 666

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT KINH DOANH SẢN PHẨM

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products

- Kinh doanh, sơ chế, bảo quản rau, củ, quả.

Số cấp/*Number*: 58 /2023/NNPTNT-HD

Có hiệu lực đến *(Valid untit)* ngày/*date* .25. tháng/*month*...4...năm/year 2026

Hải Dương, ngày 26 *tháng* 4 *năm 2023*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN T. HẢI DƯƠNG

Phạm Thị Đào

TÊN CƠ SỞ: HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT
ĐỊA CHỈ: *Đội 6, Thôn Tầng Hạ, Xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.*

DANH SÁCH NHÂN VIÊN
ĐÃ ĐƯỢC TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(*): X: Được tập huấn O: Chưa được tập huấn

STT	Họ Và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số Căn cước công dân	Ngày cấp	Đã qua tập huấn (*)
1	Hồ Việt Hoàn	05/02/1988	030088006135	05/08/2022	X
2	Nguyễn Thị Hường	01/07/1989	030189008610	05/08/2022	X
3	Nguyễn Thị Hằng	12/08/1990	030190014758	20/04/2022	X
4	Đinh Thị Như Quỳnh	06/12/1993	030193006714	10/04/2021	X
5	Nguyễn Huyền Dịu	17/10/2001	030301001102	27/06/2021	X
6	Đinh Thị Cẩm Tú	07/07/2001	030301001026	15/05/2022	X
7	Lê Thị Phương Thúy	19/12/1993	030193002144	24/05/2023	X
8	Phạm Thị Yến	14/02/1994	030194004385	17/05/2021	X
9	Đoàn Thị Hoa	05/04/1991	030191012954	28/06/2022	X

Hải Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

GIÁM ĐỐC
HỒ VIỆT HOÀN

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 2.0281
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
B4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-909 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com
•Headquarters:
B4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-909 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.01

Tên khách hàng / *Customer's name*	:	**HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**
Địa chỉ / *Address*	:	Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tên mẫu / *Sample's name*	:	Mẫu đất 01 (MĐ-HNP.01)
Mô tả mẫu /*Sample description*	:	Mẫu đất chứa trong túi nhựa, không niêm
Ngày nhận mẫu /*Sample received on*	:	26/04/2025
Ngày phân tích /*Sample tested on*	:	26/04/2025
Ngày trả kết quả /*Date of Issue*	:	03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*	**LOD**	**Phương pháp thử nghiệm** *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	< 15	mg/kg	-	CFT-WI03-14(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	< 0.4	mg/kg	-	CFT-WI03-09(*)

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note*:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 2.0261
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatlaong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatlaong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchatlaong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchatlaong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.02

Tên khách hàng / *Customer's name*	:	**HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**
Địa chỉ / *Address*	:	Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tên mẫu / *Sample's name*	:	Mẫu đất 02 (MĐ-HNP.02)
Mô tả mẫu /*Sample description*	:	Mẫu đất chứa trong túi nhựa, không niêm
Ngày nhận mẫu /*Sample received on*	:	26/04/2025
Ngày phân tích /*Sample tested on*	:	26/04/2025
Ngày trả kết quả /*Date of Issue*	:	03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*	**LOD**	**Phương pháp thử nghiệm** *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	< 15	mg/kg	-	CFT-WI03-14(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	< 0.4	mg/kg	-	CFT-WI03-09(*)

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dà Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/Note:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 2.0201
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tưởng, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.03

Tên khách hàng / *Customer's name*	:	**HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**
Địa chỉ / *Address*	:	Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tên mẫu / *Sample's name*	:	Mẫu đất 03 (MĐ-HNP.03)
Mô tả mẫu /*Sample description*	:	Mẫu đất chứa trong túi nhựa, không niêm
Ngày nhận mẫu /*Sample received on*	:	26/04/2025
Ngày phân tích /*Sample tested on*	:	26/04/2025
Ngày trả kết quả /*Date of Issue*	:	03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*	**LOD**	**Phương pháp thử nghiệm** *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	< 15	mg/kg	-	CFT-WI03-14(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	< 0.4	mg/kg	-	CFT-WI03-09(*)

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note*:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1; Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 2.0261
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tưởng, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.04

Tên khách hàng / *Customer's name* : **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Địa chỉ / *Address* : Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Tên mẫu / *Sample's name* : Mẫu nước tưới 01 (MN-HNP.01)

Mô tả mẫu /*Sample description* : Mẫu nước chứa trong chai nhựa có nắp, không niêm

Ngày nhận mẫu /*Sample received on* : 26/04/2025

Ngày phân tích /*Sample tested on* : 26/04/2025

Ngày trả kết quả /*Date of Issue* : 03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	LOD	Phương pháp thử nghiệm *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	ND	µg/l	2	CFT-WI03-15(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	ND	µg/l	0.5	CFT-WI03-10(*)
3.	E.coli	<1.8	MPN/100 ml	-	SMEWW 9221F:2023(*)

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note:*

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 2.0201
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-011 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-011 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.05

Tên khách hàng / *Customer's name*	:	**HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**
Địa chỉ / *Address*	:	Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tên mẫu / *Sample's name*	:	Mẫu bắp cải (MSP-HNP.01)
Mô tả mẫu /*Sample description*	:	Mẫu bắp cải chứa trong túi nhựa, không niêm
Ngày nhận mẫu /*Sample received on*	:	26/04/2025
Ngày phân tích /*Sample tested on*	:	26/04/2025
Ngày trả kết quả /*Date of Issue*	:	03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*	**LOD**	**Phương pháp thử nghiệm** *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	ND	mg/kg	0.05	CFT-WI03-11(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	ND	mg/kg	0.005	CFT-WI03-06(*)
3.	Organochlorine pesticide *BVTV nhóm Clo hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
4.	Organophosphorous pesticides *BVTV nhóm Lân hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
5.	Pyrethroid pesticides *BVTV nhóm Cúc*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
6.	Carbamate pesticides *BVTV nhóm Carbamate*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-83(*)
7.	Escherichia coli	<10	CFU/g	-	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008) (*)
8.	Salmonella spp.	ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (*)

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A13, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A13, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.05

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note:*

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH: <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 090 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 090 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.05

PHỤ LỤC DANH SÁCH THUỐC BVTV / *ANNEX (LIST OF PESTICIDES):*

LOD = Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*

Đơn vị/*Unit*: mg/kg

STT No	Chất phân tích Name	LOD
A.	**Pyrethroid pesticides**	
1	Bifenthrin	0.003
2	Fenpropathrin	0.003
3	Phenothrin	0.003
4	Cyhalothrin	0.003
5	Permethrin	0.003
6	Cyfluthrin	0.003
7	Cypermethrin	0.003
8	Etofenprox	0.003
9	Fenvalerate	0.003
10	Detamethrin	0.003
B.	**Organophosphorous pesticides**	
11	Chlorfenvinphos	0.003
12	Chlorpyrifos	0.003
13	Chlorpyrifos-methyl	0.003
14	Dichlorvos	0.003
15	Dimethoate	0.003
16	Disufoton	0.003
17	EPN	0.003
18	Ethion	0.003
19	Ethoprophos	0.003
20	Farmfur	0.003
21	Fenitrothion	0.003

STT No	Chất phân tích Name	LOD
C.	**Carbamate pesticides**	
33	Aldicarb sulfoxide	0.003
34	Oxamyl	0.003
35	Aldicarb sulfone	0.003
36	Methomyl	0.003
37	Carbofuran-3-hydroxy	0.003
38	Aldicarb	0.003
39	Propoxur	0.003
40	Carbofuran	0.003
41	Carbaryl	0.003
42	Isoprocarb	0.003
43	Methiocarb	0.003
44	Fenobucarb	0.003
D.	**Organochlorine pesticide**	
45	4,4'-DDD	0.003
46	4,4'-DDE	0.003
47	4,4'-DDT	0.003
48	a-Endosulfan	0.003
49	Aldrin	0.003
50	Alpha BHC	0.003
51	b- Endosulfan	0.003
52	Beta BHC	0.003
53	cis-Chlordane	0.003

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-909 444 096 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-909 444 096 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A13, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A13, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.05

22	Fenthion	0.003
23	Methamidophos	0.003
24	Methyl parathion	0.003
25	O, O, O-Triethylphosphorothioate	0.003
26	Parathion	0.003
27	Phenthoate	0.003
28	Phorate	0.003
29	Pirimiphos-ethyl	0.003
30	Pirimiphos-methyl	0.003
31	Sulfotep	0.003
32	Thionazin	0.003

54	Delta BHC	0.003
55	Dieldrin	0.003
56	Endosulfan Sunfat	0.003
57	Endrin	0.003
58	Endrin aldehyde	0.003
59	Endrin ketone	0.003
60	Gamma BHC	0.003
61	Heptachlor	0.003
62	Heptachlor exo-epoxide	0.003
63	Methoxychlor	0.003
64	trans-Chlordane	0.003

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 3.0261
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-909 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthoangl@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-909 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthoangl@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-031 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoangl@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-031 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoangl@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.06

Tên khách hàng / *Customer's name*	:	**HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**
Địa chỉ / *Address*	:	Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tên mẫu / *Sample's name*	:	Mẫu mướp (MSP-HNP.02)
Mô tả mẫu /*Sample description*	:	Mẫu mướp hương chứa trong túi nhựa, không niêm
Ngày nhận mẫu /*Sample received on*	:	26/04/2025
Ngày phân tích /*Sample tested on*	:	26/04/2025
Ngày trả kết quả /*Date of Issue*	:	03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*	**LOD**	**Phương pháp thử nghiệm** *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	ND	mg/kg	0.05	CFT-WI03-11(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	ND	mg/kg	0.005	CFT-WI03-06(*)
3.	Organochlorine pesticide *BVTV nhóm Clo hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
4.	Organophosphorous pesticides *BVTV nhóm Lân hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
5.	Pyrethroid pesticides *BVTV nhóm Cúc*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
6.	Carbamate pesticides *BVTV nhóm Carbamate*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-83(*)
7.	Escherichia coli	<10	CFU/g	-	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008) (*)
8.	Salmonella spp.	ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.06

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note*:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH: <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

•Trụ sở chính:
B4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com
•Headquarters:
B4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-852 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-852 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoquy@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.06

PHỤ LỤC DANH SÁCH THUỐC BVTV / *ANNEX (LIST OF PESTICIDES):*

LOD = Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*

Đơn vị/*Unit*: mg/kg

STT No	Chất phân tích Name	LOD
A.	**Pyrethroid pesticides**	
1	Bifenthrin	0.003
2	Fenpropathrin	0.003
3	Phenothrin	0.003
4	Cyhalothrin	0.003
5	Permethrin	0.003
6	Cyfluthrin	0.003
7	Cypermethrin	0.003
8	Etofenprox	0.003
9	Fenvalerate	0.003
10	Detamethrin	0.003
B.	**Organophosphorous pesticides**	
11	Chlorfenvinphos	0.003
12	Chlorpyrifos	0.003
13	Chlorpyrifos-methyl	0.003
14	Dichlorvos	0.003
15	Dimethoate	0.003
16	Disufoton	0.003
17	EPN	0.003
18	Ethion	0.003
19	Ethoprophos	0.003
20	Farmfur	0.003
21	Fenitrothion	0.003

STT No	Chất phân tích Name	LOD
C.	**Carbamate pesticides**	
33	Aldicarb sulfoxide	0.003
34	Oxamyl	0.003
35	Aldicarb sulfone	0.003
36	Methomyl	0.003
37	Carbofuran-3-hydroxy	0.003
38	Aldicarb	0.003
39	Propoxur	0.003
40	Carbofuran	0.003
41	Carbaryl	0.003
42	Isoprocarb	0.003
43	Methiocarb	0.003
44	Fenobucarb	0.003
D.	**Organochlorine pesticide**	
45	4,4'-DDD	0.003
46	4,4'-DDE	0.003
47	4,4'-DDT	0.003
48	a-Endosulfan	0.003
49	Aldrin	0.003
50	Alpha BHC	0.003
51	b- Endosulfan	0.003
52	Beta BHC	0.003
53	cis-Chlordane	0.003

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-869 444 096 Email: info.fcmnghiemcfathong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-869 444 096 Email: info.fcmnghiemcfathong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.fcmnghiemcfathong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.fcmnghiemcfathong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.06

22	Fenthion	0.003
23	Methamidophos	0.003
24	Methyl parathion	0.003
25	O, O, O-Triethylphosphorothioate	0.003
26	Parathion	0.003
27	Phenthoate	0.003
28	Phorate	0.003
29	Pirimiphos-ethyl	0.003
30	Pirimiphos-methyl	0.003
31	Sulfotep	0.003
32	Thionazin	0.003

54	Delta BHC	0.003
55	Dieldrin	0.003
56	Endosulfan Sunfat	0.003
57	Endrin	0.003
58	Endrin aldehyde	0.003
59	Endrin ketone	0.003
60	Gamma BHC	0.003
61	Heptachlor	0.003
62	Heptachlor exo-epoxide	0.003
63	Methoxychlor	0.003
64	trans-Chlordane	0.003

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

VLAT 2.0261
ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiem.fathuong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.07

Tên khách hàng / *Customer's name* : **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Địa chỉ / *Address* : Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Tên mẫu / *Sample's name* : Mẫu cà rốt (MSP-HNP.03)

Mô tả mẫu /*Sample description* : Mẫu cà rốt chứa trong túi nhựa, không niêm

Ngày nhận mẫu /*Sample received on* : 26/04/2025

Ngày phân tích /*Sample tested on* : 26/04/2025

Ngày trả kết quả /*Date of Issue* : 03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	LOD	Phương pháp thử nghiệm *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	ND	mg/kg	0.05	CFT-WI03-11(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	ND	mg/kg	0.005	CFT-WI03-06(*)
3.	Organochlorine pesticide *BVTV nhóm Clo hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
4.	Organophosphorous pesticides *BVTV nhóm Lân hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
5.	Pyrethroid pesticides *BVTV nhóm Cúc*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
6.	Carbamate pesticides *BVTV nhóm Carbamate*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-83(*)
7.	Escherichia coli	<10	CFU/g	-	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008) (*)
8.	Salmonella spp.	ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (*)

•Trụ sở chính:
B4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-909 444 090 Email: tnhh.kiemnghiemchuongi@gmail.com
•Headquarters:
B4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-909 444 090 Email: tnhh.kiemnghiemchuongi@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: tnhh.kiemnghiemchuongi@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: tnhh.kiemnghiemchuongi@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.07

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note:*

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-909 444 090 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-909 444 090 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.07

PHỤ LỤC DANH SÁCH THUỐC BVTV / *ANNEX (LIST OF PESTICIDES):*

LOD = Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*

Đơn vị/*Unit*: mg/kg

STT No	Chất phân tích Name	LOD
A.	**Pyrethroid pesticides**	
1	Bifenthrin	0.003
2	Fenpropathrin	0.003
3	Phenothrin	0.003
4	Cyhalothrin	0.003
5	Permethrin	0.003
6	Cyfluthrin	0.003
7	Cypermethrin	0.003
8	Etofenprox	0.003
9	Fenvalerate	0.003
10	Detamethrin	0.003
B.	**Organophosphorous pesticides**	
11	Chlorfenvinphos	0.003
12	Chlorpyrifos	0.003
13	Chlorpyrifos-methyl	0.003
14	Dichlorvos	0.003
15	Dimethoate	0.003
16	Disufoton	0.003
17	EPN	0.003
18	Ethion	0.003
19	Ethoprophos	0.003
20	Farmfur	0.003
21	Fenitrothion	0.003

STT No	Chất phân tích Name	LOD
C.	**Carbamate pesticides**	
33	Aldicarb sulfoxide	0.003
34	Oxamyl	0.003
35	Aldicarb sulfone	0.003
36	Methomyl	0.003
37	Carbofuran-3-hydroxy	0.003
38	Aldicarb	0.003
39	Propoxur	0.003
40	Carbofuran	0.003
41	Carbaryl	0.003
42	Isoprocarb	0.003
43	Methiocarb	0.003
44	Fenobucarb	0.003
D.	**Organochlorine pesticide**	
45	4,4'-DDD	0.003
46	4,4'-DDE	0.003
47	4,4'-DDT	0.003
48	a-Endosulfan	0.003
49	Aldrin	0.003
50	Alpha BHC	0.003
51	b- Endosulfan	0.003
52	Beta BHC	0.003
53	cis-Chlordane	0.003

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-971 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-971 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.07

22	Fenthion	0.003
23	Methamidophos	0.003
24	Methyl parathion	0.003
25	O, O, O-Triethylphosphorothioate	0.003
26	Parathion	0.003
27	Phenthoate	0.003
28	Phorate	0.003
29	Pirimiphos-ethyl	0.003
30	Pirimiphos-methyl	0.003
31	Sulfotep	0.003
32	Thionazin	0.003

54	Delta BHC	0.003
55	Dieldrin	0.003
56	Endosulfan Sunfat	0.003
57	Endrin	0.003
58	Endrin aldehyde	0.003
59	Endrin ketone	0.003
60	Gamma BHC	0.003
61	Heptachlor	0.003
62	Heptachlor exo-epoxide	0.003
63	Methoxychlor	0.003
64	trans-Chlordane	0.003

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

ilac-MRA AOSC VLAT 2.0281 ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-1, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 098 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 098 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.08

Tên khách hàng / *Customer's name* : **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Địa chỉ / *Address* : Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Tên mẫu / *Sample's name* : Mẫu chuối (MSP-HNP.04)

Mô tả mẫu /*Sample description* : Mẫu chuối chứa trong túi nhựa, không niêm

Ngày nhận mẫu /*Sample received on* : 26/04/2025

Ngày phân tích /*Sample tested on* : 26/04/2025

Ngày trả kết quả /*Date of Issue* : 03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	LOD	Phương pháp thử nghiệm *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	ND	mg/kg	0.05	CFT-WI03-11(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	ND	mg/kg	0.005	CFT-WI03-06(*)
3.	Organochlorine pesticide *BVTV nhóm Clo hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
4.	Organophosphorous pesticides *BVTV nhóm Lân hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
5.	Pyrethroid pesticides *BVTV nhóm Cúc*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
6.	Carbamate pesticides *BVTV nhóm Carbamate*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-83(*)
7.	Escherichia coli	<10	CFU/g	-	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008) (*)
8.	Salmonella spp.	ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (*)

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchatluong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.08

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dủ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note*:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

•Trụ sở chính:
B4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84 869 444 086 Email: info.kiemnghiemcanthoag@gmail.com
•Headquarters:
B4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-869 444 086 Email: info.kiemnghiemcanthoag@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoag@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemcanthoag@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.08

PHỤ LỤC DANH SÁCH THUỐC BVTV / *ANNEX (LIST OF PESTICIDES):*

LOD = Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*

Đơn vị/*Unit*: mg/kg

STT No	Chất phân tích Name	LOD
A.	**Pyrethroid pesticides**	
1	Bifenthrin	0.003
2	Fenpropathrin	0.003
3	Phenothrin	0.003
4	Cyhalothrin	0.003
5	Permethrin	0.003
6	Cyfluthrin	0.003
7	Cypermethrin	0.003
8	Etofenprox	0.003
9	Fenvalerate	0.003
10	Detamethrin	0.003
B.	**Organophosphorous pesticides**	
11	Chlorfenvinphos	0.003
12	Chlorpyrifos	0.003
13	Chlorpyrifos-methyl	0.003
14	Dichlorvos	0.003
15	Dimethoate	0.003
16	Disufoton	0.003
17	EPN	0.003
18	Ethion	0.003
19	Ethoprophos	0.003
20	Farmfur	0.003
21	Fenitrothion	0.003

STT No	Chất phân tích Name	LOD
C.	**Carbamate pesticides**	
33	Aldicarb sulfoxide	0.003
34	Oxamyl	0.003
35	Aldicarb sulfone	0.003
36	Methomyl	0.003
37	Carbofuran-3-hydroxy	0.003
38	Aldicarb	0.003
39	Propoxur	0.003
40	Carbofuran	0.003
41	Carbaryl	0.003
42	Isoprocarb	0.003
43	Methiocarb	0.003
44	Fenobucarb	0.003
D.	**Organochlorine pesticide**	
45	4,4'-DDD	0.003
46	4,4'-DDE	0.003
47	4,4'-DDT	0.003
48	a-Endosulfan	0.003
49	Aldrin	0.003
50	Alpha BHC	0.003
51	b- Endosulfan	0.003
52	Beta BHC	0.003
53	cis-Chlordane	0.003

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-369 444 090 Email: info.fiemghiemchathong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-369 444 090 Email: info.fiemghiemchathong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-911 098 444 Email: info.fiemghiemchathong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-911 098 444 Email: info.fiemghiemchathong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.08

22	Fenthion	0.003
23	Methamidophos	0.003
24	Methyl parathion	0.003
25	O, O, O-Triethylphosphorothioate	0.003
26	Parathion	0.003
27	Phenthoate	0.003
28	Phorate	0.003
29	Pirimiphos-ethyl	0.003
30	Pirimiphos-methyl	0.003
31	Sulfotep	0.003
32	Thionazin	0.003

54	Delta BHC	0.003
55	Dieldrin	0.003
56	Endosulfan Sunfit	0.003
57	Endrin	0.003
58	Endrin aldehyde	0.003
59	Endrin ketone	0.003
60	Gamma BHC	0.003
61	Heptachlor	0.003
62	Heptachlor exo-epoxide	0.003
63	Methoxychlor	0.003
64	trans-Chlordane	0.003

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO CẦN THƠ
CẦN THƠ FAO TESTING CENTER

ilac-MRA AOSC VLAT 2.0201 ISO/IEC 17025:2017

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-909 444 090 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-909 444 090 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com

•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.09

Tên khách hàng / *Customer's name* : **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Địa chỉ / *Address* : Thửa đất số 58, tờ bản đồ 16, thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Tên mẫu / *Sample's name* : Mẫu ổi (MSP-HNP.05)

Mô tả mẫu /*Sample description* : Mẫu ổi chứa trong túi nhựa, không niêm

Ngày nhận mẫu /*Sample received on* : 26/04/2025

Ngày phân tích /*Sample tested on* : 26/04/2025

Ngày trả kết quả /*Date of Issue* : 03/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING RESULT

STT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Kết quả** *Result*	**Đơn vị** *Unit*	**LOD**	**Phương pháp thử nghiệm** *Testing Method*
1.	Lead/ Chì (Pb)	ND	mg/kg	0.05	CFT-WI03-11(*)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	ND	mg/kg	0.005	CFT-WI03-06(*)
3.	Organochlorine pesticide *BVTV nhóm Clo hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
4.	Organophosphorous pesticides *BVTV nhóm Lân hữu cơ*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
5.	Pyrethroid pesticides *BVTV nhóm Cúc*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-82(*)
6.	Carbamate pesticides *BVTV nhóm Carbamate*	ND	mg/kg	0.003	CFT-WI05-83(*)
7.	Escherichia coli	<10	CFU/g	-	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008) (*)
8.	Salmonella spp.	ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (*)

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: tqfc.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: tqfc.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A13, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: tqfc.kiemnghiemchathuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A13, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: tqfc.kiemnghiemchathuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.09

Phòng Thí Nghiệm / *Laboratory*

Lê Dũ Ninh

Giám đốc / *Director*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO

Trần Như Ý

Ghi chú/*Note*:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử /This testing result is only valid on tested sample.
2. Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ / This report may not be reproduced in whole or in part without the prior written consent of Can Tho FAO Testing Center.
3. Thông tin mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Sample and customer's information is written as customer's request.
4. (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
5. (**): Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi nhà thầu phụ / Parameter is tested by subcontractor.
6.(+): Chỉ tiêu được thực hiện trên mẫu thử theo yêu cầu khách hàng/ Parameter is tested on the sample sampled according to customer's request.
7. Mẫu thử nghiệm được phân tích tại Trung Tâm Kiểm Nghiệm FAO Cần Thơ / The test sample was analyzed at the Can Tho FAO testing Center.
KPH; <10;<3; <1: Không phát hiện/ Not detected ND/KPH: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tương, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.fcomghcmchathuong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.fcomghcmchathuong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phương Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.fcomghcmchathuong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21 , Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.fcomghcmchathuong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.09

PHỤ LỤC DANH SÁCH THUỐC BVTV / *ANNEX (LIST OF PESTICIDES):*

LOD = Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*

Đơn vị/*Unit*: mg/kg

STT No	Chất phân tích Name	LOD
A.	**Pyrethroid pesticides**	
1	Bifenthrin	0.003
2	Fenpropathrin	0.003
3	Phenothrin	0.003
4	Cyhalothrin	0.003
5	Permethrin	0.003
6	Cyfluthrin	0.003
7	Cypermethrin	0.003
8	Etofenprox	0.003
9	Fenvalerate	0.003
10	Detamethrin	0.003
B.	**Organophosphorous pesticides**	
11	Chlorfenvinphos	0.003
12	Chlorpyrifos	0.003
13	Chlorpyrifos-methyl	0.003
14	Dichlorvos	0.003
15	Dimethoate	0.003
16	Disufoton	0.003
17	EPN	0.003
18	Ethion	0.003
19	Ethoprophos	0.003
20	Farmfur	0.003
21	Fenitrothion	0.003

STT No	Chất phân tích Name	LOD
C.	**Carbamate pesticides**	
33	Aldicarb sulfoxide	0.003
34	Oxamyl	0.003
35	Aldicarb sulfone	0.003
36	Methomyl	0.003
37	Carbofuran-3-hydroxy	0.003
38	Aldicarb	0.003
39	Propoxur	0.003
40	Carbofuran	0.003
41	Carbaryl	0.003
42	Isoprocarb	0.003
43	Methiocarb	0.003
44	Fenobucarb	0.003
D.	**Organochlorine pesticide**	
45	4,4'-DDD	0.003
46	4,4'-DDE	0.003
47	4,4'-DDT	0.003
48	a-Endosulfan	0.003
49	Aldrin	0.003
50	Alpha BHC	0.003
51	b- Endosulfan	0.003
52	Beta BHC	0.003
53	cis-Chlordane	0.003

•Trụ sở chính:
E4-2, Lê Văn Tường, Khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com
•Headquarters:
E4-2, Le Van Tuong, 586 Residential Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Viet Nam
+84-969 444 096 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com
•Chi nhánh Hà Nội:
A15, Quốc lộ 21, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com
•Ha Noi Branch:
A15, Highway 21, Phu Luong Ward, Ha Dong District, Ha Noi City, Viet Nam
+84-931 098 444 Email: info.kiemnghiemchathong@gmail.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Số/No: CT250426.07.09

22	Fenthion	0.003
23	Methamidophos	0.003
24	Methyl parathion	0.003
25	O, O, O-Triethylphosphorothioate	0.003
26	Parathion	0.003
27	Phenthoate	0.003
28	Phorate	0.003
29	Pirimiphos-ethyl	0.003
30	Pirimiphos-methyl	0.003
31	Sulfotep	0.003
32	Thionazin	0.003

54	Delta BHC	0.003
55	Dieldrin	0.003
56	Endosulfan Sunfat	0.003
57	Endrin	0.003
58	Endrin aldehyde	0.003
59	Endrin ketone	0.003
60	Gamma BHC	0.003
61	Heptachlor	0.003
62	Heptachlor exo-epoxide	0.003
63	Methoxychlor	0.003
64	trans-Chlordane	0.003

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

★ ★ ★

Sản phẩm: BẮP CẢI TRẮNG

Đơn vị: HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2023

Hải Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2023
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Phúc

Quyết định số: 4403/QĐ-UBND
Ngày 12 tháng 12 năm 2023
có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

★ ★ ★

Sản phẩm: **CÀ RỐT**

Đơn vị: **HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT**

Địa chỉ: **Xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương**

Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2023

Hải Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2023
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Nguyễn Hữu Phúc

Quyết định số: 4403/QĐ-UBND
Ngày 12 tháng 12 năm 2023
có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

★ ★ ★

Sản phẩm: **QUẢ CHUỐI**

Đơn vị: **HTX Hoàng Nam Phát**

Địa chỉ: **Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương**

Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG T. HẢI DƯƠNG

Nguyễn Hữu Phúc

CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

★ ★ ★

Sản phẩm: **KHOAI TÂY**

Đơn vị: **HTX Hoàng Nam Phát**

Địa chỉ: **Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương**

Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

★ ★ ★

Sản phẩm: **DƯA HẤU**

Đơn vị: **HTX Hoàng Nam Phát**

Địa chỉ: **Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương**

Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG T. HẢI DƯƠNG

Nguyễn Hữu Phúc

CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

OCOP

ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

★ ★ ★

Sản phẩm: **CẢI THẢO**

Đơn vị: **HTX Hoàng Nam Phát**

Địa chỉ: **Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương**

Sản phẩm đạt: 3 sao, năm 2024

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quyết định số: 4753/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Nguyễn Hữu Phúc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Tặng

BẰNG KHEN

Ông Hồ Việt Hoàn

GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

ĐỊA CHỈ: THÔN TẦNG HẠ, XÃ GIA XUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích đóng góp trong xây dựng, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hải Dương (05/11/1994 - 05/11/2024)

Hải Dương, ngày 23 tháng 5 năm 2024

CHỦ TỊCH

Triệu Thế Hùng

SỐ QUYẾT ĐỊNH :1204 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Tặng

BẰNG KHEN

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương năm 2023

Hải Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2023

CHỦ TỊCH

Triệu Thế Hùng

SỐ QUYẾT ĐỊNH : 3256 /QĐ - UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH HẢI DƯƠNG

Tặng

GIẤY KHEN

Ông: *Hồ Việt Hoàn*

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021

Hải Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2021

T/M BAN CHẤP HÀNH LIÊN MINH HTX TỈNH

CHỦ TỊCH

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Thị Thu Hương

Vào sổ khen thưởng số:254/QĐKT - LMHTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

VINH DANH

CÔNG DÂN TIÊU BIỂU

Ông **HỒ VIỆT HOÀN**

Giám đốc Hợp tác xã Hoàng Nam Phát (HTX Hoàng Nam Phát), xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương

Địa chỉ: Thôn Tranh Đấu, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương

Đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển thành phố Hải Dương

TP. Hải Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2024

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kiên

QĐ số: 417-QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 10 Năm 2024

GIẢI THƯỞNG
NGÔI SAO HỢP TÁC XÃ NĂM 2025

CO-OPSTAR
AWARDS 2025

Tặng

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT,
XÃ GIA XUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BAN CHẤP HÀNH
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
TẶNG

BẰNG KHEN

Hợp tác xã Hoàng Nam Phát

XÃ GIA XUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong xây dựng và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025
TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

BAN CHẤP HÀNH

Cao Xuân Thu Vân

Quyết định số: 291/QĐ-BCH, ngày 02/4/2025
Vào sổ số: 01

HTX HOÀNG NAM PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 25-02/2026/XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương;

Tên Cơ sở sản xuất: HTX Hoàng Nam Phát

Địa chỉ: TDP Tầng Hạ, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: 0801319574

Ngày cấp: 06/10/2025 Nơi cấp: Phòng Kinh Tế, Hạ Tầng và Đô Thị

Điện thoại: 0975917666

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2026

CHỦ CƠ SỞ

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
HỒ VIỆT HOÀN

Được quét bằng CamScanner

Danh sách công nhân được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm số 25-02/2026/XNTHKTATTP)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước
1	Nguyễn Thị Mẩu	Công nhân	Nữ	030163020403	22/12/2021
2	Nguyễn Thị Hân	Công nhân	Nữ	030158004595	22/12/2021
3	Nguyễn Thị Cháng	Công nhân	Nữ	030153001755	30/06/2022
4	Nguyễn Thị Thuỷ	Công nhân	Nữ	038197006238	29/07/2024
5	Vũ Thị Chiu	Công nhân	Nữ	030166001451	20/04/2021
6	Nguyễn Thị Gái	Công nhân	Nữ	030165013610	02/07/2021
7	Nguyễn Thị Sẻ	Công nhân	Nữ	030159006725	07/04/2021
8	Nguyễn Thị Lả	Công nhân	Nữ	030165004423	22/12/2021
9	Nguyễn Thị Thanh	Công nhân	Nữ	030165007522	07/04/2021
10	Nguyễn Thị Mai	Công nhân	Nữ	030161005554	20/04/2021
11	Hoàng Thị Đáng	Công nhân	Nữ	030175004464	09/08/2021
12	Nguyễn Thị Hạnh	Công nhân	Nữ	025170001947	19/04/2021
13	Phạm Thị Hiền	Công nhân	Nữ	030157006451	20/04/2021
14	Nguyễn Thị Thanh	Công nhân	Nữ	030163004027	09/08/2021
15	Trịnh Văn Quynh	Công nhân	Nam	030075007883	10/09/2024
16	Nguyễn Thị Đại	Công nhân	Nữ	030164006282	26/05/2025
17	Phạm Thị Chạp	Công nhân	Nữ	030157005749	10/04/2021
18	Nguyễn Thị Mơ	Công nhân	Nữ	030162003934	22/12/2024
19	Phạm Thị Khách	Công nhân	Nữ	030165007509	14/07/2025

20	Nguyễn Ngọc Thiết	Công nhân	Nam	030060008527	25/04/2021
21	Nguyễn Thị Lan	Công nhân	Nữ	030163005160	22/12/2021
22	Nguyễn Thị Lan	Công nhân	Nữ	030159006717	16/04/2021
23	Vũ Thị Xê	Công nhân	Nữ	030159006715	20/04/2021
24	Nguyễn Thị Nước	Công nhân	Nữ	030167007028	16/01/2022
25	Nguyễn Thị Hoa	Công nhân	Nữ	030162007280	10/04/2021
26	Phạm Thị Tý	Công nhân	Nữ	030155005684	25/04/2021
27	Nguyễn Thị Ngà	Công nhân	Nữ	030162020619	10/05/1962
28	Vũ Thị Len	Công nhân	Nữ	030160011064	13/01/2023
29	Nguyễn Thị Tuyết	Công nhân	Nữ	030167002469	30/06/2022
30	Phạm Thị Phố	Công nhân	Nữ	030174001007	19/04/2021
31	Cao Thị Vẻ	Công nhân	Nữ	030169015276	13/08/2021
32	Vũ Thị Vẻ	Công nhân	Nữ	030159006729	25/04/2021
33	Nguyễn Thị Hoan	Công nhân	Nữ	030161006893	05/05/2022
34	Trần Thị Minh	Công nhân	Nữ	030159005641	30/06/2022
35	Trần Thị Minh	Công nhân	Nữ	030159010504	02/07/2021
36	Nguyễn Thị Thu	Công nhân	Nữ	030176002763	22/12/2021
37	Nguyễn Thị Chóe	Công nhân	Nữ	030160016244	02/07/2021
38	Phạm Thị Hằng	Công nhân	Nữ	030169004838	30/06/2022

Hải Phòng, ngày 25 tháng 0 2 năm 2026

CHỦ CƠ SỞ

(Ký và ghi rõ họ tên)

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

GIÁM ĐỐC

HỒ VIỆT HOÀN

HTX HOÀNG NAM PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 23-02/2026/XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương;

Tên Cơ sở sản xuất: HTX Hoàng Nam Phát

Địa chỉ: TDP Tằng Hạ, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: 0801319574

Ngày cấp: 06/10/2025 Nơi cấp: Phòng Kinh Tế, Hạ Tầng và Đô Thị

Điện thoại: 0975917666

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Hải Phòng, ngày 23 tháng 02 năm 2026

CHỦ CƠ SỞ

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
HỒ VIỆT HOÀN

Danh sách công nhân được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm số 23-02/2026/XNTHKTATTP)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước
1	Hồ Việt Hoàn	Giám đốc	Nam	030088006135	05/08/2022
2	Nguyễn Thị Hường	Phó giám đốc	Nữ	030189008610	05/08/2022
3	Đoàn Thị Hoa	Kế toán	Nữ	030191012954	28/06/2022
4	Đồng Thị Hồng	Kế toán	Nữ	030183007764	03/06/2024
5	Phạm Thị Phương	Kế toán	Nữ	030197011791	13/08/2021
6	Nguyễn Thị Việt Hoa	Kế toán	Nữ	030176014866	13/08/2021
7	Nguyễn Thị Hương	Kế toán	Nữ	030183003366	17/05/2021
8	Phạm Văn Hội	TLGĐ	Nam	031091002562	03/05/1991
9	Đỗ Thúy Hiền	Kế toán	Nữ	030301008727	30/05/2022
10	Phạm Cẩm Ly	Kế toán	Nữ	030303006716	09/05/2021
11	Vũ Thị Thiêm	Kế toán	Nữ	036185026567	23/01/2025
12	Vũ Thiều Linh	Kế toán	Nam	030085005379	24/01/2025
13	Trần Thị Lệ	Kế toán	Nữ	031183009743	11/09/2023
14	Hồ Văn Tài	GĐ	Nam	030078014295	18/05/2022
15	Trịnh Văn Hùng	Quản lý	Nam	038091021841	14/06/2023
16	Nguyễn Văn Chữ	Công nhân	Nam	030090012683	24/04/2021
17	Lý Văn Quý	Lái xe	Nam	024081018076	25/06/2021

18	Vàng Thị Dung	Công nhân	Nữ	010189004578	28/05/2024
19	Khương Viết Quang	Lái xe	Nam	030089017333	27/09/2021
20	Hồ Văn Bường	Lái xe	Nam	030069001277	18/05/2022
21	Nguyễn Văn Dân	Lái xe	Nam	033078011937	10/05/2021
22	Nguyễn Văn Nam	Lái xe	Nam	030201002656	28/062022
23	Nguyễn Thị Hằng	Quản lý	Nữ	030176014639	17/01/2024
24	Vũ Thanh Tùng	Xe nâng	Nam	031089013642	26/08/2025
25	Nguyễn Chí Thức	Lái xe	Nam	030087006540	09/08/2021
26	Phạm Bình Hướng	Công Nhân	Nam	030074007917	22/12/2021
27	Đinh Văn Tuyện	Lái xe	Nam	030083020401	22/12/1983
28	Đặng Viết Nhung	Công nhân	Nam	042085021481	12/07/2021
29	Bùi Thị Thúy Hậu	Công nhân	Nữ	035182006435	24/04/2023
30	Hồ Thị Tình	Công nhân	Nữ	030183009463	25/04/2021
31	Đỗ Văn Mừng	Lái xe	Nam	030086008148	28/06/2021
32	Lương Văn Hiệp Dũng	Xe nâng	Nam	030093001812	25/08/2021
33	Cao Thọ Thiệu	Công nhân	Nam	030068018768	10/05/2021
34	Đặng Văn Nho	Lái xe	Nam	030091009587	14/04/2021
35	Nguyễn Thị Hưng	Công nhân	Nữ	030178016323	09/05/2021
36	Nguyễn Hữu Cầu	Xe nâng	Nam	030085017532	28/03/2025
37	Nguyễn Ngọc Thái	Công nhân	Nam	030208006540	11/03/2023
38	Trần Gia Huy	Lái xe	Nam	030207003581	15/04/2022
39	Nguyễn Quang Tuấn	Công nhân	Nam	030206002256	25/04/2021

40	Phạm Văn Thao	Công nhân	Nam	030079003969	06/08/2022
41	Trần Văn Bộ	Công nhân	Nam	020089009871	24/06/2021
42	Phạm Hồng Thiết	Công nhân	Nam	038202026311	20/09/2021
43	Lò Văn Học	Công nhân	Nam	014205011029	31/05/2021
44	Vũ Thị Hằng	Công nhân	Nữ	030177011408	06/07/2022
45	Nguyễn Thị Dung	Công nhân	Nữ	030184020978	14/03/2023
46	Vàng Thị Tươi	Công nhân	Nữ	002303010985	13/05/2021
47	Nguyễn Thị Hằng	Công nhân	Nữ	038168018709	16/08/2021
48	Nguyễn Thị Luyên	Công nhân	Nữ	030167005237	10/04/2021
49	Chu Thị Liên	Công nhân	Nữ	030165001914	14/08/2021
50	Lê Thị Mùi	Công nhân	Nữ	030157003482	19/08/2021
51	Tăng Thị Then	Công nhân	Nữ	030173004275	09/08/2021
52	Vũ Thị Lâm	Công nhân	Nữ	030166015383	28/06/2021
53	Nguyễn Thị Xen	Công nhân	Nữ	030160003594	03/05/2022
54	Tăng Thị Sáu	Công nhân	Nữ	030164017524	08/01/2025
55	Nguyễn Thị Dung	Công nhân	Nữ	038159016274	11/08/2021
56	Nguyễn Thị Phượng	Công nhân	Nữ	038167007525	14/03/2021
57	Đỗ Thị Lụa	Công nhân	Nữ	038168025564	04/03/2022
58	Tăng Thị Xuê	Công nhân	Nữ	030162014756	19/08/2021
59	Lê Thị Thoa	Công nhân	Nữ	030176020257	02/05/2022
60	Nguyễn Thị Rắc	Công nhân	Nữ	030177005086	04/08/2022
61	Phạm Thị Tuyến	Công nhân	Nữ	030165010665	19/05/2025

62	Nguyễn Thị Hương	Công nhân	Nữ	030183013470	04/04/2023

Hải Phòng, ngày 23 tháng 02 năm 2026

CHỦ CƠ SỞ

(Ký và ghi rõ họ tên)

HỢP TÁC XÃ HOÀNG NAM PHÁT

GIÁM ĐỐC

HỒ VIỆT HOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ....HỒ VIỆT HOÀN.....
2. Giới tính: Nam □ Nữ □ Tuổi .....1988.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: .038088006135.
   Cấp ngày ...../...../..... Tại .....
   .....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
   .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....Công ty Hồng Nam Phát.....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
   .....
   .....
   .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 3 năm 2022

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Hồ Việt Hoàn	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 177 cm; Cân nặng: 78 Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 110 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) *Tuần hoàn:*	
Phân loại:	
b) *Hô hấp:*	
Phân loại:	
c) *Tiêu hóa:*	
Phân loại:	
d) *Thận-Tiết niệu:*	
Phân loại:	
e) *Nội tiết:*	
Phân loại:	
e) *Cơ - xương - khớp:*	
Phân loại:	
g) *Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
Phân loại:	
h) *Tâm thần:*	
Phân loại:	
2. Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs. Trần Thị Thái Bình
Phân loại:	
3. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm ..... m Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 10 m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	BS Tuấn Anh
Phân loại:	
4. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	BS Tuấn Anh
Phân loại:	
5. Da liễu	
Kết quả khám:	
Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....T.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày 07 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ HƯỜNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1989
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 001 890 08610
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: Hợp tác xã Hồng Nam Phát
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Hường

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ..158..cm; Cân nặng: ..51..Kg; Chỉ số BMI: ..... Ngày tuổi

Mạch: ..80..lần/phút; Huyết áp: ..105../..70..mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	Bs. Trần Thị Hải Bình
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại:	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...../..... m; Nói thầm...../..... m Tai phải: Nói thường ...../5..... m; Nói thầm..../0/5..... m	Bs. Tiến Anh
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ...../..... Hàm dưới: ...../.....	Bs. Tiến Anh
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....
2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng 03....năm 2024.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ....ĐỖ.....THUỲ.....HIỀN.....
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi .....25.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030301.00.8727
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: ....0368..948.746
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....*ngày* ..07..*tháng*..1....*năm*..026...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đỗ Thuỳ Hiền

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....158.....cm; Cân nặng: .....54.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....89.....lần/phút; Huyết áp: ....120/.....80..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Trần Thị Hải Bình
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....6.... m Tai phải: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....015.... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới: ....16....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....1.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: VÕ THIẾT LINH
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐ Tuổi 1985
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030085005379
Cấp ngày ..../..../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Võ Thiết Linh

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Tú

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...167.... cm; Cân nặng: ...57..... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....87..... lần/phút; Huyết áp: ....124/86..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại:	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....15..... m; Nói thầm .....0/15..... m Tai phải: Nói thường .....15..... m; Nói thầm .....0/15..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới: .....SR.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....
2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...01...tháng 03....năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ...ĐỖ THỊ LỤA.....
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....1968.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038168025364
Cấp ngày ...04/03/2022... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 5.....năm 2026.

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Lụa	
Đỗ thị Lụa	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....150....cm; Cân nặng: .....55.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....lần/phút; Huyết áp: .....140/85.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* Thoái hóa đốt sống cổ	
	Phân loại: 2	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại: 1	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10	
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Trần Thị Hải Bình
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực:	
	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...15... m	
	Tai phải: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...15... m	BS Tiến Hà
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên:	
	Hàm dưới:	BS. Tiến Hà
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: ..... II .....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: ..... Có vỹ bệ .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN CHÍ THỨC
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....1987.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030087006540
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Chí Thức

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

phan [illegible]

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...162...cm; Cân nặng: ...55.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....72..../ph.....lần/phút; Huyết áp: ...120.../70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* BT	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại: 2	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 2	Bs. Đoàn Thị Hải Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường ...15..... m; Nói thầm...10/15.....m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BT	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày 07...tháng 03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: LÊ VĂN HỌC

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 2005

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 017205010129

Cấp ngày ..../..../.... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 5 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Học

Lê Văn Học

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Thị Hằng

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...170...cm; Cân nặng: ...65.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....68.....lần/phút; Huyết áp: ...100 / 70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại: 1	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:* 1	
	Phân loại: 1	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...15.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường ...15..... m; Nói thầm...6.....m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...01...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: HỒ VĂN TÂM
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1994
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030094003024
   Cấp ngày ...../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng.....3 năm 2026...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hồ Văn Tâm

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sĩ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....172.... cm; Cân nặng: ....65.... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....80..... lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 ..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái ...9/10..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs. Trần Thị Hải Bình
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....1.... m Tai phải: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....1,5.... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	BS Đỗ Đ
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ....16.... Hàm dưới: ....16....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	BS Đỗ Đ
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: KHƯƠNG VIỆT QUANG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....1989.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 0200890173 33
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 8 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Khương Việt Quang

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Hồng

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...170.....cm; Cân nặng: ...65.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....70.....lần/phút; Huyết áp: ..120...../...70.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* BT	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	

e)	*Cơ - xương - khớp:* BT	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...05... m Tai phải: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...05... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ...Tốt... Hàm dưới: ...Tốt...	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BT	
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ....ĐỖ VĂN HƯNG.....
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....1986.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030086008148

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

TẾ.....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....HTX Hưng Nam Phát.....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 2.....tháng 3.....năm 2026....

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đỗ Văn Hưng

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Thị Ngọc

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 165 cm; Cân nặng: 65 Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 90 lần/phút; Huyết áp: 125 / 65 mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	BS. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại:	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 10/15 m Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 10/15 m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: CAO THỌ THIỆU
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐ Tuổi 196X
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 024006801876X

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Thọ Thiệu

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ▫▫
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ▫ Không đều ▫

Chu kỳ kinh: ▫▫ ngày Lượng kinh: ▫▫ ngày

Đau bụng kinh: Có ▫ Không ▫

- Đã lập gia đình: Có ▫ Chưa ▫
- PARA: ▫▫▫▫
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ▫▫ *Ghi rõ:* ..... Chưa ▫
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ▫ *Ghi rõ:* ..... Không ▫

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ..167.....cm; Cân nặng: ...50.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....90.....lần/phút; Huyết áp: ...135/.....90..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* Bt	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* Bt	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại: 1	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 9/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	Bs. Trần Thị Thu Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...../..... m; Nói thầm...../..... m Tai phải: Nói thường ...../15..... m; Nói thầm...../15..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ...../SR..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: Bt	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....1.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..7.....tháng .3.....năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ĐẶNG VĂN NHO
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1991
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030091009587
   Cấp ngày ..../..../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....

7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026..

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đặng Văn Nho

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ○○
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ○ Không đều ○

Chu kỳ kinh: ○○ ngày Lượng kinh: ○○ ngày

Đau bụng kinh: Có ○ Không ○

- Đã lập gia đình: Có ○ Chưa ○
- PARA: ○○○○
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ○○ *Ghi rõ:* ..... Chưa ○
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ○ *Ghi rõ:* ..... Không ○

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...168.....cm; Cân nặng: ....57.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....68.....lần/phút; Huyết áp: ...120.../...80..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 8/10. Mắt trái 10/10.... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ..../.... m. Tai phải: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....10/15.... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...02...tháng ...03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN VĂN LONG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi 2001
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030201009280
   Cấp ngày ..../..../..... Tại .....
   Y tế .....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 1 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Long	
Nguyễn Văn Long	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ▫▫
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ▫ Không đều ▫

Chu kỳ kinh: ▫▫ ngày Lượng kinh: ▫▫ ngày

Đau bụng kinh: Có ▫ Không ▫

- Đã lập gia đình: Có ▫ Chưa ▫
- PARA: ▫▫▫▫
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ▫▫ *Ghi rõ:* ..... Chưa ▫
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ▫ *Ghi rõ:* ..... Không ▫

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ..171..cm; Cân nặng: ..55..Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: ..90..lần/phút; Huyết áp: ..140 / 82.. mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại: BT	Bs Thường
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* BT	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	Bs Thường
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	Bs. Trần Thị Hải Bình
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: I	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ..5.. m; Nói thầm ..../..... m Tai phải: Nói thường ..5.. m; Nói thầm ..../0,5 m	KS Tuấn Anh
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..5.. Hàm dưới: ..Sạ..	Bs. Tuấn Anh
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BT	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....T.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày 01...tháng 3.....năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: VŨ THANH TÙNG
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐ Tuổi 1989
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 0310 89013642
   Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: 0981253013
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Vũ Thanh Tùng

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 167 cm; Cân nặng: 53 Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 84 lần/phút; Huyết áp: 90 / 50 mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) *Tuần hoàn:*	
Phân loại:	
b) *Hô hấp:*	
Phân loại: 1	
c) *Tiêu hóa:*	
Phân loại:	Bs Hùng
d) *Thận-Tiết niệu:*	
Phân loại:	
đ) *Nội tiết:*	
Phân loại:	
e) *Cơ - xương - khớp:*	
Phân loại: 1	
g) *Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
Phân loại:	
h) *Tâm thần:*	
Phân loại: 1	Hằng
2. Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại: 1	Bs. Trần Thị Hải Yến
3. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 8,5 m	
Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 8,5 m	Bs Tuấn
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
Phân loại: 1	
4. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên: 16	
Hàm dưới: 16	Bs Tuấn
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại: 1	
5. Da liễu	
Kết quả khám:	
Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
Kết quả khám:	
Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..01..tháng ..03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN VĂN BỐN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 2003
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030203018064

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: 0962142935
6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 2 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Bốn

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 167 cm; Cân nặng: 74 Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 90 lần/phút; Huyết áp: 127 / 67 mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* BS	BS Tùng
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* BS	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:* BS	
	Phân loại: 1	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	Bs. Trần Thị Thu Linh
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực:	
	Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 10/15 m	
	Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 10/15 m	BS Tiến/BS
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm dạng lạc	
	Phân loại: 2	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: 15	
	Hàm dưới: 15	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	BS Tiến/BS
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BS	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....A.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....MH.....

.....

.....

.....

.....ngày 07 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ....ĐỒNG THỊ HỒNG....
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....1983.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: ..030185007764
Cấp ngày 03/06/2024 Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7....tháng 3....năm 2026....

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đồng Thị Hồng

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

phạm ngọc

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...147... cm; Cân nặng: ...43... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: ...89... lần/phút; Huyết áp: ...110 / 75... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại:	
b) Hô hấp:	
Phân loại:	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại:	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại:	
đ) Nội tiết:	
Phân loại:	
e) Cơ - xương - khớp:	
Phân loại:	
g) Thần kinh:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
Phân loại:	
h) Tâm thần:	
Phân loại:	Bs Hương
2. Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái ...9/10...	
Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại:	Bs. Trần Thị Hải Bình
3. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường ...5... m; Nói thầm ...0,5... m	
Tai phải: Nói thường ...5... m; Nói thầm ...0,5... m	Bs Tuấn
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
Phân loại: 1	
4. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:	
Hàm dưới:	Bs Tuấn
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại: 1	
5. Da liễu	
Kết quả khám:	
Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
Kết quả khám:	
Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..01...tháng 03.....năm 2026.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: PHẠM ĐÌNH HƯỞNG
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Tuổi 1994
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030094007917
   Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: 0978355882
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026...

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Hưởng Phạm Đình Hưởng	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...168.... cm; Cân nặng: ...58.... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....75..... lần/phút; Huyết áp: ...120 / 70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	K Hằng
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: I	L. Trần Thị Hải Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...15.... m; Nói thầm ...10/15.... m Tai phải: Nói thường ...15.... m; Nói thầm ...10/15.... m	BS Tuấn TMH
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới: ...S.L 3, 6....	BS Tuấn TMH
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....
2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....Ký.....

.....

.....

.....

.....ngày ...01...tháng ...03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: TRỊNH VĂN HÙNG
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Tuổi 1991
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038091021841
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 2.....tháng 2.....năm 2018...

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Hùng	
Trịnh Văn Hùng	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ◻◻
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ◻ Không đều ◻

Chu kỳ kinh: ◻◻ ngày Lượng kinh: ◻◻ ngày

Đau bụng kinh: Có ◻ Không ◻

- Đã lập gia đình: Có ◻ Chưa ◻
- PARA: ◻◻◻◻
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ◻◻ *Ghi rõ:* ..... Chưa ◻
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ◻ *Ghi rõ:* ..... Không ◻

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...173... cm; Cân nặng: ...61..... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....69..... lần/phút; Huyết áp: ...115 / 71..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại:	
b) Hô hấp:	
Phân loại:	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại:	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại:	
đ) Nội tiết:	
Phân loại:	
e) Cơ - xương - khớp:	
Phân loại:	
g) Thần kinh:	
Phân loại:	
h) Tâm thần:	
Phân loại:	
2. Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại:	
3. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...10/15... m	
Tai phải: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...10/15... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
Phân loại:	
4. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:	
Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại:	
5. Da liễu	
Kết quả khám:	
Phân loại:	
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
Kết quả khám:	
Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....3.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07.tháng 3.....năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ HẰNG

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1976

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: .....

Cấp ngày ..../..../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 21 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Nguyen Thi Hang	
Hang	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....152....cm; Cân nặng: ....19.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....lần/phút; Huyết áp: ....110 / 75.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại:	Bs. Trần Thị Hải Tình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....10/15.... m Tai phải: Nói thường ....15.... m; Nói thầm ....10/15.... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ....Bt.... Hàm dưới: ....MR 2(6,7)....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: Bt	
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....II.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....Lao.....

.....

.....

.....

.....ngày ...07.tháng 3.....năm .2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: .....ĐẶNG.....THỊ...XUÊ.....

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: .....

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

TẾ.....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày ..7....tháng.....8.....năm...2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

xuê
Tang Thị xuê

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...170.....cm; Cân nặng ....94.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....lần/phút; Huyết áp: ....135/70.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* 1b	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* 1b	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10. Mắt trái 9/10	
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có): Np	Trần Thị Hải Bình
	Phân loại: I	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực:	
	Tai trái: Nói thường .....5.....m; Nói thầm.....0,5.....m	
	Tai phải: Nói thường .....5.....m; Nói thầm.....0,5.....m	Bs.
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên:	
	Hàm dưới: ....Sk.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
5.	**Da liễu** 1b	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...01...tháng ...03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ LUYỀN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi 1967
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038167005257
   Cấp ngày ..../..../.... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: VTX Vĩnh Nam phát
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Luyến	
Nguyễn thị Luyến	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ☐☐
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ☐☐ ngày Lượng kinh: ☐☐ ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐
- PARA: ☐☐☐☐
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐☐ *Ghi rõ:* ..... Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ *Ghi rõ:* ..... Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....154.... cm; Cân nặng: ....52.... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: ....69.... lần/phút; Huyết áp: ....110..../....80.... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* BT	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* BT	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có): 0	
	Phân loại: 1	Bs Thái Hồi Minh
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ....5.... m; Nói thầm ....0,5.... m Tai phải: Nói thường ....5.... m; Nói thầm ....0,5.... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	BS Trần Đạt
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	BS Trần Đạt
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BT	
	Phân loại:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..03..tháng 3.....năm 2026.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: Đoàn Thị Hoa
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi 36
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030191012954
Cấp ngày 28/06/2022 Tại Cục trưởng Cục CS QLHC về TTXH
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng....2....năm....2026.

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Hoa	
Đoàn Thị Hoa	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 152 .....cm; Cân nặng: 52,5 .....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....80.....lần/phút; Huyết áp: 115 / 75 ..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
	Tiêu hóa: BT	
	Phân loại:	
	Thận-Tiết niệu:	
	Phân loại:	
	Ghi rõ:	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* BT	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại: 2	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ..... Mắt trái ..... Có kính: Mắt phải 9/10 ... Mắt trái 10/10	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: II	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ..... / ..... m; Nói thầm ..... / ..... m; Tai phải: Nói thường ..... / 5 ..... m; Nói thầm ..... / 6/5 ..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... / BT ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BT	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....II.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....Đã bổ sa.....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng 03.....năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: .....NGUYỄN VĂN NAM
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐ Tuổi .....2001.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: ...030201002158
Cấp ngày ...../...../..... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: Số .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....H.T.X.....Hoàng.....Nam.....Phát.....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng...3...năm 2026..

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nam
Nguyễn Văn Nam

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Thị Hải

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ..165.....cm; Cân nặng: .....59.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....79.....lần/phút; Huyết áp: ...120/80..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
I.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 2m.. Mắt trái 2m..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...15.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường ...15.....m; Nói thầm...015.....m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ...15..... Hàm dưới: ...15.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: 15	
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng 03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ...ĐẶNG VIẾT NHƯNG

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi: ...1985...

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 024.20.XXX.214XX

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

7. Nghề nghiệp: ...HTX Hưng Nam Phát...

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026....

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đ hưng Đặng V Hưng

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....160.....cm; Cân nặng: ....49.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....81.....lần/phút; Huyết áp: ..110 / 70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	Nội khoa	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	Mắt	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 9/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
3.	Tai - Mũi - Họng	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...../5..... m; Nói thầm...../15..... m Tai phải: Nói thường ...../5..... m; Nói thầm...../15..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	Răng - Hàm - Mặt	
	Kết quả khám: Hàm trên: ....bt..... Hàm dưới: ....bt.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
5.	Da liễu	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	
6.	Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....T.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..07...tháng .03...năm .2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: MAI XUÂN HIỆP
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1973
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030073001692
   Cấp ngày .../.../... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Mai Văn Hiệp	Phạm Thị Hạ

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...170...cm; Cân nặng: ...55...Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: ...68...lần/phút; Huyết áp: ...110.../...70... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs Trần Thị Hải Tình
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...10... m Tai phải: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...10,5... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ DUNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1984
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038184020978
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Dung

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Tố Uyên

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ☐☐
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ☐☐ ngày Lượng kinh: ☐☐ ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐
- PARA: ☐☐☐☐
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐☐ *Ghi rõ:* ..... Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ *Ghi rõ:* ..... Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ..1.62.. cm; Cân nặng: .....55..... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....75..... lần/phút; Huyết áp: ..110..../..70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
I.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 10/10 ..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 2	Bs. Trần Thị Hải Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....15..... m; Nói thầm .....65..... m; Tai phải: Nói thường .....15..... m; Nói thầm .....65..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	Bs. Đỗ. Bs
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	Bs. Đỗ. Bs
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..07..tháng .03...năm 2026..

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ HẰNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1968
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030816801370 9
Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 9.....tháng 3.....năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hằng
Nguyễn Thị Hằng

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

phạm ngọc cuế

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ Ghi rõ: ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ Ghi rõ: ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....160....cm; Cân nặng: ....52.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....84.....lần/phút; Huyết áp: ....110 / 70.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ...7/10 Mắt trái ...6/10..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có): Đo TH	BS Trần Thị Bích Diệu
	Phân loại: 2	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...8... m; Nói thầm ..... m. Tai phải: Nói thường ...8... m; Nói thầm ...06... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ...8... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng .03...năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ..ĐINH...VĂN...TUYỆN...

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi .....

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: ..030083020401

Cấp ngày ...../...../..... Tại .....

.....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 27.....tháng 3.....năm 2024...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tuyến
Đinh Văn Tuyến

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Lý
phan gia huy

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...165.....cm; Cân nặng: .....78.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....82.....lần/phút; Huyết áp: ...130.../.....90..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 7/10 Mắt trái ...10/10.... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs. Trần Thị Thu Linh
	Phân loại: I	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....5..... m; Nói thầm.....0,5.....m Tai phải: Nói thường .....5..... m; Nói thầm.....0,5.....m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	Bs Trần Đức
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..01..tháng ..03..năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi 1962
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038162007525
Cấp ngày ..../..../..... Tại .....
.....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: HTX Hưng Nam phát
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 3 năm 2026.....

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)
Nguyễn Thị Phượng

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ):*

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ Ghi rõ ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ Ghi rõ ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....155.....cm; Cân nặng: .....40.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....80.....lần/phút; Huyết áp: ....120/80.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	

	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 7/10 Mắt trái 8/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs. Trần Thị Mai Linh
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....1.....m; Nói thầm.....1.....m Tai phải: Nói thường .....1.....m; Nói thầm.....1.....m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	Ks. Trần Thị
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới: .....1.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	Ks. Trần Thị
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....II.....
2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....Tốt.....bình.....

.....

.....

.....

.....ngày ....02.tháng ..03..năm ..2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN VĂN DÂN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi ...../1978.....
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038078011977

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

.....

4. Số thẻ BHYT: TL RUONG.....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng...3...năm 2026...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Dân

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Tuyên

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ▫▫
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ▫ Không đều ▫

Chu kỳ kinh: ▫▫ ngày Lượng kinh: ▫▫ ngày

Đau bụng kinh: Có ▫ Không ▫

- Đã lập gia đình: Có ▫ Chưa ▫
- PARA: ▫▫▫▫
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ▫▫ *Ghi rõ:* ..... Chưa ▫
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ▫ *Ghi rõ:* ..... Không ▫

II. KHÁM THỂ LỰC

hiều cao: 169 .....cm; Cân nặng: ...68,4.....Kg; Chỉ số BMI: .....

sch: .....69.....lần/phút; Huyết áp: ...110 / 70..... mmHg

n loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Nội khoa		
Tuần hoàn:		
Phân loại:		
Hô hấp:		
Phân loại:		
) Tiêu hóa:	B	
Phân loại:		
1) Thận-Tiết niệu:		
Phân loại:		
1) Nội tiết:		
Phân loại:		
e) Cơ - xương - khớp:	B	
Phân loại:	1	
g) Thần kinh:		Bs. Nguyễn Duy Hợp
Phân loại:		
h) Tâm thần:		
Phân loại:	1	
2. Mắt		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 7/10 ... Mắt trái ..10/10.....		
Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có):		Bs. Trần Thị Hải Tình
Phân loại: 1		
3. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường ...../.....m; Nói thầm...../.....m		
Tai phải: Nói thường ...../5..... m; Nói thầm.../015.....m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
Phân loại: 1		
4. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: ...../.....		
Hàm dưới: ...../.....		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại: 1		
5. Da liễu		
Kết quả khám: B		
Phân loại: 1		Bs. Nguyễn Duy Hợp
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*		
Kết quả khám:		
Phân loại:		

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: ....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ..03...năm ..2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: ....HỒ VĂN TÀI.....

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi .....1978.....

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 024007870 1495

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

.....

4. Số thẻ BHYT: LƯƠNG.....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3...năm 2016..

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hồ V Tài

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 168 cm; Cân nặng: 74 Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 82 lần/phút; Huyết áp: 130 / 85 mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* BS	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* BS	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs. Trần Thị Hải Bình
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm ..... m Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 05 m	BS Tuấn
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới: 15	BS Tuấn
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: BS	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hiệp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ..03....năm ..2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: PHAM THỊ CẨM LY

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi 23

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030200067 16

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: 0387 118 065

6. Nơi ở hiện tại: Thôn Tân Lý, Xã Gia Lộc, Thành phố Hải Phòng

Làm việc tại Hợp tác xã Hưng Nam Phát

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 2.....tháng 3.....năm 2024

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Phạm Thị Cẩm Ly	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...167...cm; Cân nặng: ...59...Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: ...85...lần/phút; Huyết áp: ...120/75...mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10. Mắt trái 9/10	
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: I	Trần Thị Hải Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực:	
	Tai trái: Nói thường ...15...m; Nói thầm ...10/15...m	
	Tai phải: Nói thường ...15...m; Nói thầm ...10/15...m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên:	
	Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày 07 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: PHẠM VĂN THẢO
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐ Tuổi 1979
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 030079003969
Cấp ngày 6/8/2022 Tại Cục CS
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: Hợp tác xã Hoàng Nam Phát
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 9.....tháng 3.....năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thảo
Phạm Văn Thảo

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...168.... cm; Cân nặng: ...53..... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....82..... lần/phút; Huyết áp: ...85.../...60..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 9/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: I	Bs. Trần Thị Kim Linh
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....5..... m; Nói thầm .....0,5..... m Tai phải: Nói thường .....5..... m; Nói thầm .....0,5..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: ..... I .....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: ..... Tật khúc xạ .....

.....

.....

.....

.....ngày ..07..tháng 03...năm 2026.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

. PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ XEN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi 1960
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 046160005594
Cấp ngày ..../..../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: Công ty Hữu Nam phát
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2026.

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)
Xen
Nguyễn thị Xen

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □

Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

iều cao: ...153.....cm; Cân nặng: .....54.....Kg; Chỉ số BMI: .....

ch: .....72.....lần/phút; Huyết áp: ...120 / 70.....mmHg

n loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
ội khoa	
ần hoàn:	
ân loại:	
ô hấp:	
hân loại:	
Tiêu hóa:	
Phân loại:	
Thận-Tiết niệu:	
Phân loại:	
f) Nội tiết:	
Phân loại:	
e) *Cơ - xương - khớp:*	
Phân loại:	
g) *Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hạp
Phân loại:	
h) *Tâm thần:*	
Phân loại:	
2. Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10. Mắt trái 10/10..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại: I	Bs. Trần Thị Hải Bình
3. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....5.....m; Nói thầm.....0,5.....m Tai phải: Nói thường .....5..... m; Nói thầm.....0,5.....m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
Phân loại: 1	
4. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên: .....MR 4,8..... Hàm dưới: .....Răng gãy.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại: 2	
5. Da liễu	Bs. Nguyễn Duy Hạp
Kết quả khám:	
Phân loại:	
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....Không.....

.....

.....

.....

.....ngày ...03...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: PHAM VAN HOI
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Tuổi 06/06/1991
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 031091002562
Cấp ngày 3/5/2021 Tại Cục CS QLHC về TTXH
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: 0969386358
6. Nơi ở hiện tại: Tổ 1, Thường Thắng, thôn 7, TP Hải Phòng
7. Nghề nghiệp: HTX Hoàng Nam Phát
8. Nơi công tác, học tập: HTX Hoàng Nam Phát
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng...5...năm 2016..

Người lao động xác nhận	Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
Pham Van Hoi	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ▫▫
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ▫ Không đều ▫

Chu kỳ kinh: ▫▫ ngày Lượng kinh: ▫▫ ngày

Đau bụng kinh: Có ▫ Không ▫

- Đã lập gia đình: Có ▫ Chưa ▫
- PARA: ▫▫▫▫
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ▫▫ *Ghi rõ:* ..... Chưa ▫
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ▫ *Ghi rõ:* ..... Không ▫

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 173.....cm; Cân nặng: 72.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....75.....lần/phút; Huyết áp: 120 / 80..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:* 65	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* 65	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:* 65	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:* 65	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ..... Mắt trái ..... Có kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
	Các bệnh về mắt (nếu có): Cận thị	
	Phân loại: 2	Trần Thị Hải Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường 5 m; Nói thầm 0,5 m Tai phải: Nói thường 5 m; Nói thầm 0,5 m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	BS Trần Bình
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: 65 Hàm dưới: 65	BS Trần Bình
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu** 65	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: ..... II .....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: ..... Bình thường .....

.....

.....

.....

.....ngày ..01..tháng ..03..năm ..2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: VÀNG THỊ DUNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi 1989
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 010189004578

Cấp ngày ...../...../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: HTX Vũ Man phát

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng...3...năm...2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Dung
Vàng T Dung

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Cô đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ....158.... cm; Cân nặng: 55 ..... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....65..... lần/phút; Huyết áp: .....95 / 65..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 7/10... Mắt trái ..10/10... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: I	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....15..... m; Nói thầm.....+..... m Tai phải: Nói thường .....15..... m; Nói thầm.....0.5..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới: .....1/10.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...01...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: PHẠM HỒNG THIẾT

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 2002

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038.20.20.26311

Cấp ngày ...../...../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phạm Hồng Thiết

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...164.... cm; Cân nặng: ....52,5.... Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....81..... lần/phút; Huyết áp: ...120/80..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10, Mắt trái 10/10 ... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...10... m; Tai phải: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...10... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ...15... Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Sâu răng	
	Phân loại: 2	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám: ..... Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....8.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...01...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: HỒ VĂN BƯỜNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1969
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 027069000122
Cấp ngày ..../..../.... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
.....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....
.....
.....
.....
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 21 tháng 3 năm 2026

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hồ Văn Bường

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Hồ

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: ▫▫
- Tính chất kinh nguyệt: Đều ▫ Không đều ▫

Chu kỳ kinh: ▫▫ ngày Lượng kinh: ▫▫ ngày

Đau bụng kinh: Có ▫ Không ▫

- Đã lập gia đình: Có ▫ Chưa ▫
- PARA: ▫▫▫▫
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ▫▫ *Ghi rõ:* ..... Chưa ▫
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ▫ *Ghi rõ:* ..... Không ▫

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...175.....cm; Cân nặng: ...61.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....80.....lần/phút; Huyết áp: ...140 / 85.....mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	BS. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	BS Hường
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực:	BS Tài
	Tai trái: Nói thường ...15..... m; Nói thầm ...15..... m	
	Tai phải: Nói thường ...15..... m; Nói thầm ...15..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên:	BS Tài
	Hàm dưới:	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	BS. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....
2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng 03.....năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: LÝ VĂN QUÝ
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1981
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 080 820 180 206

Cấp ngày ..../...../..... Tại .....

TRUNG TÂM Y TẾ DƯƠNG

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 2.....tháng...2...năm..2026...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Quý
Lý Văn Quý

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 168 cm; Cân nặng: 60 Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 76 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 0,25 m	BS Trần Hà
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: ..... Hàm dưới:	BS Trần Hà
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại: 1	
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ..07..tháng ..3.....năm .2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

Phạm Thị Hải Nam

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN XUÂN NAM
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi 2001
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 064201064572
Cấp ngày ..../..../.... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ..../..../....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ..../..../..... đến ..../..../....
b) .....
thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ..../..../..... đến ..../..../....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7.....tháng 3.....năm 2021...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)
Nam
Nguyễn Xuân Nam

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...179.... cm; Cân nặng: ...74.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....85.....lần/phút; Huyết áp: ...110.../...70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn:		
Phân loại:		
b) Hô hấp:		
Phân loại:		
c) Tiêu hóa:	Bình thường	
Phân loại:		
d) Thận-Tiết niệu:		
Phân loại:		
đ) Nội tiết:		
Phân loại:		
e) Cơ - xương - khớp:	Bình thường	Bs. Nguyễn Duy Hợp
Phân loại:	4	
g) Thần kinh:		
Phân loại:		
h) Tâm thần:	Bình thường	
Phân loại:	1	
2. Mắt		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		
Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại: 1		Bs. Trần Thị Tiến Dũng
3. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường ...5..... m; Nói thầm ...0,5..... m		
Tai phải: Nói thường ...5..... m; Nói thầm ...0,5..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
Phân loại: 1		
4. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: ...../16.....		
Hàm dưới: ...../16.....		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại: 1		
5. Da liễu		
Kết quả khám: Bình thường		
Phân loại: 1		Bs. Nguyễn Duy Hợp
6. Phụ sản *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*		
Kết quả khám:		
Phân loại:		

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....I.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm ...2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: TRẦN THỊ LỆ
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi 1983
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 031 238 092 43

Cấp ngày ..../..../..... Tại .....

4. Số thẻ BHYT: .....5. Số điện thoại liên hệ: .....

6. Nơi ở hiện tại: .....

.....

7. Nghề nghiệp: .....

8. Nơi công tác, học tập: .....

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 5.....tháng...3...năm...2026.

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trần Thị Lệ

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...152.....cm; Cân nặng: ....45,5.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....74.....lần/phút; Huyết áp: ...105 / 65..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại:	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	Bs Thùng
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:*	
	Phân loại:	Bs. Nguyễn Duy Hợp
g)	*Thần kinh:*	
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:*	
	Phân loại:	Bs Thùng
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 3/10. Mắt trái ..10/10..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	Bs. Đoàn Thị Hồng Bình
	Phân loại: 1	
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....5.....m; Nói thầm.....5.....m Tai phải: Nói thường .....5.....m; Nói thầm.....5.....m	Bs. Trần Tố
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: .....1.....; Hàm dưới: .....1.....	Bs. Trần AS
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 1	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: Mảng Rỉ lan ở tỷ lệ (3x2 cm) mặt trái	
	Phân loại: 2	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....2.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....

.....

.....

.....ngày ...07...tháng ...03...năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên *(chữ in hoa)*: NGUYỄN THỊ DUNG
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☑ Tuổi 1959
3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 038159016274
   Cấp ngày ..../...../..... Tại .....
4. Số thẻ BHYT: ..... 5. Số điện thoại liên hệ: .....
6. Nơi ở hiện tại: .....
7. Nghề nghiệp: .....
8. Nơi công tác, học tập: .....
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: ...../ ...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

b) .....

thời gian làm việc .....năm .....tháng từ ngày ...../...../..... đến ...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: .....

.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

.....ngày 7 .....tháng 7 .....năm 2024

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Dung

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....

.....

.....

.....

.....

Tiền sử sản phụ khoa *(Đối với nữ)*:

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi: □□
- Tính chất kinh nguyệt: Đều □ Không đều □

Chu kỳ kinh: □□ ngày Lượng kinh: □□ ngày

Đau bụng kinh: Có □ Không □

- Đã lập gia đình: Có □ Chưa □
- PARA: □□□□
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có □□ *Ghi rõ:* ..... Chưa □
- Có đang áp dụng BPTT không? Có □ *Ghi rõ:* ..... Không □

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: ...153.....cm; Cân nặng: ...46.....Kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: .....85.....lần/phút; Huyết áp: .....110/70..... mmHg

Phân loại thể lực: .....

III. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn:*	
	Phân loại:	
b)	*Hô hấp:*	
	Phân loại: 1	
c)	*Tiêu hóa:*	
	Phân loại:	
d)	*Thận-Tiết niệu:*	
	Phân loại:	
đ)	*Nội tiết:*	
	Phân loại:	
e)	*Cơ - xương - khớp:* 1	
	Phân loại: 1	
g)	*Thần kinh:*	Bs. Nguyễn Duy Hợp
	Phân loại:	
h)	*Tâm thần:* 1	
	Phân loại: 1	
2.	**Mắt**	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 8/10... Mắt trái 8/10..... Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại: II	Bs. Trần Thị Thái Bình
3.	**Tai - Mũi - Họng**	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....5.....m; Nói thầm.....0,5.....m Tai phải: Nói thường .....5..... m; Nói thầm.....0,5.....m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại: 1	
4.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	Kết quả khám: Hàm trên: .....S.h..... Hàm dưới: .....16.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại: 2	
5.	**Da liễu**	
	Kết quả khám: 1	
	Phân loại: 1	Bs. Nguyễn Duy Hợp
6.	**Phụ sản** *(Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b)*	
	Kết quả khám:	
	Phân loại:	

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: .... b) Đánh giá:	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe1: .....II.....

2. Các bệnh, tật (nếu có)2: .....

.....Đã khám xong.....

.....

.....

.....ngày ...07.tháng 03....năm 2026.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BsCKII. ĐẶNG VĂN NGUYÊN

BSCKI. Phạm Thị Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ HÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Số: 05.C8.001390

Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ 01 , ngày 01 tháng 12 năm 2016

1. Tên hộ kinh doanh:

ĐẬU BÀ SỰ

2. Địa điểm kinh doanh: **Thôn Nghĩa Lộ, xã Phùng Chí Kiên, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên**

Điện thoại: **01.687.851.981** Fax:

3. Ngành nghề kinh doanh:

1/ 10750: Sản xuất đậu phụ.

Bổ sung: 1/ 1079: Sản xuất giá đỗ; 2/ 4721-4722: Bán buôn, bán lẻ đậu phụ, lương thực, thực phẩm, giá đỗ.

4. Vốn kinh doanh: **100.000.000đ**

Bằng chữ: Một trăm triệu đồng

5. Họ và tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ kinh doanh: **NGUYỄN CÔNG TÂN (Nam)**

Sinh ngày: **10/04/1981** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số: **145049509**

Ngày cấp: **04/03/2009** Cơ quan cấp: **Công an tỉnh Hưng Yên**

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **xã Phùng Chí Kiên, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên**

Chỗ ở hiện tại: **Thôn Nghĩa Lộ, xã Phùng Chí Kiên, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên**

Chữ ký của cá nhân hoặc đại diện hộ kinh doanh: .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
PHÓ CHỦ TỊCH

Ghi chú: Hộ kinh doanh chỉ được hoạt động khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật

Đào Quang Minh

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO
PHÒNG KINH TẾ
CHỨNG NHẬN/ *CERTIFICATION*

Cơ sở/ *Establishment:* ĐẬU BÀ SỰ

Mã số/ *Approval number:* 05. C8. 001390

Địa chỉ/ *Address:* Tổ dân phố Nghĩa Lộ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại/ *Tel:* 0387. 851. 981

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

ĐẬU BÀ SỰ./.

Số cấp/ Number: 01/2024/PKT-MH
Có hiệu lực đến ngày 06 tháng 6 năm 2027
Số Valid until (date/month/year).....
and replaces The Certificate No.....issued on (day/month/year)

Mỹ Hào, ngày 06 tháng 6 năm 2024
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phú Cường

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Hợp đồng số: 032.2025 /HĐMB

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp, các ngành;

- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên

Hôm nay ngày 10 tháng 05 năm 2025. Chúng tôi gồm:

Bên A(Bên mua): CÔNG TY TNHH TM VÀ DV THỰC PHẨM TÂM AN

- Đại diện: Bà Trần Thị Kim Anh Chức vụ: Giám đốc
- MST: 0901084830
- Địa chỉ: Thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0977.072.666
- Số tài khoản: 681600868686 tại Ngân Hàng Vietinbank – CN Hưng Yên

Bên B (Bên bán): HKD ĐẬU BÀ SỰ

- Đại diện: Nguyễn Công Tân Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh
- MST: 05.C8.001390
- Địa chỉ: Thôn Nghĩa Lộ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0387.851.981
- Số tài khoản:

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua đậu phụ và giá đỗ (Gọi tắt là Hàng hóa)

Điều 2: Chất lượng hàng hóa, thời gian địa điểm giao hàng

2.1 Chất lượng hàng hóa

- Bên B phải cung cấp đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên, chất lượng hàng hóa theo đúng mẫu Bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng.

- Bên B phải cung cấp hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

2.2 Đặt hàng, Thời gian, địa điểm giao hàng

- Đặt hàng, địa điểm giao hàng: Theo thỏa thuận giữa hai bên

2.3 Cách đóng gói và bảo quản khi giao nhận

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của Bên A.

Điều 3: Giá cả, đối chiếu công nợ và phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá cả tùy thuộc theo thị trường sẽ có báo giá cụ thể

3.2 Đối chiếu công nợ

- Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các hóa đơn chứng từ đã giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bản đối chiếu công nợ chi tiết, ký xác nhận và chuyển bản đối chiếu xác nhận công nợ chi tiết về trụ sở Bên A vào ngày cuối tháng

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản/tiền mặt.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán vào ngày 5 đến ngày 10 của kỳ tiếp theo.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho bên B đúng theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng tại các địa điểm do bên A chỉ định

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho bên A đúng theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.
- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho bên A.
- Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp cho bên A.

Điều 5: Trách nhiệm chung

- Hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Nếu hai bên không tự giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn thì việc tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Các thỏa thuận khác

- Các điệu kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản Pháp luật về Hợp đồng mà Nhà nước ban hành.

Điều 7: Điều khoản thi hành

7.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh
- Mã số thuế
- Các giấy tờ liên quan đến VSATTP

7.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng Văn bản và phải được sự xác nhận của cả hai bên.

7.3: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm tính từ ngày hai bên ký hợp đồng

7.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán và không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn thêm 01 (một) năm và tự động thanh lý Hợp đồng khi hết hạn mà không cần biên bản thanh lý Hợp đồng.

7.5: Hợp đồng này gồm 07 điều và được lập thành 04 bản chính, mỗi bên giữ 02 bản, các bản có giá trị Pháp lý như nhau+

7.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc ủy quyền để ký Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	ĐẬU BÀ SỰ
GIÁM ĐỐC	Nguyễn Công Tâm
TRẦN THỊ KIM ANH	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
LABO XÉT NGHIỆM ATVSTP
Số 229 - Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương
Điện thoại: 02203.892.638 DĐ: 0834.060.883
Email: laboxnatvstp@hmtu.edu.vn

VILAS 492

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Số:176/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/*Name of Sample*: Nước sản xuất

Mã số/*Code*: 0824176

Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 mẫu (500 ml x 04 chai)

Tình trạng mẫu/*Conditional keeping*: Mẫu đựng trong chai nhựa có nắp xoáy, bảo ở ở nhiệt độ thường

Thời gian lưu mẫu/ *Sample retention time*: Không có mẫu lưu.

Người/Đơn vị gửi mẫu/*Customer*: Cơ Sở Đậu Bà Sự

Địa chỉ/ *Add*: Tổ dân phố Nghĩa Lộ, Phường Phùng Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

Ngày nhận mẫu/*Date of receiving* : 22/08/2024

Thời gian kiểm nghiệm/ *Testing time*: Từ 22/08/2024 đến ngày 29/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM *(Test Result)*

TT	Chỉ tiêu*(Specification)*	Đơn vị *(Unit)*	Phương pháp *(Test method)*	Kết quả *(Result)*
1.	Hàm lượng Cadmi(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH
2.	Hàm lượng Arsen(*)	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	KPH
3.	Hàm lượng Thủy ngân(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH
4.	*E. coli* (*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH
5.	*Coliform* tổng số(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH

Ghi chú: **KPH:** Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)

Hải Dương, ngày 29 tháng 08 năm 2024

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH LABO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

ThS. Nguyễn Đức Hoàng

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

TS. Đặng Thị Thùy Dương

1. Các kết quả kiểm nghiệm ở trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử ghi trên phiếu này.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
4. Chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được thực hiện bởi Nhà thầu phụ
5. Không giải quyết khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

Scanned with CamScanner

HỘ KINH DOANH
ĐẬU BÀ SỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH		SỐ CMTND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	Nam		145049509	04/03/2009	Công an tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên, ngày 03 tháng 05 năm 2026

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

ĐẬU BÀ SỰ
Tổ dân phố Ngô Lão, Phường Phùng Chí Kiên
Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
MST: 0 9 0 0 8 2 4 8 7 4

Nguyễn Công Tân

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
HƯNG HÀ PHỐ NỐI

Số: 68/59/GKSK-.....DL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (*chữ in hoa*): NGUYỄN CÔNG TÂN
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1981 (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033081017408
5. Cấp ngày: 13/08/2021 Tại: Cục cảnh sát QLHCVTTXH
6. Chỗ ở hiện tại: Phùng Chí Kiên - Mỹ Tân - Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:
a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... *ngày* 12 *tháng* 12 *năm* 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Công Tâm.

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 165 cm; Cân nặng: 79 kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 80 lần/phút; Huyết áp 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: I

BSCKII Trịnh Văn Thịnh

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	BSCKII Trịnh Văn Thịnh
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*		
	Phân loại		
c)	*Tiêu hóa*		
	Phân loại		
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	BSCKII Trịnh Văn Thịnh
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*		
	Phân loại		
e)	*Cơ - xương - khớp*		
	Phân loại	Bình thường	BSCKII Trịnh Văn Thịnh
g)	*Thần kinh*		
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*		
	Phân loại		
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:** *- Ngoại khoa:* *Phân loại:* *- Da liễu:* Phân loại:	Bình thường I	BS. Trần Quang Vũ
3.	**Sản phụ khoa:** ..... **Phân loại:**		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 ..... Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		BS. Cao Thị Hạnh
	Các bệnh về mắt (nếu có): Bình thường		
	Phân loại: I		
5.	**Tai - Mũi - Họng**		
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường...../..... m; Nói thầm...../.....m Tai phải: Nói thường...../15..... m; Nói thầm...../15..... m		BS. Cao Thị Hạnh
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Không		
	Phân loại: I		

6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên: Bình thường Hàm dưới:	BS. Trịnh Thị Thảo
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Cao răng	
Phân loại I	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: ..... Số lượng Bạch cầu: ..... Số lượng tiểu cầu: ..... b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..... Urê:..... Creatinin: ..... AST(GOT):..... ALT (GPT): ..... c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: ..... b) Protein: ..... c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh:	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại I

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

Không

Hưng yên ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ HƯNG HÀ PHỐ NỐI - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HƯNG HÀ PHỐ NỐI - M.S.C.N: 0900344754-001-C.T.C.P - TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

ĐÀO HUY THÀNH

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0900919607

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 06 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 29 tháng 06 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THUẬN TÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN TAN TRADING MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố Nghĩa Lộ, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *02213.945.180* Số Fax:

Thư điện tử: *vangbacthuantan@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 1.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN HỮU THUẬN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *22/07/1970* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 033070000432

Địa chỉ liên lạc: *Tổ dân phố Nghĩa Lộ, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN HỮU THUẬN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *22/07/1970* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *033070000432*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Tổ dân phố Nghĩa Lộ, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

Được quét bằng CamScanner

HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Estabilishment: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THUẬN TÂN**

Mã số đăng ký kinh doanh/Registration number: 0900919607

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Nghĩa Lộ, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0987.240.770 Fax: Email: vangbacthuantan@gmail.com

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been foud to be in compliance with food safety regulations for following products:

Sản xuất, kinh doanh: Đậu phụ./.

(Công suất thiết kế: 05 tạ/ngày)

*Số cấp/number: **73/2026/SNNMT-HY***
Có hiệu lực đến ngày: 21 tháng 8 năm 2029
Valid until (date/month/year): 21/8/2029

http://hy.check.net.vn

Hưng Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2026
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Đức Kiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số:31072026/ TD-TT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ nhu cầu và khả năng cuả hai bên,

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2026, chúng tôi gồm :

BÊN A (BÊN BÁN) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THUẬN TÂN

Đại diện là: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 224 phố Thứa, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế: 0900919607

Số điện thoại: 0987240770 Email: vangbacthuantan@gmail.com

II. BÊN B (BÊN MUA) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN

Đại diện là : Bà Trần Thị Kim Anh Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế: 0901084830

Điện thoại: 0977072666 Email: trankimanh8779@gmail.com

Sau khi thảo luận, hai bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hóa là các loại thực phẩm phục vụ bếp ăn công nghiệp, nhà hàng,....: Đậu Phụ cho bên B (Sau đây gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hai bên đồng ý ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hoá với số lượng, giá cả và chủng loại như sau:

a. Tên hàng :

Bên A nhận cung cấp : Đậu Phụ (Số lượng và chủng loại theo yêu cầu của Bên B theo từng đơn đặt hàng).

b. Số lượng, chủng loại : Theo đơn đặt hàng của bên B.

c. Đơn giá : Tính theo đơn giá thực tế của từng loại, từng thời điểm hai bên thỏa thuận ghi trên báo giá và biên bản giao hàng có xác nhận của hai bên.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HÓA

- Chất lượng và mẫu mã đúng theo yêu cầu của Bên B
- Hàng hóa bên A giao đảm bảo 100% là hàng hóa nguồn ngốc rõ ràng , đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

ĐIỀU 3.THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN:

1. Thời gian giao nhận: Bên B lên kế hoạch lấy hàng (Số lượng, chủng loại) và thông báo cho bên A trước khi lấy hàng. Bên A phải giao đủ hàng hoá theo số lượng yêu cầu của bên B.
2. Phương thức giao nhận: Giao nhận theo số lượng thực tế của từng loại mặt hàng.

ĐIỀU 4. ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ VÀ THANH TOÁN :

1. Đối chiếu công nợ :

Dựa trên số lượng hàng hoá giao nhận thực tế từng ngày, hai bên đối chiếu công nợ chia 2 kỳ/tháng : vào ngày 14 và ngày 29/30 của tháng, hoá đơn GTGT sẽ được xuất sau khi hai bên đối chiếu công nợ xong.

2.Phương thức thanh toán

- Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức : Tiền mặt / Chuyển khoản.

3.Thời gian thanh toán:

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A vào ngày thứ 30/31 của tháng kế tiếp.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

a. Trách nhiệm của bên A

- Cung cấp hàng hóa theo yêu cầu, đơn đặt hàng của bên B, đảm bảo đủ hàng, đúng chủng loại, chất lượng, mẫu mã, hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Giao hàng đúng tiến độ của hợp đồng.
- Nếu Bên bán chậm giao hàng hoặc giao hàng không đúng qui cách, tiêu chuẩn mà hai bên đã thỏa thuận trong đơn hàng thì Bên bán phải đổi lại hàng cho Bên mua theo đúng yêu cầu đã thỏa thuận.
- Phát hành hóa đơn tài chính cho Bên mua theo quy định.
- Hàng hoá bên A giao là hàng hoá đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có nguồn gốc rõ ràng, có đầy đủ giấy chứng nhận kiểm dịch,...

- Có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và theo các quy định hiện hành của pháp luật.
- Nếu xảy ra ngộ độc thực phẩm nguyên nhân do thực phẩm bên A, thì bên A phải chịu trách nhiệm và chi trả mọi chi phí phát sinh cho bên B như: Tiền viện phí, xét nghiệm, tiền phạt....

b. Trách nhiệm của bên B

- Yêu cầu Bên bán giao hàng đúng hạn, đúng chất lượng, chủng loại.
- Kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A bàn giao hàng hoá.
- Thông báo bằng điện thoại, Email cho bên A về bất cứ sự bổ sung, thay đổi nào về số lượng hàng hóa.
- Trường hợp phát hiện bên A giao hàng không đúng chủng loại, chất lượng, mẫu mã như trong Hợp đồng thì bên B có quyền từ chối nhận hàng và yêu cầu bên A thay thế hàng mới đúng chủng loại, chất lượng.
- Thanh toán theo đúng các điều khoản về thanh toán đã ghi trong Điều 4 của Hợp đồng.

ĐIỀU 6. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Trường hợp bên A vi phạm về tiến độ thực hiện hợp đồng như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc lỗi của bên B gây ra, Bên A sẽ phải trả cho bên B mức phạt 0.5% phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày trễ hạn và bồi thường cho Bên mua các thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có). Tổng mức phạt không quá 8% tổng giá trị Hợp đồng. Thời gian áp dụng điều khoản phạt được tính sau 02 ngày kể từ ngày đến hạn hoàn thành công việc theo Hợp đồng.

- Trường hợp bên B thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này, Bên Mua sẽ phải trả cho bên bán mức phạt là 0.5% phần chưa thanh toán của giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn nhưng tối đa không quá 08% giá trị phần nghĩ vụ Hợp đồng bị vi phạm. Thời gian áp dụng điều khoản phạt được tính sau 7 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán;

- Trường hợp một trong hai bên tự ý huỷ bỏ hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau khi Hợp đồng đã được ký kết và có hiệu lực mà không do lỗi của bên kia thì phải chịu phạt Hợp đồng là 08% tổng giá trị Hợp đồng và phải bồi thường những thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có) cho bên kia.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng , mọi thay đổi đối với hợp đồng phải được lập thành văn bản có xác nhận của hai bên thỏa thuận về sự thay đổi này.
2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc phát sinh thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trong trường hợp không tự giải quyết được thì hai bên sẽ đưa ra tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành.
3. Hợp đồng này có giá trị hiệu lực 24 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau khi kết thúc Hợp đồng nếu không có vấn đề gì phát sinh thì Hợp đồng sẽ tự động gia hạn theo quy định, mà không cần kí lại hợp đồng mới.
4. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02(hai) bản, bên B giữ 02(hai) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THUẬN TÂN M.S.D.N: 0900919607-C.T.T.N.H.H TỈNH HƯNG YÊN	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN M.S.D.N: 0901084830-C.T.T.N.H.H TỈNH HƯNG YÊN
GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU THUẬN	GIÁM ĐỐC TRẦN THỊ KIM ANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN VIỆT NHẬT
CHI NHÁNH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT
Số:.....86...../GKSK-VN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

BLOOD

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **NGUYỄN HỮU THUẬN**

2. Giới tính: ☒ Nam ☐ Nữ

3. Ngày/tháng/năm sinh: 22/07/1970 (Tuổi:56)

4. Số CCCD/Hộ chiếu/Mã định danh: 033070000432

5. Cấp ngày: 11/08/2021 00:00:00 Nơi cấp: Cục cảnh sát

6. Dân tộc: Kinh 7. Đối tượng: .....

8. Nguồn chi trả:..... 9. Nhóm máu:(nếu có)

10. Nơi ở hiện tại: Thôn Nghĩa Lộ, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên

11. Nghề nghiệp:

12. Nơi làm việc, học tập:

URINE

13. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) ☒ Không b) ☐ Có; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

Được quét bằng CamScanner

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Hữu Thuận

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 168 cm; - Cân nặng: 52 kg; - Chỉ số BMI: 18,4

Mạch: 83 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg

Phân loại thể lực: .....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa:		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*		
	Phân loại		
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*		BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
	Phân loại	Bình Thường	
e	*Cơ - xương - khớp*	I	
	Phân loại		
g)	*Thần kinh*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần		
	Phân loại	Bình Thường	BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
		I	

CHI NHÁNH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT - CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN VIỆT NHẬT

2. **Ngoại khoa:** Bình Thường Phân loại I 3. **Da liễu:** Bình Thường Phân loại: II		BSCKI. Lê Tình Khải
4. **Sản phụ khoa:** ..... Phân loại:		
5. **Mắt:**		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải .....10/10 Mắt trái .....10/10 Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại: I		BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
6. **Tai-Mũi-Họng:**		
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường .....5..... m; Nói thầm .....05..... m; Tai phải: Nói thường .....5..... m; Nói thầm .....05..... m;		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường		BS Phan Kim Cường
Phân loại: I		
7. **Răng-Hàm-Mặt:**		
Kết quả khám Hàm trên: .....viêm lợi..... Hàm dưới:		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BSCK Phạm Thị Thet
Phân loại: II		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm thực hiện khám cận lâm sàng sau:

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
a) Xét nghiệm máu: - Huyết học: tổng phân tích tế bào máu ngoại vi Số lượng hồng cầu: 4,79 T/L Số lượng bạch cầu: 12,1 G/L Số lượng tiểu cầu: 175 G/L - Sinh hóa máu: Đường máu: 4,83 mmol/l Urê: 4,4 mmol/l Creatinin: 99 µmol ASAT(GOT): 36,3 U/L ALAT (GPT): 30,6 U/L	CNXN. Đặng Hải Hà
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động) Đường: ..... Protein: ..... - Khác (nếu có): ..... **c) Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):** ÂM TÍNH XQ tim phổi: Bình thường	BS. Nguyễn Văn Xếp
d) Kết quả khám Cận lâm sàng khác ☐ Không ☐ Có (Nếu có, hãy liệt kê kết quả chi tiết):.....	

2. Khám sức khỏe định kỳ (cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sỹ)

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sỹ **Kết quả:**	

IV. KẾT LUẬN CHUNG:

1. Tình trạng sức khỏe; mắc các bệnh, tật (nếu có)..... Hiện tại đủ sức khỏe lao động - học tập

2. Phân loại sức khỏe
(theo quy định của Bộ Y tế).....

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CHI NHÁNH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT - CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN VIỆT NHẬT

BSCKI. Đỗ Tình Khải

Quý khách hàng quét mã QR để tra cứu kết quả.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN VIỆT NHẬT
CHI NHÁNH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT
Số:....86...../GKSK-VN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **LÝ THỊ MUÔN**
2. Giới tính: ☐ Nam ☒ Nữ
3. Ngày/tháng/năm sinh: 12/08/1975 (Tuổi:51)
4. Số CCCD/Hộ chiếu/Mã định danh: 033175000518
5. Cấp ngày: 05/11/2022 00:00:00 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát
6. Dân tộc: Kinh 7. Đối tượng: .....
8. Nguồn chi trả:..... 9. Nhóm máu:(nếu có)
10. Nơi ở hiện tại: TDP Nghĩa Lộ, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên
11. Nghề nghiệp:
12. Nơi làm việc, học tập:
13. Lý do khám sức khỏe:.....

BLOOD

URINE

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) ☑ Không b) ☐ Có; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑

7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Lý thị Mười

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 163 cm; - Cân nặng: 53 kg; - Chỉ số BMI: 19,9

Mạch: 76 lần/phút; - Huyết áp: 100/60 mmHg

Phân loại thể lực: .....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa:		
a)	*Tuần hoàn*	Bạch cầu tăng	
	Phân loại	II	
b)	*Hô hấp*	Bình Thường	
	Phân loại	I	BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
c)	*Tiêu hóa*		
	Phân loại		
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*		
	Phân loại	Bình Thường	
e	*Cơ - xương - khớp*	I	BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
	Phân loại		
g)	*Thần kinh*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần		
	Phân loại	Bình Thường	BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
		I	

CHI NHÁNH PHÒNG KHÁM ĐA K VIỆT NHẬT CÔNG TY TNH BỆNH VIỆN VIỆT NHẬ

2. **Ngoại khoa:** Phân loại	Bình Thường I	BSCKI. Đỗ Tính Khải
3. **Da liễu:** Phân loại:	Bình Thường I	
4. **Sản phụ khoa:** Phân loại:	75 mổ lấy thai: 01 lần II	BS. Trần Quang Vinh
5. **Mắt:**		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 5/10 Mắt trái 5/10 Có kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 9/10		BSCKI. Hoàng Thị Lan Hương
Các bệnh về mắt (nếu có): 2 mắt: Tật khúc xạ Phân loại: II		
6. **Tai-Mũi-Họng:**		
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường 5 m; Nói thầm 5 m; Tai phải: Nói thường 5 m; Nói thầm 5/6 m;		BS. Phan Kim Cường
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường Phân loại: I		
7. **Răng-Hàm-Mặt:**		
Kết quả khám Hàm trên: Hàm dưới: Bình thường		BSCK Phạm Thị Thư
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Không Phân loại: I		

365-001-0 NHÁNH HÁM ĐA KHOA T NHẬT- TY TNHH NH VIỆN T NHẬT - T. HƯNG Y

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm thực hiện khám cận lâm sàng sau:

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
a) Xét nghiệm máu: - Huyết học: tổng phân tích tế bào máu ngoại vi Số lượng hồng cầu: 4,28 T/L Số lượng bạch cầu: 11,3 G/L Số lượng tiểu cầu: 282 G/L - Sinh hóa máu: Đường máu: 5,97 mmol/l Urê: 6,0 mmol/l Creatinin: 74 µmol ASAT(GOT): 16,5 U/L ALAT (GPT): 15,9 U/L	CNXN. Đặng Hải Hà
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động) Đường: ..... Protein: ..... ÂM TÍNH ..... - Khác (nếu có):	
c) Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ..... XQ tim phổi: Bình thường	BS. Nguyễn Văn Kếp
d) Kết quả khám Cận lâm sàng khác ☐ Không ☐ Có (Nếu có, hãy liệt kê kết quả chi tiết):.....	

2. Khám sức khỏe định kỳ (cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sỹ)

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sỹ **Kết quả:**	

IV. KẾT LUẬN CHUNG:

1. Tình trạng sức khỏe; mắc các bệnh, tật (nếu có).....

.....

.....

.....

Hiện tại đủ sức khỏe lao động - học tập

2. Phân loại sức khỏe
(theo quy định của Bộ Y tế).....

.....

Ngày 06 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CHI NHÁNH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆT NHẬT - CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN VIỆT NHẬT

BSCKI. Đỗ Đình Khải

Quý khách hàng quét mã QR để tra cứu kết quả.

CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ HƯNG HÀ PHỐ NỐI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HƯNG HÀ PHỐ NỐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89743.../GKSK-DL

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

(Mẫu số 03- Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: NGUYỄN VĂN TUYẾN
2. Giới tính: ☑ Nam ☐ Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 20/7/1987 (Tuổi:.....)
4. Số CCCD/Hộ chiếu/Mã định danh: 033087001843
5. Cấp ngày 9/5/2021 Nơi cấp Cục Cảnh sát
6. Dân tộc: ..... 7. Đối tượng.....
8. Nguồn chi trả:..... 9. Nhóm máu: .....(nếu có)
10. Nơi ở hiện tại: Tỉnh/ thành: Hưng Yên phường/ xã: Phường Hồng số nhà/ thôn/ xóm.....
11. Nghề nghiệp:.....
12. Nơi làm việc, học tập:.....
13. Lý do khám sức khỏe: đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) ☐ Không b) ☐ Có; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑

Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑
Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bênhh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không?

☐ Không

☐ Có (Nếu có, xin hãy liệt kê tên bệnh, các thuốc đang dùng và liều lượng):

.....

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

☐ Không

☐ Có (Nếu có, xin hãy liệt kê tên bệnh, các thuốc đang dùng và liều lượng):

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 22... tháng 7...năm 2016

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Tuyến

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 169 cm; - Cân nặng: 52 kg; - Chỉ số BMI: .....
- Mạch: ..... lần/phút; - Huyết áp: 110 / 60 mmHg
- Phân loại thể lực: I.

BS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*		
	Phân loại		
b)	*Hô hấp*		
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*		BS. Nguyễn Thị Bích Ngọc
	Phân loại		
d)	*Thận-Tiết niệu-Sinh dục*		
	Phân loại		
đ)	*Nội tiết*		
	Phân loại		
e)	*Cơ - xương - khớp*		
	Phân loại		
g)	*Thần kinh*		
	Phân loại		
h)	*Tâm thần*		
	Phân loại		BS. Nguyễn Thị Bích Ngọc
2.	**Ngoại khoa**.....		
	Phân loại:.....	I	
3	***Da liễu***:.....		
	Phân loại:.....	I	BS. Trần Quang Võ
4.	**Sản phụ khoa:**.....		
	Phân loại:.....		
5.	**Mắt:**		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):			BSCKI. Nguyễn Đình Nam
Phân loại:		I	
6.	**Tai - Mũi - Họng**		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 15 m			
Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:		I	Ths.Bs. Lê Hải Nam

Giấy in hóa đơn điện tử

7. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên: / Bình thường Hàm dưới: /	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Cao lấy Phân loại: I	BS. Trịnh Thị Thảo

III.KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm thực hiện khám cận lâm sàng sau:

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
a) Xét nghiệm máu: - Huyết học: tổng phân tích tế bào máu ngoại vi BC: 5,54 G/L HC: 5,33 T/L ; TC: 287,5 G/L - Sinh hóa máu: Đường máu: 5,03 mmol/L Urê: 4,7 mmol/L Creatinin: 78,5 mmol/L ASAT(GOT): 30,5 U/L ALAT (GPT): 25,4 U/L	CN. Hoàng Thị Tuyết
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động) Âm tính - Khác (nếu có): SG: 1030	CN. Hoàng Thị Tuyết
c) Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng) Bình thường	BS Lê T. Duyên
d) Kết quả khám Cận lâm sàng khác ☐ Không ☐ Có (Nếu có, hãy liệt kê kết quả chi tiết):	

2. Khám sức khỏe định kỳ (cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sỹ)

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sỹ Kết quả:	

IV. KẾT LUẬN

1. Tình trạng sức khỏe; mắc các bệnh, tật (nếu có)……

2. Phân loại sức khỏe (theo quy định của Bộ Y tế) I

Hưng Yên, ngày 22 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ HƯNG HÀ PHỐ NỐI - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HƯNG HÀ PHỐ NỐI

TRƯỞNG KHOA KHÁM BỆNH

ThS.BS Đỗ Văn Thành

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER
Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2607-300 (26.2156)

1. Tên mẫu/ *Name of sample* : **Nước sản xuất chế biến đậu phụ tại vòi nước xưởng sản xuất**
2. Loại mẫu/ *Sample type* : **Nước sạch**
3. Tên khách hàng/ *Name of customer* : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THUẬN TÂN**
4. Địa chỉ khách hàng/ *Address of customer* : **Tổ dân phố Nghĩa Lộ, Phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**
5. Mô tả mẫu/ *Description* : **Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường**
6. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **17/07/2026**
7. Người lấy/gửi mẫu/ *Sample taking* : **Nguyễn Hữu Thuận**
8. Thời gian thử nghiệm/ *Testing time* : **17/07/2026 – 27/07/2026**
9. Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

TT *No*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2607-300	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	*Coliform tổng số*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	*E. coli*(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Asen (Arsenic) (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	<0,005	0,01
4	Cadmi (Cd)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,00016)	0,003
5	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
6	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3120B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	1

Ghi chú:
Mẫu do khách hàng gửi đến;
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2026

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

UBND HUYỆN TIÊN LỮ
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 8408222282-001

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 05J8004934

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2024

1. Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH TOẢN NGÁT

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Thôn Toàn Tiến, Xã Thiện Phiến, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0984540769 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm (Bán trứng, thịt, cá, rau, củ, quả)	*4632 (Chính)*
2	Bán lẻ thực phẩm: trứng, thịt, rau, củ, quả, cá, măng, miến, mộc nhĩ, mật ong, hàng khô	*Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 50.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Năm mươi triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TRẦN VĂN TOẢN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/01/1986 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân: 033086013182

Ngày cấp: 19/08/2022 Nơi cấp: cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Toàn Tiến, Xã Thiện Phiến, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Toàn Tiến, Xã Thiện Phiến, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH H. TIÊN LỮ - T. HƯNG YÊN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
VŨ THỊ MAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ
CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/*Establishment*: **HỘ KINH DOANH TOẢN NGÁT**

Mã số/ *Approval number*: **8408222282-001**

Địa chỉ/*Address*: Thôn Toàn Tiến, xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại/*Tel*: 0984540769; Fax:.....

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

THỊT LỢN, CÁ, TRỨNG GIA CẦM, RAU, CỦ, QUẢ

Số cấp: 15/2024/UBND-TL

Có hiệu lực đến ngày 01 tháng 11 năm 2027.

Valid until (date/month/yeas)

Tiên Lữ, ngày 04 tháng 11 năm 2024
Tiên Lữ, date 04 month 11 yeas 2024

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Bùi Trung Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--------***--------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THỰC PHẨM

Số : 016.2025 /HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 02 năm 2025 , tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thực Phẩm Tâm An chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DV THỰC PHẨM TÂM AN

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Đại diện : Bà Trần Thị Kim Anh Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : 0977072666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản : 681600868686- Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hưng Yên

BÊN BÁN (BÊN B) : HKD TOẢN NGÁT

Địa chỉ : Thôn Toàn Tiến, Xã Thiện Phiến, Huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Đại diện : Ông Trần Văn Toản Chức vụ : Chủ HKD

Điện thoại : 0984540769

Mã số thuế : 8408222282-001

Tài khoản : .....

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua hàng hoá với nội dung : trứng gia cầm, thịt gia cầm, thuỷ hải sản tươi sống, ... (Gọi tắt là Hàng hoá)

Điều 2: Chất lượng hàng hóa, thời gian địa điểm giao hàng

2.1 Chất lượng hàng hóa

- Bên B phải cung cấp đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên, chất lượng hàng hóa theo đúng mẫu Bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng.

- Bên B phải cung cấp hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

2.2 Đặt hàng, Thời gian, địa điểm giao hàng

- Đặt hàng, địa điểm giao hàng: Theo thỏa thuận giữa hai bên

2.3 Cách đóng gói và bảo quản khi giao nhận

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của Bên A.

- Trên bao bì phải thể hiện rõ các nội dung: Tên, xuất xứ hàng hóa, ngày sản xuất, hạn sử dụng, chỉ tiêu chất lượng (Theo quy định của Nhà nước).

Điều 3: Giá cả, đối chiếu công nợ và phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá cả tùy thuộc theo thị trường sẽ có báo giá cụ thể

3.2 Đối chiếu công nợ

- Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các hóa đơn chứng từ đã giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bản đối chiếu công nợ chi tiết, ký xác nhận và chuyển bản đối chiếu xác nhận công nợ chi tiết về trụ sở Bên A vào ngày cuối tháng

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản/tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng tiếp theo (hoặc chậm nhất là 5-6 ngày)

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho bên B đúng theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng tại các địa điểm do bên A chỉ định

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho bên A đúng theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

- Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp cho bên A.

Điều 5: Trách nhiệm chung

- Hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Nếu hai bên không tự giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn thì việc tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Các thỏa thuận khác

- Các điệu kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản Pháp luật về Hợp đồng mà Nhà nước ban hành.

Điều 7: Điều khoản thi hành

7.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh
- Mã số thuế
- Các giấy tờ liên quan đến VSATTP

7.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng Văn bản và phải được sự xác nhận của cả hai bên.

7.3: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm tính từ ngày hai bên ký hợp đồng

7.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán và không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn thêm 01 (một) năm và tự động thanh lý Hợp đồng khi hết hạn mà không cần biên bản thanh lý Hợp đồng.

7.5: Hợp đồng này gồm 07 điều và được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị Pháp lý như nhau

7.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc ủy quyền để ký Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	Trần Văn Toán
GIÁM ĐỐC	
TRẦN THỊ KIM ANH	

HỘ KINH DOANH
TOẢN NGÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH		SỐ CMTND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
1	TRẦN VĂN TOẢN	Nam		033086013182	19/08/2022	Cục trưởng cục QL về TTXH

Hưng Yên, ngày 10 tháng 05 năm 2026

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký ghi rõ họ, tên)

Toản

TRẦN VĂN TOẢN

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

BỘ CHQS TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH XÁ BỘ CHQS TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103 /GKSK/97305/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (*chữ in hoa*): TRẦN VĂN TOÁN

Giới: Nam ☒ Nữ ☐ Ngày, tháng, năm sinh: 04/01/1986

Số CCCD/CC/Hộ chiếu: 033086013182 cấp ngày 19/8/2022

tại: Cục Cảnh Sát

Chỗ ở hiện tại: Tiên Lữ, Hưng Yên

Lý do khám sức khoẻ: Xin việc làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân:

Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng.....

b) Tiền sử thai sản (đối với phụ nữ):.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi

Hưng Yên, ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người đề nghị khám sức khoẻ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trần Văn Toán

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 162 cm; Cân nặng: 58 kg; Chỉ số BMI: .....

Mạch: 70 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg

Phân loại thể lực: Bình thường

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại: Bình thường	BS.CKI. Nguyễn Hải Ninh
b) Hô hấp:	
Phân loại: Bình thường	BS.CKI. Nguyễn Hải Ninh
c) Tiêu hoá: :	
Phân loại: Bình thường	
d) Thận-Tiết niệu: :	BS. Quản Văn Bình
Phân loại	
đ) Cơ-xương-khớp:	
Phân loại: Bình thường	
e) Thần kinh:	BS. Quản Văn Bình
Phân loại:	
g) Tâm thần: :	
Phân loại: Bình thường	
2. Ngoại khoa:	
Phân loại	BS. Quản Văn Bình
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại	
4. Mắt:	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10	
Có kính: Mắt phải: ..... Mắt trái	
- Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại: Bình thường	Trần Thị Mai Phương
5. Tai - Mũi - Họng	
- Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 0,5 m	
Tai phải: Nói thường: 5 m; Nói thầm: 0,5 m	

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): / Phân loại: Bình thường **6. Răng - Hàm - Mặt** - Kết quả khám: + Hàm trên: / + Hàm dưới: Bình thường - Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): / Phân loại: **7. Da liễu:** / Phân loại: Bình thường	Trần Thị Mai Phương Trần Thị Mai Phương BS. Lê Duy Vinh

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,8 T/l Số lượng Bạch cầu: 7,7 G/l Số lượng Tiểu cầu: 221 G/l b) Sinh hoá máu: Đường máu: 5,2 mmol/l Urê: 5,6 mmol/l; Creatinin: 80 µmol/l ASAT (GOT): 25 U/l; ALAT (GPT): 28 U/l c) Khác (nếu có): - VIÊM GAN B: - GIANG MAI: / - HIV: ÂM TÍNH	KTV. Nguyễn Thị Hường
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: / b) Protein: c) Khác (nếu có): Bình thường	KTV. Nguyễn Thị Hường
3. Chẩn đoán hình ảnh: Điện tim bình thường	BS. Lê Duy Vinh

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khoẻ: Hạn tại đủ điều kiện sức khỏe để làm việc

2. Các bệnh, tật (nếu có): /

Hưng Yên, ngày 13 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH XÁ

BỆNH XÁ TRƯỞNG

BSCKI. Nguyễn Hải Ninh

HIỆU MÂ

UBND XÃ YÊN MỸ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 8539394976-001

Đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 02 tháng 10 năm 2025

1. Tên hộ kinh doanh:
Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH LÊ VĂN LÂM

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0373776120 Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi, phở, miến, và các sản phẩm trương tự)	*1074 (Chính)*

4. Vốn kinh doanh:
Vốn kinh doanh (Bằng số): 300.000.000 đồng
Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Ba trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: LÊ VĂN LÂM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/08/1994 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 033094003388

Nơi thường trú: THÔN TRAI TRANG, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nơi ở hiện tại: Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

VŨ THỊ NHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Chấp hành những quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm của ngành Công Thương (Sử dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ)

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Yên Mỹ,
- Phòng Kinh tế xã Yên Mỹ.

Tên cơ sở : Hộ kinh doanh Lê Văn Lâm

Địa chỉ cơ sở : Thôn Trai Trang, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0373776120 Fax:.....

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có): 05D8006316 Ngày cấp:31/03/2025

Nơi cấp: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Yên Mỹ

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự.

Đại diện cơ sở: Lê Văn Lâm

Sinh ngày: 26/08/1994

Số CMND/CCCD :033094003388 Ngày cấp:12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát

Địa chỉ thường trú:thôn Trai Trang, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

CAM KẾT:

Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ với các nội dung như sau:

1. Cơ sở đảm bảo tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật An toàn thực phẩm, cụ thể:

- Có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại và nguồn gây ô nhiễm;
- Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất và kinh doanh thực phẩm;
- Có trang thiết bị phù hợp để sản xuất, kinh doanh thực phẩm không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho thực phẩm;
- Sử dụng nguyên liệu, hóa chất, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vật liệu bao gói, dụng cụ, chứa đựng thực phẩm trong việc sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Tuân thủ những quy định về sức khỏe, kiến thức, thực hành đối với người

trực tiếp tham gia sản xuất thực phẩm;

- Thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Duy trì những điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.

2. Cơ sở cam kết thực hiện tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định pháp luật.

3. Cơ sở cam kết đảm bảo, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng, trước pháp luật về an toàn thực phẩm.

4. Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau (cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản)./.

Yên Mỹ, ngày 09 tháng 9 năm 2025	*Yên Mỹ, ngày 08 tháng 9 năm 2025*
XÁC NHẬN CỦA PHÒNG KINH TẾ	**CHỦ CƠ SỞ**
01 /BCK	Lâm
PHÒNG KINH TẾ	Lê Văn Lâm
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	
VŨ THỊ NHUNG	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Hợp đồng số: 0105.2025 /HĐMB

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp, các ngành;

- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2025. Chúng tôi gồm:

BÊN MUA (BÊN A) : CÔNG TY TNHH TM VÀ DV THỰC PHẨM TÂM AN

- Đại diện : Bà Trần Thị Kim Anh Chức vụ: Giám đốc
- MST : 0901084830
- Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 0977.072.666
- Số tài khoản : 681600868686 – Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hưng Yên

Bên B (Bên bán) : HỘ KINH DOANH LÊ VĂN LÂM

- Đại diện : Lê Văn Lâm Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh
- MSHKD : 8539394976-001
- Địa chỉ : Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 0373776120
- Số tài khoản:

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua các loại sản phẩm chế biến từ bột, ngũ cốc, tinh bột như mỳ ống, mỳ sợi, phở, miến, và các sản phẩm tương tự……. (Gọi tắt là Hàng hóa)

Điều 2: Chất lượng hàng hóa, thời gian địa điểm giao hàng

2.1 Chất lượng hàng hóa

- Bên B phải cung cấp đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên, chất lượng hàng hóa theo đúng mẫu Bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng.

- Bên B phải cung cấp hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

2.2 Đặt hàng, Thời gian, địa điểm giao hàng

- Đặt hàng, địa điểm giao hàng: Theo thỏa thuận giữa hai bên

2.3 Cách đóng gói và bảo quản khi giao nhận

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của Bên A.

- Trên bao bì phải thể hiện rõ các nội dung: Tên, xuất xứ hàng hóa, ngày sản xuất, hạn sử dụng, chỉ tiêu chất lượng (Theo quy định của Nhà nước).

Điều 3: Giá cả, đối chiếu công nợ và phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá cả tùy thuộc theo thị trường sẽ có báo giá cụ thể

3.2 Đối chiếu công nợ

- Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các hóa đơn chứng từ đã giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bản đối chiếu công nợ chi tiết, ký xác nhận và chuyển bản đối chiếu xác nhận công nợ chi tiết về trụ sở Bên A vào ngày cuối tháng

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản/tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng tiếp theo (hoặc chậm nhất là 5-6 ngày)

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho bên B đúng theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng tại các địa điểm do bên A chỉ định

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho bên A đúng theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

- Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp cho bên A.

Điều 5: Trách nhiệm chung

- Hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Nếu hai bên không tự giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn thì việc tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Các thỏa thuận khác

- Các điệu kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản Pháp luật về Hợp đồng mà Nhà nước ban hành.

Điều 7: Điều khoản thi hành

7.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh

- Mã số thuế

- Các giấy tờ liên quan đến VSATTP

7.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng Văn bản và phải được sự xác nhận của cả hai bên.

7.3: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm tính từ ngày hai bên ký hợp đồng

7.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán và không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn theo từng năm và nếu một trong hai bên muốn kết thúc hợp đồng thì cần báo với bên còn lại trước 30 ngày bằng văn bản.

7.5: Hợp đồng này gồm 07 điều và được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị Pháp lý như nhau

7.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc ủy quyền để ký Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	Lâm Lê văn Lâm
GIÁM ĐỐC TRẦN THỊ KIM ANH	

HỘ KINH DOANH
LÊ VĂN LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH		SỐ CMTND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
1	LÊ VĂN LÂM	Nam		033094003388	12/8/2021	Cục cảnh sát

Hưng Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2026

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký ghi rõ họ, tên)

Lâm
Lê Văn Lâm

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202603362 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **LÊ VĂN LÂM**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 26/08/1994
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 03309400338
5. Cấp ngày: 12/08/2021 Tại: Cục Cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe: Bổ sung hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

không

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 04 tháng 04 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

LÊ VĂN LÂM

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 170 cm - Cân nặng: 68 Kg - Chỉ số BMI: 23,5
- Mạch: 70 lần/phút - Huyết áp: 110 / 70 mmHg
- Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Tổng phân gan	
	Phân loại	Chuẩn phẫu bụng	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
e)	*Cơ - xương - khớp*	Tiền sử phẫu thuật khớp ngón II bàn tay phải	ThS.Bs. Khúc Thị Hương
	Phân loại	II	
g)	*Thần kinh*	Bình Thường	
	Phân loại	I	
	Tâm thần	Bình Thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- *Ngoại khoa:* Tiền sử phẫu thuật khớp ngón II bàn tay (P)		BSCKII. Nguyễn Ngọc Dũng
	Phân loại:	II	
	- *Da liễu:*		
	Phân loại:	Bình Thường I	BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:**		
	Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái 10/10		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Rối loạn thị giác		BS. Đặng Thị Vũ Ngọc
	Phân loại:	I	

5.	Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ....15..... m; Nói thầm ....10,5..... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	BSCKI. Đỗ Quang Thành
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ....không..... Phân loại: ....I....		

6.	Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: Phục hình răng R_{34}, R_{21}, R_{22} Hàm dưới: Bình thường	BS. Dương Thị Thắm
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ....không.... Phân loại: ....I....		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: 4,89 ...(T/L) Số lượng Bạch cầu: 8,64 ...(G/L) Số lượng Tiểu cầu: 294,0 (G/L) b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,7 ...(mmol/l) Urê: 5,0 ...(mmol/l) Creatinin: 65,8 (μmol/l) AST(GOT): 51,0 (U/L) ALT (GPT): 51,6 (U/L)	CNXN. Lê Thị Liễu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: ÂM TÍNH (-) c. Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ..... **Bình Thường**	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ....loại II (Hai)....

2. Các bệnh, tật (nếu có): - Tăng men gan; Mất răng cối lớn số 6.
- Đề nghị phẫu thuật kết hợp xương ngón II tay (P); Phục hình răng

Hưng Yên, Ngày 04 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 0901...45 CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI X. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
****

CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 12 tháng 11 năm 20 25

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

(Số HĐ01-775 NSMH)

- Căn cứ vào bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất,cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày28/12/2011 Về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ thông tư số 01/2008/TT- BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất,cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Hưng Yên Quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp nước của Công ty TNHH Minh Hoàng

Hôm nay, ngày tháng 11 năm 2025, tại Nhà máy nước Minh Hoàng, chúng tôi gồm có :

Doanh nghiệp cung cấp nước (gọi tắt là Bên A): CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG

Người đại diện : Ông **NGUYỄN THẾ TƯỜNG** Chức vụ : Giám Đốc.

Địa chỉ : 261 thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Mã số thuế : 0900191269. Điện thoại : 02213 509 010

Số tài khoản : 2404201000403 Tại Ngân hàng NN và PTNT huyện Yên Mỹ

: 117 0000 17915 Tại Vietinbank – CN Mỹ Hào

Khách hàng sử dụng nước (gọi tắt là bên B):

Chủ hộ/đơn vị: Lưu Văn Ngọc

Số hộ khẩu :

Số CMND : 033 [illegible] Ngày cấp: 22/09/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Yên Mỹ Hưng Yên

Địa chỉ mua nước: Lê Thường Kiệt Yên Mỹ

Số điện thoại : 0973 95[illegible] 925 Fax : Email :

Tài khoản số Tại.

Mã số thuế :

Cùng nhau thỏa thuận ký hợp đồng dịch vụ cấp nước gồm những điều khoản sau đây:

Điều I : Đối tượng của hợp đồng:

Bên A thực hiện dịch vụ cấp nước sinh hoạt cho Bên B theo các điều kiện chất lượng dịch vụ như quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật, Bên B sử dụng nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Hợp đồng này, cụ thể như sau:

1.1- Điểm đấu nối vào hệ thống cấp nước của Bên A: Ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc đến chân tường rào công trình của Bên B trong điều kiện cho phép.

1.2- Bên B đồng ý mua nước sinh hoạt sử dụng vào mục đích sinh hoạt cho .01 hộ,

Điều II : Chất lượng dịch vụ:

1. Bên A cung cấp nguồn nước sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo các quy chuẩn kỹ thuật do cơ qu

Nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Khi có sự cố hoặc có phản ánh của bên B về chất lượng nước sinh hoạt được cung cấp, bên A trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước trước đồng hồ. Việc khắc phục sự cố xảy ra sau đồng hồ nu do bên B thực hiện.

Điều III : Giá nước

Giá nước được tính theo biểu giá nước sinh hoạt được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên p duyệt theo từng thời điểm trên nguyên tắc nước sử dụng cho mục đích nào thì tính giá quy định th mức đó. Trường hợp giá nước có thay đổi, bên A sẽ thông báo trên các phương tiện thông tin chúng hoặc thông báo trực tiếp đến bên B biểu giá mới và thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới.

Điều IV : Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Bên A ghi chỉ số nước ít nhất 1 lần/kỳ hóa đơn vào ngày 10- ngày 13 hàng tháng, có thể d chuyển ngày ghi chỉ số trước hoặc sau một vài ngày, trừ trường hợp bất khả kháng.
2. Khách hàng thanh toán tiền nước mỗi tháng một lần bằng tiền Việt Nam đồng
3. Hình thức thanh toán (chọn một trong các hình thức sau)

/Tiền mặt /Séc /Chuyển tiền vào tài khoản bên A /thẻ ATM

4. Địa điểm thanh toán bằng tiền mặt: Tại địa chỉ mua nước
5. Thời hạn thanh toán : Ngay sau khi nhận thông báo nộp tiền lần đầu.Trường hợp bên B chưa t thanh toán tiền nước ngay sau khi nhận thông báo thì phải đến thanh toán tại Trụ sở nhà máy nư Minh Hoàng (Thôn Ông Tố, Thị trấn Yên Mỹ, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên) trong thời hạn 07 ngày.

Bên B chậm trả tiền nước quá 1 tháng (30 ngày) so với thời hạn thanh toán của giấy báo ti nước lần thứ nhất, phải trả cả tiền lãi của khoản chậm trả cho bên A theo lãi suất tiền gửi cao nhất c ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán.

Điều V : Quyền và nghĩa vụ của bên A

*** Bên A có quyền:**

1. Được vào khu vực quản lý của bên B để kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ cấp nước, thao tác b dưỡng, sửa chữa và thay thế đường ống, đồng hồ đo nước.
2. Ngừng thực hiện nghĩa vụ cấp nước trong các trường hợp sau :

- Theo yêu cầu bằng văn bản của bên B.
- Tạm ngừng để phục vụ công tác duy tu, sửa chữa định kỳ, sự cố và các trường hợp bất khả kháng.
- Ngừng cấp nước ngay sau khi phát hiện Bên B có các hành vi xâm hại đến hệ thống cấp nước, đồ hồ đo nước;
- Do bên B vi phạm thời hạn thanh toán tiền nước hoặc các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng này.
- Do yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc ngừng dịch vụ cấp nước được thực hiện như sau:

+ Đối với khách hàng là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt

- Ngừng cấp nước nếu bên B không thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của hợp đồng sau tuần kể từ khi có thông báo đến bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước.
- Nếu bên B không thanh toán tiền nước do khách quan đã được thông báo cho bên A thì việc ngừng d vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

+ Đối với các đối tượng sử dụng nước khác

- Ngừng cấp nước nếu bên B không thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của hợp đồng sau ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

*** Bên A có nghĩa vụ:**

- Đầu tư lắp đặt đường ống đến điểm đấu nối tại chân tường rào của khách hàng sử dụng nước;
- Lắp đặt đồng hồ đo nước hoặc thỏa thuận với các hộ sử dụng nước việc lắp đặt đồng hồ đo nước th quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 của chính phủ về việc s xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quy định của UBND tỉnh Hưng Yên.
- Đảm bảo hệ thống cấp nước và trang thiết bị cấp nước hoạt động ổn định, chất lượng nước theo q chuẩn kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.
- Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời khi bên B thông báo các sự cố về chất lượng nước, lực nước hoặc các khiếu nại về đồng hồ nước (Địa chỉ, số điện thoại liên lạc Bên A đã cung cấp tr hóa đơn thu tiền nước);

- Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước.
- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp đến bên B trước khi tạm ngưng cung cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất.
- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp đến bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước
- Các nghĩa vụ khác được nêu trong hợp đồng này và các qui định của pháp luật.

Điều VI : Quyền và nghĩa vụ của bên B

*** Bên B có quyền:**

- Yêu cầu bên A cung cấp nước sinh hoạt với khối lượng, chất lượng và điều kiện dịch vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng.Đảm bảo tính chính xác của thiết bị đo đếm nước sinh hoạt, số tiền nước phải thanh toán, khôi phục việc cung cấp nước trong thời gian sớm nhất sau khi hệ thống cấp nước bị sự cố.
- Được bên A cung cấp thông tin về các sự cố liên quan đến việc cung cấp nước, kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp nước, các quy định mới liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước.
- Yêu cầu bên A tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong một thời gian nhất định: Bên B phải có đơn xin ngừng cấp nước tạm thời và nêu rõ lý do.

*** Bên B có nghĩa vụ:**

- Thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời gian theo Điều IV và Điều IX của hợp đồng này.
- Tạo điều kiện để bên A kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước, thay đồng hồ nước và kiểm tra hệ thống cấp nước phía sau đồng hồ nước.
- Kịp thời thông báo cho bên A khi phát hiện sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc sự bất bình thường của đồng hồ nước.
- Tiếp nhận, bảo vệ nguyên trạng hệ thống cấp nước, đồng hồ nước, các thiết bị và các chỉ niêm phong do bên A lắp đặt.
- Không được sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước của bên A, không đấu nối chung hệ thống cấp nước của bên A với các hệ thống cấp nước khác, không được làm sai lệch chỉ số đồng hồ nước không gây trở ngại khi bên A thực hiện quyền quản lý khai thác trên hệ thống cấp nước của bên A.
- Các nghĩa vụ khác được nêu trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều VII : Các thỏa thuận khác

1. Khi đồng hồ có sự cố kỹ thuật, không đo chính xác thì lượng nước sử dụng của bên B được tính theo mức trung bình của 3 tháng liền kề trước đó.
2. Đồng hồ nước được xem vẫn chạy chính xác nếu kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá ±2 % lượng nước thực tế qua đồng hồ nước.
3. Bên B sử dụng nước không đúng với mục đích đã đăng ký, bên A sẽ tính tiền sử dụng theo mục đích mới và truy thu (nếu có) kể từ ngày bên B thay đổi mục đích sử dụng.
4. Việc bên A ngừng cung cấp nước do bên B vi phạm các điều khoản của hợp đồng, sau khi bên B đã khắc phục các lỗi vi phạm và có nhu cầu đấu nối lại thì mọi chi phí đóng mở nước do bên B chi trả theo quy định hiện hành.

Điều VIII : Thay thế, sửa đổi hợp đồng:

1. Khi có mẫu hợp đồng mới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bên A phải thông báo cho bên B và hai bên có trách nhiệm thực hiện.
2. Bên B chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ nước (đầu máy nước) cho khách hàng khác thì phải thông báo cho bên A và ký kết lại hợp đồng dịch vụ cấp nước với bên A trong thời gian 30 ngày.
3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều IX : Bồi thường thiệt hại

1. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên B trong các trường hợp sau:

1.1 Ghi sai chỉ số đồng hồ nước, tính sai hóa đơn tiền nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn số tiền bên B phải trả, mức bồi thường bằng khoản tiền thu thừa cộng với lãi suất.

1.2 Khi đồng hồ nước có sai số vượt quá giới hạn cho phép (±2% lượng nước thực tế qua đồng hồ) thì bên A phải thay đồng hồ cho bên B và đồng thời hoàn trả số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh tính từ thời điểm lượng nước sử dụng tăng đột biến so với mức tiêu thụ bình quân trước đó trong kỳ hóa đơn gần nhất.

2. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A trong các trường hợp sau:

2.1 Khi độ sai số của đồng hồ nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép (±2% lượng nước thực tế qu.. đồng hồ) thì bên B yêu cầu kiểm tra kiểm định phải chịu chi phí.
2.2 Để mất, hỏng đồng hồ nước, mức bồi thường bằng giá trị bù đắp lại phần đã mất, hỏng và chi phí để tái lập lại việc cung cấp nước theo quy định.
2.3 Sử dụng nước sai mục đích thỏa thuận, không đúng số hộ và số người đã đăng ký gây thiệt hại cho bên A, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm cộng với lãi suất của khoản tiền chênh lệch đó.
2.4 Có các hành vi trộm cắp nước sinh hoạt dưới mọi hình thức, ngoài việc bị xử lý theo pháp luật, còn phải bồi thường thiệt hại cho bên A, trong đó mức bồi thường giá trị lượng nước bị lấy cắp tính theo đơn giá nước sinh hoạt cao nhất.

Lãi suất của khoản tiền tại điểm 1.1, 1.2, 2.3, bằng mức lãi suất tiền gửi cao nhất của ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán.

Điều X : Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng được chấm dứt một trong các trường hợp sau:
- Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng
- Bên A không còn điều kiện cung cấp nước.
- Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước
- Bên B có các hành vi vi phạm về sản xuất cung cấp tiêu thụ nước sinh hoạt và bảo vệ công trình cấp nước theo quy định của pháp luật.
- Bất động sản có hệ thống đồng hồ nước bị giải tỏa, di dời và các quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

2. Hợp đồng được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc hai bên đã được giải quyết.

Điều XI : Xử lý vi phạm hợp đồng

Nếu xảy ra vi phạm hợp đồng thì tùy thuộc vào lỗi của bên vi phạm mà xác định mức độ bồi thường, xử phạt căn cứ theo hợp đồng, các quy định về cung cấp, sử dụng nước hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan. (Xử lý hành vi vi phạm hành chính, trong quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sản xuất và xử lý nước sạch được áp dụng theo Nghị định Số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở, hoặc văn bản khác thay thế nghị định này).

Điều XII: Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài nghĩa vụ cụ thể được quy định trong hợp đồng, hai bên nghiêm chỉnh thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.Trường hợp các quy định pháp luật liên quan có thay đổi, hai bên thực hiện hợp đồng theo tinh thần của văn bản pháp luật có hiệu lực mới nhất.

Trường hợp pháp sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, đảm bảo quyền lợi của nhau. Nếu thương lượng không thành thì việc tranh chấp sẽ do cơ quan có thẩm quyền hoặc do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thay đổi, bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 ngày để cùng giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, bên A giữ 01bản, bên B giữ 01 bản để thi hành

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG GIÁM ĐỐC KS. NGUYỄN THẾ TƯỜNG	Ngọc Lưu Văn Ngọc

CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG

Nhà máy nước Yên Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CÔNG TY TNHH MINH HO
SAO Y BẢN CHÍ
Ngày 12 tháng 11 năm 20

BIÊN BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC ĐÓNG GÓP KINH PHÍ ĐỂ ĐẤU NỐI VÀ LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH

- *Căn cứ Luật dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;*
- *Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*
- *Căn cứ thông báo số 211/TB-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên.*
- *Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/4/2010 của UBND tỉnh Hưng Yên về mức giá bán nước sạch tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*
- *Căn cứ nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp nước sạch của Nhà máy nước Yên Mỹ;*

Hôm nay ngày tháng 11 năm 2025, tại Nhà máy nước sạch Yên Mỹ, TT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Chúng tôi gồm :

I.ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG.

- Ông : **NGUYỄN THẾ TƯỜNG** Chức vụ : **Giám Đốc**
- Địa chỉ : 261 TT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Mã số thuế : 0900191269
- Điện thoại : 02213.509.010
- Số tài khoản : 240 420 100 0403 tại Ngân hàng Agribank huyện Yên Mỹ.

II.ĐẠI DIỆN BÊN B: KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC.

Ông/ Bà: Lưu Văn Mạnh Chức vụ :.....

Địa chỉ: Cụm Thường Ma, Yên Mỹ

CMT: 033059003718 Ngày cấp: 22/09/2023 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Điện thoại: 0973 958 939

Số tài khoản:.....

Hai bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất về việc đóng góp kinh phí để đấu nối và lắp đặt cụm đồng hồ sử dụng nước với các nội dung như sau :

Điều 1 : Nội dung :

Bên B đồng ý đóng góp cho bên A số tiền là : **2.500.000 đ (*Bằng chữ : Hai triệu, năm trăm nghì đồng*)** để thực hiện đấu nối và lắp đặt cụm đồng hồ nước sạch. Khoản tiền này bên B tự nguyện đóng góp, không tính lãi và không được hoàn trả lại trong mọi trường hợp kể cả khi bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng sử dụng nước sạch với Công ty cung cấp dịch vụ nước sạch.

Điều 2 : Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên:

- Sau khi lắp đặt cụm đồng hồ bên B được quyền mua nước sinh hoạt do bên A cung cấp và sử dụng theo quy định. Sau khi nhận biên bản bàn giao, hai bên cùng cùng có trách nhiệm bảo vệ cụm đồng hồ. Khi xảy ra mất cắp hoặc hư hỏng cụm đồng hồ do lỗi của bên B, chi phí để khắc phục, sửa chữa , thay thế do bên B thanh toán theo thỏa thuận.. Trường hợp cụm đồng hồ bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chì niêm phong bị đứt, bên B phải thông báo ngay cho bên A để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ đo nước khác, chi phí thay thế đồng hồ nước do bên A thanh toán.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống. Trường hợp bên B không thực hiện đúng trách nhiệm bảo vệ cụm đồng hồ, bên A có quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận và thanh lý hợp đồng dịch vụ cấp nước.

Điều 3 : Điều khoản chung.

- Hai bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện nếu gặp phải vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác thiện trí, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.

- Biên bản được đọc cho hai bên cùng nghe và cùng thống nhất với các nội dung nêu ở trên trước khi hai bên cùng ký kết. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
CÔNG TY TNHH MINH HOÀNG	Ngọc
GIÁM ĐỐC	Lưu văn Ngọc
KS. NGUYỄN THẾ TƯỜNG	

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxnctdchy@gmail.com

Số: [illegible]/2026/KQ-[illegible]

Ngày trả kết quả: 27/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N38/11/03/26

Vị trí lấy mẫu: Tại vòi phát

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh đã tráng kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Công Ty TNHH Minh Hoàng (Nhà Máy Nước Thị Trấn Yên Mỹ)

Địa chỉ: Số 261 - Xã Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Vũ Văn Toả - Khoa XN - CĐHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 11 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 11 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3(a)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,16	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	6,33	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (**)	TCVN6225-2:2021	mg/L	1,69	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10^{-3}(a)	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,03(a)	1
8.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	<0,5(a)	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu phép thử được Sở Xây dựng phê duyệt và quản lý nhà nước*

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli (*) *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC

TỈNH HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày có kết quả ghi trên phiếu kết quả thử nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

UBND HUYỆN VĂN LÂM
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 8012763018-001

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 05B8007098

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 05 năm 2025

1. Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH THỦY HẢI SẢN HÀ HUY

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Thôn Minh Hải, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0983227445 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm (- Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản tươi sống và các sản phẩm chế biến từ thủy hải sản)	*4632 (Chính)*

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 200.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Hai trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TÔN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/10/1991 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân: 033191016107

Ngày cấp: 25/06/2021 Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Minh Hải, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Minh Hải, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
H. VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đào Duy Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VĂN LÂM
CHỨNG NHẬN/ *CERTIFICATION:*

Cơ sở/ Establishment: **Hộ kinh doanh thuỷ hải sản Hà Huy**
Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: 05B8007098
Địa chỉ/ Address: thôn Minh Hải, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại/Tel: 0983.227.445 Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Thu gom, kinh doanh: Thuỷ sản và các sản phẩm chế biến từ thuỷ sản./.

Số cấp/ Number: .....13../2025/ NNMT-VL
Có hiệu lực đến ngày .28 tháng ...5.. năm 2028
Valid until (date/month/year):.....

Văn Lâm, ngày 28 tháng 5 năm 2025
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Đỗ Thị Dung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THỰC PHẨM

Số : 10092025/HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 09 năm 2025 , tại Công ty TNHH thương Mại và Dịch vụ Thực Phẩm Tâm An chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Bà **Trần Thị Kim Anh** Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : 0977072666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản : 681600868686 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Mỹ Hào – Hưng Yên.

BÊN BÁN (BÊN B) : **HKD THUỶ HẢI SẢN HÀ HUY**

Địa chỉ : Thôn Minh Hải, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại diện : Bà **Tôn Thị Hà** Chức vụ : Chủ HKD

Điện thoại : 0983227445

Tài khoản : 1983227445 Chi nhánh : Vietcombank.

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

<u>Điều 1</u> : Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua các loại thuỷ sản và các sản phẩm chế biến từ thuỷ sản theo đơn đặt hàng của Bên A gửi cho bên B (Gọi tắt là Hàng hóa)

Điều 2 : Chất lượng, hàng hóa, thời gian, địa điểm giao

Bên B phải cung cấp hàng đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên đúng thời gian của Bên A đã gửi và chất lượng Hàng hóa theo đúng mẫu bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng

Địa điểm giao hàng: Giao nhận tại địa điểm mà hai bên đã thỏa thuận và thống nhất

2.2 Bên B phải cung cấp hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho bán trên thị trường.

2.3 Bên B chịu trách nhiệm chất lượng về các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm cho sản phẩm

2.3. Cách đóng gói và bảo quản khi vận chuyển.

- Đóng gói theo cân (kg) hoặc túi, đối với các mặt hàng sơ chế… tùy theo yêu cầu của bên mua
- Đối với các mặt hàng tươi sống phải đảm bảo khi đến bếp vẫn còn tươi, sống, không ươn, không chết
- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo VSATTP, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của bên A.

<u>Điều 3</u> : Giá cả, đối chiếu công nợ, phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá thanh toán được áp dụng theo bảng giá Bên B đã gửi cho Bên A tại thời điểm đã được hai bên thỏa thuận và xác nhận thông qua zalo, email
- Đơn giá trên đã bao gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp tại địa điểm hai bên đã thỏa thuận và thống nhất

3.2 Đối chiếu công nợ.

Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các phiếu giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bảng đối chiếu công nợ chi tiết về trụ sở của Bên A chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng, kèm theo việc cung cấp đầy đủ cho bên A phiếu xuất kho, giấy thanh toán khi giao hàng và các giấy tờ chứng nhận khác về xuất xứ hàng hóa, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Bên A

3.3 Phương thức thanh toán.

- Sau khi đã thống nhất nội dung Biên bản đối chiếu theo khoản 2 điều 3 của Hợp đồng này. Đại diện Bên A và bên B sẽ cùng ký tên xác nhận vào bản đối chiếu công nợ
- Sau khi đã thống nhất công nợ hai bên, Bên A sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản
- Thời hạn thanh toán: chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng tiếp theo

<u>Điều 4</u>: Trách nhiệm của các bên

4.1. Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán cho bên A theo đúng quy định tại điều 3 của hợp đồng này.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A giao hàng.

4.2. Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng cho bên B theo đúng thỏa thuận tại điều 2 của hợp đồng này.
- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa đã giao cho bên A.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã giao cho Bên A

<u>Điều 5: Phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại</u>

-Nếu bên bán không giao đủ hàng đúng số lượng và chất lượng theo quy định Hợp đồng này thì sẽ phải cung cấp tiếp hàng hóa theo đúng định và bị phạt số tiền là 0.05%/ tổng giá trị hàng hóa bị vi phạm cho 01 ngày chậm

- Nếu bên bán không giao hàng đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0.05%/ tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm

Điều 6: Trách nhiệm chung

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh vi phạm Hợp đồng các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Những vướng mắc không thể giải quyết được sẽ do tòa án kinh tế Hưng Yên giải quyết và phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện

Điều 7: Các thỏa thuận khác

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các Văn bản Pháp luật về Hợp đồng kinh tế do Nhà nước ban hành

Điều 8: Điều khoản thi hành

8.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Mã số thuế
- Các giấy tờ liên quan đến VSATTP

8.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng văn bản và được sự xác nhận của hai bên

8.3: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 09 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 09 năm 2026

8.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán, không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn theo từng năm và nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì cần thông báo cho bên còn lại trước 30 ngày bằng văn bản.

8.5: Hợp đồng này gồm 8 điều được lập thành 02 bản chính, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản. các bản có giá trị Pháp lý như nhau

8.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc được ủy quyền để ký Hợp đồng này

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	HỘ KINH DOANH THỦY HẢI SẢN HÀ HUY MST:8012763018-001 ĐC: Thôn Minh Hải, Lạc Hồng, Yên Lâm, Hưng Yên
GIÁM ĐỐC TRẦN THỊ KIM ANH	

DANH SÁCH ĐƯỢC XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm **Số: 01/2026/XNTH)**

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Số CCCD	Ngày tháng năm cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Quang Huy	1985	Nam	033085002586	19/2/2025	Cục cảnh sát
2	Tôn Thị Hà	1991	Nữ	033191016107	25/6/2021	Cục cảnh sát

Lạc hồng, Ngày 28 tháng 05 năm 2026

Đại diện tổ chức xác nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HỘ KINH DOANH THỦY HẢI SẢN HÀ HUY
MST:8012763018-001
ĐC: Thôn Minh Hải, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HC: 3,6 U/L	
Số lượng Bạch cầu: 6,2 G/L	
Số lượng tiểu cầu: 180 G/L	
b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,5 mmol/l	
Urê: 4,3 mmol/l Creatinin: 78 mmol/l	
ASAT(GOT): 35 U/l ALAT (GPT): 35 U/l	TS.BS Nguyễn Duy Nhạn
c)Khác (nếu có): + Viêm gan B: /	
+ Giang mai: /	
+ HIV: /	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường: /	
b) Protein: / ÂM TÍNH	
c) Khác (nếu có):	TS.BS Nguyễn Duy Nhạn
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): HÌNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG	TS.BS Phạm Thị Hương Giang

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: .....

2. Các bệnh, tật (nếu có): ..... ĐỦ SỨC KHỎE HỌC TẬP - CÔNG TÁC .....

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 0107276138 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHÁM SỨC KHỎE

BSCKI. Nguyễn Công Sơn

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI ĐỦ 18 TUỔI

(Kèm theo thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ trưởng bộ Y tế)

CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN GTVT
Số: 1514 30/GKSK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

ĐÃ THU TIỀN

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: NGUYỄN QUANG HUY
2. Giới tính: Nam ☑ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi: 27/02/1985)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 033085007586
5. Cấp ngày 19/07/2025 Tại: Cục CA
6. Chỗ ở hiện tại: Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên
7. Lý do khám sức khỏe: Lần 1 năm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không: ☒ b) Có ☐ ;Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	ST	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 20 Tháng 09 Năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

M.S.D.N: 0107276138-C.T.C.P

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:.....cm; - Cân nặng: .....kg; - Chỉ số BMI: .....

- Mạch: ...75...lần/phút; - Huyết áp:...110.../...70.....mmHg

Phân loại thể lực:...I...

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	.....
Phân loại:	.....
b) Hô hấp: ..... BT	.....
Phân loại:	.....
c) Tiêu hóa:	.....
Phân loại: I	.....
d) Thận-Tiết niệu:	BSCK. Trần Thúy Hiền
Phân loại:	.....

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
đ) Nội tiết:	.....
Phân loại:	.....
e) Cơ xương khớp: ..... BT	.....
Phân loại:	.....
g) Thần kinh:	.....
Phân loại: I	BSCK. Trần Thúy Hiền
h) Tâm thần:	.....
Phân loại:	.....
2. Ngoại khoa – Da liễu	
- Ngoại khoa:	.....
Phân loại: ..... BT	.....
- Da liễu:	.....
Phân loại: I	BSCKI. Vũ Thanh Hoa
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại:	.....
4. Mắt	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ...10/10... Mắt Trái...10/10...	.....
Có kính: Mắt phải ..... Mắt Trái.....	.....
- Các bệnh về mắt (nếu có): ..... không	.....
-Phân loại: I	Ths.Bs. Nguyễn Duy Bích
5. Tai-Mũi-Họng	
- Kết quả khám thính lực	.....
Tai trái: Nói thường:.....5.....m; Nói thầm: .....0,5.....m	.....
Tai phải: Nói thường:.....5.....m; Nói thầm: .....0,5.....m	.....
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....không	.....
- Phân loại: I	BS. Nguyễn Minh Thủy
6. Răng-Hàm-Mặt	
- Kết quả khám: + Hàm trên: ..... Đạt	.....
+ Hàm dưới:	.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): ..... không	.....
- Phân loại: I	BS. Nguyễn Minh Thủy

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HC: 3,6 U/L	
Số lượng Bạch cầu: 6,1 G/L	
Số lượng tiểu cầu: 180 G/L	
b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,5 mmol/l	
Urê: 4,3 mmol/l Creatinin: 76 mmol/l	
ASAT(GOT): 33 u/l ALAT (GPT): 35 u/l	TS.BS Nguyễn Duy Nhạn
c)Khác (nếu có): + Viêm gan B: /	
+ Giang mai:	
+ HIV:	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường: /	
b) Protein: ÂM TÍNH	TS.BS Nguyễn Duy Nhạn
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	
/ HÌNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG	TS.BS. Phạm Thị Hương Giang

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ĐỦ SỨC KHỎE HỌC TẬP - CÔNG TÁC

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 0107276139 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHÁM SỨC KHỎE

BSCKI. Nguyễn Công Sơn

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI ĐỦ 18 TUỔI

(Kèm theo thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ trưởng bộ Y tế)

CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN GTVT
Số: 5144/GKSK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

ĐÃ THU TIỀN

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: TÔN THỊ HÀ
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi: 15/10/1991)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 033191016107
5. Cấp ngày 25/05/2021 Tại: CCS
6. Chỗ ở hiện tại: Nhai Quang Hàm Yên
7. Lý do khám sức khỏe: Lái xe

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không: ☑ b) Có ☐ ;Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	ST	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 06 Tháng 04 Năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

M.S.D.N: 0107276139-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:.....cm; - Cân nặng: .....kg; - Chỉ số BMI: .....

- Mạch: ...72.....lần/phút; - Huyết áp:...110...../...70.....mmHg

Phân loại thể lực:...I.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	.....
Phân loại:	.....
b) Hô hấp:	.....
Phân loại: ...BT.....	.....
c) Tiêu hóa:	.....
Phân loại: ...I.....	.....
d) Thận-Tiết niệu:	BSCK. Trần Thúy Hiền
Phân loại:	.....
đ) Nội tiết:	.....
Phân loại:	.....
e) Cơ xương khớp: ...BT.....	.....
Phân loại:	.....
g) Thần kinh:	.....
Phân loại: ...I.....	BSCK. Trần Thúy Hiền
h) Tâm thần:	.....
Phân loại:	.....
2. Ngoại khoa – Da liễu	
- Ngoại khoa:	.....
Phân loại: ...BT.....	.....
-Da liễu:	.....
Phân loại: ...I.....	BSCKI. Vũ Thanh Hoa
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại:	.....
4. Mắt	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ...10/10... Mắt Trái...10/10...	.....
Có kính: Mắt phải ..... Mắt Trái.....	.....
- Các bệnh về mắt (nếu có): ...không.....	Ths.Bs. Nguyễn Duy Bích
-Phân loại: ...I.....	.....
5. Tai-Mũi-Họng	
- Kết quả khám thính lực	.....
Tai trái: Nói thường:...5.....m; Nói thầm: ...0,5.....m	.....
Tai phải: Nói thường:...5.....m; Nói thầm: ...0,5.....m	.....
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):...không.....	BS. Nguyễn Minh Thủy
- Phân loại: ...I.....	.....
6. Răng-Hàm-Mặt	
- Kết quả khám: + Hàm trên: ...BT.....	.....
+ Hàm dưới:	.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): ...không.....	.....
- Phân loại: ...I.....	BS. Nguyễn Minh Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN AN SINH
NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH AN SINH
Địa chỉ : xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0221.3988.889; Fax: 0221.3988.889
Email: nuocsach.ansinh@gmail.com *Website http://www.nuocsachansinh.vn*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN AN SINH H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

Mã KH: .....

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Số: 4887 /CNSH-AS

NUOC SACH AN SINH

Văn Lâm, tháng 5 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
—*—

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Số: ...../CNSH-AS

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị Định số 117/NĐ-CP ngày 11/10/2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 15/04/2018 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Thông báo số 211/UBND-KT1 ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Minh Quang tại cuộc họp về đấu nối đồng hồ cấp nước, phương án giá nước, chuyển nhượng các công trình cấp nước và hỗ trợ hộ nghèo đấu nối, sử dụng nước sạch;

- Căn cứ Biên bản thỏa thuận về việc đóng góp kinh phí để đấu nối, lắp đặt Cụm Đồng hồ đo nước của khách hàng;

- Căn cứ khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng của hai bên.

Hôm nay ngày 14.../.05.../2025... tại Văn phòng Công ty cổ phần đầu tư phát triển An Sinh/Nhà máy nước sạch An Sinh.

Chúng tôi gồm có:

I- Đại diện Nhà máy nước sạch An Sinh-Bên cung cấp dịch vụ *(gọi tắt là Bên A)*:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN AN SINH

Người đại diện: ông **Dương Văn Cấp** Chức vụ: **P.Tổng Giám đốc**

(Theo Quyết định số 268/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2021 của Chủ tịch HĐQT)

Địa chỉ: xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

ĐKKD/Mã số thuế: 0900998278

Tài khoản số: 2405201009649 Mở tại Ngân hàng Agribank - CN huyện Văn Lâm

Điện thoại liên hệ (24h/24h): 0221.3988889 - Hotline 098 2451312

II- Đại diện Bên mua (gọi tắt là Bên B):

Chủ hộ (hoặc tên cơ quan): Nguyễn Quang Huy

Người đại diện Ông (bà): ..... Chức vụ: chủ hộ

Địa chỉ: Thôn: Minh Hải – Lạc Hồng – Văn Lâm – Hưng Yên

CCCD số : 033085002586; cấp ngày ...../ ...../ .....

tại S.C.S

Tài khoản số: ..... Tại .....

Điện thoại: Cố định .....; Di động: 0986971651

Sau khi bàn bạc thống nhất Hai Bên đã đi đến ký kết bản thoả thuận Hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung thỏa thuận

Bên A đồng ý cung cấp nước sinh hoạt cho Bên B với thông tin nhân khẩu khách hàng sử dụng nước như sau:

Số nhân khẩu thường trú: .....

Số nhân khẩu tạm trú: .....

Tổng số nhân khẩu: .....

Mục đích sử dụng nước: Nước dùng cho mục đích sinh hoạt.....

Đồng hồ đo nước: Thai Aichi (Model: MAM-P15) .....

Mã số đồng hồ nước: .....

Vị trí điểm đấu nối: .....

(Điểm đấu nối phải đặt ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào công trình của khách hàng sử dụng nước trong điều kiện cho phép).

Điều 2: Giá cung cấp nước và phí dịch vụ

Giá cung cấp nước: Là giá bán nước sinh hoạt cho từng mục đích sử dụng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm thanh toán, Bên A sẽ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc bằng văn bản khi có sự điều chỉnh.

Điều 3: Điều kiện chất lượng dịch vụ

3.1. Bên A có trách nhiệm cấp nước sinh hoạt cho Bên B đáp ứng nhu cầu về khối lượng, đảm bảo chất lượng vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

3.2. Chất lượng nước sinh hoạt của Bên A cung cấp đến Bên B đảm bảo theo tiêu chuẩn tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) do Bộ Y Tế ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018.

3.3. Bên A đáp ứng yêu cầu về áp lực, lưu lượng và thời gian bơm 24/7 đảm bảo tính liên tục tại điểm đấu nối của Bên B theo hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây Dựng.

Điều 4: Phương thức ghi số đồng hồ và thanh toán

4.1. Ghi số đồng hồ

NƯỚC SẠCH AN SINH

- Bên B thanh toán cho Bên A khối lượng nước tiêu thụ thể hiện qua Đồng hồ đo nước. Đồng hồ đo nước được kiểm định theo quy định của Cơ Quan Tiêu chuẩn Đo Lường chất lượng Việt Nam.

- Bên A sẽ tiến hành ghi chỉ số đồng hồ đo nước trong thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng. Trong trường hợp có thay đổi ngày ghi chỉ số đồng hồ đo nước, Bên A sẽ thông báo trước 05 ngày cho Bên B.

- Trường hợp đồng hồ nước bị đứng đột ngột (không do tác nhân từ bên ngoài) thì khối lượng nước trong kỳ được tính bằng trung bình 3 kỳ liên tiếp trước đó có đồng hồ chạy bình thường.

4.2 Thanh toán tiền

- Bên B thanh toán cho Bên A theo hóa đơn tiền nước định kỳ bằng hình thức:

❖ Tiền mặt tại địa điểm: Nhà văn hóa thôn, đình làng

❖ Chuyển khoản - Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển An Sinh

Số tài khoản: được ghi trên Phiếu thu tiền nước hàng tháng.

- Hàng tháng, Bên A sẽ gửi hóa đơn tiền nước, các khoản phí dịch vụ phát sinh theo quy định trong hợp đồng này (nếu có). Tiền nước và phí dịch vụ phát sinh (nếu có) của một tháng sẽ được Bên B thanh toán một lần và toàn bộ cho Bên A trong vòng 5 ngày kể từ ngày nêu tại thông báo tiền nước theo một trong các phương thức nêu trên.

- Trường hợp Bên B chậm trả tiền nước so với thời hạn thanh toán được quy định thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên A theo lãi suất vay Ngân hàng của Bên A.

- Đối với trường hợp các công trình xây dựng, các hộ thuê mặt bằng kinh doanh, các cơ sở sản xuất hoặc lưu trú dài hạn (từ 12 tháng trở lên) tùy theo nhu cầu và mục đích sử dụng nước, Hai Bên sẽ có thỏa thuận cụ thể.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

5.1. Bên A có các quyền sau:

- Hoạt động kinh doanh cấp nước theo các quy định của Nhà nước, được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị cấp nước, đường ống và Đồng hồ đo nước.

- Được kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với chủng loại, tình trạng và tình hình hoạt động của thiết bị đã được đấu nối vào mạng lưới cấp nước của Bên A và được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật.

- Ngừng dịch vụ cấp nước khi Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn hoặc khi phát hiện Bên B có hành vi vi phạm đến hệ thống cấp nước của Bên A dưới mọi hình thức như nêu tại Điều 6.2 dưới đây.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ các quy trình, quy phạm vận hành hệ thống cấp nước.

- Xử lý sự cố, khôi phục việc cấp nước.

- Bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ theo quy định.

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc bằng văn bản trước 03 ngày khi tạm ngưng cấp nước để phục vụ việc tu bổ, sửa chữa định kỳ (trừ trường hợp sự cố đột xuất) và các quy định mới liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước.

- Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.

- Đầu tư lắp đặt đường ống đến điểm đấu nối bao gồm cả đồng hồ nước cho khách hàng sử dụng nước trừ trường hợp có các thỏa thuận khác.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

6.1. Bên B có các quyền sau:

- Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, đảm bảo về chất lượng dịch vụ.

- Yêu cầu đơn vị cấp nước kịp thời khôi phục việc cấp nước khi có sự cố.

- Được kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số Đồng hồ đo nước.

- Yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán.

- Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của đơn vị cấp nước hoặc các đơn vị khác có liên quan.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

6.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn, sử dụng nước đúng mục đích và thực hiện các thoả thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

- Không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Đồng hồ đo nước sang vị trí khác so với vị trí lắp đặt ban đầu của Bên A trừ khi được Bên A đồng ý trước bằng văn bản và Bên B phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc di chuyển Đồng hồ đo nước.

- Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản như: Đồng hồ nước bị mất, bị hư, bị đứt chì niêm phong, mất nước, nước yếu, chưa ghi thu tiền nước.... Trong trường hợp mất đồng hồ hoặc hư hại các thiết bị đo nước mà do lỗi của Bên B, Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường toàn bộ chi phí lắp đặt, sửa chữa, thay thế mới và thiệt hại thực tế liên quan khác.

- Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra, ghi chỉ số của Đồng hồ đo nước, thu tiền nước, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế đồng hồ khi có sự cố và thay mới định kỳ Đồng hồ đo nước.

- Nếu nghi ngờ đồng hồ nước chạy không chính xác hoặc có sự tính toán nhầm lẫn, khách hàng có quyền khiếu nại và cùng với Bên A kiểm tra, xác minh làm cơ sở khấu trừ hoặc truy thu thêm tiền nước vào tháng kế tiếp. Trong thời gian chờ kết luận của việc xác minh, khách hàng vẫn phải thanh toán tiền nước theo hóa đơn được phát hành.

- Khi không có nhu cầu sử dụng nước phải có đơn xin tạm ngưng cấp nước.

- Sử dụng nước đúng mục đích, không được cung cấp nước cho người khác hoặc đấu nối sang đối tác thứ 3 khi chưa có sự đồng ý của Bên A.

- Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

NƯỚC SẠCH AN SINH

- Thanh toán chi phí khi có yêu cầu di dời đồng hồ, nâng cấp đồng hồ hay ống nhánh để phục vụ cho nhu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng. Trường hợp Bên B làm mất hoặc hư hỏng do lỗi chủ quan của Bên B thì Bên B phải trả chi phí thay đồng hồ mới hoặc sửa chữa liên quan khác.

- Không đấu chung hệ thống cấp nước của Bên A với hệ thống nước khác; không làm sai lệch đo đếm hoặc vô hiệu hoá đồng hồ nước. Bảo quản không làm đứt các chì niêm đồng hồ nước; không tự ý thay đổi hoặc sửa chữa ống nhánh; đảm bảo vị trí nơi đặt đồng hồ nước thuận lợi cho việc đọc số và sửa chữa đồng hồ nước khi cần thiết; chịu trách nhiệm quản lý đường ống trong gia đình của mình.

- Không được dùng máy bơm hút nước trực tiếp trên đường ống cấp nước hoặc đấu chung nguồn nước khác vào hệ thống nước của Bên A.

Điều 7: Sửa đổi hợp đồng

7.1. Trường hợp Bên B có các thay đổi về mục đích sử dụng nước, nhân khẩu, người đứng tên hợp đồng, mã số thuế, ngân hàng thanh toán hoặc hình thức thanh toán… thì thông báo cho Bên A trước 15 ngày để cùng điều chỉnh hoặc ký lại Hợp đồng.

7.2. Trường hợp Bên B chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác như: Chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng… thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng đồng hồ nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký sử dụng nước và ký lại Hợp đồng với Bên A.

7.3. Trong thời gian khách hàng sử dụng nước tiếp theo chưa ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước thì vẫn chịu trách nhiệm về việc sử dụng nước, chấp hành các quy định về cung cấp, sử dụng nước, bảo vệ công trình nước hiện hành; đồng thời phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ của Bên B cho Bên A (nếu có).

Điều 8: Tạm ngừng, Ngừng cấp nước

8.1. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước:

Đơn vị cấp nước tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong trường hợp khách hàng sử dụng nước có yêu cầu vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

8.2. Ngừng dịch vụ cấp nước

Đối với khách hàng sử dụng nước là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt:

- Bên A ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đấu nối nếu Bên B sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 5 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước;

- Nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán do có lý do khách quan đã được thông báo trước cho đơn vị cấp nước về những lý do trên thì việc ngừng dịch vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

Đối với các đối tượng sử dụng nước khác:

- Bên A ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đấu nối nếu:

NƯỚC SẠCH AN SINH

- Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến Bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

- Không thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời gian theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này.

- Làm sai lệch chỉ số đồng hồ, phá hỏng đồng hồ đo nước, kẹp niêm chì đứt hoặc không còn nguyên vẹn.

- Tự ý thay đổi đường ống, phụ kiện, đồng hồ, di chuyển đồng hồ khỏi vị trí lắp đặt ban đầu.

- Có hành vi gian lận trong sử dụng nước.

8.3. Chỉ khôi phục cấp nước trở lại khi mọi tồn tại được giải quyết, mọi chi phí do Bên A chi trả. Thời gian khôi phục sau 24h và không quá 48 giờ từ khi Bên B thực hiện xong các nghĩa vụ liên quan.

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

9.1. Hợp đồng được chấm dứt một trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn mà các bên không có nhu cầu gia hạn (có văn bản không gia hạn)

- Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định hiện hành khác.

- Bên B là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc là cá nhân bị chết, tuyên bố là đã chết mà không có người thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng.

- Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

9.2. Khi phát sinh một trong các trường hợp nêu tại Điều 8.2 trên, Bên A sẽ ngừng cấp nước và ghi xác nhận chỉ số Đồng hồ đo nước tại thời điểm ngừng cung cấp nước, Các Bên sẽ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 10: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

- Trong trường hợp Các Bên vi phạm điều khoản của hợp đồng này thì xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về sản xuất, cung cấp nước sạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, sau thời hạn này mà Các Bên không giải quyết được thì một trong Các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Các thỏa thuận khác

11.1. Hai Bên phân chia quyền quản lý và khai thác như sau:

- Bên B quản lý cụm đồng hồ trong trường hợp đồng hồ nước lắp đặt trong khu vực quản lý của Bên B và đường ống nước từ phía sau đồng hồ chính.

- Bên A quản lý cụm đồng hồ trường hợp đồng hồ nước lắp đặt ngoài khu vực quản lý của Bên B và vận hành khai thác đường ống chính trước đồng hồ.

11.2. Cụm đồng hồ lắp đặt được bảo hành trong thời hạn bảo hành quy định của nhà sản xuất là 24 tháng kể từ khi lắp đặt. Điều kiện bảo hành được quy định khi lỗi thuộc về nhà sản xuất, lắp đặt. Bên A không bảo hành thiết bị khi lỗi không thuộc nhà sản

- Thanh toán chi phí khi có yêu cầu di dời đồng hồ, nâng cấp đồng hồ hay ống nhánh để phục vụ cho nhu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng. Trường hợp Bên B làm mất hoặc hư hỏng do lỗi chủ quan của Bên B thì Bên B phải trả chi phí thay đồng hồ mới hoặc sửa chữa liên quan khác.

- Không đấu chung hệ thống cấp nước của Bên A với hệ thống nước khác; không làm sai lệch đo đếm hoặc vô hiệu hoá đồng hồ nước. Bảo quản không làm đứt các chì niêm đồng hồ nước; không tự ý thay đổi hoặc sửa chữa ống nhánh; đảm bảo vị trí nơi đặt đồng hồ nước thuận lợi cho việc đọc số và sửa chữa đồng hồ nước khi cần thiết; chịu trách nhiệm quản lý đường ống trong gia đình của mình.

- Không được dùng máy bơm hút nước trực tiếp trên đường ống cấp nước hoặc đấu chung nguồn nước khác vào hệ thống nước của Bên A.

Điều 7: Sửa đổi hợp đồng

7.1. Trường hợp Bên B có các thay đổi về mục đích sử dụng nước, nhân khẩu, người đứng tên hợp đồng, mã số thuế, ngân hàng thanh toán hoặc hình thức thanh toán… thì thông báo cho Bên A trước 15 ngày để cùng điều chỉnh hoặc ký lại Hợp đồng.

7.2. Trường hợp Bên B chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác như: Chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng… thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng đồng hồ nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký sử dụng nước và ký lại Hợp đồng với Bên A.

7.3. Trong thời gian khách hàng sử dụng nước tiếp theo chưa ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước thì vẫn chịu trách nhiệm về việc sử dụng nước, chấp hành các quy định về cung cấp, sử dụng nước, bảo vệ công trình nước hiện hành; đồng thời phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ của Bên B cho Bên A (nếu có).

Điều 8: Tạm ngừng, Ngừng cấp nước

8.1. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước:

Đơn vị cấp nước tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong trường hợp khách hàng sử dụng nước có yêu cầu vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

8.2. Ngừng dịch vụ cấp nước

Đối với khách hàng sử dụng nước là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt:

- Bên A ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đấu nối nếu Bên B sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 5 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước;

- Nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán do có lý do khách quan đã được thông báo trước cho đơn vị cấp nước về những lý do trên thì việc ngừng dịch vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

Đối với các đối tượng sử dụng nước khác:

- Bên A ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đấu nối nếu:

NƯỚC SẠCH AN SINH

- Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến Bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

- Không thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời gian theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này.

- Làm sai lệch chỉ số đồng hồ, phá hỏng đồng hồ đo nước, kẹp niêm chì đứt hoặc không còn nguyên vẹn.

- Tự ý thay đổi đường ống, phụ kiện, đồng hồ, di chuyển đồng hồ khỏi vị trí lắp đặt ban đầu.

- Có hành vi gian lận trong sử dụng nước.

8.3. Chỉ khôi phục cấp nước trở lại khi mọi tồn tại được giải quyết, mọi chi phí do Bên A chi trả. Thời gian khôi phục sau 24h và không quá 48 giờ từ khi Bên B thực hiện xong các nghĩa vụ liên quan.

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

9.1. Hợp đồng được chấm dứt một trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn mà các bên không có nhu cầu gia hạn (có văn bản không gia hạn)

- Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định hiện hành khác.

- Bên B là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc là cá nhân bị chết, tuyên bố là đã chết mà không có người thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng.

- Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

9.2. Khi phát sinh một trong các trường hợp nêu tại Điều 8.2 trên, Bên A sẽ ngừng cấp nước và ghi xác nhận chỉ số Đồng hồ đo nước tại thời điểm ngừng cung cấp nước, Các Bên sẽ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

Điều 10: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

- Trong trường hợp Các Bên vi phạm điều khoản của hợp đồng này thì xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về sản xuất, cung cấp nước sạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, sau thời hạn này mà Các Bên không giải quyết được thì một trong Các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Các thỏa thuận khác

11.1. Hai Bên phân chia quyền quản lý và khai thác như sau:

- Bên B quản lý cụm đồng hồ trong trường hợp đồng hồ nước lắp đặt trong khu vực quản lý của Bên B và đường ống nước từ phía sau đồng hồ chính.

- Bên A quản lý cụm đồng hồ trường hợp đồng hồ nước lắp đặt ngoài khu vực quản lý của Bên B và vận hành khai thác đường ống chính trước đồng hồ.

11.2. Cụm đồng hồ lắp đặt được bảo hành trong thời hạn bảo hành quy định của nhà sản xuất là 24 tháng kể từ khi lắp đặt. Điều kiện bảo hành được quy định khi lỗi thuộc về nhà sản xuất, lắp đặt. Bên A không bảo hành thiết bị khi lỗi không thuộc nhà sản

NƯỚC SẠCH AN SINH

xuất và Bên A lắp đặt, Bên B vận hành hệ thống cấp nước không đúng theo hướng dẫn của Bên A.

11.3. Trường hợp Bên B nhiều hộ sử dụng nước qua 1 đồng hồ chung phải được sự đồng ý của Bên A. Khi thực hiện việc tách hộ thì các hộ này phải làm thủ tục và chịu các chi phí, ký hợp đồng riêng theo hồ sơ thiết kế và thông báo của Bên A.

Điều 12: Thời gian - Hiệu lực của Hợp đồng (bổ sung thời hạn của Hợp đồng)

12.1. Hợp đồng này do Các Bên lập và ký kết hoàn toàn tự nguyện và có hiệu lực trong thời gian 5 năm kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng này, trừ khi không được gia hạn hoặc chấm dứt trước hạn theo quy định của Hợp đồng.

12.2. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn (không hạn chế số lần gia hạn) với thời hạn của mỗi lần gia hạn là 5 năm, trừ trường hợp một trong các Bên có thông báo gửi Bên còn lại về việc không muốn gia hạn Hợp đồng hoặc Bên A có thông báo về việc ký kết hợp đồng mua nước sinh hoạt mới vào ngày Hợp đồng này hết hạn.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt. Bên A giữ một (01) bản, Bên B giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA	ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)	P.TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN AN SINH
	Dương Văn Cấp

NUOC SACH AN SINH

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 618 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 27/03/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N30/11/03/26

Vị trí lấy mẫu: Trường Mầm Non Lạc Đạo - Thôn Xanh Tý - Xã Lạc Đạo - Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thuỷ tinh đậy nắp kín, có nhãn mác

Nơi lấy mẫu: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển An Sinh

Địa chỉ: Thôn Doan Khê - Xã Lạc Đạo - Tỉnh Hưng Yên

Người lấy mẫu: Vũ Văn Toả - Khoa XN - CĐHA - TDCN - TTKSBT Hưng Yên

Ngày lấy mẫu: Ngày 11 tháng 03 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 11 tháng 03 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2023	TCU	< 0,3(a)	15
2.	Mùi	SMEWW2150:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	< 0,1(a)	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	6,82	6,0 - 8,5
5.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN6225-2:2021	mg/L	0,46	0,2 - 1,0
6.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2023	mg/L	<0,3 x 10^{-3}(b)	0,01
7.	Hàm lượng Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,01(b)	1
8.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	< 0,5(a)	2

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
**** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	Coliform(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1
2.	E.coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HƯNG YÊN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Xuân Cấp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*
- **** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước*

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901032896

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 04 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 17 tháng 04 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DVTM - GẠO SẠCH HIẾU THẢO NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Trai Trang, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0221 3966999 - 0969 214459* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 1.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: ĐỖ MẠNH HIẾU Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *27/09/2000* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033200007380*

Ngày cấp: *10/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐỖ MẠNH HIẾU Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: *27/09/2000* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033200007380*

Ngày cấp: *10/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRẦN VĂN THẮNG

HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN & THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN

Cơ sở/Estabilishment: **CÔNG TY TNHH DVTM – GẠO SẠCH HIẾU THẢO NGUYÊN**

Mã số/Approval number: 0901032896

Trụ sở công ty: Thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0969.214.459/0362.435.808 Fax: Email:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been foud to be in compliance with food safety regulations for following products:

Thu mua, kinh doanh: gạo các loại./.

Số cấp/number: 10/2024/NNPTNT-HY
Có hiệu lực đến ngày: 11 tháng 3 năm 2027
Valid until (date/month/year):
Và thay thế giấy chứng nhận số: cấp ngày tháng năm
And replaces The Certificate N° issued on (day/month/year)

Hưng Yên, ngày 11 tháng 3 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN

Trịnh Kim Uyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
----------***----------

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THỰC PHẨM

(Cung cấp: Các loại gạo)
Số:05/2025/TA-HTN

- *Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;*
- *Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2015/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;*
- *Căn cứ nhu cầu của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN và năng lực cung ứng lương thực, thực phẩm của Công ty TNHH DVTM - Gạo sạch Hiếu Thảo Nguyên*

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Đại diện bởi : Bà **Trần Thị Kim Anh** Chức vụ: **Giám Đốc**

Địa chỉ : thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế : 0901084830

(Sau đây gọi tắt là bên A)

BÊN BÁN : **CÔNG TY TNHH DVTM - GẠO SẠCH HIẾU THẢO NGUYÊN**

Đại diện bởi : Ông **Đỗ Mạnh Hiếu** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Thôn Trại Trang, TT Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 02213.966.999 Di động: 0969.214.459

Mã số thuế : 0901032896

Số tài khoản : 0591-000-372-645

Tại ngân hàng : TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hưng Yên

(Sau đây gọi tắt là bên B)

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp thực phẩm với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch:

- Bên B nhận cung cấp cho bên A các loại mặt hàng: Các loại gạo.

Điều 2: Chất lượng và quy cách hàng hóa:

- Bên B phải cung cấp gạo đúng theo số lượng, chất lượng của sản phẩm như thoả thuận
- Bên B phải cung cấp hàng đúng theo số lượng, quy cách của sản phẩm (yêu cầu thời hạn sử dụng của sản phẩm không quá 50% của thời hạn quy định in trên bao bì sản phẩm).
- Hàng hóa phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và phải chứng minh được hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ, rõ ràng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

Điều 3: Phương thức đặt hàng và giao nhận:

- Để bảo đảm hàng cung cấp đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng trước khi lấy hàng 01 ngày, Bên A gửi bản fax, email, điện thoại báo trước cho bên B (Số lượng, ngày giờ, địa điểm nhận hàng)
- Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển và bốc dỡ hàng tới kho theo chỉ định của bên A theo đúng như đơn đặt hàng.
- Khi nhận hàng bên A phải kiểm tra hàng trước khi nhập đúng số lượng, chủng loại theo đơn đặt hàng hoặc phiếu giao hàng. Hàng đã nhập vào kho của bên A nhưng với các lý do: Rách vỡ, mối mọt, ẩm mốc, thiếu cân và có mùi lạ được xác nhận do nguyên nhân lỗi của bên A thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về lô hàng đó, còn xác định nguyên nhân lỗi đó là do chất lượng gạo bên B cung cấp thì bên B phải nhận lại toàn bộ số gạo trên và phải cấp bù lại cho bên A.
- Bên A cử người có trách nhiệm thay mặt, đại diện bên B ký vào hóa đơn chứng từ giao nhận làm cơ sở đối chiếu công nợ và thanh toán tiền hàng.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

4.1 Thời hạn thanh toán:

- Dựa vào điều kiện và thời hạn thanh toán của các đơn vị bên A đang cung cấp, Bên B sẽ chốt và đối chiếu công nợ với bên A

- Bên B sẽ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hóa đơn, chứng từ liên quan cho bên A vào ngày 30 hàng tháng.
- Bên A sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng vào ngày 15 của tháng kế tiếp (nếu vào ngày nghỉ tuần, nghỉ lễ thì bên A sẽ thanh toán vào ngày tiếp theo).

Trường hợp không thể thanh toán đúng hạn do một số lý do khách quan nào đó thì phải có sự thỏa thuận của hai bên.

4.2 Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng.

<u>Điều 5</u>: Quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên:

5.1 Quyền lợi và trách nhiệm của bên A:

- Được hưởng các chính sách giá thấp vào từng thời điểm Bên B công bố.
- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong việc giao hàng.
- Ký nhận chứng từ có liên quan.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán theo điều 4.1

5.2. Quyền lợi và trách nhiệm của bên B:

- Bên B phải tuân thủ tất cả các nội quy đang được áp dụng của bên A.
- Bên B phải cung cấp đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan theo yêu cầu của bên A và theo pháp luật Việt Nam.
- Trong trường hợp khách hàng của bên A muốn đến thăm cơ sở (trực tiếp sản xuất hoặc gián tiếp sản xuất) theo lịch báo trước hoặc đột xuất, bên B tạo điều kiện hỗ trợ, hợp tác để buổi thăm quan được thành công.
- Bên B phải cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, số lượng, thời gian, địa điểm mà bên A yêu cầu. Trong trường hợp bên B cung cấp hàng hóa không đảm bảo các yêu cầu trên thì bên B sẽ phải chịu hình thức phạt theo quy định của công ty: 10% tổng giá trị của số hàng cung cấp.
- Trong trường hợp khách hàng xử phạt đối với những lỗi vi phạm liên quan đến hàng hóa mà bên B cung cấp thì bên A cũng sẽ tiến hành xử phạt bên B theo mức đó. (*Có biên bản xác nhận lỗi kèm theo*)
- Thực phẩm phải phải đảm bảo chất lượng và được bảo quản hợp an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy chuẩn của từng mặt hàng Luật Việt Nam. Tuyệt đối không sử dụng thực phẩm có mùi hôi, mốc, quá hạn sử dụng … không đảm bảo chất lượng để giao cho

bên A. Nếu bên B giao thực phẩm không đảm bảo chất lượng cho bên A dẫn đến khách hàng của bên A ăn bị ngộ độc hoặc gây ảnh hưởng đến sức khỏe thì bên B phải bồi thường hoàn toàn chi phí cấp cứu, thuốc điều trị và các chi phí phát sinh khác đối với khách hàng của bên A. Ngoài ra bên B còn phải bồi thường 10% tổng giá trị của số hàng mà bên B đã cung cấp.

Điều 6 : Đơn giá

- Đơn giá mặt hàng sẽ tính theo giá thỏa thuận, kế hoạch cho từng tuần hoặc tháng, trong một tuần hoặc một tháng nếu có sự biến động về giá cả tăng hoặc giảm thì bên B báo cáo bằng văn bản cho bên A và được bên A đồng ý, hai bên sẽ cùng thỏa thuận và áp dụng.

Điều 7: Chống hối lộ, tham nhũng :

- Bên B thừa nhận việc hiểu các quy định liên quan đến chống hối lộ, chống tham nhũng và đồng ý sẽ không vi phạm các quy định pháp luật liên quan đến chống hối lộ và chống tham nhũng mà có liên quan đến hợp đồng mua bán này.
- Bên B cam kết trong mọi tình huống, trong mọi hoàn cảnh không dùng tiền, thưởng, quà cáp, lời hứa, chiêu đãi riêng....hay bất kỳ hình thức nào để cho, tặng riêng cho cán bộ nhân viên của bên A nhằm mục đích lôi kéo, gây tác động, gây ảnh hưởng để làm lợi riêng cho bên mình và gây phương hại đến quan hệ hợp tác của hai bên.
- Trong trường hợp Bên A phát hiện Bên B có hành vi hối lộ đối với nhân sự của Bên A: Quản lý, thủ kho, nhân viên...thì Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng mua bán này và yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại tổn thất có liên quan đồng thời sẽ phạt 20% số tiền hàng cung cấp tính đến thời điểm vi phạm.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.
- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi, phát sinh các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động, thương lượng, giải quyết để đảm bảo hai bên cùng có lợi.
- Trường hợp các nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất và khiếu lại đến tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của tòa án là kết

quả cuối cùng mà các bên phải thi hành, các chi phí phục vụ khiếu nại do bên thua kiện phải chịu

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 05 năm 2025 đến 01 tháng 05 năm 2026.
- Hợp đồng sẽ tự động gia hạn thêm 01 (một) năm tiếp theo. Sau khi Hợp đồng hết hạn, nếu hai bên đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng, hai bên không có ý kiến hoặc khiếu nại gì thì Hợp đồng này sẽ tự động thanh lý mà không cần lập văn bản.
- Nếu một trong hai bên vi phạm bất cứ điều khoản nào của bản hợp đồng này hoặc có bất kỳ một hành vi không hợp pháp nào gây ảnh hưởng đến lợi ích của bên kia thì bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với thời gian báo trước là 01 tuần và có yêu cầu bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại nếu thấy cần thiết.
- Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sau khi đã báo trước cho bên kia **30 ngày**.
- Hợp đồng này được lập thành **02 bản** có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ **01 bản** làm căn cứ pháp lý để giải quyết nếu có tranh chấp về quyền hạn và nghĩa vụ của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký tên và đóng dấu)*
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	CÔNG TY TNHH DVTM - GẠO SẠCH HIẾU THẢO NGUYÊN
GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
TRẦN THỊ KIM ANH	Đỗ Mạnh Hiếu

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 610 /TB-ATTP	*Hưng Yên, ngày 20 tháng 11 năm 2025*

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm nghiệm

Kính gửi: Công ty TNHH DVTM gạo sạch Hiếu Thảo Nguyên.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm"; QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm";

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18/01/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Biên bản lấy mẫu số 06/BBLM-ĐKT ngày 21/10/2025 của Tổ lấy mẫu theo Quyết định số 347/QĐ-ATTP ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm về việc lấy mẫu, mua mẫu để hậu kiểm, giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm tại cơ sở thực phẩm trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 67770/PNK-VKNQG, 67771/PNK-VKNQG ngày 13/11/2025 của Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ lấy mẫu.

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM THÔNG BÁO

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm đối với Công ty TNHH DVTM gạo sạch Hiếu Thảo Nguyên, thôn Trai Trang, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, như sau:

I. Kết quả thử nghiệm mẫu

TT	Tên mẫu, mã số mẫu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn	Thuộc lô hàng (khối lượng, ngày sản xuất, số lô, nếu có)	Chỉ tiêu chất lượng	Ghi chú

1	Gạo nếp (QĐ347-11)	Công ty TNHH DVTM gạo sạch Hiếu Thảo Nguyên, thôn Trai Trang, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2000kg, nhập ngày 25/9/2025	1. Hàm lượng Aflatoxin tổng số; 2. Hàm lượng Aflatoxin B1 3. Hàm lượng Ochratoxin A 4. Hàm lượng Cadmi 5. Hàm lượng Chì.	
2	Gạo tẻ (QĐ347-12)		56000kg, nhập ngày 25/9/2025	1. Hàm lượng Aflatoxin tổng số; 2. Hàm lượng Aflatoxin B1 3. Hàm lượng Ochratoxin A 4. Hàm lượng Cadmi 5. Hàm lượng Chì.	

Kết luận: Kết quả các chỉ tiêu được kiểm nghiệm phù hợp với các quy định hiện hành.

II. Yêu cầu đối với cơ sở

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm đề nghị Công ty TNHH DVTM gạo sạch Hiếu Thảo Nguyên nghiêm túc chấp hành quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ nguồn gốc, chất lượng nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm cho người sử dụng.

Mọi chi tiết đề nghị liên hệ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên, địa chỉ: Phố Sơn Nam, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên (đ/c Kiên 0974404389)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, HSTLM.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Vũ Huy Kha

BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Số: 67770/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu:	Gạo nếp (QĐ347-11) KH133-07
2. Mã số mẫu:	1025607/KTNN.1
3. Mô tả mẫu:	Mẫu đựng trong túi zip, 01 kg/túi x 01 túi/phần mẫu. Mẫu còn nguyên niêm phong có dấu đỏ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên và chữ ký của các bên liên quan. Số lượng: 01 phần mẫu. NSX: Thông tin đã được mã hóa - HSD: Thông tin đã được mã hóa.
4. Thời gian lưu mẫu:	Không có mẫu lưu
5. Ngày lấy mẫu:	Không có
6. Ngày nhận mẫu:	23/10/2025
7. Thời gian thử nghiệm:	23/10/2025 - 13/11/2025
8. Nơi gửi mẫu:	CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN Địa chỉ: Phố Sơn Nam, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
9. Tài liệu kèm theo:	Biên bản giao nhận mẫu ngày 23/10/2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên
10. Kết quả thử nghiệm:	Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*	*So theo quy định hiện hành*
10.1*(a)	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)	-
10.2*(a)	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)	-
10.3*(a)	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.033 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,15)	-
10.4*(a)	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (AOAC 2015.01)	KPH (LOD: 0,004)	-

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo quy định hiện hành
10.5*(a)	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (AOAC 2015.01)	0,016	-

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD);
"-": Không đánh giá;
(a) - Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

11. Kết luận: Không kết luận (theo yêu cầu của nơi gửi mẫu).

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN	PHỤ TRÁCH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM	TUQ. VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG KHOA NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
ThS. Vũ Thị Nhật Lệ	ThS. Đinh Viết Chiến	ThS. Cao Công Khánh
ThS. Bùi Cao Tiến	ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc	

BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Số: 67771/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Gạo tẻ (QĐ347-12) KH133-08
2. Mã số mẫu: 1025607/KTNN.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi zip, 01 kg/túi x 01 túi/phần mẫu. Mẫu còn nguyên niêm phong có dấu đỏ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên và chữ ký của các bên liên quan.
   Số lượng: 01 phần mẫu.
   NSX: Thông tin đã được mã hóa - HSD: Thông tin đã được mã hóa.
4. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
5. Ngày lấy mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 23/10/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 23/10/2025 - 13/11/2025
8. Nơi gửi mẫu: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN
   Địa chỉ: Phố Sơn Nam, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản giao nhận mẫu ngày 23/10/2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*	*So theo quy định hiện hành*
10.1*(a)	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)	-
10.2*(a)	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)	-
10.3*(a)	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.033 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,15)	-
10.4*(a)	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (AOAC 2015.01)	KPH (LOD: 0,004)	-

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo quy định hiện hành
10.5[1][2]	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (AOAC 2015.01)	0,013	-

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD);
-: Không đánh giá;
[1] - Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

11. Kết luận: Không kết luận (theo yêu cầu của nơi gửi mẫu).

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN	PHỤ TRÁCH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM	TUQ. VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG KHOA NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
ThS. Vũ Thị Nhật Lệ	ThS. Đinh Viết Chiến	
ThS. Bùi Cao Tiến	ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ThS. Cao Công Khánh

CÔNG TY TNHH DVTM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
GẠO SẠCH HIẾU THẢO NGUYÊN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 04/2026/XNKT-HTN

Căn cứ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, **Công ty TNHH DVTM – Gạo sạch Hiếu Thảo Nguyên** xác nhận các ông/bà có tên trong danh sách sau đáp ứng đủ các kiến thức cơ bản để sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CCCD	Ngày/tháng/ năm cấp CCCD	Nơi cấp CCCD
1	Đỗ Mạnh Hiếu	Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	033200007380	22/07/2025	Bộ Công An
2	Nguyễn Duy Bảo	Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	033067001560	12/08/2021	Cục cảnh sát
3	Nguyễn Văn Hậu	Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	033093011579	12/08/2021	Cục cảnh sát

Giấy này có giá trị hết ngày 15 tháng 04 năm 2027.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

CÔNG TY TNHH DVTM - GẠO SẠCH HIẾU THẢO NGUYÊN

GIÁM ĐỐC

Đỗ Mạnh Hiếu

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604300 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **ĐỖ MẠNH HIẾU**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 27/09/2000

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033200007380

5. Cấp ngày: 22/07/2025 Tại: Bộ Công an

6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Thổ Cốc, Yên Mỹ, Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: .....xin việc.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 11 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐỖ MẠNH HIẾU

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....170.....cm - Cân nặng: .....69..... Kg - Chỉ số BMI: .....23,8.....

- Mạch: .....85..... lần/phút - Huyết áp: .....120...../.....70.....mmHg

- Phân loại thể lực: .....I.....

KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	ThS.Bs. Khúc Thị Hương
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:** *- Ngoại khoa:* ..... Bình thường Phân loại: ..... I *- Da liễu:* ..... Bình thường Phân loại: I		BSCKII.Nguyễn Ngọc Long BS. Cao Mai Anh
3.	**Sản phụ khoa:** ..... Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải ..10/10.. Mắt trái ..10/10.. Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái.....		
	Các bệnh về mắt (nếu có): ..... không		BS. Đặng Thị Vũ Ngà
	Phân loại: I		

5.	Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường .....15..... m; Nói thầm .....25..... m Tai phải: Nói thường .....…… m; Nói thầm ..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): .....Phổng..... Phân loại: .....I.....		BSCKI.Đỗ Quang Thành

6.	Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: .....Bình Thường..... Hàm dưới: .....Bình Thường.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): .....Phổng..... Phân loại: .....I.....		BS.Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...4,88... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ..6,93.. *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: ...158,0.. *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: ..4,9.. *(mmol/l)* Urê: ..5,5.. *(mmol/l)* Creatinin: 111,9 *(µmol/l)* AST(GOT): 18,5... *(U/L)* ALT (GPT): 16,4... *(U/L)*	CNXN. Lê Thị Liễu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: .....ÂM TÍNH (-)..... c. Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): .....Bình Thường.....	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: .....Loại I (Một).....

2. Các bệnh, tật (nếu có): .....

.....

Hưng Yên, Ngày 11 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

ThS.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Bệnh phẩm 35
Mã bệnh nhân BN00009574
Ngày lấy mẫu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: **ĐỖ MẠNH HIẾU** Năm sinh: 2000 Giới tính: NAM
Địa chỉ: Xã Yên Mỹ-Tỉnh Hưng Yên Giường:
Số Thẻ BHYT:
Bác sĩ chỉ định: Ma Nguyễn Thị Thủy Tiên
Khoa chỉ định: Khoa Khám bệnh

Tên xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm	Trị số bình thường
HUYẾT HỌC		
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)		- Lần
WBC (Số lượng bạch cầu)	6.93	4.0 - 10.0 G/L
Lymph% (Tỉ lệ % Bạch cầu Lympho)	26.50	20 - 40 %
Mid% (Tỉ lệ % các loại bạch cầu: acid, base, mono)	5.90	0 - 8 %
Neut% (Tỉ lệ % Bạch cầu trung tính)	67.60	50 - 70 %
Lymph# (Số lượng Bạch cầu Lympho)	1.84	0.8 - 4 G/L
Mid# (Số lượng Bạch cầu acid, base, mono)	0.41	0 - 0.8 G/L
Neut# (Số lượng Bạch cầu trung tính)	4.68	1.8 - 6.3 G/L
RBC (Số lượng hồng cầu)	4.88	3.5 - 5.5 T/L
HGB (Huyết sắc tố)	148.00	110 - 160 g/L
HCT (Thể tích khối hồng cầu)	43.80	37 - 49 %
MCV (Thể tích TB hồng cầu)	89.70	80 - 100 fL
MCH (Lượng HST TB hồng cầu)	30.30	27 - 34 pg
MCHC (Nồng độ HST TB hồng cầu)	338.00	320 - 360 g/L
RDW – CV (Dải phân bố hồng cầu theo CV)	13.10	0 - 16 %
RDW – SD (Dải phân bố hồng cầu theo SD)	44.80	37 - 55 fL
PLT (Số lượng tiểu cầu)	158.00	150 - 450 G/L
MPV (Thể tích trung bình tiểu cầu)	10.70	7 - 12 fL
PCT (Thể tích khối tiểu cầu)	0.17	0.1 - 0.282 %
PDW (Dải phân bố tiểu cầu)	12.50	8 - 18 %
P-LCC (Số lượng tiểu cầu lớn di động)	53.00	10 - 100 G/L
P-LCR (Tỉ lệ tiểu cầu lớn di động)	33.50	13 - 43 %
SINH HÓA		
Định lượng Glucose [Máu]	4.9	3.9 - 6.4 mmol/L
Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	18.5	≤ 37 U/L
Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	16.4	≤ 40 U/L
Định lượng Urê máu [Máu]	5.5	2.5 - 7.5 mmol/L
Định lượng Creatinin (máu)	111.9	62-120 µmol/L
NƯỚC TIỂU		
Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)		Lần
Bạch cầu	neg	Leu/µL
Nitrit	neg	
Urobilinogen	3.5	µmol/L
Protein	neg	mg/dL
pH	6.0	5 - 7.5

...ầu	neg	Ery/µL
...ọng	1.020	1.010 - 1.025
Ceton (Ketone)	neg	mmol/L
Bilirubin	neg	µmmol/L
Glucose	neg	mg/dL

Ngày 11 tháng 6 năm 2026
KTV Xét nghiệm

CNXN: Lê Thị Liễu

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202604357 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **NGUYỄN VĂN HẬU**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/08/1993
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033093011579
5. Cấp ngày: 06/09/2025 Tại: Bộ Công an
6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Đỗ Xá, Yên Mỹ, , Hưng Yên

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: .....Xin việc.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 14 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hậu

NGUYỄN VĂN HẬU

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....175.....cm - Cân nặng: .....80..... Kg - Chỉ số BMI: .....26,7.....

- Mạch: .....72..... lần/phút - Huyết áp: ....120...../.....80.....mmHg

- Phân loại thể lực: .....II.....

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
	khoa		
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	Ths.Bs.Khúc Thị Hương
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		
	- Ngoại khoa:	Bình thường	BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	Phân loại:	I	
	- Da liễu:	Bình thường	BS. Cao Mai Anh
	Phân loại:	I	
3.	**Sản phụ khoa:**		
	Phân loại:		
4.	**Mắt:**		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 9/10 Mắt trái 9/10		
	Có kính: Mắt phải ..... Mắt trái		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Không		
	Phân loại: I		BS. Đặng Thị Vũ Ngà

5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...0,5... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ...Khỏe...		
Phân loại: ...I...		BSCKI. Đỗ Quang Thành

6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: ...Bình thường... Hàm dưới: ...Bình thường...	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ...Khỏe...		
Phân loại: ...I...		BS. Dương Thị Thắm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...5,11... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ...7,12... *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: ...163,0... *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: ...5,7... *(mmol/l)* Urê: ...4,9... *(mmol/l)* Creatinin: ...71,7... *(µmol/l)* AST(GOT): ...20,9... *(U/L)* ALT (GPT): ...18,8... *(U/L)*	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ..... b. Protein: ...ÂM TÍNH (-)... c. Khác (nếu có):	CNXN. Lê Thị Liễu
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...Bình thường...	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ...Loại III...

2. Các bệnh, tật (nếu có): ...BMP...

Hưng Yên, Ngày 14 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI X. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

Ths.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Bệnh phẩm 1017
Mã bệnh nhân BN00009619
Ngày lấy mẫu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HẬU** Năm sinh: 1993 Giới tính: NAM
Địa chỉ: Xã Yên Mỹ-Tỉnh Hưng Yên Giường:
Số Thẻ BHYT:
Bác sĩ chỉ định: Khúc Thị Hương
Khoa chỉ định: Khoa Khám bệnh

Tên xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm	Trị số bình thường
HUYẾT HỌC		
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)		- Lần
WBC (Số lượng bạch cầu)	7.12	4.0 - 10.0 G/L
Lymph% (Tỉ lệ % Bạch cầu Lympho)	39.70	20 - 40 %
Mid% (Tỉ lệ % các loại bạch cầu: acid, base, mono)	5.10	0 - 8 %
Neut% (Tỉ lệ % Bạch cầu trung tính)	55.20	50 - 70 %
Lymph# (Số lượng Bạch cầu Lympho)	2.83	0.8 - 4 G/L
Mid# (Số lượng Bạch cầu acid, base, mono)	0.36	0 - 0.8 G/L
Neut# (Số lượng Bạch cầu trung tính)	3.93	1.8 - 6.3 G/L
RBC (Số lượng hồng cầu)	5.11	3.5 - 5.5 T/L
HGB (Huyết sắc tố)	143.00	110 - 160 g/L
HCT (Thể tích khối hồng cầu)	45.20	37 - 49 %
MCV (Thể tích TB hồng cầu)	88.50	80 - 100 fL
MCH (Lượng HST TB hồng cầu)	28.00	27 - 34 pg
MCHC (Nồng độ HST TB hồng cầu)	**316.00**	320 - 360 g/L
RDW – CV (Dải phân bố hồng cầu theo CV)	12.60	0 - 16 %
RDW – SD (Dải phân bố hồng cầu theo SD)	44.80	37 - 55 fL
PLT (Số lượng tiểu cầu)	163.00	150 - 450 G/L
MPV (Thể tích trung bình tiểu cầu)	10.60	7 - 12 fL
PCT (Thể tích khối tiểu cầu)	0.17	0.1 - 0.282 %
PDW (Dải phân bố tiểu cầu)	12.60	8 - 18 %
P-LCC (Số lượng tiểu cầu lớn di động)	53.00	10 - 100 G/L
P-LCR (Tỉ lệ tiểu cầu lớn di động)	32.90	13 - 43 %
SINH HÓA		
Định lượng Glucose [Máu]	5.7	3.9 - 6.4 mmol/L
Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	20.9	≤ 37 U/L
Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	10.8	≤ 40 U/L
Định lượng Urê máu [Máu]	4.9	2.5 - 7.5 mmol/L
Định lượng Creatinin (máu)	71.7	62-120 µmol/L
NƯỚC TIỂU		
Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)		Lần
Bạch cầu	neg	Leu/µL
Nitrit	neg	
Urobilinogen	3.5	µmol/L
Protein	neg	mg/dL
pH	6.0	5 - 7.5

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Số: 202606098 /GKSK-MHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*: **NGUYỄN THẾ HANH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 06/11/2004
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 066204003427
5. Cấp ngày: 05/05/2022 Tại: Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Khu Xóm Ngoài, Tiên Lương, Phú Thọ

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: .....Xin việc.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☑ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☑	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☑
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☑	13	Bệnh tâm thần	☐	☑
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☑	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☑
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☑	15	Ngất, chóng mặt	☐	☑
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☑	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☑

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☑	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☑
7	Tăng huyết áp	☐	☑	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☑
8	Khó thở	☐	☑	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☑
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☑	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☑
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☑	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☑
11	Nghiện rượu, bia	☐	☑	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☑

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....Không.....

.....

Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ): .....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, Ngày 21 tháng 06 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

NGUYỄN THẾ HANH

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: .....163.....cm - Cân nặng: .....60..... Kg - Chỉ số BMI: .....22,5.....
- Mạch: .....73..... lần/phút - Huyết áp: .....110...../.....60.....mmHg
- Phân loại thể lực: .....I.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	**Nội khoa**		Ths.Bs. Khúc Thị Hương
a)	*Tuần hoàn*	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	*Hô hấp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	*Tiêu hóa*	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	*Thận-Tiết niệu*	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	*Nội tiết*	Bình thường	
	Phân loại	I	
e)	*Cơ - xương - khớp*	Bình thường	
	Phân loại	I	
g)	*Thần kinh*	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	*Tâm thần*	Bình thường	
	Phân loại	I	
2.	**Ngoại khoa, Da liễu:**		BSCKII. Nguyễn Ngọc Long
	- Ngoại khoa:	Bình thường	
	Phân loại:	I	
	- Da liễu:	Bình thường	BS. Cao Mai Anh
	Phân loại:	I	
3.	**Sản phụ khoa:**		
	.....		
	Phân loại:		
4.	**Mắt:**		BS. Đặng Thị Vũ Ngà
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 5/10 Mắt trái 5/10		
	Có kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10		
	Các bệnh về mắt (nếu có): Hai mắt tật khúc xạ		
	Phân loại: II		

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI M.S.D.N: 0901215459 X. YÊN MỸ - H. HƯNG YÊN

5.	Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	Tai trái: Nói thường ...15... m; Nói thầm ...0,5... m Tai phải: Nói thường ..... m; Nói thầm ..... m	BSCKI. Đỗ Quang Thành
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): ...Không... Phân loại: ...I...		

6.	Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: ...Bình Thường... Hàm dưới: ...Bình Thường...	BS. Dương Thị Thắm
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): ...Không... Phân loại: ...I...		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký BS
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: ...5,13... *(T/L)* Số lượng Bạch cầu: ...6,73... *(G/L)* Số lượng Tiểu cầu: ...156,0... *(G/L)* b) Sinh hóa máu: Đường máu: ...4,6... *(mmol/l)* Urê: ...3,9... *(mmol/l)* Creatinin: ...77,4... *(µmol/l)* AST(GOT): ...22,0... *(U/L)* ALT (GPT): ...13,6 *(U/L)*	CNXN. Lê Thị Liễu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a. Đường: ...**ÂM TÍNH (-)**... b. Protein: ... c. Khác (nếu có): ...	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): ...**Bình Thường**...	BSCKI. Cao Sơn Dương

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: ...Loại II (Hai)...

2. Các bệnh, tật (nếu có): ...Hai mắt tật khúc xạ...

Hưng Yên, ngày 21 tháng 06 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MEDICARE HÀ NỘI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Ths.Bs. Khúc Thị Hương

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDICARE HÀ NỘI

Bệnh phẩm 8
Mã bệnh nhân BN00009821
Ngày lấy mẫu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: **NGUYỄN THẾ HANH** Năm sinh: 2004 Giới tính: NAM
Địa chỉ: Xã Tiên Lương-Tỉnh Phú Thọ Giường:
Số Thẻ BHYT:
Bác sĩ chỉ định: Ma Nguyễn Thị Thùy Tiên
Khoa chỉ định: Khoa Khám bệnh

Tên xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm	Trị số bình thường
HUYẾT HỌC		
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)		- Lần
WBC (Số lượng bạch cầu)	6.73	4.0 - 10.0 G/L
Lymph% (Tỉ lệ % Bạch cầu Lympho)	**42.00**	20 - 40 %
Mid% (Tỉ lệ % các loại bạch cầu: acid, base, mono)	5.50	0 - 8 %
Neut% (Tỉ lệ % Bạch cầu trung tính)	52.50	50 - 70 %
Lymph# (Số lượng Bạch cầu Lympho)	2.83	0.8 - 4 G/L
Mid# (Số lượng Bạch cầu acid, base, mono)	0.37	0 - 0.8 G/L
Neut# (Số lượng Bạch cầu trung tính)	3.53	1.8 - 6.3 G/L
RBC (Số lượng hồng cầu)	5.13	3.5 - 5.5 T/L
HGB (Huyết sắc tố)	151.00	110 - 160 g/L
HCT (Thể tích khối hồng cầu)	44.80	37 - 49 %
MCV (Thể tích TB hồng cầu)	87.40	80 - 100 fL
MCH (Lượng HST TB hồng cầu)	29.40	27 - 34 pg
MCHC (Nồng độ HST TB hồng cầu)	337.00	320 - 360 g/L
RDW – CV (Dải phân bố hồng cầu theo CV)	12.70	0 - 16 %
RDW – SD (Dải phân bố hồng cầu theo SD)	48.00	37 - 55 fL
PLT (Số lượng tiểu cầu)	156.00	150 - 450 G/L
MPV (Thể tích trung bình tiểu cầu)	10.70	7 - 12 fL
PCT (Thể tích khối tiểu cầu)	0.17	0.1 - 0.282 %
PDW (Dải phân bố tiểu cầu)	13.00	8 - 18 %
P-LCC (Số lượng tiểu cầu lớn di động)	49.00	10 - 100 G/L
P-LCR (Tỉ lệ tiểu cầu lớn di động)	31.40	13 - 43 %
SINH HÓA		
Định lượng Glucose [Máu]	4.6	3.9 - 6.4 mmol/L
Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22.8	≤ 37 U/L
Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	13.6	≤ 40 U/L
Định lượng Urê máu [Máu]	3.9	2.5 - 7.5 mmol/L
Định lượng Creatinin (máu)	72.4	62-120 µmol/L
NƯỚC TIỂU		
Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)		Lần
Bạch cầu	neg	Leu/µL
Nitrit	neg	
Urobilinogen	3.5	µmol/L
Protein	neg	mg/dL
pH	**8.5**	5 - 7.5

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901155270

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 02 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐOÀN ANH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOAN ANH PHAT INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DOAN ANH PHAT CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Trai Trang, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0977925383* Fax:

Email: *nppdoananhphat@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: ĐỖ VĂN ĐOÀN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *13/04/1993* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033093010769*

Ngày cấp: *13/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trai Trang, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trai Trang, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐỖ VĂN ĐOÀN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *13/04/1993* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033093010769*

Ngày cấp: *13/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trai Trang, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trai Trang, Thị Trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Doãn Thị Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--------***--------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số : 20072025/HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ

ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 07 năm 2025 , tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thực Phẩm Tâm An, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Bà **Trần Thị Kim Anh** Chức vụ : **Giám đốc**

Điện thoại : 0977.072.666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản :

BÊN BÁN (BÊN B) : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐOÀN ANH PHÁT**

Địa chỉ : Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Ông **Đỗ Văn Đoàn** Chức vụ : **Giám đốc**

Điện thoại : 0977.925.383

Mã số thuế : 0901155270

Tài khoản :

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua các loại hàng hoá : sữa fami, bánh mỳ staff Hữu nghị các vị, các loại nước ngọt (coca, fanta, bí đao,…), sữa chua các loại, các mặt hàng của Aji (mỳ chính, hạt nêm,…), mỳ tôm các loại (kokomi, cung đình, hảo hảo,modern,…),… (Gọi tắt là Hàng hóa)

Điều 2: Chất lượng hàng hóa, thời gian địa điểm giao hàng

2.1 Chất lượng hàng hóa

- Bên B phải cung cấp đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên, chất lượng hàng hóa theo đúng mẫu Bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng.

- Bên B phải cung cấp hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

2.2 Đặt hàng, Thời gian, địa điểm giao hàng

- Đặt hàng, địa điểm giao hàng: Theo thỏa thuận giữa hai bên

2.3 Cách đóng gói và bảo quản khi giao nhận

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của Bên A.

- Trên bao bì phải thể hiện rõ các nội dung: Tên, xuất xứ hàng hóa, ngày sản xuất, hạn sử dụng, chỉ tiêu chất lượng (Theo quy định của Nhà nước).

Điều 3: Giá cả, đối chiếu công nợ và phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá cả tùy thuộc theo thị trường sẽ có báo giá cụ thể

3.2 Đối chiếu công nợ

- Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các hóa đơn chứng từ đã giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bản đối chiếu công nợ chi tiết, ký xác nhận và chuyển bản đối chiếu xác nhận công nợ chi tiết về trụ sở Bên A vào ngày cuối tháng

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản/tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi bên A nhận được đầy đủ hàng hoá theo đơn đặt hàng do bên B giao đến.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho bên B đúng theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng tại các địa điểm do bên A chỉ định

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho bên A đúng theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

- Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp cho bên A.

Điều 5: Trách nhiệm chung

- Hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Nếu hai bên không tự giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn thì việc tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Các thỏa thuận khác

- Các điệu kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản Pháp luật về Hợp đồng mà Nhà nước ban hành.

Điều 7: Điều khoản thi hành

7.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh
- Mã số thuế

7.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng Văn bản và phải được sự xác nhận của cả hai bên.

7.3: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm tính từ ngày hai bên ký hợp đồng

7.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán và không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn theo từng năm và tự động thanh lý Hợp đồng khi một trong hai bên muốn chấm dứt Hợp đồng mà không cần biên bản thanh lý Hợp đồng.

7.5: Hợp đồng này gồm 07 điều và được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị Pháp lý như nhau

7.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc ủy quyền để ký Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM AN	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐOÀN ANH PHÁT
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ KIM ANH	Đỗ Văn Đoàn

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901197418

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẢO LONG HƯNG YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO LONG HUNG YEN TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAO LONG HUNG YEN TRADING AND SERVICES CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ngã 3 Đặng Xá, Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0923.423.333* SốFax:

Thư điện tử: *ktuyen1695@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐĂNG LONG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *31/08/1994* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 033094009485

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Long Vỹ, Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN ĐĂNG LONG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *31/08/1994* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *033094009485*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Long Vỹ, Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

TRẦN VĂN THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--------***--------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số : 20072025/HĐMB

- Căn cứ vào bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ luật thương mại cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 27/6/2005.

- Căn cứ nghị định số 12/2006/NĐ của chính phủ

ban hành ngày 23/01/2006 quy định chi tiết việc thi hành luật thương mại.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 07 năm 2025 , tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thực Phẩm Tâm An, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN**

Địa chỉ : Thôn Đại Hạnh, Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Bà **Trần Thị Kim Anh** Chức vụ : **Giám đốc**

Điện thoại : 0977.072.666

Mã số thuế : 0901084830

Tài khoản :

BÊN BÁN (BÊN B) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẢO LONG HƯNG YÊN**

Địa chỉ : Ngã 3 Đặng Xá, Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Đại Diện : Ông **Nguyễn Đăng Long** Chức vụ : **Giám đốc**

Điện thoại : 0923.423.333

Mã số thuế : 0901197418

Tài khoản :

Sau khi bàn bạc hai bên đã cùng thỏa thuận và thống nhất các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua các loại hàng hoá : gia vị (nước mắm, bột canh, dầm gạo, muối tinh, muối hạt, tương ớt, đường…), các loại bột năng, chiên xù, chiên giòn, nước cốt dừa,bánh đa nem, mộc nhĩ, nấm hương, lạc, bột sư tử, gia vị đóng gói sẵn (gói bò kho, gói kho thịt, kho cá,…) (Gọi tắt là Hàng hóa)

Điều 2: Chất lượng hàng hóa, thời gian địa điểm giao hàng

2.1 Chất lượng hàng hóa

- Bên B phải cung cấp đúng quy cách, đủ số lượng theo thỏa thuận của hai bên, chất lượng hàng hóa theo đúng mẫu Bên A đã chấp nhận trước khi đặt hàng.

- Bên B phải cung cấp hàng hóa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Pháp luật và chứng minh hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bán trên thị trường.

2.2 Đặt hàng, Thời gian, địa điểm giao hàng

- Đặt hàng, địa điểm giao hàng: Theo thỏa thuận giữa hai bên

2.3 Cách đóng gói và bảo quản khi giao nhận

- Bên B có trách nhiệm bảo quản, đóng gói, vận chuyển, giao hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quy cách chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng của Bên A.

- Trên bao bì phải thể hiện rõ các nội dung: Tên, xuất xứ hàng hóa, ngày sản xuất, hạn sử dụng, chỉ tiêu chất lượng (Theo quy định của Nhà nước).

Điều 3: Giá cả, đối chiếu công nợ và phương thức thanh toán

3.1 Giá cả

- Giá cả tùy thuộc theo thị trường sẽ có báo giá cụ thể

3.2 Đối chiếu công nợ

- Bên B có nghĩa vụ tổng hợp tất cả các hóa đơn chứng từ đã giao hàng trong tháng cho bên A, ghi vào bản đối chiếu công nợ chi tiết, ký xác nhận và chuyển bản đối chiếu xác nhận công nợ chi tiết về trụ sở Bên A vào ngày cuối tháng

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản/tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi bên A nhận được đầy đủ hàng hoá và hoá đơn VAT theo đơn đặt hàng do bên B giao đến.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho bên B đúng theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B giao hàng tại các địa điểm do bên A chỉ định

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng cho bên A đúng theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

- Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng hàng hóa đã cung cấp cho bên A.

Điều 5: Trách nhiệm chung

- Hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Nếu hai bên không tự giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn thì việc tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án kinh tế tỉnh Hưng Yên. Quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Các thỏa thuận khác

- Các điệu kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản Pháp luật về Hợp đồng mà Nhà nước ban hành.

Điều 7: Điều khoản thi hành

7.1: Trước khi ký hợp đồng này, bên bán phải cung cấp bản sao y các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh
- Mã số thuế
- Bản công bố sản phẩm

7.2: Sau khi Hợp đồng này được ký kết, bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng Văn bản và phải được sự xác nhận của cả hai bên.

7.3: Hợp đồng có hiệu lực 01 năm tính từ ngày hai bên ký hợp đồng

7.4: Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hạn, nếu các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp cũng như thanh toán và không có bất kỳ tranh chấp nào thì Hợp đồng tiếp tục được gia hạn theo từng năm và nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì cần báo cho bên còn lại trước 30 ngày bằng văn bản.

7.5: Hợp đồng này gồm 07 điều và được lập thành 04 bản chính, mỗi bên giữ 02 bản, các bản có giá trị Pháp lý như nhau

7.6: Những người ký tên dưới đây cam kết được toàn quyền hoặc ủy quyền để ký Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM TÂM AN	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẢO LONG HƯNG YÊN
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ KIM ANH	Nguyễn Đăng Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG BẾN TRE
Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả
Ngày: 29-06-2023
ĐẾN Số: 163
Chuyển:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/BHC/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ:	KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Điện thoại:	T.+84-251.3836199 | F.+84-251.3836213
E-mail:	E. bhs@bhconsumer.com | W. www.bhconsumer.com
Mã số doanh nghiệp:	3600495818

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo điểm k, Điều 12, Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Do cơ sở sản xuất đã có có giấy chứng nhận FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC CỐT DỪA XIM - MOM COOKS**

2. Thành phần: Nước cốt dừa XIM (94.75 %), dầu dừa tinh luyện, nước, đường, chất ổn định (415, 1442), xơ thực vật, hương liệu dừa giống tự nhiên, chất nhũ hóa (435), hương liệu dừa tổng hợp, muối, chất điều chỉnh độ acid (500 (ii)).

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm:

18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Thể tích thực: 200 ml.

Chất liệu bao bì: Thành phẩm được đóng trong hộp giấy có chất liệu đa lớp, lớp tiếp xúc trực tiếp sản phẩm là nhựa PE chuyên dùng, ghép kín. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.3 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cở sở : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE

Địa chỉ cơ sở : lô K, CCN-TTCN Phong Nẫm, xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

III.Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/l	≤ 1
2	Hàm lượng Thiếc	mg/l	≤ 250
3	Hàm lượng Asen	mg/l	≤ 1

2. **Vi sinh:** theo quyết định 46/2007/QĐ-BYT : Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU /ml	KPH
2	E. coli	CFU/ml	KPH
3	Clostridium botulinum	CFU/ml	KPH
4	Staphylococcus aureus	CFU/ml	KPH
5	Clostridium perfringens	CFU/ml	KPH

3. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 5
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	≤ 10
3	Patulin	µg/kg	≤ 50

4. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

4.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng kem lỏng, có thể tách lớp, đông tụ hoặc vón cục là bình thường.
- Mùi vị: Có mùi đặc trưng của nước cốt dừa, không có mùi lạ, vị béo ngọt.

- Màu sắc: Màu trắng đến hơi trắng vàng theo hạn sử dụng.

4.2 Thông tin dinh dưỡng(/100ml):

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố trên bao bì (240ml)	Mức giới hạn
01	Năng lượng	Kcal/100ml	130	104 ÷ 156
02	Carbohydrate	g/100ml	1.5	0 ÷ 3.5
03	Chất đạm	g/100ml	1.1	0 ÷ 3.1
04	Chất béo	g/100ml	13.3	12 ÷ 14
05	Chất béo chuyển hóa	g/100ml	0	0 ÷ 0.5
06	Chất béo bão hòa	g/100ml	12.5	10.5 ÷ 14
07	Đường tổng	g/100ml	1.4	0 ÷ 3.4
08	Natri	mg/100ml	23	18.1 ÷ 27.1

4.3 Chỉ tiêu chất lượng:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	PH	-	≥ 5.9
2	Hàm lượng $S0_2$	ppm	< 10

5. Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát (tốt nhất ở nhiệt độ 25 - 30°C), tránh xa các nguồn nhiệt và các chất oxy hóa.
- Sau khi mở nắp, bảo quản lạnh và sử dụng trong 03 ngày.

6. Hướng dẫn sử dụng:

- Lắc/ khuấy đều trước khi sử dụng.
- Khi sản phẩm bị đông tách lớp do nhiệt độ thấp, hãy đặt sản phẩm vào chậu nước nóng trong 5-10 phút và thỉnh thoảng khuấy để lấy lại kết cấu ban đầu.
- Để món ăn thơm béo bùng vị hơn, hãy giữ lại một phần nước cốt dừa XIM - Mom Cooks và cho vào lúc gần hoàn thành món ăn.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 6 năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Minh Nhật

L. QHSE
Phan Thị Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG
M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
Duy ét
Phan Minh Nhật

EXP/PRD

NƯỚC CỐT DỪA XIM

MOM COOKS

NGUYÊN VỊ TỰ NHIÊN TỪ DỪA BẾN TRE

Nước Cốt Dừa XIM - Mom Cooks với hơn 94% nước cốt dừa nguyên chất được chắt chiu từ những trái dừa ngon đệ nhất của thủ phủ dừa Bến Tre. Bằng công nghệ ép lạnh hiện đại và tiệt trùng UHT tiên tiến từ Thụy Điển, sản xuất trong 24h đã đưa những tinh túy sánh mịn, tự nhiên ấy vào hộp tiện lợi vô cùng, mà không cần sử dụng bất kì chất bảo quản và hương liệu tạo béo nào, giúp bạn dễ dàng trong việc chế biến món ăn và thức uống.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát (tốt nhất ở 25 – 30°C), tránh xa các nguồn nhiệt và các chất oxy hóa.
- Sau khi mở nắp, bảo quản lạnh và sử dụng trong vòng 03 ngày.

THÀNH PHẦN

Nước cốt dừa XIM (94,75%), Dầu dừa tinh luyện, Nước, Đường, Chất ổn định (415, 1442), Xơ thực vật, Hương liệu dừa giống tự nhiên, Chất nhũ hóa (435), Hương liệu dừa tổng hợp, Muối, Chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/100ml	
Năng lượng	130 Kcal
Chất đạm	1,1 g
Chất béo	13,3 g
Chất béo chuyển hóa	0 g
Chất béo bão hòa	12,5 g
Carbohydrate	1,5 g
Đường tổng	1,4 g
Natri	23 mg

* Giá trị dinh dưỡng có thể thay đổi tự nhiên theo sự thay đổi của điều kiện mùa vụ.

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Khi nhiệt độ bảo quản dưới 21°C (70°F), nước cốt dừa tự nhiên có thể bị vón cục, tách rời và đông lại.

NGÀY SẢN XUẤT VÀ HẠN SỬ DỤNG

- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.
- Hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

MOM COOKS

NƯỚC CỐT DỪA XIM

THỂ TÍCH THỰC: 200 ml

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HOÀ
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Email: info@bhconsumer.com
Website: www.bhconsumer.com

SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE
Lô K, CCN-TTCN Phong Nẫm, Xã Phong Nẫm, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

SẢN PHẨM CỦA VIỆT NAM

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN

TTC AgriS | LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

8 935015 521221

THƠM BÉO BÙNG VỊ CÁ MÓN Á VÀ ÂU

Chè | Kem | Cà phê | Cà ri | Súp Âu | Salad

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Lắc/khuấy đều trước khi sử dụng
- Khi sản phẩm bị đông tách lớp do nhiệt độ thấp, hãy đặt sản phẩm vào chậu nước nóng trong 5-10 phút và thỉnh thoảng khuấy để lấy lại kết cấu ban đầu.
- Để món ăn thơm béo bùng vị hơn, hãy giữ lại một phần Nước cốt dừa XIM - Mom Cooks và cho vào lúc gần hoàn thành món ăn.

BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚC**

Địa chỉ: Lô 19 đường Vương Văn Trà (NR: Đỗ Tả Môn) , Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0904703289

E-mail: minhphucbn.jsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2300892026

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 17/2022/ATTP-CNĐK-LH.

Ngày cấp 26/04/2022

Nơi cấp ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG**

2. Thành phần: Đường mía

3. Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Túi 500g, túi 1kg, đựng trong túi PP, OPP

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚC

Đ/C: Đường Kinh Dương Vương, thị trấn hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	ĐVT	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	TCVN8126:2009	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Cadim	TCVN8126:2009	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Arsen	TCVN7770:2007	mg/kg	1,0

2. Vi sinh:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	ĐVT	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếm khí	TCVN48841:2015	CFU/g	200
2	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	TCVN8275-2:2010	CFU/g	10

3. Độc tố vi nấm:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	ĐVT	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	DINEN 14123:2008-03 mod	Ug/kg	5
2	Aflatoxin.tổng (B1,B2,G1,G2)	DINEN 14123:2008-03 mod	Ug/kg	15

5. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

5.1: Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng Thái: tinh thể đường tương đối đồng đều, tơi khô không vón cục.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

5.1: Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Độ Pol	%	≥99,7%
2	Đường Khử	%	≤0,09%
3	Độ ẩm	%	≤0,07%

6. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

7. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc làm nguyên liệu trong sản xuất thực phẩm.

8. Lưu ý an toàn thực phẩm: Chỉ bảo quản trong các loại bao bì an toàn cho thực phẩm, sạch và kín…Tránh nắng chiếu trực tiếp và nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚC

GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Đức

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẮC NINH
KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 02223896925 / Email: kxncls.cdcbacninh@gmail.com

Số phiếu: 465XN-TP Số PYC: 980/PYC-KXN Mã số mẫu: TP19.446

AOSC
VLAT 1.210
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên cơ sở: Công ty CPĐTTMDV Minh Phúc
2. Địa chỉ: Lô 19 - Đường Vương Văn Trà - TT Hồ - Huyện Thuận Thành - Bắc Ninh
3. Tên mẫu: Đường kính trắng
4. Địa điểm lấy mẫu: Tại công ty
5. Ngày lấy mẫu: 9/10/2019 6. Ngày nhận mẫu: 9/10/2019
7. Mô tả mẫu: Nguyên túi của nhà sản xuất
8. Thời gian kiểm nghiệm: 9/10/2019-16/10/2019
9. Thời gian lưu mẫu: Từ ngày nhận mẫu đến sau 2 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả kiểm nghiệm
10. Kết quả kiểm nghiệm:

STT	*Chỉ tiêu hóa, vi sinh*	*Phương pháp thử*	*Đơn vị*	*Kết quả*
1	Hàm lượng chì	TCVN 8126:2009	mg/kg	KPH
2	Hàm lượng cadimi	TCVN 8126:2009	mg/kg	KPH
3	Hàm lượng Asen	TCVN 7770:2007	mg/kg	KPH
4	Aflatoxin B1**	DIN EN 14123:2008-03 mod	µg/kg	KPH (LOD=0,5)
5	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	DIN EN 14123:2008-03 mod	µg/kg	KPH (LOD=0,5)
6	TSVKHK*	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	$2,0.10^1$
7	TSBTNM-NM	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	KPH

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2019

Cán bộ QLKT Hóa

CN. Nông Thị Anh

Cán bộ QLKT vi sinh

ThS. Hoàng Thị Dung

KHOA XÉT NGHIỆM – CĐHA - TDCN

CN. Ngô Thị Hồng

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T. BẮC NINH

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. KHỔNG THỤC CHINH

Ghi chú:
1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận VILAS; Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚC**

Địa chỉ: Lô 19 đường Vương Văn Trà (NR: Đỗ Tá Môn) , Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0904703289

E-mail: minhphucbn,jsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2300892026

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 17/2022/ATTP-CNĐK-LH. Ngày cấp 26/04/2022 Nơi cấp ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG KÍNH VÀNG**

2. Thành phần: Đường mía

3. Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Túi 500g, túi 1kg, đựng trong túi PP, OPP

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚC

Đ/C: Đường Kinh Dương Vương, thị trấn hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	ĐVT	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	TCVN8126:2009	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Cadim	TCVN8126:2009	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Arsen	TCVN7770:2007	mg/kg	1,0

2. Vi sinh:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	ĐVT	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếm khí	TCVN48841:2015	CFU/g	400
2	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	TCVN8275-2:2010	CFU/g	10

3. Độc tố vi nấm:

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	ĐVT	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	DINEN 14123:2008-03 mod	Ug/kg	5
2	Aflatoxin.tổng (B1,B2,G1,G2)	DINEN 14123:2008-03 mod	Ug/kg	15

5. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

5.1: Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng Thái: tinh thể đường tương đối đồng đều, tơi khô không vón cục.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

5.1: Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Độ Pol	%	≥99,7%
2	Đường Khử	%	≤0,09%
3	Độ ẩm	%	≤0,07%

6. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

7. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc làm nguyên liệu trong sản xuất thực phẩm.

8. Lưu ý an toàn thực phẩm: Chỉ bảo quản trong các loại bao bì an toàn cho thực phẩm, sạch và kín…Tránh nắng chiếu trực tiếp và nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 17tháng 10 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚC

GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Đức

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẮC NINH
KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 02223896925 / Email: kxncls.cdcbacninh@gmail.com

Số phiếu: 466XN-TP Số PYC: 980/PYC-KXN Mã số mẫu: TP19.447

AOSC VLAT 1.219 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên cơ sở: Công ty CPĐTTMDV Minh Phúc
2. Địa chỉ: Lô 19 - Đường Vương Văn Trà - TT Hồ - Huyện Thuận Thành - Bắc Ninh
3.Tên mẫu: Đường vàng (tinh)
4. Địa điểm lấy mẫu: Tại công ty
5. Ngày lấy mẫu: 9/10/2019 6. Ngày nhận mẫu: 9/10/2019
7. Mô tả mẫu: Nguyên túi của nhà sản xuất
8. Thời gian kiểm nghiệm: 9/10/2019-16/10/2019
9. Thời gian lưu mẫu: Từ ngày nhận mẫu đến sau 2 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả kiểm nghiệm
10. Kết quả kiểm nghiệm:

STT	*Chỉ tiêu hóa, vi sinh*	*Phương pháp thử*	*Đơn vị*	*Kết quả*
1	Hàm lượng chì	TCVN 8126:2009	mg/kg	KPH
2	Hàm lượng cadimi	TCVN 8126:2009	mg/kg	KPH
3	Hàm lượng Asen	TCVN 7770:2007	mg/kg	KPH
4	Aflatoxin B1**	DIN EN 14123:2008-03 mod	µg/kg	KPH (LOD=0,5)
5	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	DIN EN 14123:2008-03 mod	µg/kg	KPH (LOD=0,5)
6	TSVKHK*	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	$4,0.10^1$
7	TSBTNM-NM	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	KPH

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2019

Cán bộ QLKT Hóa **Cán bộ QLKT vi sinh**

CN. Nông Thị Anh *ThS. Hoàng Thị Dung*

KHOA XÉT NGHIỆM – CĐHA - TDCN **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T. BẮC NINH

CN. Ngô Thị Hồng

PHÓ GIÁM ĐỐC
BS. KHỔNG THỤC CHINH

Ghi chú:
1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
2. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận VILAS; Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

MẪU NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG GIA LỘC

Bột Cari Nghệ

Thành phần: Nghệ, bột bắp, muối.

Cách sử dụng: Làm gia vị, thực phẩm chế biến vào các món ăn hàng ngày

Bảo quản: - Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Đậy kín khi sử dụng

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hoàng Gia Lộc

Địa chỉ: Thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213.918.248

Khối lượng tịnh:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 11 ngày 6/01/2022
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng Văn phòng
Sao

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HOANG GIA LOC/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hoàng Gia Lộc

Địa chỉ: Thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213.918.248

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0504000249, Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 3/7/2007, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện số 08/2009/NNPTNT-0321 cấp ngày 01/2/2019, nơi cấp Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản tỉnh Hưng Yên.

1.Tên Sản phẩm: Bột Cari Nghệ

2.Thành phần: Nghệ, bột bắp, muối.

3. Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.

4.Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong túi nhựa PE hoặc PE-PP hoặc Zip bạc hoặc lọ thủy tinh. Chất liệu đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Qui cách đóng gói: 3gram, 5gram, 10gram, 20gram, 50gram, 100gram, 200gram, 300gram, 400gram, 500gram, 900gram, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg, 30kg, 50kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hoàng Gia Lộc

Địa chỉ: Thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213.918.248

Email:

II. Mẫu nhãn sản phẩm: (*đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực Phẩm.

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hoàng hóa.

- Thông tư số 24/2019/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế về việc quy định về quản lý và hướng dẫn sử dụng phụ gia thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm".

- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".

- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 6 tháng 1 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG GIA LỘC

GIÁM ĐỐC

Bùi Xuân Hoàng

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No / *Số phiếu yêu cầu phân tích* **A032112314**	Report date/ *Ngày* **06-01-2022**
Doc code/ *Mã số tài liệu* MKL-TT04-BM01	Page/ *Trang* **1 / 2**

Applicant/ ref (*Khách hàng/ số yêu cầu*)	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG GIA LỘC
Address (*Địa chỉ*)	Thôn Nghi Xuyên, xã Chi Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*)	Bột Cari Nghệ
Sample description (*Mô tả mẫu*)	Mẫu được chứa trong bao bì kín
Seal No (*Số niêm*)	Không niêm
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	Khách hàng gửi mẫu
Sample received on (*Ngày nhận mẫu*)	31-12-2021
Sample tested on (*Ngày phân tích*)	31-12-2021

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*
A032112314/1	Bột Cari Nghệ	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (*)	ISO 4833-1:2013	CFU/g	-	2.3x10^2
		Coliforms (*)	ISO 4832:2006	CFU/g	-	<10
		E. coli (*)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10
		Clostridium perfringens (*)	ISO 7937:2004	CFU/g	-	<10
		Tổng số nấm men, nấm mốc (*)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	-	<10
		Cadimi (Cd) (*)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	ND
		Muối NaCl (*)	AOAC 937.09	%	-	1.34
		Độ ẩm (*)	FAO 14/7	%	-	6.71
		Aflatoxin tổng số (*)	MKL-HH307 (Ref: TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)	µg/kg	0.50	ND

Conclusion/ *Kết luận*

Kết quả mẫu Bột Cari Nghệ đạt kim loại theo QCVN 8-2:2011/BYT, vi sinh đạt theo QCVN 8-3:2012/BYT, độc tố vi nấm đạt theo QCVN 8-1:2011/BYT

CENTER FOR TESTING AND CERTIFICATION - TQC CGLOBAL

GIẤY CHỨNG NHẬN

TQC
BỀN VỮNG CÙNG PHÁT TRIỂN

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

Địa chỉ và địa điểm sản xuất: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế:

ISO 22000:2018

Cho lĩnh vực:

- Sản xuất: bột chiên xù
- Đóng gói các sản phẩm dạng bột từ ngũ cốc: bột năng, bột bắp, bột mì, bột gạo
- Phối trộn và đóng gói: bột béo, bột chiên giòn, bột chiên chuối

(Mã lĩnh vực/Food code: CIV, FI)

Số Giấy chứng nhận	:	TQC.03.7309	**Ngày bắt đầu chu kỳ**	:	05/09/2025
Loại hình cấp	:	Chứng nhận lần đầu	**Phiên bản**	:	01
Ngày hiệu lực	:	05/09/2025	**Ngày kết thúc**	:	04/09/2028

Từ ngày 05/09/2026, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Quét mã truy xuất chứng chỉ

TQC.03.7309

Dấu chứng nhận

FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEM ISO 22000 CERTIFIED

TQC CERTIFICATE No. TQC.7309

Dấu công nhận

VICAS 063-FSMS

IAF - MLA

GIÁM ĐỐC

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Lã Mạnh Cường

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - **TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL**

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm - Văn phòng cấp chứng chỉ: Biệt thự C11, Khu Pandora, số 53 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: http://tqc.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 06/Trần Hoàng/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG**

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0984 948 245

Mã số doanh nghiệp: 0901125653

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc giấy chứng nhận ISO): (ISO 22000:2018): TQC.03.7309; Ngày cấp 05/09/2025 , đơn vị cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL

1. Tên sản phẩm: **Bột bắp H-Trần Hoàng**

2. Thành phần: Tinh bột bắp(Tinh bột từ trái bắp ngô)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách đóng gói**: Khối lượng tịnh: 150 g ± 5 g; 400g, 1 kg, hoặc khối lượng tịnh khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- **Chất liệu bao bì**: Sản phẩm được đóng trong túi chất liệu OPP/CPP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định: số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa; số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số: 06/2025/Trần Hoàng. Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

Dự thảo nhãn sản phẩm

Tên sản phẩm: Bột bắp H-Trần Hoàng

Thành phần: Tinh bột bắp(Tinh bột từ trái bắp ngô

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm		
Năng lượng	Kcal/100g	358
Carbohydrate	g/100g	86,7
Chất béo	g/100g	0,927
Chất đạm	g/100g	0,666
Natri	mg/100g	12,3

Chú ý: Giá trị dinh dưỡng nằm trong khoảng ± 25% so với mức công bố

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để tạo sánh sệt, dùng cho các món xào, súp, các món tẩm bột và chiên.

Khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Số tự công bố: 06/Trần Hoàng/2025

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
Số: 06/2025/Trần Hoàng

1. Chỉ tiêu dinh dưỡng: Theo Thông tư 29/2023/TT-BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal/100g	358 ± 25%
2	Chất đạm	g/100g	0,666 ± 25%
3	Chất béo	g/100g	0,927 ± 25%
4	Carbohydrat	g/100g	86,7 ± 25%
5	Natri	mg/100g	12,3 ± 25%

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	0,1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vđộc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

4. Chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^5
2	E. Coli	CFU /g	10^2
3	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^3

5. Phụ gia thực phẩm: Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng để tạo sánh sệt, dùng cho các món xào, súp, các món tẩm bột và chiên

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC
VŨ THỊ TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/Trần Hoàng/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG**

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0984 948 245

Mã số doanh nghiệp: 0901125653

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc giấy chứng nhận ISO): (ISO 22000:2018): TQC.03.7309; Ngày cấp 05/09/2025 , đơn vị cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL

1. Tên sản phẩm: Bột chiên xù H-Trần Hoàng

2. Thành phần Bột mì , nước sạch, Citric acid monohydrate, chất tạo màu (Tartrazin (102)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 100 g ± 5 g; 1 kg, 10 kg hoặc khối lượng tịnh khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong túi chất liệu OPP/CPP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định: số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa; số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số: 03/2025/Trần Hoàng. Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

Dự thảo nhãn sản phẩm

Tên sản phẩm: Bột chiên xù H-Trần Hoàng

Thành phần Bột mì , nước sạch, Citric acid monohydrate, chất tạo màu (Tartrazin (102)

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm		
Năng lượng	Kcal/100g	366
Carbohydrate	g/100g	77,9
Chất béo	g/100g	0,820
Chất đạm	g/100g	11,7
Natri	mg/100g	7,07

Chú ý: Giá trị dinh dưỡng nằm trong khoảng ± 25% so với mức công bố

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chiên các món như: Thịt, cá, tôm, rau, củ, quả,... hoặc các món chay.

Hướng dẫn thực hiện

Cho gia vị, hạt tiêu để ướp thực phẩm (thịt, cá, tôm, rau, quả, ...). Sau đó lăn qua bột chiên mịn.

Đập trứng vào bát khuấy đều, nhúng thực phẩm vào trứng.

Đổ bột chiên xù vào bát, cho thực phẩm vào lăn đều. Sau đó để khoảng 3-4 phút cho bột bám chắc vào thực phẩm.

Đem chiên vàng trong chảo dầu đang sôi, để nhỏ lửa (khoảng 180°C).

Khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Số tự công bố: 03/Trần Hoàng/2025

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
Số: 03/2025/Trần Hoàng

1. Chỉ tiêu dinh dưỡng: Theo Thông tư 29/2023/TT-BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal/100g	366 ± 25%
2	Chất đạm	g/100g	11,7 ± 25%
3	Chất béo	g/100g	0,820 ± 25%
4	Carbohydrat	g/100g	77,9 ± 25%
5	Natri	mg/100g	7,07 ± 25%

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	0,1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vđộc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

4. Chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^5
2	E. Coli	CFU /g	10^2
3	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^3

5. Phụ gia thực phẩm: Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chiên các món như: Thịt, cá, tôm, rau, củ, quả,... hoặc các món chay..
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/Trần Hoàng/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG**

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0984 948 245

Mã số doanh nghiệp: 0901125653

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc giấy chứng nhận ISO): (ISO 22000:2018): TQC.03.7309; Ngày cấp 05/09/2025 , đơn vị cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL

1. Tên sản phẩm: Bột chiên giòn H-Trần Hoàng - Asea Đồng Tiền

2. Thành phần: Bột mì, tinh bột bắp, tinh bột khoai mì, chất nhũ hóa (450i), chất tạo xốp (500ii).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách đóng gói**: Khối lượng tịnh: 150 g ± 5 g; 1 kg, 20 kg hoặc khối lượng tịnh khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- **Chất liệu bao bì**: Sản phẩm được đóng trong túi chất liệu OPP/CPP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định: số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa; số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số: 01/2025/Trần Hoàng. Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

Dự thảo nhãn sản phẩm

Tên sản phẩm: Bột chiên giòn H-Trần Hoàng- Asea Đồng Tiền

Thành phần: Bột mì tinh bột bắp, tinh bột khoai mì, chất nhũ hóa (450i), chất tạo xốp (500ii).

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm		
Năng lượng	Kcal/100g	352
Carbohydrate	g/100g	75,9
Chất béo	g/100g	1,03
Chất đạm	g/100g	9,91
Natri	mg/100g	298

Chú ý: Giá trị dinh dưỡng nằm trong khoảng ± 25% so với mức công bố

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chiên tôm, gà, sườn, thân cá, hào, chuối, khoai lang, bông cải, ...

Hướng dẫn chiên:

Bước 1: Nguyên liệu: Tôm, cua, gà, mực, thịt thăn, cá hoặc rau củ để ráo.

Bước 2: Pha bột: 150g bột chiên hoà với 140ml nước, sau đó khuấy đều và mịn

Bước 3: Chiên: Nhúng tôm, cua, gà, mực, thịt thăn, cá hoặc rau củ... qua bột và chiên vàng giòn.

Khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Số tự công bố: 01/Trần Hoàng/2025

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
Số: 01/2025/Trần Hoàng

1. Chỉ tiêu dinh dưỡng: Theo Thông tư 29/2023/TT-BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	352 ± 25%
2	Chất đạm	g/100g	9,91 ± 25%
3	Chất béo	g/100g	1,03 ± 25%
4	Carbohydrat	g/100g	75,9 ± 25%
5	Natri	mg/100g	298 ± 25%

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	0,1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vđộc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

4. Chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^5
2	E. Coli	CFU /g	10^2
3	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^3

5. Phụ gia thực phẩm: Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chiên tôm, gà, sườn, thân cá, hào, chuối, khoai lang, bông cải

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 09/Trần Hoàng/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG**

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0984 948 245

Mã số doanh nghiệp: 0901125653

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc giấy chứng nhận ISO): (ISO 22000:2018): TQC.03.7309; Ngày cấp 05/09/2025 , đơn vị cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL

1. Tên sản phẩm: Bột béo H-Trần Hoàng

2. Thành phần: Tinh bột khoai mì (tinh bột củ sắn) , hương liệu tự nhiên

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách đóng gói**: Khối lượng tịnh: 150 g ± 5 g; 1 kg, 20 kg hoặc khối lượng tịnh khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- **Chất liệu bao bì**: Sản phẩm được đóng trong túi chất liệu OPP/CPP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định: số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa; số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số: 09/2025/Trần Hoàng. Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

Dự thảo nhãn sản phẩm

Tên sản phẩm: Bột béo H-Trần Hoàng

Thành phần: Tinh bột khoai mì (tinh bột củ sắn) , hương liệu tự nhiên .

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm		
Năng lượng	Kcal/100g	355
Carbohydrate	g/100g	85,5
Chất béo	g/100g	0,249
Chất đạm	g/100g	2,76
Natri	mg/100g	1,21

Chú ý: Giá trị dinh dưỡng nằm trong khoảng ± 25% so với mức công bố

Hướng dẫn sử dụng: Bột béo được dùng để tạo hương thơm đặc trưng như: Bánh mì, kem lạnh, các loại chè, nước cốt dừa,...

Hướng dẫn làm món kem lạnh:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

150g đường cát trắng; 25g bột béo; 500ml sữa tươi; 100g đậu xanh (hoặc 200g khoai môn).

Bước 2: Thực hiện

Cho bột béo, đường, sữa cho vào nồi để nhỏ lửa quấy đều tay cho đến khi hỗn hợp sánh sệt là được.

Đậu xanh bóc vỏ nấu chín cho vào xay thật mịn vào hỗn hợp vừa nấu chín.

Trộn chung tất cả các hỗn hợp vào thau, đặt trong đá lạnh, đánh đều cho đến khi hỗn hợp mịn.

Bước kế tiếp cho hỗn hợp vào khuôn làm kem để vào ngăn đá tủ lạnh khoảng 4,5 tiếng là bạn sẽ có một món kem thơm ngon hảo hạng.

Khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Số tự công bố: 09/Trần Hoàng/2025

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
Số: 09/2025/Trần Hoàng

1. Chỉ tiêu dinh dưỡng: Theo Thông tư 29/2023/TT-BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal/100g	355 ± 25%
2	Chất đạm	g/100g	2,76 ± 25%
3	Chất béo	g/100g	0,249 ± 25%
4	Carbohydrat	g/100g	85,5 ± 25%
5	Natri	mg/100g	1,21 ± 25%

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	0,1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vđộc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

4. Chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^5
2	E. Coli	CFU /g	10^2
3	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^3

5. Phụ gia thực phẩm: Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản

- Hướng dẫn sử dụng: Bột béo được dùng để tạo hương thơm đặc trưng như: Bánh mì, kem lạnh, các loại chè, nước cốt dừa,...

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC
VŨ THỊ TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/HOÀNG HẢI/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG HẢI

Địa chỉ: Thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243883681/0913536139

Mã số doanh nghiệp: 0101406020

Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP số: 282/2021/NNPTNT-HAN do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản cấp ngày 18/11/2021.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TƯƠNG ỚT HOÀNG HẢI FOOD**

2. Thành phần: nước, ớt (5%) , tỏi, chất ổn định (INS1422,415), muối ăn, cà chua cô đặc, đường kính, chất điều vị Mononatri glutamat (INS621), tinh dầu ớt, tinh dầu tỏi, chất tạo ngọt:Acesulfam kali (INS950), Aspartame (IN951), sucralose(INS955), chất bảo quản: axit Sorbic (INS200),kali sorbat(INS202), Sodium benzoate (INS211), chất điều chỉnh độ acid: Citric Acid (IN330), Acetic Acid (INS260), chất điều vị (I+G):Dinatri5'-inosinat (INS631), Dinatri5'-guanilat (INS627), Chất tạo màu: Pocecau 4R (INS124), sunset yellow (INS 110), Tartrazin (INS102), Chất chống oxi hóa (INS 223, INS 316, INS 300).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng ghi trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: đóng gói với khối lượng tịnh 300g, 330g, 350g, 370g, 400g, 450g, 500g, 700g, 900g, 930g, 950g, 1000g, 1800g, 1850gr, 1900g, 1950g, 2000g và theo nhu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa và chai thủy tinh. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*): Xem tài liệu đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- **Quyết định 46/2007/QĐ-BYT** ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

- **QCVN 8-2:2011/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- **Thông tư số 24/2019/TT-BYT** ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ki tên, đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG HẢI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hải

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

TƯƠNG ỚT HOÀNG HẢI FOOD

1. Thành phần: nước, ớt (5%) , tỏi, chất ổn định (INS1422,415), muối ăn, cà chua cô đặc, đường kính, chất điều vị Mononatri glutamat (INS621), tinh dầu ớt, tinh dầu tỏi, chất tạo ngọt:Acesulfam kali (INS950), Aspartame (IN951), sucralose (INS955), chất bảo quản: axit Sorbic (INS200),kali sorbat(INS202), Sodium benzoate (INS211), chất điều chỉnh độ acid: Citric Acid (IN330), Acetic Acid (INS260), chất điều vị (I+G): Dinatri5'-inosinat (INS631) Dinatri5'-guanilat (INS627), Chất tạo màu: Pocecau 4R (INS124), sunset yellow (INS 110), Tartrazin (INS102), Chất chống oxi hóa (INS 223, INS 316, INS300).

2. Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm dùng để chấm nêm nấu, hay tẩm ướp với nhiều món ăn hàng ngày: khô mực,gà rán, giò trả, khoai tây….

3. Ngày sản xuất: In trên bao bì

4. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. HSD in trên bao bì

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đậy nắp kín sau khi sử dụng. sẽ tốt hơn khi được bảo quản lạnh.

6. Khối lượng tịnh : ghi trên bao bì

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

8.. Sản xuất của: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG HẢI

Địa chỉ: Thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243883681/0913536139

Trang/ *Page No*: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL323040035804

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK HOÀNG HẢI**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Thôn Đoài, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 18/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 18/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 23/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **TƯƠNG ỚT HOÀNG HẢI FOOD**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LH	Trạng thái / Characteristic	Dạng sệt, không có tạp chất lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	LH	Màu sắc / Colour	Sản phẩm có màu đỏ cam	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	LH	Mùi, vị / Odor, Taste	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
4	LH	Asen (As) (*) / Asenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.02	TS-KT-QP-33:2020
5	LH	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-34:2020
6	LH	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-QP-36:2020
7	LH	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-QP-35:2020
8	LH	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
9	LH	Escherichia coli / Escherichia coli	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ *Page No*: 2/2

Mã số/ *Ref. No*: TSL323040035[illegible]

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
10	LS	Hàm lượng chất khô hòa tan (độ Brix) (*) / Soluble solids content (Brix) (*)	9.3	%	-	TS-KT-HCB-106:2020 (Ref. TCVN 4414:1987)
11	LH	Hàm lượng Axit (tính theo axit acetic) (*) / Acid content (as acetic acid) (*)	0.152	%	-	TS-KT-HCB-035:2018 (Ref. TCVN 3702:2009)
12	LH	Muối (NaCl) (*) / Salt (NaCl) (*)	3.59	%	-	TS-KT-HCB-009:2018
13	LH	Tro không tan trong HCl (*) / Ash insolube in HCl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.02	TS-KT-HCB-007:2020 (Ref. AOAC 920.46)
14	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
15	LH	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
16	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
17	LS	Acid benzoic / Acid benzoic	972	mg/kg	-	TS-KT-SK-26:2018 (Ref. TCVN 8122:2009)
18	LH	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi./ *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 32/Tuấn Phương/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tuấn Phương MTV**

Địa chỉ: khu Khả Lễ, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0399 203 996 - 0363 333 888

Mã số doanh nghiệp: 2300992253

Giấy xác nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm: 028/2022/ATTP-CNĐK; ngày cấp 26/4/2022; nơi cấp: Bản quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Bột Điều Đỏ**

2. Thành phẩm: Bột điều đỏ (50%) tinh bột bắp, muối ăn, màu thực phẩm (E120)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a. Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong túi PE, PP đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế

b. Quy cách bao gói.

- 100g/túi; 200g/túi; 500g/túi; 1kg/túi; 2kg/túi; 5kg/túi; 10kg/túi;

Tên và địa chỉ công ty sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê Công ty sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (dự thảo nhãn)

Bột Điều Đỏ

Sản phẩm của: **Công ty TNHH sản xuất TM và dịch vụ Tuấn Phương MTV**

Sản xuất tại: **Công ty TNHH sản xuất TM và dịch vụ Tuấn Phương MTV**

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1 - Khu Khả Lễ - Phường Võ Cường – TP. Bắc Ninh – Bắc Ninh

Điện thoại: 039.920.3996

Thành phần:

Khối lượng:

Hướng dẫn sử dụng: dùng để thắng dầu lấy màu sử dụng trong nấu ăn.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm mốc

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật: *Theo QĐ 46/2007/QĐ – BYT "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm"*

STT	Tên chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Tổng số Coliforms	CFU/g	10^3
3	*E.coli*	CFU/g	10^2
4	*S.aureus*	C FU/g	10^2
5	*Clostridium ferfringens*	CFU/g	10^2
6	*Bacillus cereus*	CFU/g	10^2
7	*Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc*	CFU/g	10^3

2. Hàm lượng kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0.2
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	0.1

3. Theo QCVN 8-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	*Aflatoxin* tổng số	µg/kg	4
2	*Ochratoxin* A	µg/kg	3
3	*Zearalenone*	µg/kg	100
4	*Fumonisin*	µg/kg	1000

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tuấn Phương MTV

(ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY T.N.H.H SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN PHƯƠNG MTV

GIÁM ĐỐC

Diêm Thị Oanh

QUY TRÌNH SẢN XUẤT BỘT ĐIỀU ĐỎ

Nhập các nguyên liệu

Kiểm tra

Cho các nguyên liệu vào máy phối trộn theo tỷ lệ

Đóng gói

Đóng thùng cát tông

Xếp kho

Xuất xưởng

DỰ THẢO NHÃN

BỘT ĐIỀU ĐỎ

Sản phẩm của: **Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tuấn Phương MTV**

Địa chỉ: khu Khả Lễ, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0399 203 996 – 0363 333 888

Thành phần cấu tạo:

Khối lượng

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

Ngày sản xuất và hạn sử dụng

Số công bố chất lượng

CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

BEST QUALITY

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

BỘT ĐIỀU ĐỎ

Red Annatto Powder

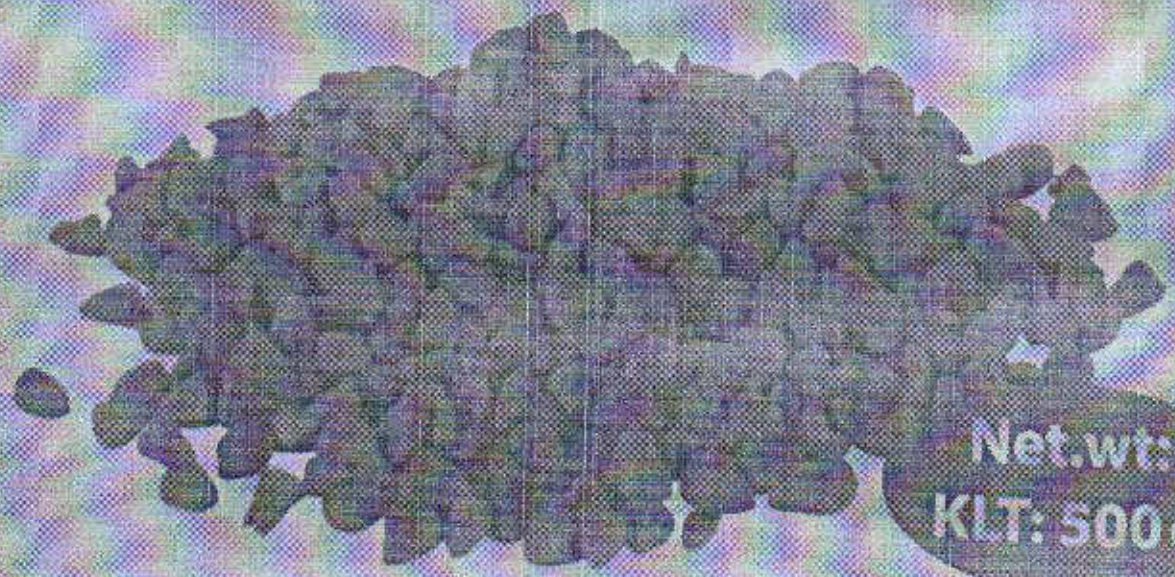

Net.wt:
KLT: 500g

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No.* TSL3220600152-16

1. **Tên khách hàng/** *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN PHƯƠNG MTV**
2. **Địa chỉ/** *Client's Address* : Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample(s) received* : 04/06/2022
4. **Ngày phân tích mẫu/** *Date of Performance of Test* : 04/06/2022
5. **Ngày trả kết quả/** *Date of Issue* : 13/06/2022
6. **Thông tin mẫu/** *Name of Sample* : **Bột điều đỏ**
7. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú/** *Note* :
9. **Bảng kết quả/** *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LH	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
2	LH	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
3	LH	Salmonella spp (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
4	LH	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
5	LH	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	2.2×10^4	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	LH	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
7	LH	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
8	LH	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
9	LH	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
10	LH	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi/ *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No* TSL3220600152-16

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212815-004-C.T.T.N.H.H TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

NGUYỄN MINH NHỰT

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2300992253

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 08 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN PHƯƠNG MTV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xóm 1, Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: *01699203996* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 1.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: DIÊM THỊ OANH Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *22/04/1981* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *125262748*

Ngày cấp: *30/12/2013* Nơi cấp: *Công an Bắc Ninh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 1, Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 1, Khu Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
Certificate of food safety conditions

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TỈNH BẮC NINH
Food Safety Management Authority of Bac Ninh Province

CHỨNG NHẬN
Certifies

Cơ sở (stablishment):
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tuấn Phương MTV

Loại hình (Type): Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (theo danh sách nhóm sản phẩm đính kèm).

Đại diện cơ sở: (Representative) ***Diêm Thị Oanh***
Địa chỉ: (Address) Xóm 1, khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại (Tel): 0399.203.996 Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
Conforms to food safety regulations
(Đối với nhóm sản phẩm trong danh mục kèm theo)

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 04 năm 2022

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM T. BẮC NINH
Nguyễn Vinh Thanh

Số cấp: 028/2022/ATTP-CNĐK
(Reg. No.)
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày 25 tháng 04 năm 2025
(Valid until) (Day) (Month) (Year)

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

(Kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 028/2022/ATTP-CNĐK ngày 26 tháng 4 năm 2022)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	**Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế**	
1	Men khô làm bánh	
II	**Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	
1	Mật ong	
2	Đường	
3	Điều	
4	Nông sản thực phẩm khác	
III	**Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**	
1	Dầu thực vật	
2	Bột, tinh bột	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HOÀNG HẢI/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG HẢI

Địa chỉ: Thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243883681/0913536139

Mã số doanh nghiệp: 0101406020

Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP số: 282/2021/NNPTNT-HAN do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản cấp ngày 18/11/2021.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC CHẤM CÁ CƠM HOÀNG HẢI FOOD**

2. Thành phần: mắm cốt (cá,muối), nước, đường kính, muối ăn, chất điều vị Mononatri glutamat (INS621),chất điều vị (I+G) Dinatri5'-inosinat(INS631), Dinatri5'-guanilat (INS627), chất tạo ngọt Acesulfam kali (INS950), đường Aspartame (IN951), đường sucralose(INS955), hương nước mắm tổng hợp, chất bảo quản axit Sorbic (INS200), Sodium benzoate (INS211), kali sorbat(INS202), chất điều chỉnh độ axit Acid citric (INS330), Axit acetic băng (INS260), màu tổng hợp (INS102), Caramen nhóm I (không xử lý) (INS 150a).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng ghi trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: đóng gói với thể tích: 800ml, 830ml, 850ml, 870ml, 900ml, 930ml, 950ml, 970ml, 980ml, 990ml, 1000ml, 1800ml, 1850ml, 1900ml, 1950ml, 2000ml, 4500ml, 4700ml, 4800ml, 5000ml, 20 lít, 30 lít và theo nhu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa hoặc chai thủy tinh. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*):

Xem tài liệu đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- **Quyết định 46/2007/QĐ-BYT** ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

- **QCVN 8-2:2011/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- **Thông tư số 24/2019/TT-BYT** ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG HẢI

PHO GIAM DOC

Đặng Ngọc Hải

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

NƯỚC CHẤM CÁ CƠM HOÀNG HẢI FOOD

1. Thành phần: mắm cốt (cá,muối), nước, đường kính, muối ăn, chất điều vị Mononatri glutamat (INS621),chất điều vị (I+G) Dinatri5'-inosinat(INS631), Dinatri5'-guanilat (INS627), chất tạo ngọt Acesulfam kali (INS950), đường Aspartame (IN951), đường sucralose(INS955), hương nước mắm tổng hợp, chất bảo quản axit Sorbic (INS200), Sodium benzoate (INS211), kali sorbat(INS202), chất điều chỉnh độ axit Acid citric (INS330), Axit acetic băng (INS260), màu tổng hợp (INS102), Caramen nhóm I (không xử lý) (INS 150a).

2. Hướng dẫn sử dụng: dùng làm gia vị cho các món ăn hàng ngày của gia đình

3. Ngày sản xuất: In trên bao bì

4. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. HSD in trên bao bì

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đậy nắp kín sau khi sử dụng.

6. Thể tích thực : ghi trên bao bì

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

8.. **Sản xuất của:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG HẢI

Địa chỉ: Thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243883681/0913536139

Trang/ *Page No:* 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No:* TSL323040035-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK HOÀNG HẢI**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Thôn Đoài, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 18/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 18/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 23/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **NƯỚC CHẤM CÁ CƠM HOÀNG HẢI FOOD**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LH	Màu sắc / Colour	Sản phẩm có màu vàng nâu	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	LH	Mùi, vị / Odor, Taste	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	LH	Asen (As) (*) / Asenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-QP-33:2020
4	LH	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-34:2020
5	LH	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.010	mg/L	-	TS-KT-QP-36:2020
6	LH	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-35:2020
7	LH	Độ trong / Transparency	Trong, không vẩn đục, không lắng cặn	-	-	TCVN 5107:2018
8	LH	Nitơ tổng (*) / Total nitrogen (*)	1.86	g/L	-	TCVN 3705:1990
9	LH	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL323040038

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
10	LH	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
11	LH	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25mL	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
12	LH	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
13	LH	Escherichia coli / Escherichia coli	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/mL	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
14	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	AOAC 975.55
15	LS	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
16	LS	Acid benzoic / Acid benzoic	119	mg/L	-	TS-KT-SK-26:2018 (Ref. TCVN 8122:2009)
17	LH	Muối (NaCl) (*) / Salt (NaCl) (*)	207	g/L	-	TCVN 3701:2009
18	LH	Hàm lượng axit (*) / Acid content (*)	3.09	mL NaOH 1N/100g	-	TS-KT-HCB-035:2018 (Ref. TCVN 3702:2009)
19	LH	Nitơ Amoniac (N-NH_3) (*) / Ammonia nitrogen (N-NH_3) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/L	0.267	TCVN 3706:1990
20	LH	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/Trần Hoàng/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG**

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0984 948 245

Mã số doanh nghiệp: 0901125653

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc giấy chứng nhận ISO): (ISO 22000:2018): TQC.03.7309; Ngày cấp 05/09/2025 , đơn vị cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL

1. Tên sản phẩm: **Bột năng H-Trần Hoàng**

2. Thành phần: Tinh bột năng (Tinh bột củ khoai mì)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách đóng gói**: Khối lượng tịnh: 150 g ± 5 g; 400g ,1 kg, 10 kg hoặc khối lượng tịnh khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- **Chất liệu bao bì**: Sản phẩm được đóng trong túi chất liệu OPP/CPP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định: số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa; số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số: 02/2025/Trần Hoàng. Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

Dự thảo nhãn sản phẩm

Tên sản phẩm: Bột năng H-Trần Hoàng

Thành phần: Tinh bột năng (Tinh bột củ khoai mì)

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm		
Năng lượng	Kcal/100g	359
Carbohydrate	g/100g	86,8
Chất béo	g/100g	0,963
Chất đạm	g/100g	0,815
Natri	mg/100g	4,38

Chú ý: Giá trị dinh dưỡng nằm trong khoảng ± 25% so với mức công bố

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chế biến các loại thực phẩm

Hướng dẫn làm món bánh bột lọc

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

Bột năng, tôm tươi, thịt lợn (Nên chọn thịt ba chỉ sẽ ngon hơn).

Xào nhân: Thịt, tôm rửa sạch lột vỏ, để ráo, ướp gia vị. Cho vào xào chín tới.

Bước 2: Thực hiện

- *Cho một gói bột năng vào thau (Bạn để lại một ít bột làm áo). Nước đun sôi chế từ từ vào thau, dùng đũa quậy đều. Sau đó dùng tay nhồi bột thật đều và mịn.*
- *Chia bột vừa nhồi thành từng miếng, phủ một lớp bột áo lên mặt thớt, đặt phần bột vừa chia vào dụng cụ cán bột lăn lên phần bột sao cho bột vừa mỏng tròn đều.*
- *Đặt bột vừa cán lên lòng bàn tay, cho nhân vào giữa, tiếp theo gấp miếng bột thành nửa hình tròn, bo nhân lại cùi cong đầu 2 bên cho nhân và miếng bột dính lại nhau.*
- *Luộc bánh: Nước sôi thả bánh vào luộc sao cho đến khi bánh chín và nổi lên là được. Vớt bánh ra, vớt vào nước lạnh (Nước đun sôi để nguội) rồi để ráo.*
- *Trình bày: Trình bày ra đĩa, rưới mỡ hành lên bánh, bánh bột lọc dùng chấm với nước mắm chua cay và rau thơm sẽ rất ngon.*

Khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG
Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Xuất xứ: Việt Nam
Số tự công bố: 02/Trần Hoàng/2025

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
Số: 02/2025/Trần Hoàng

1. Chỉ tiêu dinh dưỡng: Theo Thông tư 29/2023/TT-BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal/100g	359 ± 25%
2	Chất đạm	g/100g	0,815 ± 25%
3	Chất béo	g/100g	0,963 ± 25%
4	Carbohydrat	g/100g	86,8 ± 25%
5	Natri	mg/100g	4,38 ± 25%

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	0,1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vđộc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
2	Aflatoxin B1	µg/kg	5
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

4. Chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^5
2	E. Coli	CFU /g	10^2
3	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^3

5. Phụ gia thực phẩm: Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chế biến các loại thực phẩm
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, đóng kín miệng sau mỗi lần sử dụng.

7. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi hết hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/Trần Hoàng/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN HOÀNG**

Địa chỉ: Thôn Dương Xá, Phường Thượng Hồng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0984 948 245

Mã số doanh nghiệp: 0901125653

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc giấy chứng nhận ISO): (ISO 22000:2018): TQC.03.7309; Ngày cấp 05/09/2025 , đơn vị cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC GLOBAL

1. Tên sản phẩm: Bột chiên giòn H-Trần Hoàng - Asea Đồng Tiền

2. Thành phần: Bột mì, tinh bột bắp, tinh bột khoai mì, chất nhũ hóa (450i), chất tạo xốp (500ii).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách đóng gói**: Khối lượng tịnh: 150 g ± 5 g; 1 kg, 20 kg hoặc khối lượng tịnh khác tùy theo yêu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm. (Sai số định lượng phù hợp quy định thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- **Chất liệu bao bì**: Sản phẩm được đóng trong túi chất liệu OPP/CPP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định: số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa; số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 031/VFM WILMAR/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH XAY LÚA MÌ VFM – WILMAR.**

Địa chỉ: Lô 20, KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (0203) 3822566. Fax: (0203) 3848286.

E-mail : info-vfm@vfmvn.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5701591543.

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An Toàn Thực Phẩm: FSSC 22000 cấp ngày 12/04/2021, có hiệu lực đến ngày 19/10/2021.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘT MÌ ĐA DỤNG CAO CẤP HIỆU **MEIZAN**

2. Thành phần:

Bột mì 99%, vi chất dinh dưỡng sắt & kẽm, chất xử lý bột (E928)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Hạn sử dụng: 09 tháng kể từ ngày sản xuất, được in rõ trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì có khối lượng tịnh 0.5kg, 1kg, 5kg và 25kg hoặc đa dạng tùy theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên bao bì.

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm đóng trong bao PP, PP tráng nhựa (PP Laminated), PE, bao giấy hoặc các vật liệu khác phù hợp với quy định về vệ sinh an toàn đối với bao bì đựng thực phẩm.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 07 năm 2021

Giám Đốc Nhà Máy

M.S.D.N: 5701591543
CÔNG TY TNHH XAY LÚA MÌ VFM-WILMAR
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

Phan Đức Lượng

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Xay Lúa Mì VFM – WILMAR sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 - Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 – Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 9-2:2011/BYT ngày 30/05/2011– Về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng; Thông tư 24/2019/TT-BYT – quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm ngày 30/08/2019.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y Tế - Về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

- Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y Tế - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4359:2008 – Bột mì.

(Có bản thông tin chi tiết gửi kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Giám Đốc Nhà Máy

M.S.D.N: 5701591543 CÔNG TY TNHH XAY LÚA MÌ VFM-WILMAR TP.HẠ LONG - T.QUẢNG NINH

Phan Đức Lượng

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH XAY LÚA MÌ VFM – WILMAR	**TÊN SẢN PHẨM**	**SỐ TỰ CÔNG BỐ** 031/VFM WILMAR/2021
Lô 20, KCN Cái Lân, P.Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T.Quảng Ninh	BỘT MÌ ĐA DỤNG CAO CẤP HIỆU **MEIZAN**	Có hiệu lực từ Ngày 07 tháng 07 năm 2021

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm

BỘT MÌ ĐA DỤNG CAO CẤP HIỆU **MEIZAN**

1. Yêu cầu kỹ thuật.

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan.

- Màu sắc: Sản phẩm có màu trắng ngà.
- Trạng thái: Sản phẩm ở dạng bột mịn, tơi, không sâu mọt, không lẫn tạp chất.
- Mùi, vị: Sản phẩm có mùi thơm đặc trưng, không có mùi chua, hôi mốc. Không có mùi lạ hoặc không có vị chua, đắng, vị lạ.

1.2 Các chỉ tiêu hóa lý (theo TCVN 4359:2008).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	%KL	≤ 14.0
2	Hàm lượng Protein	%KL	9.5 – 12.0
3	Hàm lượng tro	%KL	≤ 0.7
4	Hàm lượng Gluten ướt	%KL	≥ 26
5	Độ acid	ml NaOH / 100 g chất khô	≤ 4
6	Độ mịn	% hạt (qua sàng 212 µm)	≥ 98
7	Hàm lượng Cacbon hydrat	%KL	70 – 80
8	Hàm lượng chất béo	%	≤ 2
9	Năng lượng	Kcal	300 - 400

1.3 Các chỉ tiêu vi sinh (Quyết định số 46/2007theo /QĐ-BYT).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TSVKHK	CFU/g	$\leq 10^6$
2	Coliforms	CFU/g	$\leq 10^3$
3	CL. perfringens	CFU/g	$\leq 10^2$
4	S.aureus	CFU/g	$\leq 10^2$

5	E. Coli	CFU/g	$\leq 10^2$
6	Bacillus Cereus	CFU/g	$\leq 10^2$
7	TSBTNM-M	CFU/g	$\leq 10^3$

1.4 Hàm lượng kim loại nặng (theo QCVN 8-2:2011/BYT).

TT	Tên chất	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen	mg/kg	1.0
2	Chì	mg/kg	0.2
3	Cadimi	mg/kg	0.1

1.5 Độc tố vi nấm (QCVN 8-1:2011/BYT).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin tổng	µg/kg	≤ 4
2	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 2
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	≤ 3
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	≤ 750
5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	≤ 75

1.6 Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (Thông tư số 50/2016/TT-BYT).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Bioresmethrin	mg/kg	≤ 1.0
2	Carbaryl	mg/kg	≤ 0.2
3	Chlorpyrifos	mg/kg	≤ 0.1
4	Dichlorvos	mg/kg	≤ 0.7
5	Imidacloprid	mg/kg	≤ 0.03
6	Malathion	mg/kg	≤ 0.2
7	Methomyl	mg/kg	≤ 0.03
8	Permethrin	mg/kg	≤ 0.5
9	Piperonyl Butoxide	mg/kg	≤ 10
10	Sulfuryl fluoride	mg/kg	≤ 0.1
11	Deltamethrin	mg/kg	≤ 0.3
12	Diquat	mg/kg	≤ 0.5
13	Chlormequat	mg/kg	≤ 2.0

1.7 Bổ sung vi chất dinh dưỡng (Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 và QCVN 9-2:2011/BYT)

Vi chất dinh dưỡng	Hàm lượng vi chất dinh dưỡng bổ sung (mg/kg)	
	Tối thiểu	Tối đa
Sắt (Fe)	27,8	51,6
Kẽm (Zn)	70,9	131,7

2. Thành phần cấu tạo:

Bột mì 99%, vi chất dinh dưỡng sắt & kẽm, chất xử lý bột (E928)

3. Phụ gia thực phẩm:

Chất xử lý bột (E928), liều lượng: tối đa 75ppm.

4. Bổ sung vi chất dinh dưỡng:

- Vi chất dinh dưỡng Sắt: 27.8-51.6 ppm
- Vi chất dinh dưỡng Kẽm: 70.9-131.7 ppm

5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn: Dùng để chế biến thực phẩm (sản xuất theo đơn đặt hàng).
- Bảo quản: Nơi sạch sẽ, khô mát, tránh ánh nắng và xa thực phẩm có mùi.
- Khuyến cáo: Nên hun trùng định kì hàng tháng trong thời gian lưu kho hoặc bảo quản ở nhiệt độ dưới 20°C để ngăn ngừa phát sinh sâu mọt.

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Giám Đốc Nhà Máy

CÔNG TY TNHH XAY LÚA MÌ VFM-WILMAR

Phan Đức Lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 51/ BKHC/ 2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu**

Địa chỉ: Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) -38621520 Hotline: 0886066666

E-mail: phongkdtthaichau@gmail.com

Website : http://www.haichau.com.vn

Mã số doanh nghiệp : 0100114184

II. Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **Bột canh I - ốt Hải Châu**

2. Thành phần: Muối Iốt, hành lá, tiêu bột, ớt bột.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm : 9 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Sản phẩm được bao gói trong túi OPP/MCPP, OPP/PP hoặc PP, PE đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

- Quy cách đóng gói: 60g, 80g, 90g, 100g, 110g, 120g, 150g, 160g, 170g, 180g, 190g, 200g, 215g, 220g, 240g, 250g, 260g, 265g, 270g, 275g, 280g, 300g, 315g, 320g, 350g, 400g, 450g, 500g, 600g, 700g, 800g, 850g, 900g, 950g, 1kg, 1,5kg, 2kg, 2,5kg, 3kg, 3,5kg, 4kg, 4,5kg, 5kg, 5,5kg, 6kg, 6,5kg, 7kg, 7,5kg, 8kg, 8,5kg, 9kg, 9,5kg, 10kg/gói (hộp).

5. Sản xuất tại :

(H) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu). Khu Đồng Thủy, thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Điện thoại: (84-221)-3788283/3730373, Fax: (84-221) - 3997733/3788008.

(N) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu II). Khu công nghiệp Đông Hồi, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Điện thoại: (84-238)-3665567, Fax: (84-238) -3661688.

III. Mẫu nhãn sản phẩm : (có nội dung nhãn dự thảo đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm :

- Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

- Theo QCVN 8-1: 2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc giá đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Theo QCVN 8-3:2012/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Thủ tướng chính phủ ban hành về "nhãn hàng hóa".

- Theo thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế về Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hội

Nội dung nhãn dự thảo

- Sản phẩm của: **Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Địa chỉ: 15 Mạc Thị Bưởi - Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) -38621520 Hotline: 0886066666

E-mail: phongkdtthaichau@gmail.com

Website: http://www.haichau.com.vn

- Tên sản phẩm: **Bột canh I - ốt Hải Châu**

- Thành phần: Muối Iốt, hành lá, tiêu bột, ớt bột.

- Sản xuất tại:

(H) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu). Khu Đồng Thủy, thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Điện thoại: (84-221)-3788283/3730373, Fax: (84-221) - 3997733/3788008

(N) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu II). Khu công nghiệp Đông Hồi, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Điện thoại: (84-238)-3665567, Fax: (84-238) -3661688

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Sản phẩm được sử dụng để ướp các loại thực phẩm trước khi nấu, nêm các loại canh, súp hoặc dùng thay cho các loại nước chấm.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Đăng kí bản quyền tác giả số 4869/2013/QTG

- Hạn sử dụng, ngày sản xuất, khối lượng tịnh: in trên bao bì sản phẩm.

- Ngày sản xuất: DD / MM / YY (H)

DD / MM / YY (N)

- Ký hiệu địa chỉ nhà máy (H), (N) xem bên cạnh ngày sản xuất.

- Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Hàm lượng muối ăn (NaCl): ≥ 74 %

Hàm lượng monoglutamat: ≤ 15 %

Hàm lượng I ốt tính theo KIO3: ≤ 40 (mg/kg)

- Xuất xứ: Việt Nam

Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng bột khô, tơi.
- Màu sắc: Màu trắng ngà xen lẫn màu đen hạt tiêu
- Mùi vị: vị mặn, có mùi vị đặc trưng có sản phẩm, không có mùi vị lạ

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng muối ăn (NaCl)	%	≥ 74
2	Hàm lượng monoglutamat	%	≤ 15
3	Hàm lượng I ốt	mg/kg	≤ 40

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*E. Coli*	MNP/g	3
3	Coliforms	MNP/g	10
4	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	10
5	*Clostridium perfringens*	CFU/g	10
6	*Bacillus cereus*	CFU/g	10
7	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^2
8	*Salmonella*	Phát hiện/25g	0

4. Hàm lượng kim loại nặng :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2
2	Hàm lượng asen (As)	mg/kg	2
3	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/kg	30
4	Hàm lượng Cadimin (Cd)	mg/kg	2

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

In lộ trong

Khổ giấy: 384 mm, bước cắt 255 mm. Kích thước túi sau dán: 255 x 180 mm (DxR).
Dán đáy: 12mm, Dán bụng: 12mm. Chất liệu: OPP20/KCPP50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00122016
Mã số kết quả : AR-22-VD-126442-01 / EUVNHC-00187347

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU
15 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam

Tên mẫu :	Bột canh I ot Hải Châu
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	05/10/2022
Thời gian thử nghiệm :	05/10/2022 - 10/10/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	11/10/2022
Mã số PO của khách hàng :	NGM2221005074-HN
Mã số mẫu Eol :	005-32410-112258

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) *Salmonella*	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW00G VW (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	ISO 6888-1:2021	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW015 VW (a) *Coliforms*	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013); TCVN 4884-2:2015 (ISO 4833-2:2013)	$8.0x10^3$
6	VW022 VW (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008); TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	1.06
8	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	%	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	79.0
9	VD18K VD (a) Iod	mg/ kg	TCVN 6487:1999	Phát hiện vết (<10)
10	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	0.05
12	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.01)
13	VW02M VW Đồng (Cu)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-16655 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.3)
14	VDMSG VD (a) Monosodium glutamate	%	TCVN 12627:2019	7.00

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Trưởng Phòng Thí Nghiệm Chi Nhánh Hà Nội

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Thị Nhàn
Giám Đốc chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 13/10/2022

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

10478.25

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 037181 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37552.25

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Carbohydrate	AOAC 2020.07 (a)	20,50 (theo thông tư số 29/2023/TT-BYT)	g/100 g
2	Chất béo/Lipid	AOAC 922.06	1,61	g/100 g
3	Năng lượng	HD.PP.11-1/TT.LH (Regulation (EU) No 1169/2011)	160,45	kcal/100 g
4	Chất đạm/Protein	HD.PP.13/TT.LH:2023 (Ref. AOAC 991.20) (a)	15,99	g/100 g (Nx6,25)

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 037182 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37553.25

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Natri (Na)	HD.PP.36/TT.AAS:2024 (Ref. AOAC 985.35, AOAC 984.27) (a)	21267	mg/100 g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 037183 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37554.25

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thúy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Béo bão hòa	HD.PP.74/TT.SK:2024 (a)	0,70	g/100 g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 037184 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37555.25

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Đường tổng số	HD.PP.20/TT.SK:2024 (a)	12,48 (theo thông tư số 29/2023/TT-BYT)	g/100 g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Đường tổng số gồm: Lactose, Glucose, Fructose, Saccharose (Sucrose), Maltose, Galactose, Xylose.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 037185 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37556.25

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a)	$1,0 \times 10^3$	CFU/g
2	*Escherichia coli*	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a)	< 10	CFU/g
3	*Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55 (a)	< 10	CFU/g
4	*Salmonella spp.*	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 (a)	Không phát hiện	/25 g
5	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (a)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 037186 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37557.25

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	0,08	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 037187 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 37558.25

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MASAN HD

Địa chỉ : LÔ 22, KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN, PHƯỜNG TỨ MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu : **HẠT NÊM NGỌT TÔM THƠM THỊT CHIN-SU MỚI (SỐ TCCS 121:2024/MS102) - NSX: 23/10/25**

Ngày lấy mẫu : 27/10/2025

Lượng mẫu : 01 gói x 1,8 kg

Ngày nhận mẫu : 27/10/2025

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025-05/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK: 2023 (Ref. AOAC 2005.08) (a)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
2	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK: 2023 (Ref. AOAC 2005.08) (a)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
3	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK:2023 (Ref. AOAC 2004.10) (a)	Không phát hiện LOD = 0,15	µg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 231025 - HSD: 231026. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 07/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
****

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/NSVN/2025

TƯƠNG CÀ BẾP VIỆT QUÊ TÔI

Hải Phòng - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/NSVN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

2. Địa chỉ: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

3. Điện thoại: 1800585893

Email: tuongotquetoi.374@gmail.com

4. Mã số doanh nghiệp: 0201933687

5. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2018 do Công ty TNHH chứng nhận TQCSI Việt Nam cấp ngày 04/4/2022.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG CÀ BẾP VIỆT QUÊ TÔI

2. Thành phần: Nước, đường, cà chua cô đặc (2.5%), tinh bột biến tính, muối, chất làm dày (1422, 415), chất điều chỉnh độ axit (260, 330), chất bảo quản (211, 200), chất điều vị (621, 631, 635), hương liệu tổng hợp (hương cà chua, hương me), chất tạo ngọt nhân tạo (951), chất tạo màu tổng hợp (110, 124).

3. Bảo quản và thời hạn sử dụng sản phẩm

a) Bảo quản: bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi khô ráo, thoáng mát.

b) Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Đóng chai: 500ml; Đóng can: 2 lít hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Bao bì trực tiếp là chai từ nhựa PET, can từ nhựa PET hoặc HDPE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: số 374A, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm theo bản tự công bố này)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 02:2025/NSVN đính kèm, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0201938687
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Cẩm Vân

NHÃN DỰ KIẾN

TƯƠNG CÀ BẾP VIỆT QUÊ TÔI

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	42	kcal	2%
Chất đạm (Protein)	0.82	g	2%
Carbohydrate	7.92	g	2%
Đường tổng số (Total Sugars)	2.12	g	-
Chất béo (Fat)	0.78	g	2%
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	-	g	-
Natri (Sodium)	879	mg	44%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.

Thành phần: Nước, đường, cà chua cô đặc (2.5%), tinh bột biến tính, muối, chất làm dày (1422, 415), chất điều chỉnh độ axit (260, 330), chất bảo quản (211, 200), chất điều vị (621, 631, 635), hương liệu tổng hợp (hương cà chua, hương me), chất tạo ngọt nhân tạo (951), chất tạo màu tổng hợp (110, 124).

Thể tích thực: ….ml

Ngày sản xuất: (xem trên nhãn)

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chấm trực tiếp tăng thêm vị ngon cho các món ăn hấp dẫn như: pizza, hamburger, bánh mì, thịt nướng, khoai tây chiên, mì xào, nui xào,….

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở điều kiện thường, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, nên bảo quản ở ngăn mát tủ lạnh sau khi mở nắp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng, hoặc có màu và mùi lạ

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việ t Nam.

Địa chỉ sản xuất: số 374A, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 1800585893

Xuất xứ: Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	TCCS 02:2025/NSVN
	TƯƠNG CÀ BẾP VIỆT QUÊ TÔI	Có hiệu lực từ 08/02/2025

I. Yêu cầu kỹ thuật:

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đỏ đến đỏ sẫm đặc trưng của sản phẩm.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh và đồng nhất.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của tương cà, không có mùi, vị lạ
- Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: không có.

2. Các chỉ tiêu dinh dưỡng: Phù hợp theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị thấp	Giá trị trung bình	Giá trị cao
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100 g	30,24	42	53.76
2	Chất đạm (Protein)	g/100 g	0,59	0,82	1.0496
3	Carbohydrat (Carbohydrate)	g/100 g	5,7	7,92	10,14
4	Chất béo (Total Fat)	g/100 g	0,56	0,78	0,99
5	Natri (Sodium)	mg/100 g	632	879	1125
6	Đường tổng số	mg/100 g	1,52	2,12	2,71

3. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Thành phần	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Asen (As)	mg/kg	≤ 5,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0,05

4. Hàm lượng phụ gia: Trong giới hạn cho phép tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

II. Quy trình sản xuất

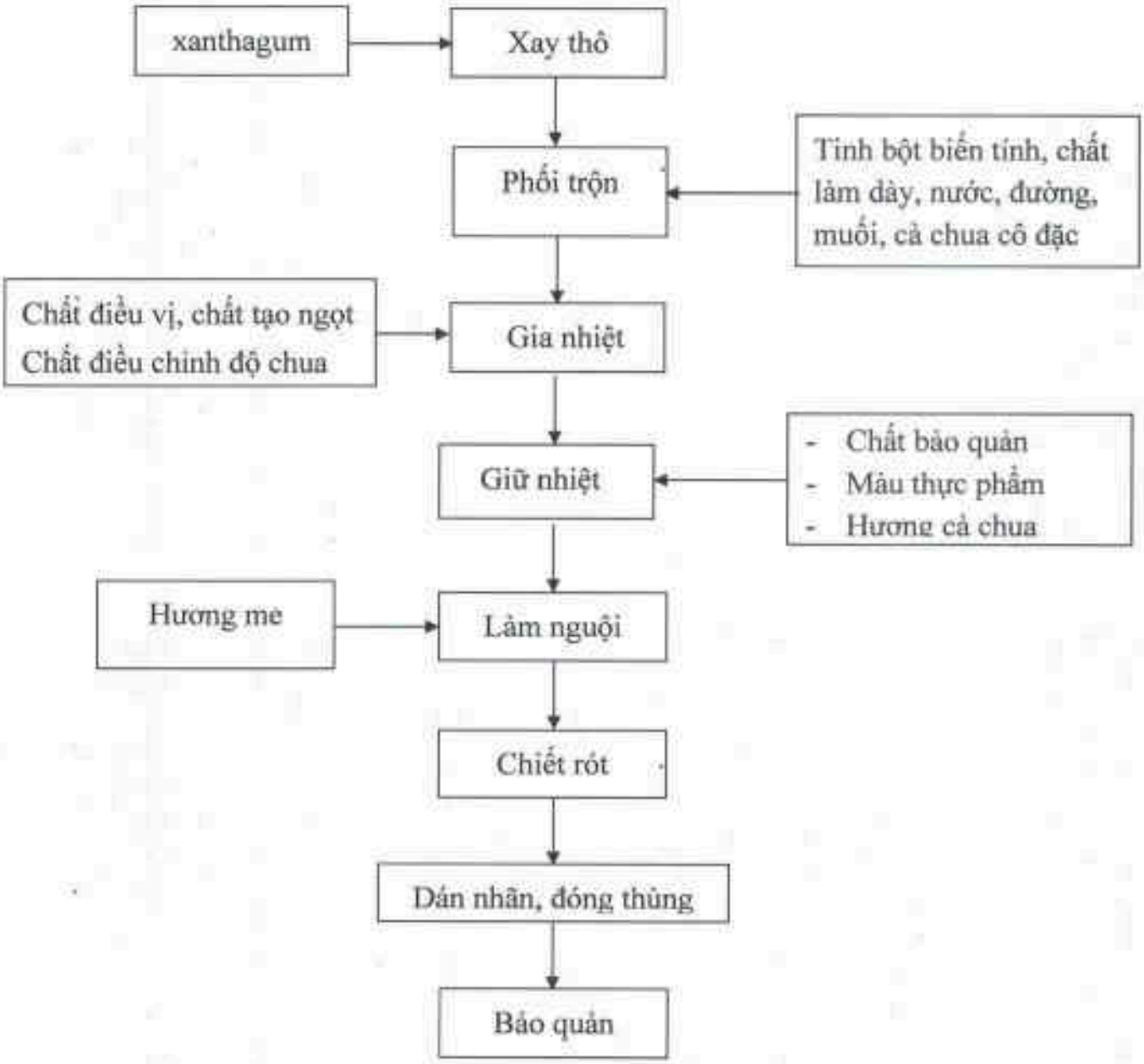

Tiêu chuẩn có hiệu lực từ ngày ký./.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 2 năm 2025

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Cẩm Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
****

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/NSVN/2025

NƯỚC TƯƠNG BẾP VIỆT QUÊ TÔI

Hải Phòng - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/NSVN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
2. Địa chỉ: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

3. Điện thoại: 1800585893

Email: tuongotquetoi.374@gmail.com

4. Mã số doanh nghiệp: 0201933687

5. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2018 do Công ty TNHH chứng nhận TQCSI Việt Nam cấp ngày 04/4/2022.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG BẾP VIỆT QUÊ TÔI

2. Thành phần: nước, muối, cốt nước tương cô đặc (2%), xì dầu, chất làm dày (1422, 415), đường, tinh bột biến tính, chất tạo màu (150c) tổng hợp, chất điều vị (621, 631, 635), hương liệu nước tương tổng hợp, bột xì dầu, chất điều chỉnh độ axit (330), chất bảo quản (211, 200), chất tạo ngọt (951) nhân tạo.

3. Bảo quản và thời hạn sử dụng sản phẩm

a) Bảo quản: bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi khô ráo, thoáng mát.

b) Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Đóng chai: 500ml; Đóng can: 2 lít hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Bao bì trực tiếp là chai từ nhựa PET, can từ nhựa PET hoặc HDPE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: số 374A, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm theo bản tự công bố này)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2025/NSVN đính kèm, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0201933487 CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Cẩm Vân

NHÃN DỰ KIẾN

NƯỚC TƯƠNG BẾP VIỆT QUÊ TÔI

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100ml		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	**23.9**	**kcal**	**1%**
Chất đạm (Protein)	**0.99**	**g**	**2%**
Carbohydrate	**3.76**	**g**	**1%**
Đường tổng số (Total Sugars)	**2.28**	**g**	**-**
Chất béo (Fat)	**0.54**	**g**	**1%**
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	**-**	**g**	**-**
Natri (Sodium)	**2478**	**mg**	**124%**

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.

Thành phần: nước, muối, cốt nước tương cô đặc (2%), xì dầu, chất làm dày (1422, 415), đường, tinh bột biến tính, chất tạo màu (150c) tổng hợp, chất điều vị (621, 631, 635), hương liệu nước tương tổng hợp, bột xì dầu, chất điều chỉnh độ axit (330), chất bảo quản (211, 200), chất tạo ngọt (951) nhân tạo.

Thể tích thực: ....ml

Ngày sản xuất: (xem trên nhãn)

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để sử dụng làm gia vị trong các bữa ăn hàng ngày, tạo hương vị đậm đà trong các bữa ăn hoặc dùng để ướp thịt, cá. Nêm vào các món xào, kho.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở điều kiện thường. Để nơi khô ráo, thoáng mát.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã qúa hạn sử dụng hoặc bị mốc có màu, mùi lạ

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: số 374A, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 1800585893

Xuất xứ: Việt Nam.

I. Yêu cầu kỹ thuật:

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu nâu đen đến đen đặc trưng của sản phẩm.
- Trạng thái: Thể lỏng, sánh, không vẩn đục.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của nước tương, không có mùi, vị lạ
- Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: không có.

2. Các chỉ tiêu dinh dưỡng: Phù hợp theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị thấp	Giá trị trung bình	Giá trị cao
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100 g	17,2	23,9	30,59
2	Chất đạm (Protein)	g/100 g	0,71	0,99	1,26
3	Carbohydrat (Carbohydrate)	g/100 g	2,7	3,76	4,81
4	Chất béo (Total Fat)	g/100 g	0,38	0,54	0,69
5	Natri (Sodium)	mg/100 g	1784	2478	3171
6	Đường tổng số	mg/100 g	1,64	2,28	2.92

3. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN-8-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Thành phần	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Asen (As)	mg/l	≤ 5,0
2	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 1,0
3	Chì (Pb)	mg/l	≤ 2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,05

4. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT- Quy chẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/l	≤ 2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/l	≤ 4

5. Hàm lượng các chất độc, hại không mong muốn khác: Theo Quyết định 11/2005/QĐ-BYT ngày 25/3/2005 của Bộ Y tế.

STT	Thành phần	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng 3-MCPD	mg/l	≤ 1

6. Hàm lượng phụ gia: Trong giới hạn cho phép tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

II. Quy trình sản xuất

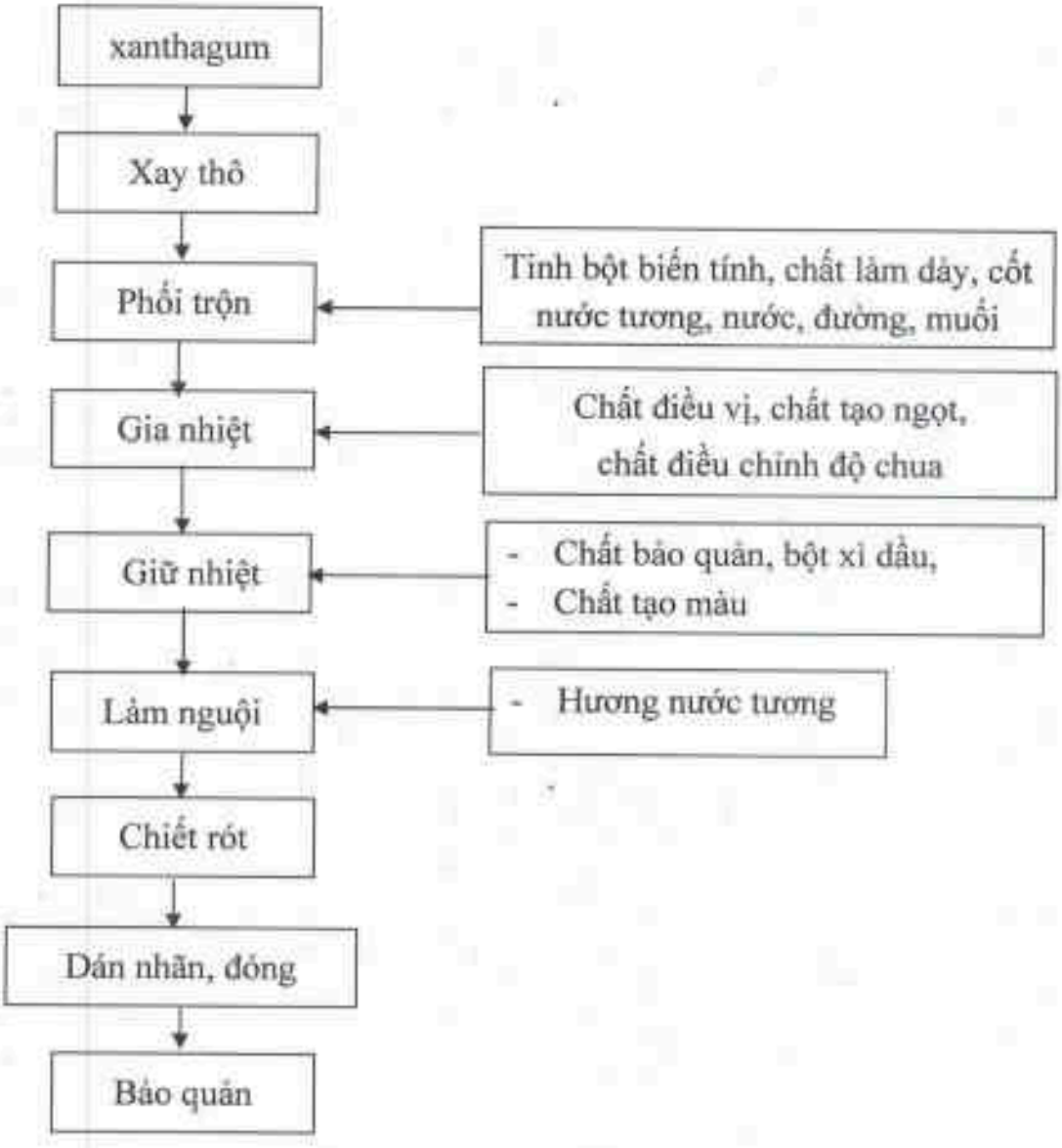

Tiêu chuẩn có hiệu lực từ ngày ký./.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 2 năm 2025

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Thắm Vân

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 148.../2023/CV-MSI *V/v: Cập nhật nội dung tự công bố và bổ sung mẫu nhãn sản phẩm*	*Bình Dương, ngày 05 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: **Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm - Sở Y Tế Bình Dương**

Lời đầu tiên, Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan trân trọng gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Sở Y Tế Bình Dương trong thời gian qua.

Công ty là tổ chức sản xuất kinh doanh sản phẩm **Nước Chấm Nam Ngư Siêu Tiết Kiệm** theo bản tự công bố sản phẩm số: 001/MSI/2018, công văn số 189/2021/CV-MSI, công văn số 52/2022/CV-MSI và công văn số 46/2023/CV-MSI đã được Công ty hoàn tất thủ tục tự công bố theo trình tự tại Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An Toàn Thực Phẩm.

Bằng công văn này, theo Khoản 4 Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Công ty xin thông báo các bổ sung, thay đổi như sau:

1. Bổ sung, cập nhật quy cách đóng gói tại Khoản 4 Mục II TCB:
   *"**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:***
   - Chất liệu bao bì:
   - *Chai: nhựa PET*
   - *Nắp: nhựa HDPE và LLDPE*
   - *Thùng: giấy carton*

   - Quy cách bao gói:
   - *Đóng chai với thể tích thực: 800 ml; 4,8 L; 1,8 L*
   - *Đóng thùng với thể tích thực: 14,4 L (18 chai x 800 ml); 19,2 L (4 chai x 4,8 L); 10,8 L (6 chai x 1,8 L)."*
2. Bổ sung nhãn chai 1,8 L và nhãn thùng 10,8 L (6 chai x 1,8 L) (đính kèm).

Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi với hồ sơ tự công bố.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận: - *Như trên;* - *Lưu VT.*	**ĐẠI DIỆN CÔNG TY** CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN Huỳnh Công Hoàn

TCCS: 01:2018/MS102-1.8

Thành phần:

Thành phần chính (> 97 %): Nước muối, nước mắm cốt cá cơm (cá, muối)

Thành phần khác (< 3 %): Chất điều vị (621, 635), chất điều chỉnh độ acid (330), hương liệu (tổng hợp giống tự nhiên), chất tạo màu (150a, 120) tự nhiên, đường, chất bảo quản (211), chất tạo ngọt (955) tổng hợp, chất làm dày (415), chiết xuất trái dành dành

Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ thủy sản.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chấm hoặc chế biến các món ăn hàng ngày cho gia đình

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Đậy nắp kín sau khi sử dụng.

Sản xuất tại Việt Nam

Hình ảnh treo bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

BGNA01333

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản phẩm chất lượng của: Masan consumer

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan

Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

TƯ VẤN KHÁCH HÀNG: **1800 6068**

Sản xuất theo số TCCS 01:2018/MS102

(*) So với Nước chấm Nam Ngư siêu tiết kiệm chai 800 ml về giá bán

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn

Mã kiểm soát AW:
BGNA01333.01.2018.MS102

05 -10- 2023

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Quy cách xếp pallet
Pallet: 1,2 m x 1 m
(16 thùng x 4 lớp)

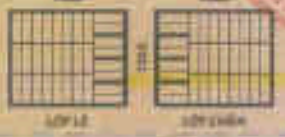

BGTA00582

Chai lớn TIẾT KIỆM HƠN

NƯỚC CHẤM SIÊU TIẾT KIỆM Nam Ngư®

LỰA CHỌN VÌ SỨC KHỎE

03NM00750

Thể tích thực: 10,8 L (6 chai x 1,8 L)

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm chất lượng của Masan CONSUMER

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan

Lô O6, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu. Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

(*) Sản phẩm chính hãng được viết bằng chữ Hán và tiếng Việt

03NM00750

Chai lớn TIẾT KIỆM HƠN

NƯỚC CHẤM SIÊU TIẾT KIỆM Nam Ngư®

LỰA CHỌN VÌ SỨC KHỎE

03NM00750

NƯỚC CHẤM SIÊU TIẾT KIỆM Nam Ngư®

LỰA CHỌN VÌ SỨC KHỎE

03NM00750

05 -10- 2023

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Quy cách xếp pallet
Pallet: 1,2 m x 1 m
(16 thùng x 4 lớp)

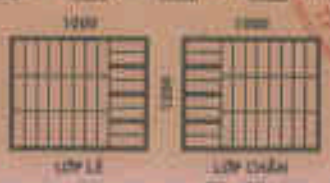

Chai lớn TIẾT KIỆM HƠN

SIÊU TIẾT KIỆM

NƯỚC CHẤM Nam Ngư® SIÊU TIẾT KIỆM

LỰA CHỌN VÌ SỨC KHỎE

Thể tích thực: 10,8 L (6 chai x 1,8 L)

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm chất lượng của Masan consumer

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan
Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu. Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

(*) So với Nước chấm Nam Ngư siêu tiết kiệm chai 800 ml về giá bán

03NM00750

1 89 36136 16879 8

BGTA00582

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn

Mã kiểm soát AW:
BGTA00582.01.2018.MS102

05 -10- 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MSCN: 0100114184-011-CP
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU (NHÀ MÁY BÁNH KẸO HẢI CHÂU)
H. VĂN GIANG-T. HƯNG YÊN

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số 88/ BKHC/ 2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu- Nhà máy bánh kẹo Hải Châu**

Địa chỉ: Khu Đồng Thủy- thôn Đông Khúc- xã Vĩnh Khúc- huyện Văn Giang- tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: (84- 221) -3788283/3730373 Fax: (84- 221)-3997733/3788008

E-mail: phongkdtthaichau@gmail.com

Mã số chi nhánh : 0100114184-011

Số giấy chứng nhận cơ sở dủ điều kiện ATTP : 254/2017/NNPTNT-0321. Ngày cấp: 10 tháng 6 năm 2017. Nơi cấp : Chi cục quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **Bột canh i ốt Hải Châu**

2. Thành phần : Muối I ốt, chất điều vị (621), đường, bột tỏi, bột tiêu, chất điều vị (631, 627).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm : 9 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Chất liệu bao bì: OPP/PP hoặc OPP/MCPP

- Quy cách đóng gói: (60g, 80g, 90g, 100g, 110g, 120g, 150g,160g, 170g, 180g, 190g, 200g, 215g, 220g, 240g, 250g, 260g, 265g, 270g, 275g, 280g, 300g, 315g, 320g, 350g, 400g, 500g, 600g, 700g, 800g, 850g, 900g, 950g, 1000g, 1050g, 1100g, 1150g, 1200g, 1250g, 1300g) / gói (hộp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm : (có nội dung nhãn dự thảo đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm :

- Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Theo văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y Tế về thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- Theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành về "nhãn hàng hóa"

- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

MSCN: 0100114184 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU (NHÀ MÁY BÁNH KẸO HẢI CHÂU) H. VĂN GIANG - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hội

MSCN: 010011 CHI N CÔNG TY BÁNH KẸO (NHÀ MÁY HẢI C H. VĂN GIANG

Nội dung nhãn dự thảo

- Sản phẩm của: **Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Địa chỉ: 15 Mạc Thị Bưởi - Hai Bà Trưng - Hà Nội – Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) -38621520 /36365592

Fax: (84-24) -38621520/36365594

- Sản xuất tại:

(H) Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu)

Khu Đồng Thủy, thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: (84-221) -3788283/3730373 Fax: (84-221) -3997733/3788008

(N) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu II).

Khu công nghiệp Đông Hồi, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Điện thoại: (84-238)-3665567 Fax: (84-238) -3661688

- Tên sản phẩm : **Bột canh i ốt Hải Châu**

- Thành phần: Muối I ốt, chất điều vị (621), đường, bột tỏi, bột tiêu, chất điều vị (631, 627).

- Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Hàm lượng muối ăn (NaCl):	$\geq$ 74%
Hàm lượng mononatri glutamat:	$\leq$ 15%
Hàm lượng I ốt tính theo KIO_3:	$\leq$ 40 (mg/kg)

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm.

- Đăng kí bản quyền tác giả số 4869/2013/QTG

- Kí hiệu địa chỉ nhà máy (H), (N) xem bên cạnh ngày sản xuất.

- **Hướng dẫn sử dụng và bảo quản**: Sản phẩm được sử dụng để ướp các loại thực phẩm trước khi nấu, nêm các loại canh, súp hoặc dùng thay cho các loại nước chấm.

- Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng mặt trời

- Hãy giữ sạch đường phố

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU (NHÀ MÁY BÁNH KẸO HẢI CHÂU) MSCN: 0100114184-011-CP H. VĂN GIANG - T. HƯNG YÊN

Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột khô, tơi
2	Mầu sắc	Mầu trắng ngà xen lẫn mầu đen hạt tiêu
3	Mùi, vị	Vị mặn, ngọt, có mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng muối ăn (NaCl)	%	≥ 74
2	Hàm lượng mononatri glutamat	%	≤ 15
3	Hàm lượng I ốt tính theo KIO_3	(mg/kg)	≤ 40

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*E. Coli*	CFU/g	3
3	Coliforms	CFU/g	10^2
4	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	10^2
5	*Salmonella*	Phát hiện/25g	0
6	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^2

1.4. Hàm lượng kim loại nặng :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2
2	Hàm lượng asen (As)	mg/kg	2
3	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	2
4	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/kg	30

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

SẢN PHẨM CỦA: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

ĐỊA CHỈ: 15 MẠC THỊ BƯỞI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI, VIỆT NAM

Điện thoại: (84-24) 38621520 /36365592 Hotline: 0886066666

E-mail:phongkdtthaichau@gmail.com Website: http://www.haichau.com.vn

Thành phần:
Muối iốt, chất điều vị (INS 621), đường, bột iốt, bột tiêu, chất điều vị (INS 631, INS 627).

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm được sử dụng để nêm các loại thực phẩm trước khi nấu, nêm các loại canh, súp hoặc dùng thay thế các loại nước chấm.
Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Đăng kí bản quyền tác giả số 4869/2013/QTG
Hạn sử dụng, ngày sản xuất, khối lượng tịnh: In trên bao bì sản phẩm.
Ký hiệu địa chỉ nhà máy (H, N) sau bên cạnh ngày sản xuất.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
- Hàm lượng muối ăn (NaCl) : ≥ 74%
- Hàm lượng monoglutamat : ≤ 15%
- Hàm lượng kết tinh theo KIO3: ≤ 40 (mg/kg)

XUẤT XỨ VIỆT NAM
KHỐI LƯỢNG TỊNH: 190 g
Bánh ngon ship tận của nhà

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa

SUPER Hải Châu QUALITY

ISO 9001

Bột Canh I-ốt HẢI CHÂU

VIỆT NAM

SUPER Hải Châu QUALITY

ISO: 9001

Bột Canh I-ốt HẢI CHÂU

Sản xuất tại: (H) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu
(Nhà máy bánh kẹo Hải Châu)
Khu Đồng Thủy, thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: (84-221)-3788283/3730373 Fax: (84-221) -3997733/3788008

(N) Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu
(Nhà máy bánh kẹo Hải Châu II)
KCN Đông Hồi, xã Quỳnh Lộc thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Điện thoại: (84-238)-3665567 Fax: (84-238)-3661688

Số: 1901004/KQKN
Mã số: 1812220-3
Trang 1|2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Địa chỉ: Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

Tên mẫu: **BỘT CANH I ÓT HẢI CHÂU**

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu: 25/12/2018 **Thời gian thử nghiệm:** 25/12 – 11/01/2019

Ngày trả kết quả: 11/01/2019

Kết quả: Xem trang 2/2

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2005*
Chỉ tiêu số 10-12 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g
KPH: Không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện
(b): Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế chỉ định
(a): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện

Phụ trách PTN	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Liễu	Nguyễn Thị Hồng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ KHUÊ NAM

1. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request
2. Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Công Ty TNHH DV KHCN Khuê Nam
This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of director Khue Nam.
3. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Độ ẩm	%	**0.46**	AOAC 931.04(*)
02	Muối ăn (NaCl)	%	**77.6**	AOAC 937.09(*)(b)
03	Monosodium glutamate	%	**9.42**	Ref. The journal of the argentine chemistry society vol 91, 41-45 (2013) (HPLC-FLR) (a)
04	KIO_3	mg/kg	**39.7**	TCVN 6341:1998(a)
05	Đồng (Cu)	mg/kg	**9.02**	AOAC 999.11(*)(b)
06	Chì (Pb)	mg/kg	**KPH (LOD=0.01)**	AOAC 999.11(*)(b)
07	Cadimi (Cd)	mg/kg	**KPH (LOD=0.01)**	AOAC 999.11(*)(b)
08	Arsen (As)	mg/kg	**KPH (LOD=0.01)**	AOAC 986.15(*)(b)
09	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	**$6.5x10^1$**	ISO 4833-1:2013(*)(b)
10	Coliforms	CFU/g	**Không phát hiện**	ISO 4832:2006(*)(b)
11	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	**Không phát hiện**	AOAC 975.55(*)
12	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	**Không phát hiện**	ISO 21527-2:2008(*)(b)
13	*Escherichia Coli*	MPN/g	**0**	ISO 16649-3:2015(*)
14	Salmonella	/25g	**Không phát hiện**	ISO 6579-1:2017(*)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00133667
Mã số kết quả : AR-23-VD-139025-01 / EUVNHC-00237331 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU
15 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam

Tên mẫu :	Bột canh lot Hải Châu
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	17/10/2023
Thời gian thử nghiệm :	17/10/2023 - 24/10/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	24/10/2023
Mã số PO của khách hàng :	NGM22310172056-HN

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) *Salmonella spp.*	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW00G VW (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	ISO 6888-1:2021	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW015 VW (a) *Coliforms*	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW022 VW (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD115 VD (a) Tro không tan trong acid HCl 10%	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3535 (2019) (Ref. AOAC 920.46)	0.08
7	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3496	0.57
8	VD18K VD (a) Iod	mg/ kg	TCVN 6487:1999	Không phát hiện (LOD=3)
9	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Phát hiện vết (<0.05)
11	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VW02M VW (a) Đồng (Cu)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-16655 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.3)
13	VDMSG VD (a) Monosodium glutamate	g/ 100 g	TCVN 12627:2019	7.75
14	VW07V VW (a) Muối (NaCl)	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-17839 (Ref. TCVN 3701:2009)	80.2

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngô Thị Ái Vi
Trưởng phòng Thí nghiệm Chi Nhánh Hà Nội

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Ngô Thị Ái Vi 24/10/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 24/10/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
****

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/NSVN/2024

TƯƠNG ỚT ĐỎ QUÊ TÔI

Hải Phòng - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/NSVN/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
2. Địa chỉ: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

3. Điện thoại: 1800585893

Email: tuongotquetoi.374@gmail.com

4. Mã số doanh nghiệp: 0201933687

5. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2018 do Công ty TNHH chứng nhận TQCSI Việt Nam cấp ngày 04/4/2022.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TƯƠNG ỚT ĐỎ QUÊ TÔI

2. Thành phần: Nước, ớt tươi (10%), muối, tinh bột biến tính, chất làm dày (1422), tỏi, chất điều chỉnh độ axit (260, 330), chất bảo quản (211, 200), chất điều vị (621, 631, 635), hương liệu tổng hợp (hương ớt, hương tỏi), chất tạo ngọt nhân tạo (951), chất tạo màu tổng hợp (110, 124).

3. Bảo quản và thời hạn sử dụng sản phẩm

a) Bảo quản: bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi khô ráo, thoáng mát.

b) Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Đóng chai: 500ml; Đóng can: 2 lít hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Bao bì trực tiếp là chai từ nhựa PET, can từ nhựa PET hoặc HDPE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Số 24 khu A5 lô 6 khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: số 374A, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm theo bản tự công bố này)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2024/NSVN đính kèm, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0201933667
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Cẩm Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	TCCS 03:2024/NSVN
	TƯƠNG ỚT ĐỎ QUÊ TÔI	Có hiệu lực từ 01/8/2024

I. Yêu cầu kỹ thuật:

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Đỏ, đỏ sẫm đặc trưng của ớt quả nguyên liệu.
- Trạng thái: Dạng sệt, sánh và đồng nhất.
- Mùi: Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi mốc, mùi lạ
- Vị: Vị cay đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu dinh dưỡng: Phù hợp theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị thấp	Giá trị trung bình	Giá trị cao
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100 g		29,3	
2	Chất đạm (Protein)	g/100 g		0,45	
3	Carbohydrat (Carbohydrate)	g/100 g		5,76	
4	Chất béo (Total Fat)	g/100 g		0,5	
5	Natri (Sodium)	mg/100 g		988,8	
6	Đường tổng số	mg/100 g		3,52	

3. Các chỉ tiêu vi sinh: Phù hợp theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN số 7397:2004, tương ớt - Yêu cầu kỹ thuật

STT	Thành phần	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	*E.coli*	CFU/g	≤ 3
3	*S.aureus*	CFU/g	$\leq 10^2$
4	*Salmonella*	CFU/25g	Không có
5	TSBT nấm mốc - men	CFU/g	$\leq 10^2$

4. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Thành phần	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Asen (As)	mg/l	$\leq 1,0$
2	Cadimi (Cd)	mg/l	$\leq 1,0$
3	Chì (Pb)	mg/l	$\leq 2,0$
4	Thủy ngân (Hg)	mg/l	$\leq 0,05$

5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT- Quy chẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/l	≤2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/l	≤4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/l	≤3

6. Hàm lượng phụ gia: Trong giới hạn cho phép tại Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

II. Quy trình sản xuất

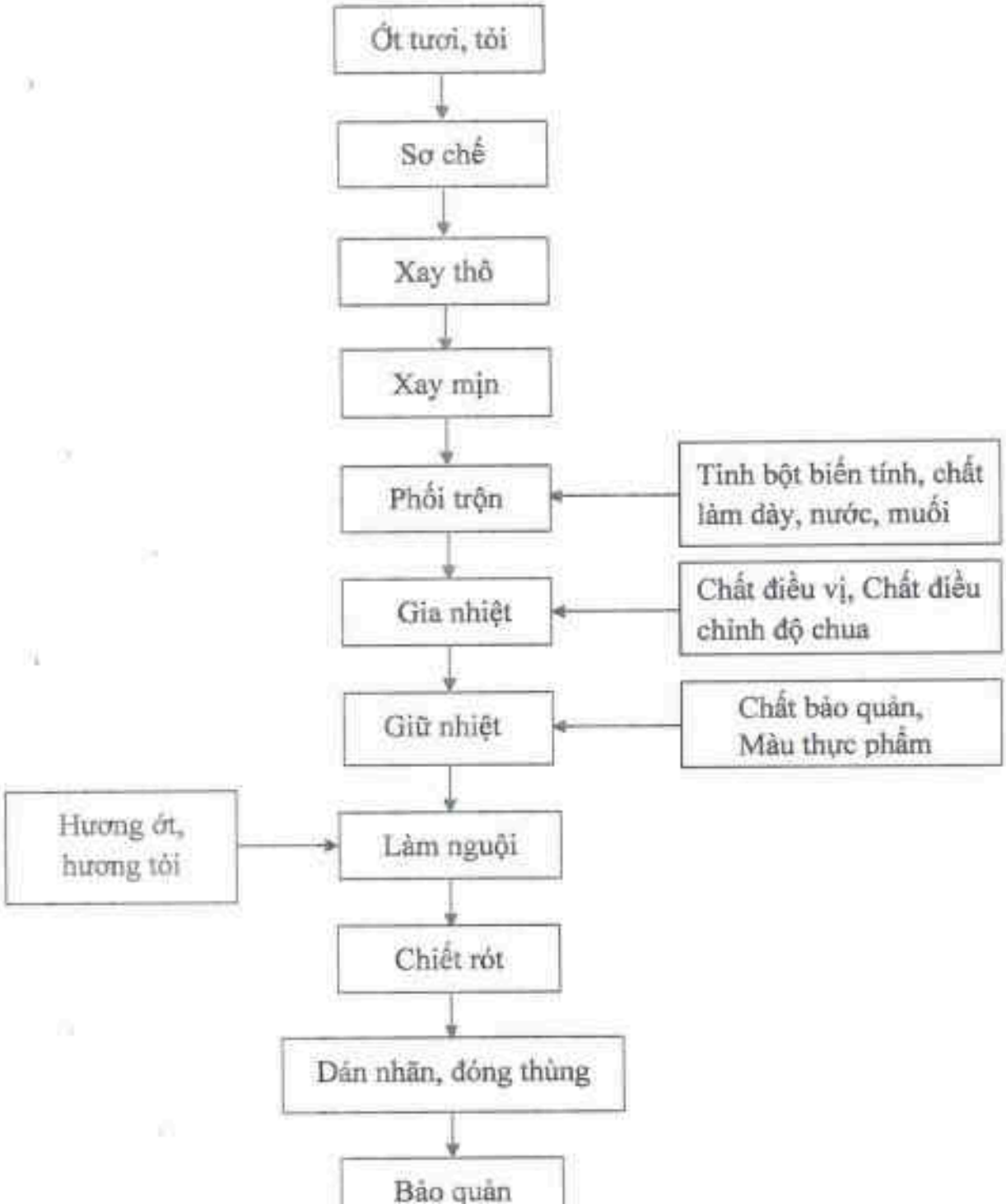

Tiêu chuẩn có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0201938687
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Chí Cẩm Vân

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

VILAS 1400

Số/ *No:* VLAB0-240809-030/4
Trang/ *Page:* 1/3

Tên khách hàng/ *Customer*	**CÔNG TY CỔ PHẦN GIA VỊ NÔNG SẢN VIỆT NAM**		
Địa chỉ/ *Address*	Số 24 Khu A5 Lô 6B Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.		
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving*	09/08/2024 *August 09th, 2024*	Ngày trả kết quả/ *Date of issuance*	15/08/2024 *August 15th, 2024*
Ngày thực hiện/ *Testing date*	09/08/2024 *August 09th, 2024*		
Tên mẫu/ *Name of sample*	**Tương ớt đỏ Quê Tôi**		
Tình trạng mẫu/ *State of sample*	Mẫu đựng trong chai nhựa/ *Samples in plastic bottles.*		
Ghi chú/ *Note*	Không có/ *NA*		

Kết quả thử nghiệm được trình bày ở trang sau/ Testing results are reported in next pages.

TRƯỞNG PHÒNG *HEAD OF LAB*	GIÁM ĐỐC *DIRECTOR*
Nguyễn Thị Nhật Hiếu	Hoàng Tường Vi

DRAFT

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.

KẾT QUẢ
RESULT

STT *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM *PARAMETER*	ĐƠN VỊ *UNIT*	PHƯƠNG PHÁP THỬ *TEST METHOD*	LOQ	KẾT QUẢ *RESULT*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C *Total plate count at 30°C*	CFU/g	ISO 4833-1:2013[(a)]/ Amd 1: 2022	-	$2,5 \times 10^2$
2	*Escherichia coli*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008[(a)] (ISO 16649-2:2001)	-	<10
3	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	AOAC 975.55[(a)]	-	<10
4	*Salmonella* spp.	/25g	TCVN 10780-1: 2017[(a)] (ISO 6579-1:2017)	-	KPH/*ND*
5	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc *Total spore of yeast and mold*	CFU/g	Ref.TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	-	<10
6	Hàm lượng protein *Protein content*	g/100g	TCVN 10034:2013[(a)]	-	0,45
7	Hàm lượng Béo tổng *Total fat content*	g/100g	VLAB-CH-TP-106:2021[(a)]	-	0,50
8	Hàm lượng Cacbonhydrat *Carbohydrate content*	g/100g	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	-	5,76
9	Hàm lượng đường tổng *Total sugar content*	g/100g	TCVN 4594:1988	-	3,52
10	Năng lượng *Calories*	Kcal/100g	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	-	29,3
11	Hàm lượng Natri (Na) *Sodium content*	mg/100g	VLAB-CH-TP-204: 2021[(a)] (Ref.AOAC 969.23)	-	988,8
12	Hàm lượng Asen (As) *Arsenic content*	mg/kg	VLAB-CH-TP-200: 2021[(a)] (Ref. AOAC 986.15)	0,08	KPH/*ND*
13	Hàm lượng Chì (Pb) *Lead content*	mg/kg	TCVN 8126:2009[(a)]	0,08	KPH/*ND*
14	Hàm lượng Cadimi (Cd) *Cadmium content*	mg/kg	TCVN 8126:2009[(a)]	0,008	KPH/*ND*
15	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/kg	VLAB-CH-TP-201: 2021[(a)] (Ref. AOAC 971.21)	0,04	KPH/*ND*
16	Hàm lượng Aflatoxin tổng *Total aflatoxin content*	µg/kg	VLAB-CH-TP-599:2021[(a)]	2	KPH/*ND*

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi.Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/*Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.*

DRAFT

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM *PARAMETER*	ĐƠN VỊ *UNIT*	PHƯƠNG PHÁP THỬ *TEST METHOD*	LOQ	KẾT QUẢ *RESULT*
17	Hàm lượng Aflatoxin B1 *Aflatoxin B1 content*	µg/kg	VLAB-CH-TP-599:2021[a]	0,5	KPH/*ND*
18	Hàm lượng Ochratoxin A *Ochratoxin A content*	µg/kg	VLAB-CH-TP-596:2021[a]	1	KPH/*ND*

Ghi chú: (a): Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025),(s): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, (s'): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ được chỉ định, (s''): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được công nhận (ISO/IEC 17025). LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng,(*): Chỉ tiêu được chỉ định,KPH/ND: Không phát hiện/Not detected;*(a): Items are accredited (ISO/IEC 17025), (s): Items are tested by subcontractor ,(s'): Items are tested by appointed subcontractor, (s''): Items are tested by subcontractor and accredited (ISO/IEC 17025). LOD: Limit of detection,LOQ: Limit of quantitation,(*): Items are appointed.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test repct is a unified whole, No part of this test report may be copy without the written consent of VietLabs.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	**29**	**kcal**	**1%**
Chất đạm (Protein)	-	**g**	-
Carbohydrate	**5,8**	**g**	**2%**
Đường tổng số (Total Sugars)	**3,5**	**g**	
Chất béo (Fat)	-	**g**	-
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	-	**g**	-
Natri (Sodium)	**989**	**mg**	**49%**
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.			

DRAFT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01 /DUYENHAI/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243 7634 965 Email: muoiduyenhai@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104194021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 99/2019/NNPTNT-HAN

Ngày Cấp/Nơi cấp: cấp ngày 14/05/2019 do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội cấp.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MUỐI HẠT SẠCH CAO CẤP

2. Thành phần: Muối

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 30 g, 50 g, 70 g, 100 g, 150 g, 180 g, 200 g, 230 g, 250 g, 260 g, 280 g, 300 g, 330 g, 350 g, 400 g, 450 g, 500 g, 500 g ± 5, 550 g, 600 g, 650 g, 700 g, 700 g ±7, 750 g, 800 g, 850 g, 900 g, 950 g, 1 kg, 1kg ± 0.01, 2 kg, 2,5 kg, 3 kg, 3,5 kg, 4 kg, 5 kg, 6 kg, 7 kg, 10 kg, 20 kg, 30 kg, 50 kg.

- Chất liệu bao bì: Lọ nhựa, lọ thủy tinh, túi nilon, túi PA, PE chuyên dùng đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(mẫu nhãn sản phẩm dự kiến): đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Được quét bằng CamScanner

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn Kỹ thuật: TCVN 9638: 2013 Muối thô

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 Năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0104194021-C.T.
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PUYỀN HẢI
Q. BẮC TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Duyến

Được quét bằng CamScanner

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Công ty TNHH Duyến Hải	Tên nhóm sản phẩm	SỐ 01/DUYENHAI/2020
	Muối hạt	Có hiệu lực ngày 18 tháng 06 năm 2020

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng hạt, khô, rời
2	Màu sắc	Màu trắng ánh xám
3	Mùi vị	Không mùi, dung dịch muối 5% có vị mặn, không có vị lạ

1.2 Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	H/l muối ăn (NaCl)/ khối lượng chất khô	%	≥97
2	H/l ẩm	%	≤5

1.3 Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	E.coli	CFU/g	3
4	Coagulase Positive Staphylococci	CFU/g	10^2
5	Salmonella	Định tính/25g	0
6	Ts. Bào nấm mốc, men	CFU/g	10^2

1.4 Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiệm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	0.5
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	0.5
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.1

2. Thời hạn sử dụng: in trên bao bì

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

- Dùng để nêm, chấm, tẩm ướp thực phẩm và làm sạch rau, củ, quả.

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa các loại hóa chất, đậy kín sau khi dùng.

4. Nội dung ghi nhãn: Có nhãn đính kèm

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PUYỀN HẢI

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Duyến

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Duyến Hải

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phú Minh, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.7634.965

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm: Muối hạt

STT	Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
1	**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** H/l ẩm H/l muối ăn (NaCl) H/l axit (theo axit citric)	1 lần/ năm	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025
2	**Chỉ tiêu vi sinh:** Tổng số vi sinh vật hiếu khí Coliforms E.coli Coagulase Positive Staphylococci Salmonnella Ts. Bào nấm mốc, men		
3	**Chỉ tiêu kim loại nặng:** Hàm lượng Chì (Pb) Hàm lượng Cadmi (Cd) Hàm lượng Arsen (As) Hàm lượng Thủy ngân (Hg)		

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUYẾN HẢI

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Duyến

CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DUYEN HAI COMPANY
Đỉnh cao chất lượng
New
MUỐI HẠT
SẠCH CAO CẤP
ASEAN
DUYEN HAI COMPANY
9999
NATURAL SEA SAL
NHÃN HIỆU ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN
CHÍNH HIỆU DUYÊN HẢI - DH
Khối lượng tịnh
1 Kg ± 0.01
SẢN XUẤT TRÊN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
NHU CẦU THIẾT YẾU CỦA CUỘC SỐNG!
DUYEN HAI COMPANY
580mm
30
30
195mm
CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DUYEN HAI COMPANY
Muối hạt sạch
Cao cấp ASEAN
Chỉ tiêu chất lượng - Muối hạt
Thành phần: Muối ăn
Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
- Dùng để nêm, chấm, ướp thực phẩm và làm sạch rau, cá, quả.
Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa hóa chất độc hại, đậy kín sau khi dùng.
Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
Ngày sản xuất: In trên bao bì
Xuất xứ: Việt Nam
CBCL: 01/DUYEN HA/2020
Muối giữ nguyên thành phần các loại muối khoáng, tinh chất ảnh hưởng và các công dụng vốn có của Muối biển tự nhiên.
ĐẬM ĐÀ CHO GIA ĐÌNH BẠN!
SXT: CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
ĐC: CỤM CN PHÙ MINH - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
ĐĐ: 0904 042 922 - ĐT/FAX: 024 3764 093
Website: www.muoiduyenhai.com
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUYÊN HẢI
M.S.D.N: 0104194021-C.T.T.N.H.H
Q. BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI
SỬA TOÀN BỘ NỘI DUNG
AN 2019-4-27

M.S.D.N: 0104194021 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUYẾN HẢI
Q. BẮC TỪ LIÊM

245mm

DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY

CÔNG TY TNHH DUYẾN HẢI
DUYEN HAI COMPANY

ĐỈNH CAO CỦA CHẤT LƯỢNG

New

MUỐI HẠT

SẠCH CAO CẤP

ASEAN

DUYEN HAI COMPANY

NATURAL SEA SALT

9999

CHẤT LƯỢNG VÀNG

Khối lượng tịnh: 700 g ± 7

SẢN XUẤT TRÊN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

NHU CẦU THIẾT YẾU CỦA CUỘC SỐNG!

DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY

170mm

DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY

CÔNG TY TNHH DUYẾN HẢI
DUYEN HAI COMPANY

ĐỈNH CAO CỦA CHẤT LƯỢNG

MUỐI HẠT SẠCH CAO CẤP

Chỉ tiêu chất lượng - Muối hạt

Chỉ Tiêu	Đơn vị	Mức công bố
H/L muối ăn (NaCl) / khối lượng chất khô	%	≥ 97
H/L Ẩm	%	≤ 5

Thành phần: Muối ăn

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
- Dùng để ném, chấm, tẩm ướp thực phẩm và làm sạch rau, củ, quả

Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa hóa chất độc hại, đậy kín sau khi dùng

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
Ngày sản xuất: In trên bao bì
Xuất xứ: Việt Nam

CBCL: 01/DUYEN HAI/2020

DH07

8 938504 456073

MÁY GIỮ SẠCH MÔI TRƯỜNG

Muối giữ nguyên thành phần các loại muối khoáng, tính chất sinh hóa và các công dụng vốn có của Muối biển tự nhiên.

ĐẬM ĐÀ CHO GIA ĐÌNH BẠN!

SXT: CÔNG TY TNHH DUYẾN HẢI

DC: CỤM CN PHÚ MINH - TỪ LIÊM - HÀ NỘI

DĐ: 0904 042 922 * ĐT: 043.7634965 * FAX: 043.7640931

DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY

APE

Quý khách hàng kiểm tra kỹ nội dung, màu sắc, KT trước khi ký duyệt

Sửa R.....
MS: JK0260317
Vo bo MS: JK0260317

LG

CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DUYEN HAI COMPANY

ĐỈNH CAO CỦA CHẤT LƯỢNG

New

MUỐI HẠT

SẠCH CAO CẤP

ASEAN

DUYEN HAI COMPANY

NATURAL SEA SALT

9999

CHẤT LƯỢNG VÀNG

NHÃN HIỆU ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN

CHÍNH HIỆU DUYÊN HẢI • DH

Khối lượng tịnh: 500 g ± 5

SẢN XUẤT TRÊN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

NHU CẦU THIẾT YẾU CỦA CUỘC SỐNG!

DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY

235mm

CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DUYEN HAI COMPANY

ĐỈNH CAO CỦA CHẤT LƯỢNG

MUỐI HẠT SẠCH CAO CẤP

Chỉ tiêu chất lượng - Muối hạt

Chỉ Tiêu	Đơn vị	Mức công bố
H/L muối ăn (NaCl) / khối lượng chất khô	%	> 97
H/L Ẩm	%	< 5

Thành phần: Muối ăn

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
- Dùng để nêm, chấm, tẩm ướp thực phẩm và làm sạch rau, củ, quả.

Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa hóa chất độc hại, đậy kín sau khi dùng.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
Ngày sản xuất: in trên bao bì
Xuất xứ: Việt Nam

CBCL: 01/DUYEN HAI/2020

8 938504 456042 DH04

HÃY GIỮ SẠCH MÔI TRƯỜNG

Muối giữ nguyên thành phần các loại muối khoáng, tính chất sinh hóa và các công dụng vốn có của Muối biển tự nhiên.

ĐẬM ĐÀ CHO GIA ĐÌNH BẠN!

SXT: CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
ĐC: CỤM CN PHÚ MINH - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
DĐ: 0904 042 922 * ĐT: 043.7634965 * FAX: 043.7640931

DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY DUYEN HAI COMPANY

APE	Tên SP	Túi muối DH 9999_500g_DH04				Chữ Ký Khách Hàng
	Số Màu					
	03	K	R	W		
	Dơn vị tính (mm)	470x155	02	B-T-B	10 /06/ 2020	

Sửa R ngày .....
?????MS: JHX085301
Vo bo MS: JHX085301

Quý khách hàng kiểm tra kỹ nội dung, màu sắc, KT trước khi ký duyệt

C

CÔNG TY TNHH CALOFIC

HỒ SƠ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ

SẢN PHẨM: NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH

SỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ: TCCS 01:2022/CALOFIC

CÁI LÂN 02/2022

CÔNG TY TNHH CALOFIC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...96...../CALOFIC	**Độc lập- tự do- hạnh phúc**
	Quảng Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành: " Tiêu chuẩn cơ sở cho nước rửa chén".

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Quốc hội nước CHXHCN Việt nam.
- Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN về hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Căn cứ Thông tư 21/2014/TT-BKHCN về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn.
- Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh sản phẩm của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành theo quyết định này - Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng, vệ sinh, an toàn chất tẩy rửa như sau:

Số tiêu chuẩn: TCCS 01:2022/CALOFIC áp dụng cho:

NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH

Điều 2: Các bộ phận sản xuất, kỹ thuật và các bộ phận liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

VŨ VĂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 01

Doang nghiệp : **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại : (0203) 3845970

Fax : (0203) 3845971

Email : corporate@wilmar.com.vn

CÔNG BỐ

Tiêu chuẩn số : **TCCS 01:2022/CALOFIC**

Áp dụng cho hàng hóa: **NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH**

Chúng tôi xin cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn đã công bố trên đây và chịu hoàn toàn trước người tiêu dùng và cơ quan quản lý Nhà nước về những vi phạm đối với những tiêu chuẩn chất lượng đã công bố.

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - QUẢNG NINH

VŨ VĂN PHÚ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TCCS

CÔNG TY TNHH CALOFIC

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2022/CALOFIC

ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM:

NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH

(Ban hành lần đầu: 15/01/2022, sửa đổi lần 2 ngày: 25/12/2024)

Quảng Ninh - 2024

Lời nói đầu

TCCS 01:2022/CALOFIC do Công ty TNHH CALOFIC (trụ sở chính tại: Khu vực cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) xây dựng và biên soạn. Tổng Giám Đốc Công ty công bố tại Quyết định số 96/CALOFIC ngày 15 tháng 01 năm 2022.

NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh và an toàn đối với sản phẩm Nước rửa chén Power100 tinh dầu chanh do Công ty TNHH CALOFIC cung cấp.

2. Giải thích từ ngữ, định nghĩa

2.1 TCVN 6971:2001, Nước rửa tổng hợp dùng cho nhà bếp.

2.2 HLB-LAB-01.07.05, Hướng dẫn đo pH, phân tích sản phẩm homecare.

2.3 TCVN 4859:2013, Latex cao su, Phương pháp xác định độ nhớt biểu kiến bằng phương pháp thử Brookfield.

2.4 TCVN 6665:2011, Xác định nguyên tố chọn lọc bằng phổ phát xạ quang plasma cặp cảm ứng (ICP-OES).

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu cảm quan

TT	Chỉ tiêu	Cảm quan
1	Trạng thái	Dạng lỏng sánh, đồng nhất, không tách lớp, không kết tủa ở nhiệt độ dưới 20 °C
2	Màu sắc	Không màu hoặc màu sắc khác nhau tùy theo yêu cầu của khách hàng.
3	Mùi	Có mùi hương chanh đặc trưng của sản phẩm

3.2. Chỉ tiêu chất lượng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Chất hoạt động bề mặt tổng	% khối lượng	≥ 10	TCVN 6971:2001
2	Độ pH sản phẩm		6,0 – 8,0	HLB-LAB-01.07.05
3	Độ nhớt tại 25 °C, tốc độ 10 rpm, spindle 3	cPs	≥ 2000	TCVN 4859:2013

3.3 *Chỉ tiêu an toàn*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Tổng hàm lượng kim loại nặng quy Chì (Pb)	mg/kg	2,0	TCVN 6665:2011
2	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1,0	TCVN 6665:2011

4. Thành phần: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Magnesium Sulfate, Hydroxy Propyl Methyl Cellulose, Tetrasodium EDTA, DMDM Hydantoin, Methylchloroisothiazolinone, Methylisothiazolinone, Hương chanh (chứa tinh dầu chanh 100 ppm).

5. Thời hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

6. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

6.1. Hướng dẫn sử dụng:

- ✓ Pha loãng sản phẩm vào nước hoặc đổ trực tiếp vào miếng rửa chén đã được thấm nước.
- ✓ Bóp nhẹ miếng rửa chén để tạo bọt rồi rửa chén.
- ✓ Sau đó tráng lại chén đĩa bằng nước sạch.

6.2. Bảo quản: Để nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

6.3. Cảnh báo an toàn: Không được uống. Để xa tầm tay trẻ em. Tránh tiếp xúc với mắt, nếu sản phẩm dính vào mắt, rửa ngay với nước sạch. Nếu nuốt phải sản phẩm, uống ngay một ly nước và đến ngay cơ sở y tế để kiểm tra.

7. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói

7.1. Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong chai nhựa PET, can nhựa HDPE.

7.2. Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh/Thể tích thực: 400 g (392 ml), 750 g (735 ml), 1,4 kg (1,37 lít), 3,5 kg (3,43 lít), 9 kg (8,81 lít) và tùy theo nhu cầu của thị trường.

8. Nội dung ghi nhãn

Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa, Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

9. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển thông dụng và được bảo quản, xếp chồng theo đúng quy định tránh bị đổ vỡ, hư hỏng trong quá trình vận chuyển.

10. Xuất xứ và tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa

- Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: CÔNG TY TNHH CALOFIC

Địa chỉ: Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam bởi (Xem mã sau ghi trên bao bì):

- QN: CÔNG TY TNHH CALOFIC - Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- HP: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM - Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- V1: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VICO - Ngõ 27, Đường 208, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.
- V3: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VICO - Số 19 VSIP II-A, Đường số 26, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

11. Phụ lục đính kèm

11.1 Phụ lục 1: Quy trình sản xuất và diễn giải

11.2 Phụ lục 2: Nhãn sản phẩm

11.3 Phụ lục 3: Kế hoạch kiểm soát chất lượng

11.4 Phụ lục 4: Kế hoạch giám sát định kỳ

T/L TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH CALOFIC

ĐỖ THỊ KIM OANH

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH

(Đính kèm theo tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 01:2022/CALOFIC cho Nước rửa chén Power100 tinh dầu chanh)

1. SƠ ĐỒ SẢN XUẤT

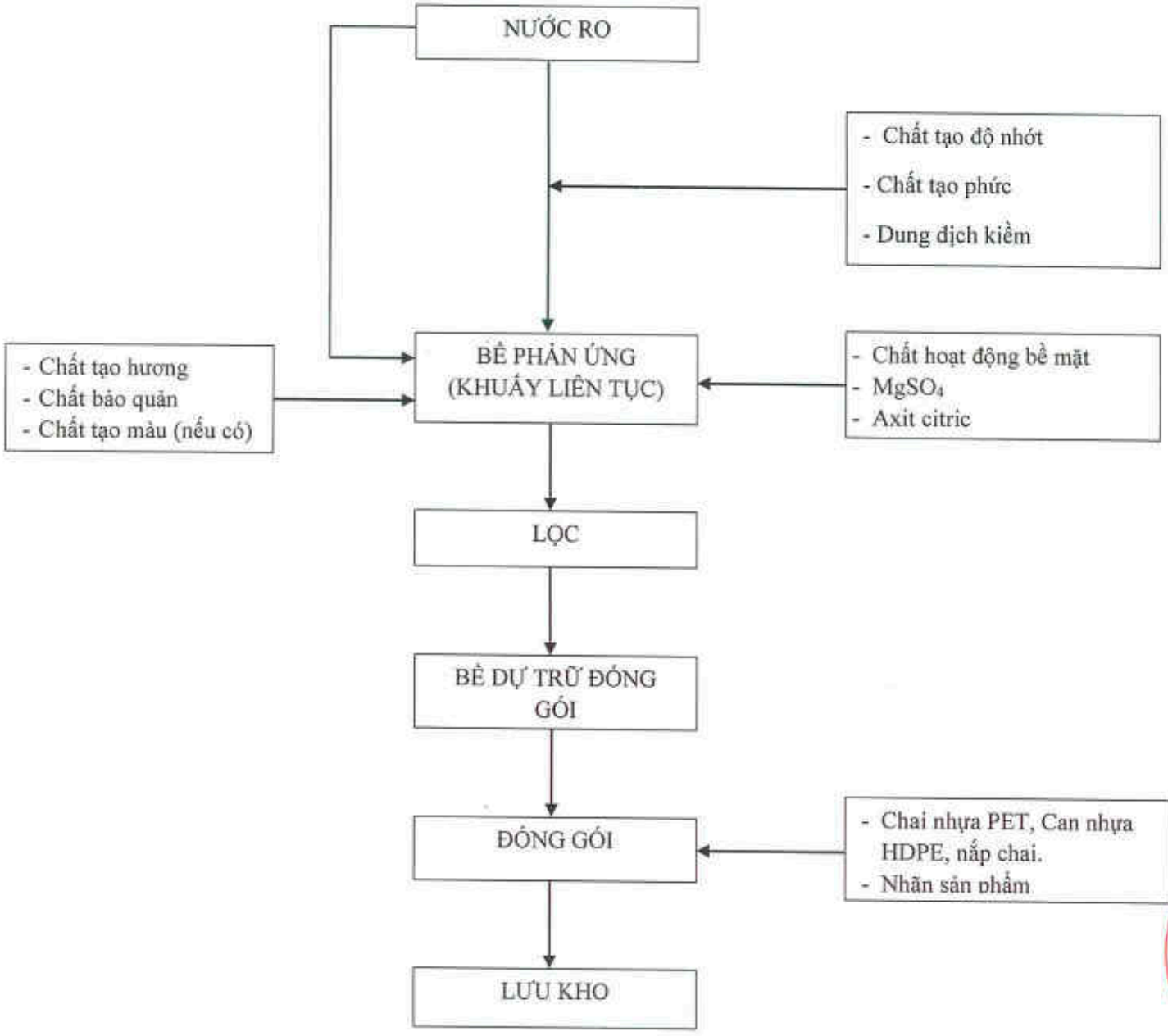

CÔNG TY TNHH CALOFIC

2. DIỄN GIẢI QUY TRÌNH SẢN XUẤT

2.1 Giai đoạn chuẩn bị

2.1.1 Chuẩn bị thiết bị, con người

Phòng kế hoạch gửi kế hoạch sản xuất sản phẩm, Phân xưởng sản xuất nước rửa chén chuẩn bị các khâu sau:

- Thông báo kế hoạch sản xuất, làm lịch sản xuất cho các nhân viên, vận hành trong phân xưởng.
- Nhân viên vận hành có mặt và đảm bảo vệ sinh cá nhân như theo quy định.
- Kiểm tra an toàn, vệ sinh các thiết bị liên quan tới quá trình sản xuất.
- Toàn bộ thiết bị đảm bảo hoạt động an toàn, sẵn sàng cho quá trình sản xuất.
- Hệ thống cấp nước RO đảm bảo hoạt động cấp đủ nước cho quá trình sản xuất.

2.1.2 Chuẩn bị nguyên liệu

- Các nguyên liệu nước rửa chén được tập hợp về phân xưởng, đảm bảo đủ số lượng cho sản xuất.
- Các vật liệu bao bì đóng gói như chai, can nhựa, nhãn, cát tông được lấy từ kho, trưởng ca nhận về quản lý tại phân xưởng và đưa vào sản xuất theo nguyên tắc FIFO.

2.2 Giai đoạn sản xuất

Giai đoạn	Diễn giải
NƯỚC RO	Nước RO được nhận từ phân xưởng nồi hơi, bơm vào bể dự trữ, nước được kiểm tra cảm quan, màu sắc, cặn.
BỂ PHẢN ỨNG GIAI ĐOẠN 1 (KHUẤY & TRỘN)	Nước RO được bơm vào Bể phản ứng, tiếp theo là dung dịch kiềm, chất tạo độ nhớt, chất tạo phức, hỗn hợp được khuấy đều đến khi hỗn hợp đồng thể.
BỂ PHẢN ỨNG 02 (KHUẤY & TRỘN)	Các chất hoạt động bề mặt được bơm định lượng lần lượt vào bể trộn, tiếp theo $MgSO_4$, chất tạo hương, chất bảo quản, chất tạo màu(nếu có) và dung dịch axit citric. Dung dịch được khuấy liên tục đến khi tạo dung dịch đồng nhất. Vận hành lấy mẫu kiểm tra cảm qua, PH nếu cần thiết.
LỌC	Sau khi được kiểm tra chất lượng và đạt chất lượng, hỗn hợp được bơm qua lọc để loại bỏ tạp chất và lưu trữ trong Bể đóng gói.
BỂ DỰ TRỮ ĐÓNG GÓI	Dung dịch thành phẩm được lưu trữ trong bể đóng gói chuẩn bị cho khâu rót chai.
ĐÓNG GÓI	Nước rửa chén thành phẩm được bơm từ bể đóng gói vào máy rót để rót vào chai nhựa theo quy cách đóng gói khác nhau: 750 g, 1,5 kg, 3,8 kg, 9,5 kg. Chai thành phẩm được đóng nắp tự động hoặc thủ công, đảm bảo nắp kín khít không cong vênh. Sau khi đóng nắp, sản phẩm được dán nhãn theo đúng chủng loại, kích cỡ đóng gói, đảm bảo độ lệch, không cong và hở mép. Tiếp theo, sản phẩm được bắn in ngày sản xuất, hạn sử dụng và được cho vào thùng cát tông, dán kín, xếp lên cao bản.
LƯU KHO	Các cao bản sản phẩm nước rửa chén được chất lên giá lưu tại Kho hàng, chờ để xuất hàng.

PHỤ LỤC 2: NHÃN SẢN PHẨM NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DẦU CHANH

(Đính kèm tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 01:2022/CALOFIC áp dụng cho Nước rửa chén Power100 tinh dầu chanh)

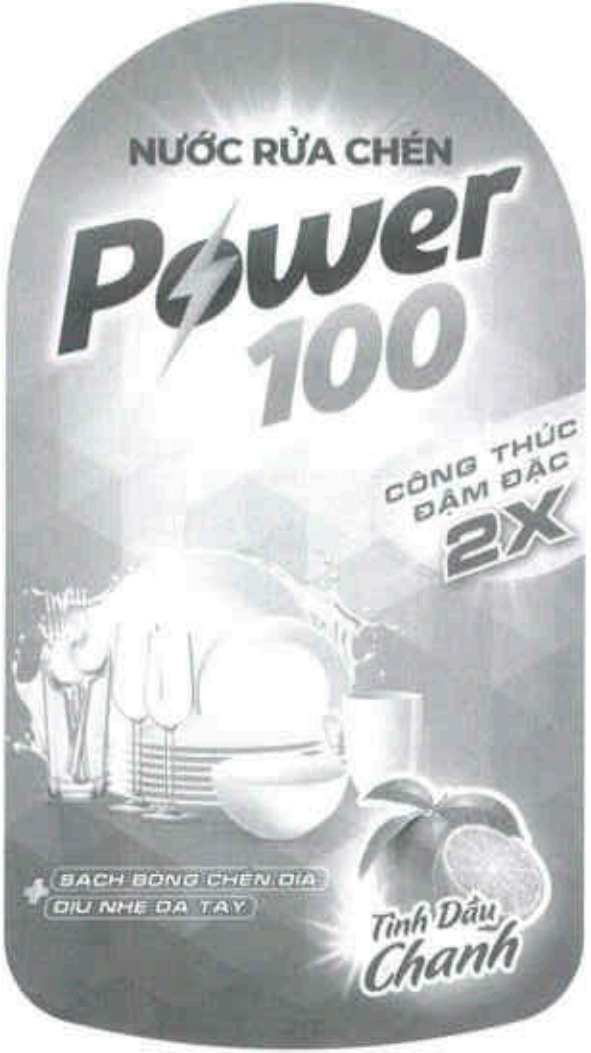

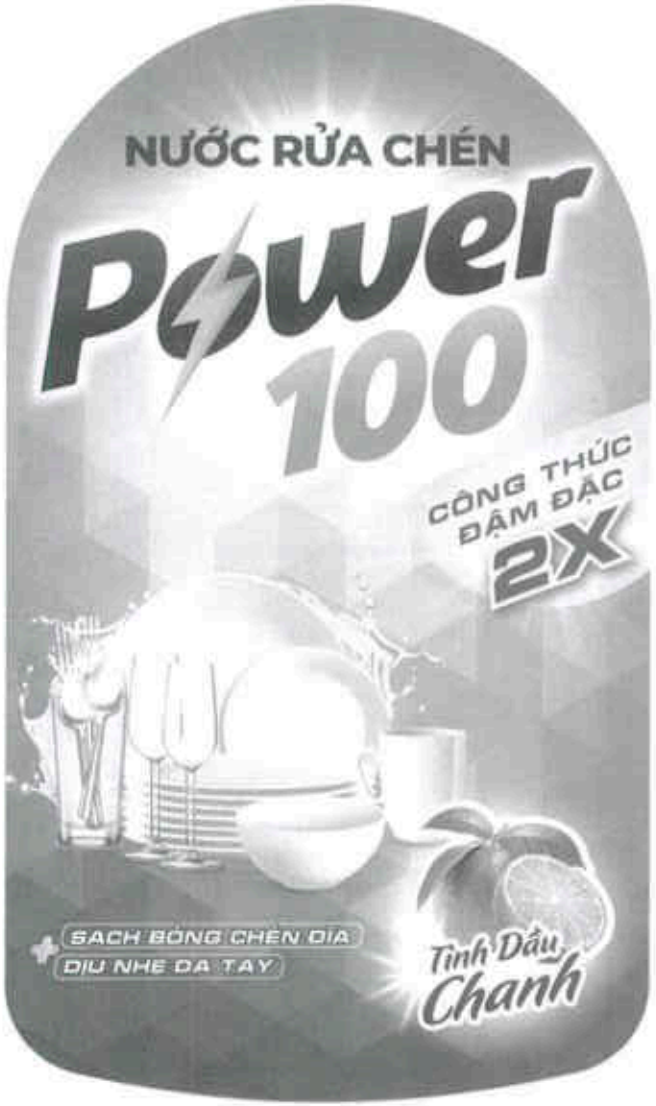
NƯỚC RỬA CHÉN
Power
100
CÔNG THỨC
ĐẬM ĐẶC
2X
SẠCH BÓNG CHÉN DĨA
DỊU NHẸ DA TAY
Tinh Dầu
Chanh

NƯỚC RỬA CHÉN
Power
100
Tinh Dầu
Chanh
Thành phần: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Magnesium Sulfate, Hydroxy propyl methyl cellulose, Tetrasodium EDTA, DMDM Hydantoin, Methylchloroisothiazolinone, Methylisothiazolinone, Hương chanh (chứa tinh dầu chanh (100ppm))
Chú ý: Không được uống. Để xa tầm tay trẻ em. Tránh tiếp xúc với mắt, nếu sản phẩm dính vào mắt, rửa ngay với nước sạch. Nếu nuốt phải sản phẩm, uống ngay một ly nước và đến ngay cơ sở y tế để kiểm tra.
Hướng dẫn sử dụng:
1. Pha loãng sản phẩm vào nước hoặc đổ trực tiếp vào miếng rửa chén đã được thấm nước.
2. Bóp nhẹ miếng rửa chén để tạo bọt rồi rửa chén.
3. Sau đó tráng lại chén đĩa bằng nước sạch.
Bảo quản:
Lưu trữ nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
NSX: 36 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số: TCCS 01:2022/CALOFIC
Khối lượng tịnh/ Thể tích thực:
750 g/ 735 ml
Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại: (0203) 3846993 - Email: corporate@wilmar.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.
CÔNG TY
TNHH
CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH
8 934988 500318

NƯỚC RỬA CHÉN Power 100 Tinh Dầu Chanh

Thành phần: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Magnesium Sulfate, Hydroxy propyl methyl cellulose, Tetrasodium EDTA, DMDM Hydantoin, Methylchloroisothiazolinone, Methylisothiazolinone, Hương chanh (chứa tinh dầu chanh (100ppm))

Chú ý: Không được uống. Để xa tầm tay trẻ em. Tránh tiếp xúc với mắt, nếu sản phẩm dính vào mắt, rửa ngay với nước sạch. Nếu nuốt phải sản phẩm, uống ngay một ly nước và đến ngay cơ sở y tế để kiểm tra.

Hướng dẫn sử dụng:
1. Pha loãng sản phẩm vào nước hoặc đổ trực tiếp vào miếng rửa chén đã được thấm nước.
2. Bóp nhẹ miếng rửa chén để tạo bọt rồi rửa chén.
3. Sau đó tráng lại chén đĩa bằng nước sạch.

Bảo quản:
Lưu trữ nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
NSX: 36 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số: TCCS 01:2022/CALOFIC
Khối lượng tịnh/ Thể tích thực: 1,4kg/1,37lít

Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại: (0203) 3846993 - Email: corporate@wilmar.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

8 934988 500400

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

NƯỚC RỬA CHÉN Power 100 Tinh Dầu Chanh

Thành phần: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Magnesium Sulfate, Hydroxy propyl methyl cellulose, Tetrasodium EDTA, DMDM Hydantoin, Methylchloroisothiazolinone, Methylisothiazolinone, Hương chanh (chứa tinh dầu chanh (100ppm))

Chú ý: Không được uống. Để xa tầm tay trẻ em. Tránh tiếp xúc với mắt, nếu sản phẩm dính vào mắt, rửa ngay với nước sạch. Nếu nuốt phải sản phẩm, uống ngay một ly nước và đến ngay cơ sở y tế để kiểm tra.

Hướng dẫn sử dụng:

1. Pha loãng sản phẩm vào nước hoặc đổ trực tiếp vào miếng rửa chén đã được thấm nước.
2. Bóp nhẹ miếng rửa chén để tạo bọt rồi rửa chén.
3. Sau đó tráng lại chén đĩa bằng nước sạch.

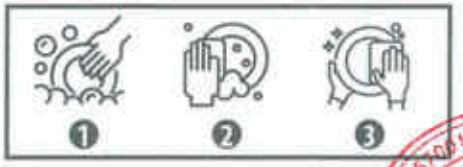

Bảo quản:
Lưu trữ nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
NSX: 36 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số: TCCS 01:2022/CALOFIC
Khối lượng tịnh/ Thể tích thực: 3,5 kg/ 3,43 lít

Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại: (0203) 3846993 - Email: corporate@wilmar.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

8 934988 500363

CÔNG TY TNHH CALOFIC

CÔNG TY TNHH CALOFIC
M.S.D.N: 5100101362-C.T.T.N.H.H
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

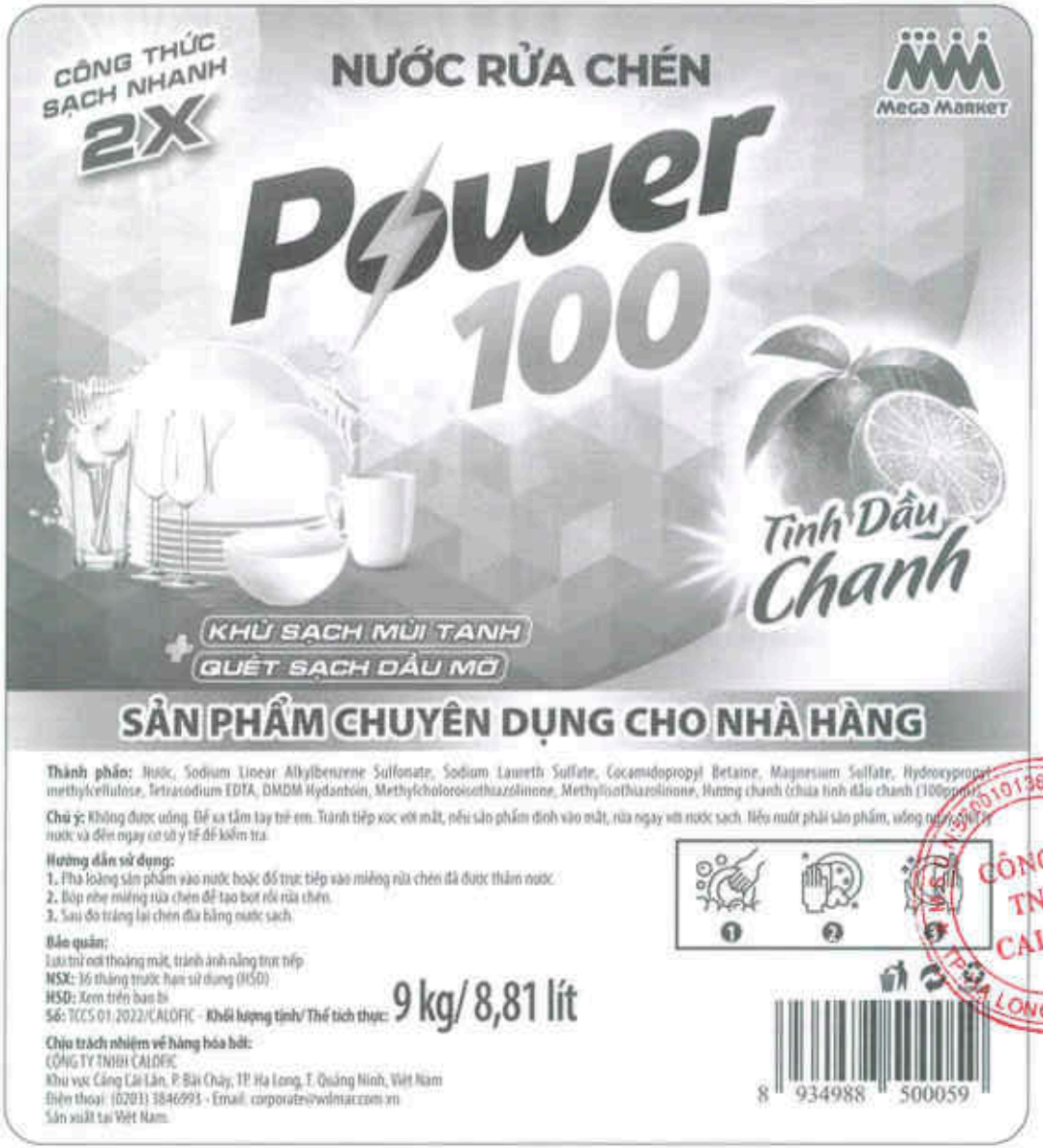
CÔNG THỨC SẠCH NHANH 2X
NƯỚC RỬA CHÉN
Mega Market
Power 100
Tinh Dầu Chanh
KHỬ SẠCH MÙI TANH
QUÉT SẠCH DẦU MỠ
SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG CHO NHÀ HÀNG
Thành phần: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Magnesium Sulfate, Hydroxypropyl methylcellulose, Tetrasodium EDTA, DMDM Hydantoin, Methylchloroisothiazolinone, Methylisothiazolinone, Hương chanh (chứa tinh dầu chanh (100ppm))
Chú ý: Không được uống. Để xa tầm tay trẻ em. Tránh tiếp xúc với mắt, nếu sản phẩm dính vào mắt, rửa ngay với nước sạch. Nếu nuốt phải sản phẩm, uống ngay một ly nước và đến ngay cơ sở y tế để kiểm tra.
Hướng dẫn sử dụng:
1. Pha loãng sản phẩm vào nước hoặc đổ trực tiếp vào miếng rửa chén đã được thấm nước.
2. Bóp nhẹ miếng rửa chén để tạo bọt rồi rửa chén.
3. Sau đó tráng lại chén đĩa bằng nước sạch.
Bảo quản:
Lưu trữ nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
NSX: 36 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số: TCCS 01.2022/CALOFIC - Khối lượng tịnh/ Thể tích thực: 9 kg/ 8,81 lít
Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại: (0203) 3846993 - Email: corporate@wlmar.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam
8 934988 500059
CÔNG TY TNHH CALOFIC

PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

(Đính kèm theo tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 01:2022/CALOFIC cho Nước rửa chén Power100 tinh dầu chanh)

Sản phẩm: NƯỚC RỬA CHÉN POWER100 TINH DAU CHANH

Ngày: 15/04/2022

Số	Mẫu	Chỉ tiêu kiểm soát	Phương Pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn chấp nhận	Tần suất
1	Mẫu thành phẩm	PH ở 25 °C	TCVN 5458:1991	Đạt tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 01: 2022/CALOFIC cho Nước rửa chén Power 100 tinh dầu chanh	01 lần/năm
		Tổng chất hoạt động bề mặt	TCVN 6971:2001		
		Độ nhớt ở 25 °C	TCVN 4859:2013		
		Hàm lượng Asen	TCVN 6665:2011		
		Hàm lượng Chì	TCVN 6665:2011		

Phê duyệt bởi

CÔNG TY TNHH CALOFIC

Đỗ Thị Kim Oanh

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 10288/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước rửa chén POWER100 Tinh dầu chanh
2. Mã số mẫu: 04222864/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL, tên mẫu đánh máy dán trên chai. Số lượng: 3.
   NSX: Không có - HSD: Không có
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 19/04/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 19/04/2022 - 28/04/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CALOFIC
   Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	TCVN 6971:2001	KPH (LOD: 0,010)
9.2*	Hàm lượng Chì	mg/kg	TCVN 6971:2001	KPH (LOD: 0,010)
9.3	Chất hoạt động bề mặt	%	TCVN 11054:2015	14,5
9.4*	Độ nhớt (dung dịch 100%, 25 °C)	cP	NIFC.02.M.221	2942
9.5*	pH (đo trực tiếp) (dung dịch 100%)	-	NIFC.05.M.196	6,01

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA ĐBCL

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 57/**CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2021**

(TCCS 57:2021/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: : **SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **02513 -836601** Fax: **02513-836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020/ Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Dầu Hào MAGGI**
2. Thành phần: Nước, đường, muối i-ốt, chất ổn định 1442, chất điều vị 621, màu tổng hợp (caramen nhóm III), hương hào tổng hợp, chất điều vị (631, 627), chiết xuất *hào* nguyên chất 0,6 g* - *oyster* extract, chất điều chỉnh độ acid 330, chất bảo quản 202.

   (*) Lượng trung bình tính trên 1 kg sản phẩm.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   - Quy cách đóng gói: 150 g/chai (24 chai x 150 g)/thùng carton; 350 g/chai (24 chai x 350 g)/thùng carton; 530 g/chai (24 chai x 530 g)/thùng carton; 820 g/chai (12 chai x 820 g)/thùng carton

   - Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng vào chai nhựa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về đồ bao gói thực phẩm: thân chai làm từ nhựa: PET, nắp chai làm từ nhựa PE hoặc PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Sản xuất tại Việt Nam, bởi Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, số 7 đường 17A khu công nghiệp Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Mục 1.12; 2.24; 3.30; 4.9)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	As	mg/kg	5
2	Cd	mg/kg	1
3	Pb	mg/kg	2
4	Hg	mg/kg	0,05

2. Thông tư các bộ ngành:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm. (Mục 6.8.1)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	*Coliforms*	cfu/g	10^2
3	*E.coli*	MPN/g	3
4	*S.aureus*	cfu/g	10^2
5	*Salmonella*	cfu/25 g	Không có
6	Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc	cfu/g	10^2

- Quyết định 11/2005/QĐ-BYT: Quy định về hàm lượng 3-MCPD trong nước tương, xì dầu, dầu hào.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	3-MCPD	mg/kg	1

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng nai, ngày 01 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM - T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI

NGUYỄN MINH NGUYỆT

Giám Đốc Ngành Hàng Thực Phẩm

R = 3 mm
150 ml
12 mm
Maggi
DẦU HÀO
Nestlé
Expiry data
Lot coding
2 mm
mm
45mm
157 mm
87
8 934804 006444
150 g
CHẾT XUẤT HÀO TỰ NHIÊN
TỪ NHẬT BẢN VÀ HÀN QUỐC

8 3mm
300ml
14mm
148mm
g cách mép 2 mm
15mm
45mm
14mm
Maggi
DẦU HÀO
Expiry date
Lot coding
8 934804 004044
350 g
CHIẾT XUẤT HÀO TỰ NHIÊN TỪ NHẬT BẢN VÀ HÀN QUỐC
4.7
441 39762

450 ml

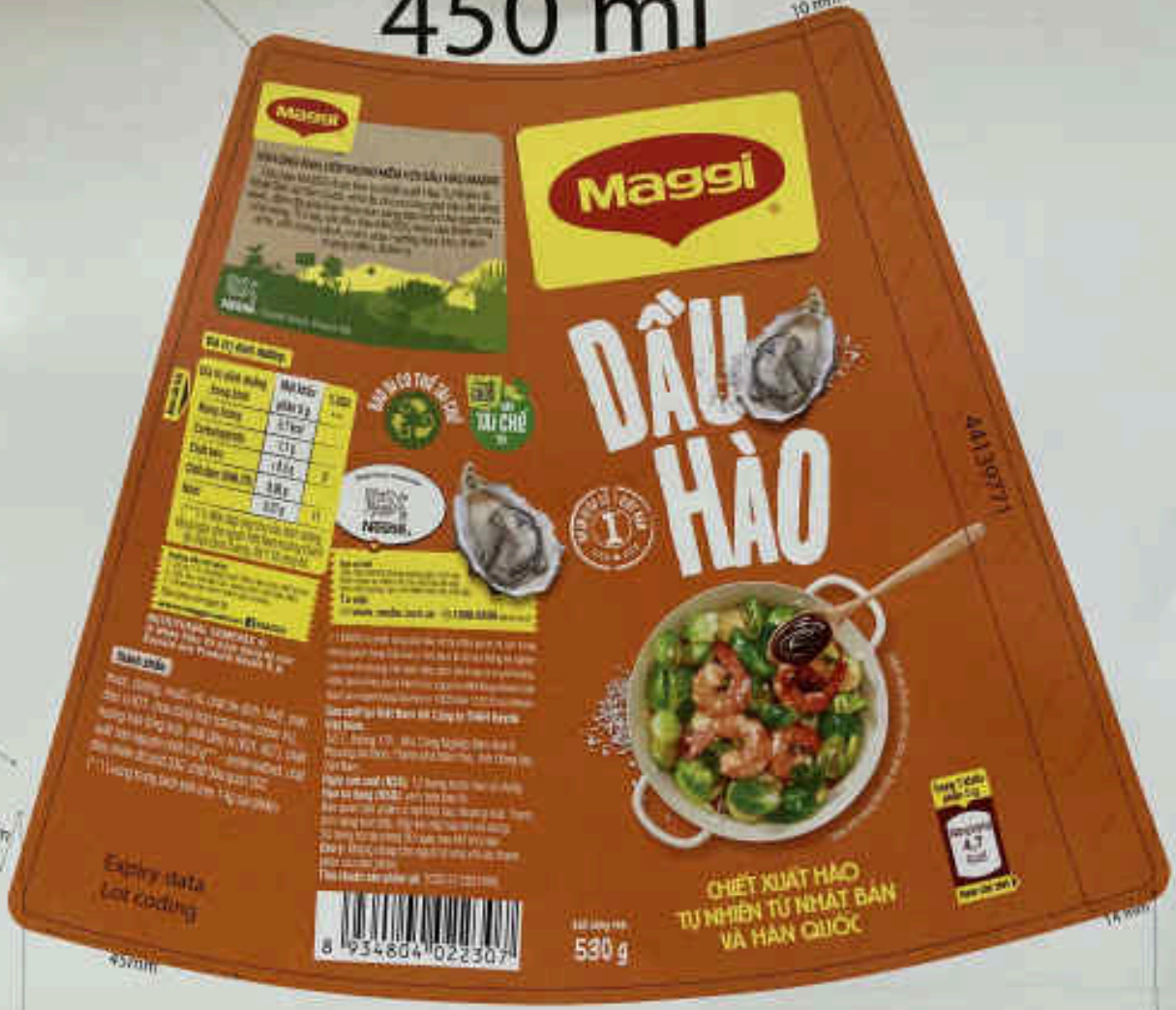

mm

175 mm

185

1,5mm

450mm

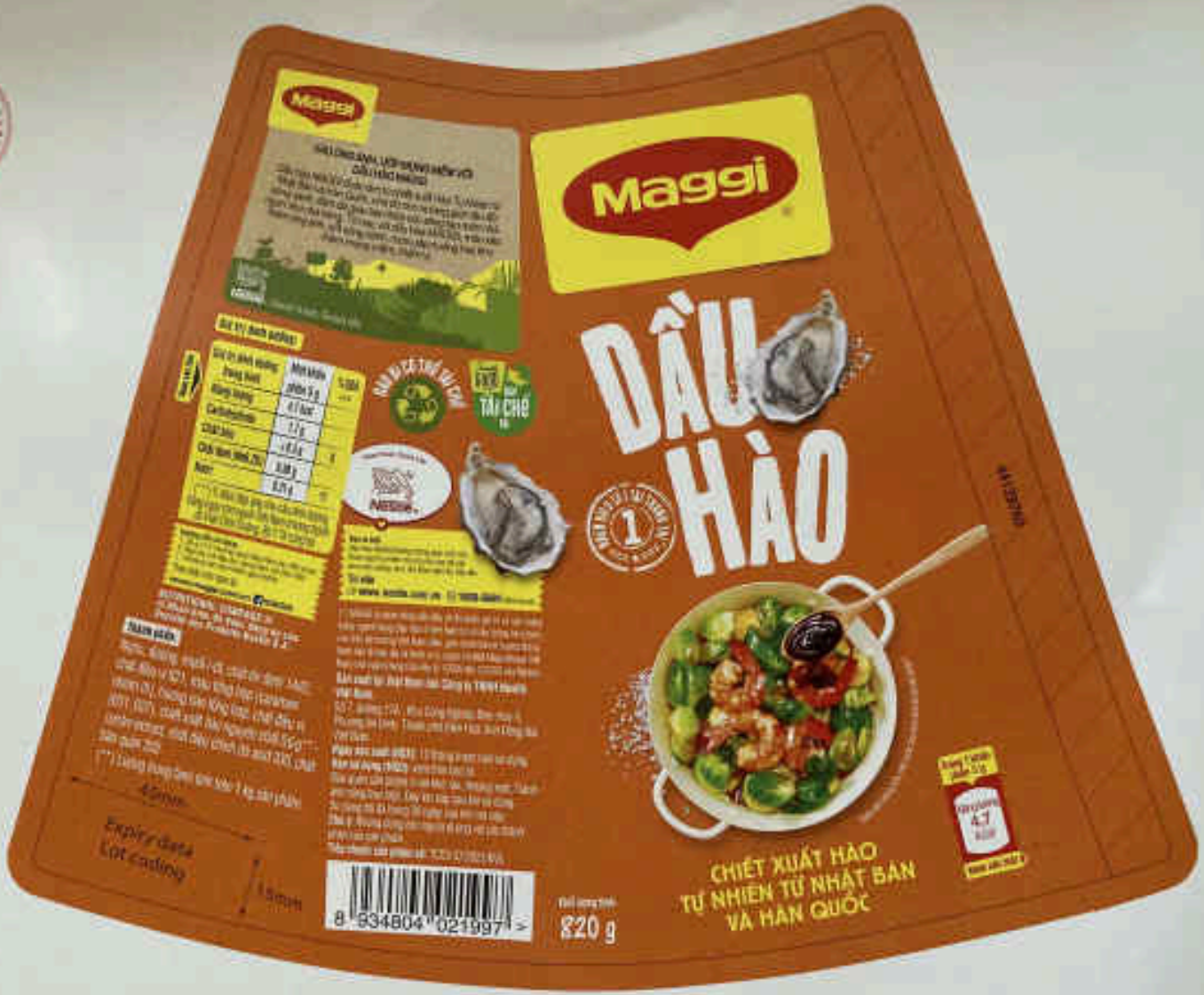
Maggi
DẦU HÀO
CHIẾT XUẤT HÀO
TỰ NHIÊN TỪ NHẬT BẢN
VÀ HÀN QUỐC
820 g
8 934804 021997

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 009610 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08350.21

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA II, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Tên mẫu : **DẦU HÀO MAGGI**

Đặc điểm mẫu : NSX: 27.04.2021, Batch: 11172131V

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 08 chai x 350 g

Ngày nhận mẫu : 29/04/2021

Người gửi mẫu : Nguyễn Cẩm Tú (Mẫu được gửi qua bưu điện)

Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Hàm lượng chất khô	TCVN 8081 - 2013	34,26 g/100g	04/05/2021
2	Đường tổng	TCVN 4594 - 1988	19,61 g/100g	04/05/2021
3	Carbohydrate	AOAC 986.25	22,50 g/100g	10/05/2021
4	Lipid	AOAC 989.05	Không phát hiện LOQ = 0,2 g/100g	05/05/2021
5	Protein	HD.PP.13/TT.LH:2016 (Ref. AOAC 991.20) (b)	1,07 g/100g (Nx6,25)	04/05/2021
6	Tro tổng	AOAC 972.15	10,69 g/100g	04/05/2021
7	Năng lượng	Regulation (EU) No 1169/2011	94,28 kcal/100g (tính từ Lipid, Carbohydrate, Protein)	10/05/2021
8	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2021
9	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2021
10	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2021
11	Natri (Na)	HD.PP.36/TT.AAS:2018 (Ref. AOAC 985.35)	42533 mg/kg	09/05/2021
12	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	3-MCPD	HD.PP.64/TT.SK (GC/MS) (AOAC 2000.01)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2021
14	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (b)	< 10 CFU /g	04/05/2021
15	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) (b)	< 10 CFU /g	04/05/2021
16	*Escherichia coli*	AOAC 966.24 (b)	0 MPN /g	04/05/2021
17	*Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55 (b)	< 10 CFU /g	04/05/2021
18	*Salmonella spp.*	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) (b)	Không phát hiện /25g	04/05/2021
19	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	04/05/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, HSD: 27.04.2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11-05-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts.Nguyễn Đức Thịnh

CÔNG TY TNHH CALOFIC

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SẢN PHẨM: DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN NHÃN HIỆU CÁI LÂN

SỐ CÔNG BỐ: 10/CALOFIC/2021

CÁI LÂN 10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/CALOFIC/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3845970 Fax: (0203) 3845971

Hoặc Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 8806 Fax: (028) 37818802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH CALOFIC được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN NHÃN HIỆU CÁI LÂN

2. Thành phần: Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, chất nhũ hóa: este của polyglycerol với axit béo (475), vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: Thể tích thực ở 20 °C: 400 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH CALOFIC

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

-Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về "Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hạ Long, Ngày 01 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

M.S.D.N:5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALORIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

ĐỖ THỊ KIM OANH

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng (trên 30 độ C)
- Màu sắc: Màu vàng sáng
- Mùi: Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét.
- Vị: Không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Trị số a-xit	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 58
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100g	≥ 9200
8.	Chất đạm	g/100g	0
9.	Cholesterol	g/100g	0
10.	Đường	g/100g	0
11.	Cacbohydrat	g/100g	0
12.	Natri	g/100g	0

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2.	Coliforms	MPN/ml	10
3.	Salmonella	/25 ml	Không phát hiện
4.	S. aureus	CFU/ml	0
5.	E. coli	MPN/ml	3
6.	TSVSVHK	CFU/ml	1000

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Aflatoxin B_1	µg/kg	5
2	Hàm lượng Aflatoxin B_1 B_2 G_1G_2	µg/kg	15

CaiLan 400ml size: 182mmx76mm

14mm 8mm

M.S.D.N: 5700101362 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

CaiLan 400ml size: 182mmx76mm

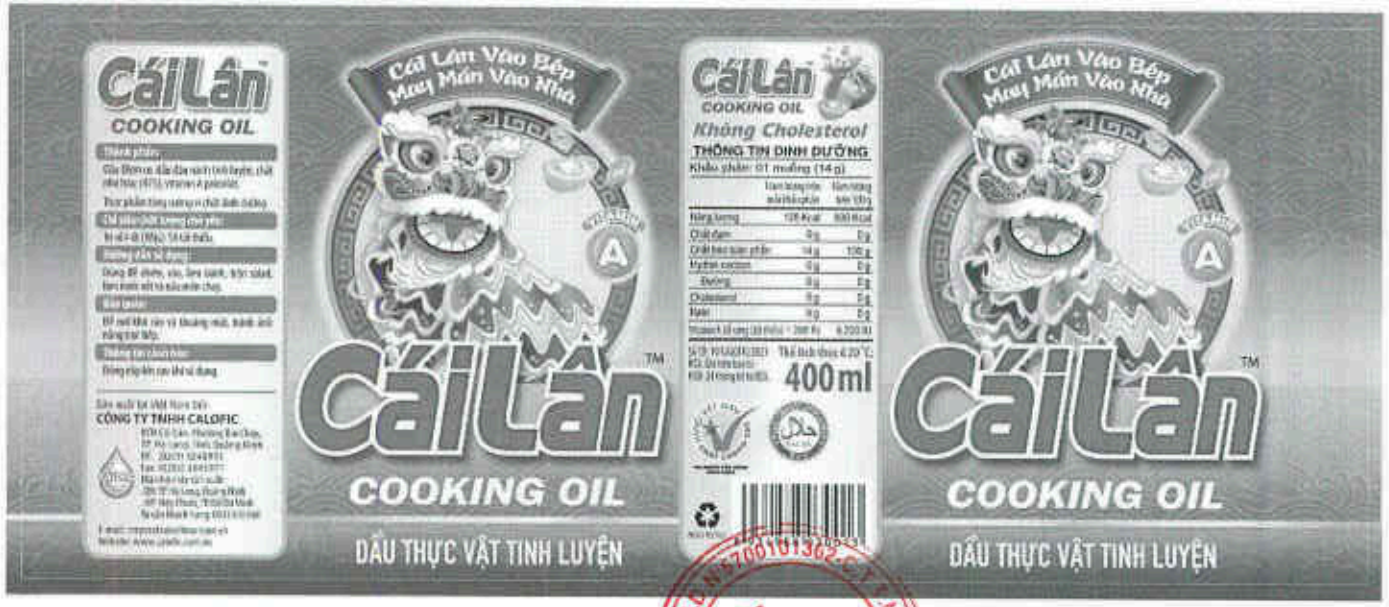

8mm

15mm

CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

255 mm

QN

120 mm

CáiLân™

COOKING OIL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-Ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng

Sản xuất tại Việt Nam bởi:

CÔNG TY TNHH CALOFIC

KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

ĐT: (0203) 3846993

Fax: (0203) 3843971

Mã nhà máy sản xuất:

.QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh

.HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Website: www.calofic.com.vn

Cái Lân Vào Bếp
May Mắn Vào Nhà

VITAMIN A

CáiLân™

COOKING OIL

DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN

CáiLân

COOKING OIL

Không Cholesterol

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất đạm	0 g	0 g
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Hydrat-cacbon	0 g	0 g
Đường	0 g	0 g
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin A bổ sung (tối thiểu) 1.288 IU		9.200 IU

Số CB: 10/CALOFIC/2021

NSX: Ghi trên bao bì

HSD: 24 tháng kể từ NSX.

Thể tích thực ở 20 °C: **1 lít**

8 934988 030020

Cái Lân Vào Bếp
May Mắn Vào Nhà

VITAMIN A

CáiLân™

COOKING OIL

DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN

19 mm | 40 mm | 16 mm | 45 mm | 16 mm | 42 mm | 16 mm | 45 mm | 16 mm

CÔNG TY TNHH CALOFIC

255 mm

HP

120 mm

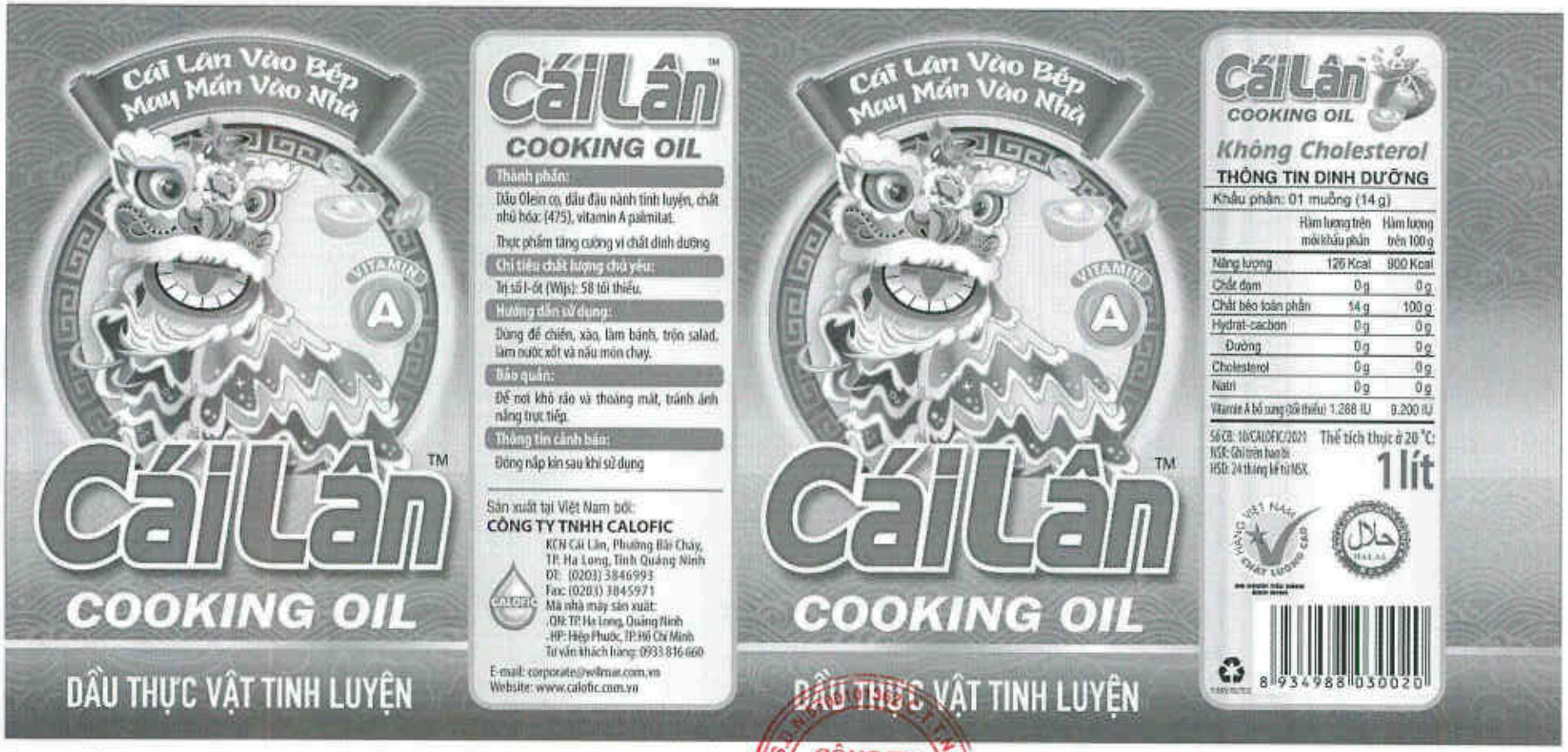

16 mm 45 mm 16 mm 42 mm 16 mm 45 mm 16 mm 40 mm 19 mm

CÔNG TY TNHH CALOFIC

CaiLan 2L size: 360(w) x 96 (h) mm

8mm

18mm

CÔNG TY TNHH CALOFIC
M.S.D.N: 5 00 01 1352 C.T.T.N.H.H
TP HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

CaiLan 5L size: 165mmx121mm

CáiLân™

COOKING OIL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng

Sản xuất tại Việt Nam bởi:

CÔNG TY TNHH CALOFIC

KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
ĐT: (0203) 3846993
Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
.QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh
.HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
E-mail: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

Số CB: 10/CALOFIC/2021
NSX: Ghi trên bao bì
HSD: 24 tháng kể từ NSX.

CáiLân™

COOKING OIL

DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN

CáiLân™ COOKING OIL

Không Cholesterol

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất đạm	0 g	0 g
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Hydrat-cacbon	0 g	0 g
Đường	0 g	0 g
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Thể tích thực ở 20 °C: **5 lít**

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

PLEASE RECYCLE

8 934988 030044

CÔNG TY TNHH CALOFIC

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 32596/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN NHÃN HIỆU CÁI LÂN
2. Mã số mẫu: 10218633/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL, thông tin mẫu đánh máy dán trên chai - Số lượng: 3
   NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 08/10/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 08/10/2021 - 21/10/2021
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH CALOFIC
   Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Chlordane	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01 mg/kg)
9.2	Hàm lượng Chlorpyrifos	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01 mg/kg)
9.3	Hàm lượng Flusilazole	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01 mg/kg)
9.4	Hàm lượng Heptachlor	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01 mg/kg)
9.5	Hàm lượng Acephat	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.6	Hàm lượng Clethodim	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.7	Hàm lượng Cyproconazole	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.8	Hàm lượng Methamidophos	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.9	Hàm lượng Methomyl	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3.Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's req
4.(*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 32595/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN NHÃN HIỆU CÁI LÂN
2. Mã số mẫu: 10218633/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL, thông tin mẫu đánh máy dán trên chai - Số lượng: 3
NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 08/10/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 08/10/2021 - 21/10/2021
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH CALOFIC
Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	*Salmonella*	/25mL	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.2*	*S. aureus*	CFU/mL	FDA-BAM CHAPTER 12:2019	KPH (LOD: 10 CFU/mL)
9.3*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/mL	TCVN 4884-1:2015	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
9.4*	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/mL	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
9.5*	Coliforms	MPN/mL	TCVN 4882:2007	KPH (LOD: 0 MPN/mL)
9.6*	*E. coli*	MPN/mL	TCVN 6846:2007	KPH (LOD: 0 MPN/mL)
9.7*	Hàm lượng các chất dễ bay hơi	%	TCVN 6120:2018	KPH (LOD: 0,01 %)
9.8	Hàm lượng tạp chất	%	TCVN 6125:2010	KPH (LOD: 0,01 %)
9.9*	Hàm lượng Acid béo tự do	%	TCVN 6127:2010	0,06
9.10*	Hàm lượng Chất đạm	g/100g	NIFC.02.M.03	KPH (LOD: 0,01 g/100g)
9.11*	Hàm lượng Chất béo toàn phần	g/100g	NIFC.02.M.04	100,0
9.12*	Hàm lượng Carbohydrat tổng	g/100g	NIFC.02.M.06	KPH (LOD: 0,01 g/100g)
9.13*	Hàm lượng Đường tổng	g/100g	NIFC.02.M.11	KPH (LOD: 0,01 g/100g)
9.14*	Chỉ số Iod	g I_2/100g dầu	TCVN 6122:2015	86,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Vitamin A (retinyl palmitat)	IU/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	$9,87 \times 10^3$
9.16*	Năng lượng	kcal/100g	NIFC.02.M.06	900
9.17*	Chỉ số Peroxide	meq O_2/kg	TCVN 6121:2018	1,84
9.18*	Chỉ số acid	mgKOH/g	TCVN 6127:2010	0,11
9.19*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.20*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.21*	Hàm lượng Natri	g/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,001 g/100g)
9.22	Hàm lượng Cholesterol	g/100g	NIFC.04.M.099 (GC-MS)	KPH (LOD: $1,5 \times 10^{-3}$ g/100g)
9.23	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.24	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 182/MSI/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("MSI")

Địa chỉ: Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (0274) 3729 911 Fax: (0274) 3729 912

E-mail: thongbao@msc.masangroup.com

Mã số doanh nghiệp: 3700424923

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 số FSMS 684853 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA

2. Thành phần: Nước, muối, khô đậu nành 25 g/L, chất điều vị (621, 635), chất tạo màu (150c) tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (330), chất bảo quản (211), hương liệu giống tự nhiên, chất ổn định (415), chất tạo ngọt (951, 950) tổng hợp, kali iodat 8 mg/L.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm đựng trong chai nhựa và nắp nhựa, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y tế. Đóng chai với thể tích thực: 500 ml
- Các chai được đóng trong thùng giấy carton theo quy cách:
  + Thể tích thực: 12 L (24 chai x 500 ml)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

A: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan

Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

(địa chỉ sản xuất được mã hóa thành ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX – HSD)

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (*đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố*)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm nước chấm.
2. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty")
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 19 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Huỳnh Công Hoàn

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty")
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 182/MSI/2024

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP MASAN	**NHÓM SẢN PHẨM NƯỚC CHẤM**	**Số TCCS 128:2024/MS102**
	THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. **Các chỉ tiêu cảm quan:**

- Trạng thái: Thể lỏng, hơi sánh, có thể có cặn mịn ở đáy chai.
- Màu: Màu nâu cánh gián đến màu nâu đậm.
- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm nước tương được chế biến từ khô đậu nành. Vị mặn vừa phải, chua ngọt hài hòa, hậu vị không đắng. Không có mùi, vị lạ.
- Trạng thái đặc trưng khác nếu có: Không.

2. **Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Nitơ tổng số (total nitrogen)	g/L	≥ 1.9
2	Hàm lượng chất đạm (protein)	g/100 ml	0,1 – 4
3	Hàm lượng carbohydrat (carbohydrate)	g/100 ml	0,1 – 2,5
4	Hàm lượng đường tổng (total sugars)	g/100 ml	≤ 0,5
5	Hàm lượng natri (sodium)	mg/100 ml	3255 - 6045
6	Hàm lượng chất béo (total fat/lipid)	g/100 ml	≤ 0,5
7	Giá trị năng lượng (energy)	kcal/100 ml	6,4 – 12
8	Hàm lượng I-ốt (iodine) (*)	mg/100 ml	≥ 0,32

(*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 7.

3. **Các chỉ tiêu vi sinh vật**: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho nhóm sản phẩm nước chấm):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	*Salmonella*	/25 ml	Không có
3	*Staphylococcus aureus*	CFU/ml	10

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty")
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

4	*Clostridium perfringens*	CFU/ml	10^2
5	Enterobacteriaceae	CFU/ml	10^2

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm nước chấm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/L	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,05

5. **Chỉ tiêu ATTP khác:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	3-MCPD	mg/kg	1,0

6. **Danh mục phụ gia thực phẩm:** tra cứu theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho nhóm 12.6.2 Nước chấm không ở dạng nhũ tương (VD: tương cà chua, tương ớt, sốt kem, nước sốt từ thịt):

TT	Tên phụ gia
1	Mononatri L-glutamat (621)
2	Dinatri 5'- ribonucleotid (635)
3	Caramen nhóm III (150c)
4	Acid citric (330)
5	Natri benzoat (211)
6	Gôm xanthan (415)
7	Aspartam (951)
8	Acesulfam kali (950)
9	Hương liệu giống tự nhiên

7. **Mức đáp ứng RNI:** Tính toán cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014

- Mức công bố trong 100 ml sản phẩm: $\geq$ 0,32 mg
- Lượng dùng khuyến nghị: 15 ml/ngày

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty")
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

$$\text{Mức dùng khuyến nghị} = \frac{\text{Lượng dùng khuyến nghị x 0.32}}{100} \geq 0{,}048 \text{ mg}$$

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Mức dùng khuyến nghị x 100}}{\text{Lượng dùng khuyến cáo cho người Việt Nam}}$$

Đối tượng sử dụng (tuổi)	**Lượng dùng khuyến cáo cho người Việt Nam (µg/ ngày)**	**Mức đáp ứng RNI (%)**
Nam trưởng thành 19 – 50 tuổi	150	32,0
Nữ trưởng thành 19 – 50 tuổi	150	32,0

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty").
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN
M.S.D.N: 3700424923 - C.T.T.N.H.H

Mã kiểm soát AW:
BNNT00092.128:2024/MS102

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn.

19-11-2024

CHIN-SU®
FOODS

KHÔNG CÓ 3-MCPD

Bổ sung I-ốt

Tam Thái Tử®
NHỊ CA

Đảm bảo sức khoẻ theo quy định ATVSTP
CÓ I-ỐT

Thể tích thực: 500 ml

Mã kiểm soát AW:
BNNT00092.128:2024/MS102

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn.

Ngon tốt lành vì sức khỏe

Ngon Tuyệt!

THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA

Thành phần: Nước, muối, khô đậu nành 25 g/L, chất điều vị (621, 635), chất tạo màu (150c) tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (330), chất bảo quản (211), hương liệu giống tự nhiên, chất ổn định (415), chất tạo ngọt (951, 950) tổng hợp, kali iodat 8 mg/L. **Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ đậu nành.** (**) **RNI:** Lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam - **Mức đáp ứng RNI:** tính toán trên 15 ml sản phẩm cho người trưởng thành từ 19 tuổi trở lên theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật. **Hướng dẫn sử dụng:** Chay mặn đều dùng được. Dùng để tẩm ướp, nêm nếm và chấm trực tiếp với món ăn. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy nắp kín sau khi sử dụng. **Công dụng:** Là thực phẩm bổ sung I-ốt.

Đối tượng sử dụng: Người lớn và trẻ em trên 3 tuổi. **Lượng dùng:** Tùy theo nhu cầu của người sử dụng, khuyến nghị 15 ml/ngày. **Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì. **Hạn sử dụng (HSD):** 12 tháng kể từ ngày sản xuất. **Sản xuất theo số TCCS** 128:2024/MS102. **Sản xuất tại Việt Nam.**

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Được làm từ đậu nành tự nhiên (***)

Giá trị dinh dưỡng trong 100 ml		Mức đáp ứng RNI, % (**)
Năng lượng/ Energy	9,2 kcal	
Chất đạm/ Protein	0,1 - 4 g	
Carbohydrat/ Carbohydrate	0,1 - 2,5 g	
Natri/ Sodium	4650 mg	
I-ốt/ Iodine	≥ 320 µg	≥ 32,0

Sản phẩm chất lượng của Masan consumer

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan
Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
BNNT00092

Không có 3-MCPD (*)
Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm
(***) Làm từ khô đậu nành có nguồn gốc tự nhiên
(*) Không phát hiện 3-MCPD theo kết quả kiểm nghiệm tại Viện Y Tế Công Cộng TPHCM (MLOD 0,02 mg/kg)

8 936017 367169

19-11-2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN
M.S.D.N: 3700424923 - C.T.T.N.H.H
TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

Mã kiểm soát AW:
BGTN00353.128:2024/MS102

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn.

19-11-2024

CHIN-SU®
FOODS

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

KHÔNG CÓ 3-MCPD(*)

Bổ sung I-ốt

Quy cách xếp pallet:
10 thùng x 6 lớp = 60 thùng/ pallet
Pallet 1 m x 1,2 m

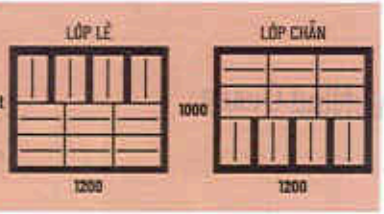

BGTN00353

Tam Thái Tử®
NHỊ CA

Tam Thái Tử®
NHỊ CA

Bổ sung I-ốt

Thực phẩm bổ sung - Nước chấm Tam Thái Tử Nhị Ca
Thể tích thực: 12 L
(24 chai x 500 ml)

03NT00379

Mã kiểm soát AW:
BGTN00353.128:2024/MS102

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn.

THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản phẩm chất lượng của Masan consumer

Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan
Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Sản xuất tại Việt Nam
Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Tư vấn khách hàng: **1800 6068**

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất
03NT00379

1 89 36017 36716 6

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm
(*) Không phát hiện 3-MCPD theo kết quả kiểm nghiệm tại Viện Y Tế Công Cộng Thành phố Hồ Chí Minh (MLOD 0,02 mg/kg)

19-11-2024

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-05781ATP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/09/2024

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong chai nhựa.
As received sample is contained in plastic bottle.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 08/08/2024

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 09/08/2024 – 14/08/2024

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN**
Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, Thành Phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.csir@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.csir@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-05781ATP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng béo, g/100 mL *Fat content*	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng đường tổng số[(1)], g/100 mL *Total sugars content*	QTTN/KT3 096 : 2017	-		$2,00 \times 10^{-2}$
7.3. Hàm lượng protein, g/100 mL *Protein content*	TCVN 1764 : 2008		-	2,00
7.4. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 mL *Carbohydrate excluding fibre content*	AOAC 2020.07		-	0,52
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 mL *Sodium content*	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		$4,73 \times 10^{3}$
7.6. Năng lượng/ *Calories*[(*)]	QTTN/ KT3 024 : 2018		-	
• kcal/100 mL				10

Ghi chú/ *Notes*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*
(1): Hàm lượng đường tổng số/ *Total sugars content* (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlt.cv@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlt.cv@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 020887 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 19378.24

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Địa chỉ : LÔ 06, KCN TÂN ĐÔNG HIỆP A, PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG,VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA**

Ngày lấy mẫu : 08/08/2024

Lượng mẫu : 01 chai x 200 ml

Ngày nhận mẫu : 12/08/2024

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

Thời gian thử nghiệm : 12/08/2024-19/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Nitơ tổng	TCVN 1764 - 2008 (a) (b)	0,303	g/100 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 05/9/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 -09- 2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Hoàng Hoài Phương

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 020885 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 19376.24

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Địa chỉ : LÔ 06, KCN TÂN ĐÔNG HIỆP A, PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG,VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỪ NHỊ CA**

Ngày lấy mẫu : 08/08/2024

Lượng mẫu : 01 chai x 200 ml

Ngày nhận mẫu : 12/08/2024

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

Thời gian thử nghiệm : 12/08/2024-19/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	3-MCPD	AOAC 2000.01 (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 05/9/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 -09- 2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Hoàng Hoài Phương

6051.24

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 020845 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 21332.24

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Địa chỉ : LÔ 06, KCN TÂN ĐÔNG HIỆP A, PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG,VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA**

Ngày lấy mẫu : 29/08/2024

Lượng mẫu : 01 chai x 200 ml

Ngày nhận mẫu : 29/08/2024

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

Thời gian thử nghiệm : 29/08/2024-04/09/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Iod	HD.PP.24/TT.AAS:2023 (a)	0,378	mg/100 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 05/9/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-09-2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Hoàng Hoài Phương

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 020884 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 19375.24

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN

Địa chỉ : LÔ 06, KCN TÂN ĐÔNG HIỆP A, PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG,VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC CHẤM TAM THÁI TỬ NHỊ CA**

Ngày lấy mẫu : 08/08/2024

Lượng mẫu : 01 chai x 200 ml

Ngày nhận mẫu : 12/08/2024

Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm

Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

Thời gian thử nghiệm : 12/08/2024-19/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (b)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
5	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a) (b)	< 1	CFU/ml
6	*Clostridium perfringens*	AOAC 976.30 (a) (b)	< 1	CFU/ml
7	*Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55 (a) (b)	< 1	CFU/ml
8	*Salmonella spp.*	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (a) (b)	Không phát hiện	/25 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 05/9/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /ml : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10-09-2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Hoàng Hoài Phương

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 45..../CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Chi nhánh Công ty TNHH Trung Thành.

Địa chỉ: Lô D, khu CN Đồng Văn I, Phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà nam

Điện thoại: 02263.836352

E - mail: Trungthanh@trungthanh.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0100510477-003

Đơn vị có chứng nhận BRC/FSSC 22000

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SA TẾ TÔM

2. Thành phần: Ớt quả, Muối ăn, đường kính, Hành, riềng, Dầu ăn, tỏi, mắm tôm (≥1%), Chất điều chỉnh độ Axit(330), Chất bảo quản(202), Phẩm màu(124)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 8g, 10g, 15g, 20g, 25g, 30g, 35g, 40g, 45g, 50g, 60g, 65g, 70g, 75g, 80g, 85g, 100g, 120g, 125g,150g, 170g, 175g,180g, 185g, 200g, 220g, 225g, 230g, 235g, 250g, 300g, 325g, 345g, 350g, 400g, 420g, 425g, 450g, 475g, 500g, 510g, 530g, 550g, 575g, 650g, 700g, 750g, 800g, 815g, 850g, 1kg, 1,5kg, 2kg, 3kg, 5kg,10kg....
- Chất liệu bao bì: Túi nilon hoặc chai nhựa phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm :

- Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty TNHH Trung Thành
  Nhà máy Chế biến thực phẩm Đồng Văn
- Địa chỉ: Lô D, khu CN Đồng Văn I, Phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Tên sản phẩm: SA TẾ TÔM

Sản phẩm của: Trung Thành Foods

- Khối lượng tịnh:
- Thành phần cấu tạo: Ớt quả, Muối ăn, đường kính, Hành, riềng, Dầu ăn, tỏi, mắm tôm (≥1%), Chất điều chỉnh độ Axit(330), Chất bảo quản(202), Phẩm màu(124)
- Ngày sản xuất- Hạn sử dụng: in trên chai hoặc nút hoặc túi
- Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- ✓ Dùng để pha nước chấm hoặc cho vào các món lẩu bò, lẩu gà….
- ✓ Để nơi khô ráo, tránh nắng, tránh nhiệt độ cao.
- ✓ Đậy kín và bảo quản lạnh ≤ 15^0 C sau khi mở nắp

Lưu ý: Sản phẩm được sử dụng tốt nhất khi thực hiện đúng hướng dẫn bảo quản nên trên của Nhà sản xuất.

- Xuất xứ: Việt nam
- Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

Công ty TNHH Trung Thành

Địa chỉ: Cụm CN Lại Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội

Sản xuất tại: Chi nhánh Công Ty TNHH Trung Thành – Nhà máy chế biến thực phẩm Đồng Văn,

Địa chỉ: Lô D, KCN Đồng Văn I, Phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Email: Info@trungthanh.com.vn

Website: www.trungthanh.com.vn

Hotline:1800585819

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ- BYT ban hành ngày 19/12/2007, Phần VI, mục 6.8
- QCVN 8 – 2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn quy định giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- Nghị định 43/2017/NĐ -CP về ghi nhãn hàng hóa ngày 14/4/2017
- Nghị định 15/2018/NĐ- CP ngày 2/2/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
- QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì dụng cụ bằng nhựa
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT hướng dẫn về phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nam, ngày 20 tháng 9.. năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Chu Văn Nguyên

TrungThành
Foods
Sate Tôm
Chilli Shrimp Paste
85 g
TRUNG THÀNH
TX. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

eurofins | Sac Ky Hai Dang

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00053871
Mã số kết quả : AR-22-VD-057662-01-VI / EUVNHC-00169474

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH
Lô D, Khu Công nghiệp Đồng Văn I, Phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên
Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Tên mẫu :	Sate tôm (15.04.22)
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	09/05/2022
Thời gian thử nghiệm :	09/05/2022 - 13/05/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	17/05/2022
Mã số PO của khách hàng :	NGM2220509059-HN-KA

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) *Salmonella*	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW030 VW (a) *Escherichia coli*	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
3	VW00G VW (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	ISO 6888-1:2021	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW011 VW *Coliforms*	MPN/ g	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	Không phát hiện (LOD=0)
5	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013); TCVN 4884-2:2015 (ISO 4833-2:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW00X VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/ g	(Ref AOAC 2014.05)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	%	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	8.08
8	VD0HE VD (a) Độ axit (tính theo axit acetic)	%	TCVN 4589:1988	0.86
9	VW066 VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)	Không phát hiện (LOD=0.5)
10	VW068 VW (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)	Không phát hiện (LOD=0.5)
11	VD0TP VD (a) Methomyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VW04K VW pH value		N79-R-RD1-TP-9756	3.88
13	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	0.16
14	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.017)
15	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.01)
16	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Trưởng Phòng Thí Nghiệm Chi Nhánh Hà Nội

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KỲ HẢI ĐĂNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Thị Nhàn
Giám Đốc chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 23/05/2022

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 6 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN, A3E, N7S, EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VO": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Chi CT TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02 /DUYENHAI/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243 7634 965 Email: muoiduyenhai@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104194021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 99/2019/NNPTNT-HAN

Ngày Cấp/Nơi cấp: cấp ngày 14/05/2019 do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội cấp.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MUỐI TINH SẠCH CAO CẤP

2. Thành phần: Muối

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 30 g, 50 g, 70 g, 100 g, 150 g, 180 g, 200 g, 200g ±2, 230 g, 250 g, 250g ± 2.5 260 g, 280 g, 300 g, 330 g, 350 g, 400 g, 450 g, 500 g, 500 g ± 5, 550 g, 600 g, 650 g, 700 g, 700 g ±7, 750 g, 800 g, 850 g, 900 g, 950 g, 1 kg, 1kg ± 0.01, 2 kg, 2,5 kg, 3 kg, 3,5 kg, 4 kg, 5 kg, 6 kg, 7 kg, 10 kg, 20 kg, 30 kg, 50 kg.

- Chất liệu bao bì: Lọ nhựa, lọ thủy tinh, túi nilon, túi PA, PE chuyên dùng đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(mẫu nhãn sản phẩm dự kiến): đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Được quét bằng CamScanner

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn Kỹ thuật: TCVN 9639: 2013 Muối tinh

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 Năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUYÊN HẢI

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Duyến

Được quét bằng CamScanner

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Công ty TNHH Duyến Hải	Tên nhóm sản phẩm	SỐ 01/DUYENHAI/2020
	Muối tinh	Có hiệu lực ngày 18 tháng 06 năm 2020

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng tinh thể, khô, rời
2	Màu sắc	Màu trắng ánh xám
3	Mùi vị	Không mùi, dung dịch muối 5% có vị mặn, không có vị lạ

1.2 Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	H/l muối ăn (NaCl)/ khối lượng chất khô	%	≥97
2	H/l ẩm	%	≤4

1.3 Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	E.coli	CFU/g	3
4	Coagulase Positive Staphylococci	CFU/g	10^2
5	Salmonella	Định tính/25g	0
6	Ts. Bào nấm mốc, men	CFU/g	10^2

1.4 Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiệm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	0.5
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.1

2. Thời hạn sử dụng: in trên bao bì

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

- Dùng để nêm, chấm, tẩm ướp thực phẩm và làm sạch rau, củ, quả.

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa các loại hóa chất, đậy kín sau khi dùng.

4. Nội dung ghi nhãn: Có nhãn đính kèm

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUYẾN HẢI

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Duyến

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Duyến Hải

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phú Minh, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.7634.965

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm: Muối hạt

STT	Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
1	**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** H/l ẩm H/l muối ăn (NaCl) H/l axit (theo axit citric)	1 lần/ năm	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025
2	**Chỉ tiêu vi sinh:** Tổng số vi sinh vật hiếu khí Coliforms E.coli Coagulase Positive Staphylococci Salmonnella Ts. Bào nấm mốc, men		
3	**Chỉ tiêu kim loại nặng:** Hàm lượng Chì (Pb) Hàm lượng Cadmi (Cd) Hàm lượng Arsen (As) Hàm lượng Thủy ngân (Hg)		

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUYÊN HẢI

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Duyến

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

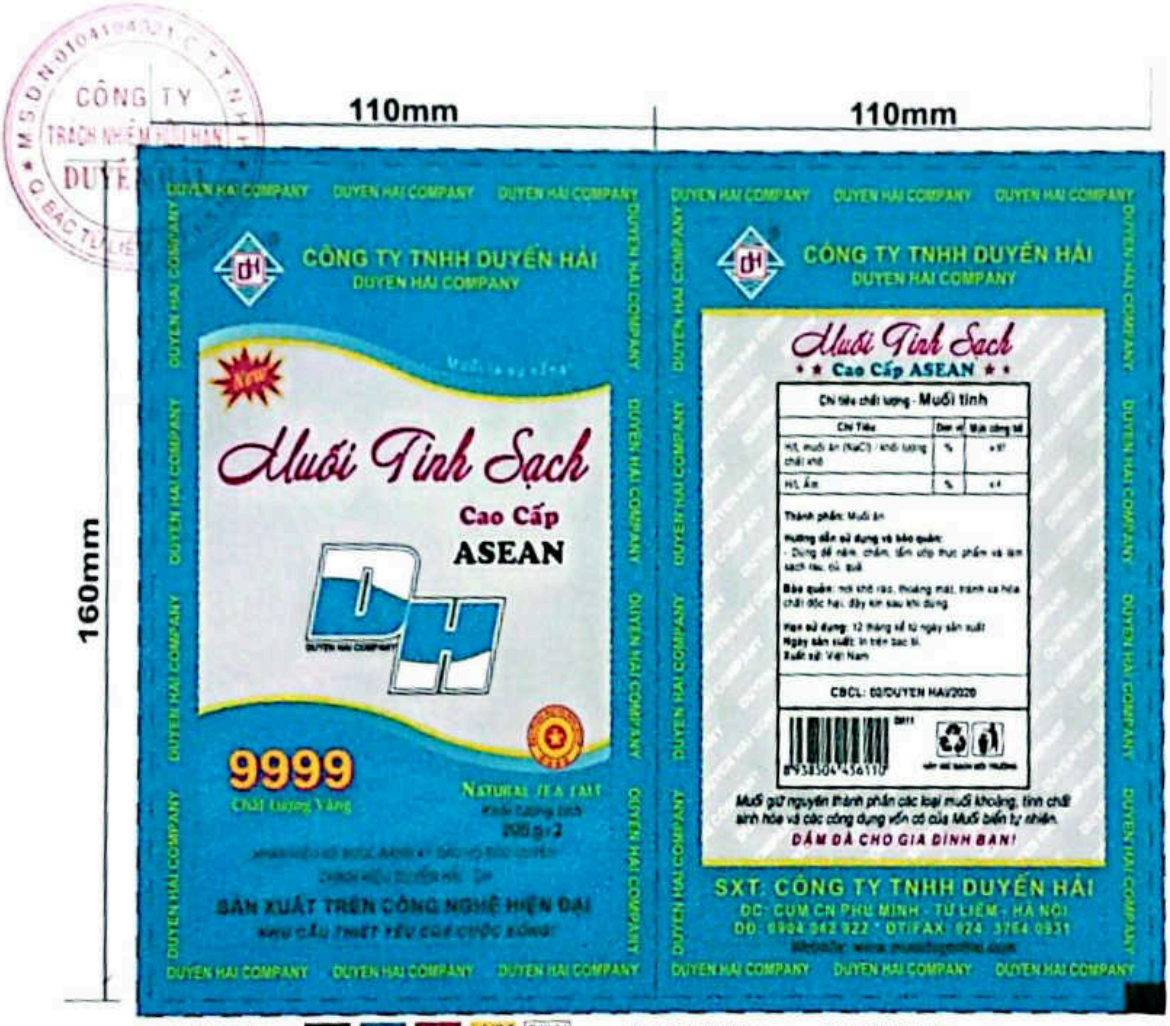
110mm
110mm
160mm
CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DUYEN HAI COMPANY
Muối Tinh Sạch
Cao Cấp
ASEAN
9999
Chất Lượng Vàng
NATURAL SEA SALT
SẢN XUẤT TRÊN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DUYEN HAI COMPANY
Muối Tinh Sạch
Cao Cấp ASEAN
Chỉ tiêu chất lượng - Muối tinh
CBCL: 03/DUYEN HAI/2020
Muối giữ nguyên thành phần các loại muối khoáng, tinh chất sinh hóa và các công dụng vốn có của Muối biển tự nhiên.
ĐẢM BẢO CHO GIA ĐÌNH BẠN!
SXT: CÔNG TY TNHH DUYÊN HẢI
DC: CỤM CN PHÚ MINH - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
ĐĐ: 0904.042.922 * ĐT/FAX: 024 3764 0331
F457722G2
1#K
2#Y
3#Z
4#Y
5#W
Size:220*160mm
Date:03/04/15
SỬA VỊ 6 TRÍ KHOANH VÙNG

CÔNG TY TNHH CALOFIC

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SẢN PHẨM: DẦU THỰC VẬT HẢO HẠNG NHÃN HIỆU ORCHID

SỐ CB: 16/CALOFIC/2024

CALOFIC 08/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/CALOFIC/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ: Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (0203) 3846993 Fax: (0203) 3845971

Hoặc Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3781 8806 Fax: (028) 37818802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH Calofic được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: DẦU THỰC VẬT HẢO HẠNG NHÃN HIỆU ORCHID

2. Thành phần: Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, chất nhũ hóa: este của polyglycerol với axit béo (475), vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: Thể tích thực ở 20 °C: 880 ml, 1 lít, 1,8 lít, 2 lít, 4,5 lít, 5 lít, 7,5 lít (6,8 kg), 9,8 lít (9 kg)

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH CALOFIC

Địa chỉ: Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

-Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ninh, Ngày 30 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY TNHH CALOFIC

ĐỖ THỊ KIM OANH

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH	DẦU THỰC VẬT HẢO HẠNG NHÃN HIỆU ORCHID	Số CB: 16/CALOFIC/2024
CÔNG TY TNHH CALOFIC		Có hiệu lực từ ngày ký phê duyệt

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng (trên 30 độ C)
- Màu sắc: Màu vàng sáng
- Mùi: Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét.
- Vị: Không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Trị số axit	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 58
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxide	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100g	≥ 9200
8.	Cholesterol	g/100g	0
9.	Trans fat	g/14 g	≤ 0,5

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

256x102

orchid

Dầu Thực Vật Hoàn Hảo

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 - Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

orchid
Dầu Thực Vật Hoàn Hảo
KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản
VITAMIN A
VITAMIN E

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:
Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

VÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

حلال HALAL

PLEASE RECYCLE

8 934988 040173

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

Thể tích thực ở 20°C: 880 ml

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

16mm 7mm

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn, sử dụng - Mẫu sử dụng chưa có bản quyền

CÔNG TY TNHH CALOFIC

256x102

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 - Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

CALOFIC

wilmar

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:
Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa (475), vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Tỉ số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước sốt và nấu món chay.

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

PLEASE RECYCLE

8 934988 040173

CHIÊN GIÒN XÀO NGON Thể tích thực ở 20 °C: 880 ml **CHIÊN GIÒN XÀO NGON**

7mm 16mm

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn - Font sử dụng chưa có bản quyền

CÔNG TY TNHH CALOFIC

255x120

Orchid®

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

CALOFIC

wilmar®

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

Orchid®

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:
Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

Thể tích thực ở 20 °C:
1 lít

PLEASE RECYCLE

8 934988 040029

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

16 mm | 45 mm | 16 mm | 42 mm | 16 mm | 45 mm | 16 mm | 40 mm | 19mm

CÔNG TY TNHH CALOFIC TP. HẠ LONG - QUẢNG NINH

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn, sử dụng - Font sử dụng chưa có bản quyền

360x92

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo tổng phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (% thiếu)	1.68 mg	12 mg
Vitamin A (bổ sung 8% thiếu)	1,280 IU	9,200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

CALOFIC

wilmar®

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

orchid®

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

orchid®

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

12mm

CÔNG TY TNHH CALOFIC

orchid

Dầu Thực Vật Hoàn Hảo

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

HSD: Xem trên bao bì.

Số CB: 16/CALOFIC/2024

Thể tích thực ở 20 °C: 2 lít

8 934988 040036

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

CÔNG TY TNHH CALOFIC TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

18mm

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar®

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

8 934988 040197

orchid®

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

Thể tích thực ở 20 °C:

PLEASE RECYCLE

4,5 lít

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn, sử dụng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,288 IU	9,200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar®

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

8 934988 040043

orchid™

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

Thể tích thực ở 20 °C:

5 lít

PLEASE RECYCLE

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

CÔNG TY TNHH CALOFIC

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn, sử dụng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar®

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

8 934988 040302

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

orchid™

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

Thể tích thực ở 20 °C:

7,5 lít (6,8 kg)

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

PLEASE RECYCLE

THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn, sử dụng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trên mỗi khẩu phần	Hàm lượng trên 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Cholesterol	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	1,68 mg	12 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar®

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

8 934988 040050

orchid™

Dầu Thực Vật Hảo Hạng

KHÔNG 3
- Không Cholesterol (*)
- Không Trans Fat (*)
- Không Chất Bảo Quản

VITAMIN A

VITAMIN E

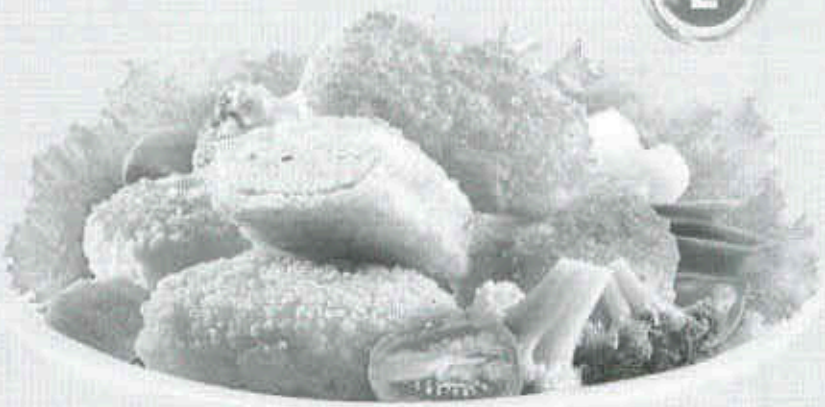

KHÔNG CHOLESTEROL

Thành phần:

Dầu Olein cọ, dầu đậu nành tinh luyện, Chất nhũ hóa: (475), vitamin A palmitat. *Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.*

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Trị số I-ốt (Wijs): 58 tối thiểu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, làm bánh, trộn salad, làm nước xốt và nấu món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

(*) Theo khuyến nghị của FDA.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.
Số CB: 16/CALOFIC/2024

Thể tích thực ở 20 °C:

9,8 lít (9 kg)

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

PLEASE RECYCLE

CÔNG TY TNHH CALOFIC

CHIÊN GIÒN XÀO NGON

Lưu ý: - PIC vui lòng kiểm tra thiết kế và xác nhận tất cả chính xác từ quy cách, hình ảnh, nội dung, logo, biểu tượng, quy định liên quan v.v... trước khi in ấn, sử dụng
- Font sử dụng chưa có bản quyền

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9593 Email: vknq@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 32103/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 30892/PKN-VKNQG ngày 26 tháng 07 năm 2024

1. Tên mẫu: DẦU THỰC VẬT HẢO HẠNG NHÃN HIỆU ORCHID
2. Mã số mẫu: 07248193/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 350 mL/chai. Số lượng: 2.
   NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 19/07/2024
7. Thời gian thử nghiệm: 19/07/2024 - 26/07/2024
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CALOFIC
   Địa chỉ: Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
   Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.2*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,020)
9.3*	Hàm lượng Cholesterol	g/100g	NIFC.04.M.099 (GC-MS)	KPH (LOD: $1,5 \times 10^{-4}$)
9.4*	Hàm lượng Trans Fat, dạng toàn phần (C18:1n9t, C18:2n6t)	g/100g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	KPH (LOD: $1,5 \times 10^{-3}$)
9.5*	Chỉ số Iod	g I_2/100g dầu	TCVN 6122:2015	62,5
9.6*	Chỉ số Peroxit	meqO_2/kg	TCVN 6121:2018	0,94
9.7*	Hàm lượng các chất dễ bay hơi ở 105 °C	%	TCVN 6120:2018	KPH (LOD: 0,01)
9.8*	Hàm lượng Chất béo toàn phần	g/100g	NIFC.02.M.04	100
9.9*	Hàm lượng Tạp chất	%	TCVN 6125:2020	KPH (LOD: 0,01)
9.10*	Hàm lượng Vitamin A (Retinyl Palmitate)	IU/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	9971

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3.Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4.(*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5.Khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.12	Năng lượng	kcal/100g	NIFC.02.M.06	900
9.12*	Trị số Acid	mgKOH/g dầu	TCVN 6127:2010	0,10

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Tách chỉ tiêu theo yêu cầu của khách hàng

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vknl@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 30893/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: DẦU THỰC VẬT HẢO HẠNG NHÃN HIỆU ORCHID
2. Mã số mẫu: 07248193/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 350 mL/chai. Số lượng: 2.
   NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 19/07/2024
7. Thời gian thử nghiệm: 19/07/2024 - 26/07/2024
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CALOFIC
   Địa chỉ: Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy,
   Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1	Hàm lượng Acephate	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)
9.2	Hàm lượng Chlordane	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.3	Hàm lượng Chlorpyrifos	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.4	Hàm lượng Clethodim	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)
9.5	Hàm lượng Cyproconazole	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)
9.6	Hàm lượng Flusilazole	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)
9.7	Hàm lượng Heptachlor	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.8	Hàm lượng Methamidophos	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)
9.9	Hàm lượng Methomyl	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP.HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12408.05105830 MM12408.051058301	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 14/08/2024

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ/ *Address* : KHU VỰC CẢNG CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU THỰC VẬT HẢO HẠNG NHÃN HIỆU ORCHID**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 05/08/2024

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 13/08/2024

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Vitamin E	mg/100g	15,9	CASE.SK.0053 (2018) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Nguyễn Huy Dũng

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hùng

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
Q2 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
(84.292) 3918217 - 3918 218
kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanhaucantho@case.vn ; ketoancantho@case.vn
case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH27IE Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hoà
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO
Địa chỉ: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ
BỘT CHIÊN XÙ

NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 14/SUMIMOTO/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84-28) 38118064 - 38118065 - Fax: (84-28) 38111580 - E-mail: sumimoto@sumimoto.us
Mã số doanh nghiệp: 0303987586
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ; Ngày Cấp ; Nơi cấp:

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BỘT CHIÊN XÙ**

2. Thành phần: Bột mì, tinh bột sắn, bơ thực vật, muối, men (saccharomyces cerevisiae), phụ gia làm bánh mì (472e, 170i, 300, 1100, 1102, 1104), màu tổng hợp {màu xanh (133), màu vàng, cam (110, 160a(i))}.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 01 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong bao nhựa 2 lớp: PE trong – PP dệt ngoài.
- Khối lượng tịnh: 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg, 30 kg, 35 kg, 40 kg.
- Sản phẩm được đóng trong bao nhựa OPP.
- Khối lượng tịnh: 100 g, 200 g, 500 g, 1 kg.

Khối lượng tịnh còn theo yêu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM SUMIMOTO
Địa chỉ: Lô B2.4, Đường D1, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.
Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 số: VN17/00074
Giấy chứng nhận HACCP số: VN 17/00075
Ngày cấp: 21/3/2020; Nơi cấp: SGS Vietnam Ltd.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QĐ 46/2007/QĐ-BYT (Quyết định về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm" của Bộ Y tế)
- QCVN 8-2: 2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)
- QCVN 8-1: 2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)
- Thông tư 24/2019/TT-BYT (Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm)
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO

NGUYỄN ANH MINH

600mm

50mm | 50mm

100mm

Sản phẩm của / Product of:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO / SUMIMOTO TECHNOLOGY CORPORATION

485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: +84 28 3811 8064 - 65; Fax: +84 28 3811 1580

Email: sumimoto@sumimoto.us; www.sumimoto.us

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO

Nguyễn Anh Minh

BỘT CHIÊN XÙ

PANKO®

BREADCRUMBS

Thành phần:

Bột mì, tinh bột sắn, bơ thực vật, muối, men (saccharomyces cerevisiae), phụ gia làm bánh mì (472e, 170i, 300, 1100, 1102, 1104), màu tổng hợp (màu xanh (133), màu vàng, cam (110, 160a (i))}

Ingredients:

Wheat flour , tapioca starch, vegetable shortening, salt, yeast (saccharomyces cerevisiae), bread improver (472e, 170i, 300, 1100, 1102, 1104), synthetic colors (green (133), yellow, orange (110, 160a (i))}

Hướng dẫn sử dụng - Direction for use:

Dùng bao phủ ngoài các loại thủy hải sản / Use for coating sea foods.

Bảo quản - Storing:

Để nơi khô ráo thoáng mát / Store in a cool and dry place.

Cảnh báo: Sản phẩm có chất gây dị ứng (Gluten) trong bột mì. Sử dụng hết sau khi mở bao.

Allergens warning: Gluten (wheat), use up after open the bag.

Bao bì - Packing: PE inner / PP textile.

Mã SP-CODE: SUMI:

Khối lượng tịnh-NW: kg

Batch / Số lô:

Độ ẩm - Moisture : ≤ 14%

NSX / MFG :

Xuất xứ/Product of: Việt Nam

HSD / EXP :

Sản xuất tại / Manufacturer:

CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM SUMIMOTO / SUMIMOTO FOOD CO., LTD

Lô B2.4 đường D1, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

1050mm

100mm

30 Phần gấp đáy

VINATANA — CÔNG TY CỔ PHẦN VINA TÂN Đ	• Mã khách hàng	P617B		Số bản vẽ	Rev2
	• Mã sản phẩm	Bao PANKO		Số màu in	
	• Mã trục/bản in			Chất liệu in	PP
	Ngày ban hành 25/06/2021	Thiết kế lần đầu 2017	Lần sửa đổi	Canh màu in	
Số 9B, Đường 1A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	BP. Thiết Kế	BP. Kinh Doanh	Duyệt BP. Kỹ Thuật	Xác nhận của Khách Hàng	
Tel: 0251 - 393 - 7575 / Hotline: 09-8887-2038					
Web: vinatana.com / Info@vinatana.com					

Lưu ý: • Khách hàng duyệt nội dung, Kích thước, Màu sắc,... trước khi ký xác nhận. Sau khi khắc Bản in/ Trục lăng đồng sẽ không thay đổi.
• Người kí duyệt mẫu-kết là người kí hợp đồng.

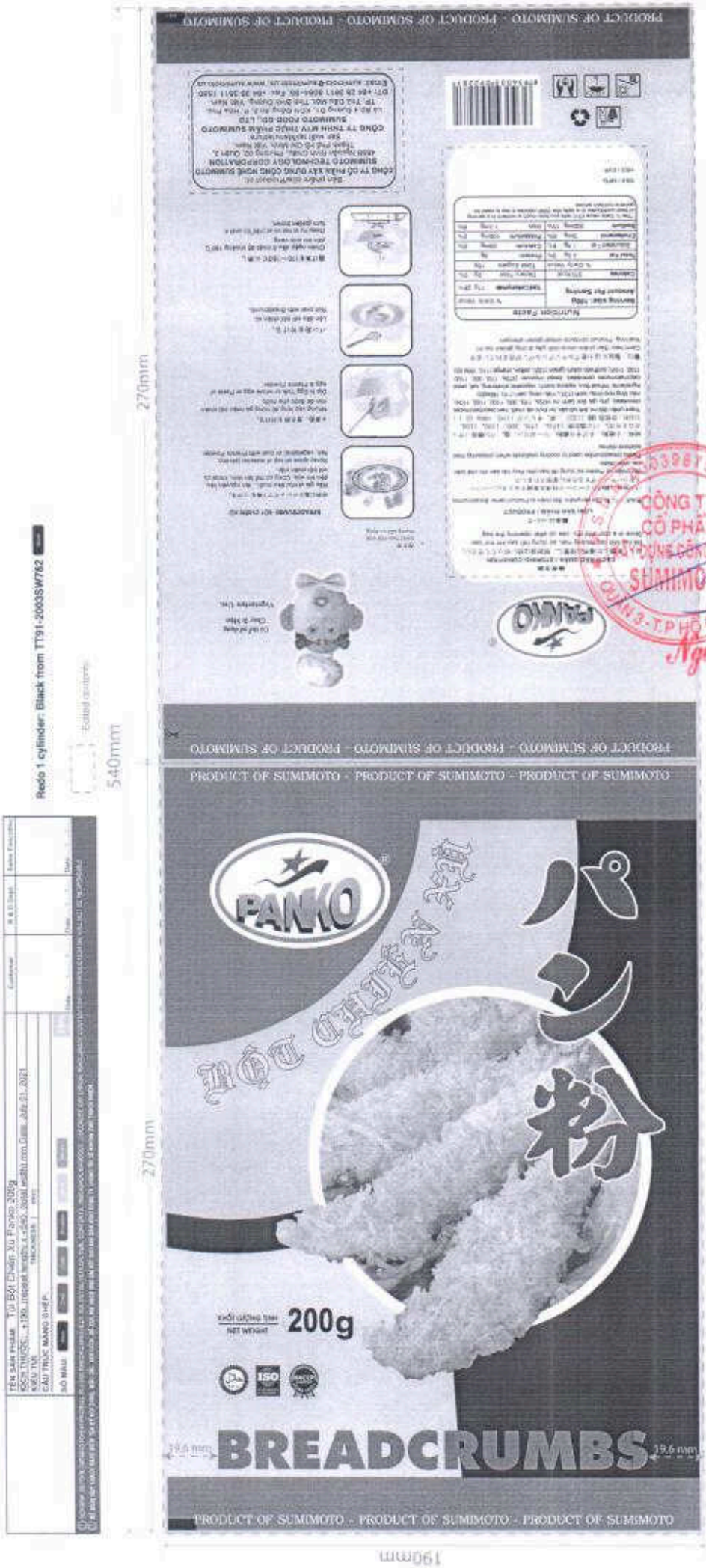

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SUMIMOTO

Nguyễn Anh Minh

		Customer	R & D Dept.	Sales Executive
	TÊN SẢN PHẨM: Túi Bột chiên Xù Panko 100g			
	KÍCH THƯỚC: +210, (repeat length) x +310, (total width) mm Date: July 01, 2021			
	KIỂU TÚI: THICKNESS: (mic)			
	CẤU TRÚC MÀNG GHÉP:			
	SỐ MÀU: Black Zen Cyan Magenta	Date / /	Date / /	Date / /

① REMARK: BEFORE SIGNING FOR APPROVAL PLEASE CHECK CAREFULLY ALL DETAIL (COLOR, SIZE, CONTENTS, DIMENSION, BARCODE...) BECAUSE ANY ERROR, INACCURATE CONTENTS AFTER PRODUCTION WE WILL NOT BE RESPONSIBLE.

② ĐỀ NGHỊ QUÝ KHÁCH HÀNG KIỂM TRA KỸ NỘI DUNG, MÀU SẮC, KÍCH CỠ, BỐ CỤC MÃ VẠCH MỌI SAI SÓT SẢY RA KHI SẢN XUẤT CÔNG TY CHÚNG TÔI SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM.

Redo 1 cylinder: Black from TT92-2003SW783

Black

Edited contents

310mm

210mm

GIÁM ĐỐC

Rodo 1 cylinder: Black from TT97-2003SDB52

Edited contents

570mm

400mm

Có thể sử dụng
Chay & Mặn
Vegetarian Use.

BREADCRUMBS - BỘT CHIÊN XÙ

Rắc gia vị như tiêu, muối, tôm nguyên liệu đến khi vừa. Cũng có thể lăn tròn thoai cũ với bột chiên xù.

Spray spice on top of material (shrimp, fish, vegetables) or coat with Panko Powder.

Nhúng vào lòng đỏ trứng gà hoặc bột chiên mix đã được pha nước.

Dip in Egg Yolk or whole egg or Paste of egg & Panko Powder.

Lăn đều với bột chiên xù.

Roll over with Breadcrumb.

Chiên ngập dầu ở nhiệt độ khoảng 180°C đến khi chín vàng.

Deep fry in hot oil at (180°C) until it turn golden brown.

PANKO®

パン粉

BỘT CHIÊN XÙ

KHỐI LƯỢNG TỊNH / NET WEIGHT : 1 kg

ISO

HACCP

BREADCRUMBS

PANKO®

CÁCH BẢO QUẢN / STORING CONDITION

Đóng kín sau khi mở bao.

Store in a cool and dry, use up after opening the bag.

LOẠI SẢN PHẨM / PRODUCT

Bột chiên xù Panko sử dụng để bao phủ thực phẩm sản xuất chế biến các món chiên.

Panko breadcrumbs used to coating seafoods when preparing fried seafood dishes.

Thành phần: Bột mì, tinh bột sắn, bột thực vật, muối, men saccharomyces cerevisiae, phụ gia tăng bánh xốp (470a, 170, 300, 1100, 1102, 1104), màu tổng hợp màu xanh (133), màu vàng, cam (110, 160a(i))

Ingredients: Wheat flour, tapioca starch, vegetable shortening, salt, yeast (saccharomyces cerevisiae), bread improver (470a, 170, 300, 1100, 1102, 1104), synthetic colors (green (133), yellow, orange (110, 160a (i))

Cảnh báo: Sản phẩm chứa chất gây dị ứng gluten lúa mì

Warning: Product contains wheat gluten allergen

Nutrition Facts

Serving size: 100g Amount Per Serving				% Daily Value*
			Total Calories	370 Kcal 18%
Calories	370 Kcal		Cholesterol	0g
	% Daily Value		Total Carbohydrate	70g
Total Fat	2.5g	3%	Protein	8g
Saturated Fat	1.5g	8%	Calcium	20mg 2%
Cholesterol	0mg	0%	Potassium	100mg 2%
Sodium	230mg	10%	Iron	1mg

*The % Daily value (DV) tells you how much a serving of food contributes to a daily diet 2000 calories is used for general nutrition advice

NSX / MFG:

HSD / EXP:

Sản phẩm của/Product of:
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO
SUMIMOTO TECHNOLOGY CORPORATION
4608 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Quận 3,
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất tại/Manufacture:
CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM SUMIMOTO
SUMIMOTO FOOD CO., LTD
Lô B2.4 Đường D1, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú,
TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
ĐT: +84 28 3811 8064-65; Fax: +84 28 3811 1580
Email: sumimoto@sumimoto.us; www.sumimoto.us

GIÁM ĐỐC

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/ *Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name:* **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address:* 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/ *Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

WARRANTEK Thay mi Cổ WARR

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *ANALYSIS RESULTS*

Chỉ tiêu/ *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOD**	**Phương pháp/** *Analysis method*
Aflatoxin B2	µg/kg	Không phát hiện	0.5	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC/MS/MS) (*)
Total Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)/ Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	Không phát hiện	2.0	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC/MS/MS) (*)
Deoxynivalenol	µg/kg	Không phát hiện	50	WRT/TM/LC/01.20:2019 (LC/MS/MS) (*)
Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện	1	WRT/TM/LC/01.10:2019 (LC/MS/MS) (*)
Zearalenone	µg/kg	Không phát hiện	20	WRT/TM/LC/01.20:2019 (LC/MS/MS) (*)
Aflatoxin G1	µg/kg	Không phát hiện	0.5	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC/MS/MS) (*)
Aflatoxin G2	µg/kg	Không phát hiện	0.5	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC/MS/MS) (*)
Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện	0.5	WRT/TM/LC/01.13:2019 (LC/MS/MS) (*)

[Xem trang kế/ *See next page(s)*]

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch - Testing Center:
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/ *Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address*: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/ *Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

[Báo cáo kết thúc/ *End of report*]

Ghi chú/ *Notes:*

(*) *Phương pháp được công nhận ISO 17025:2017/ ISO 17025:2017 accredited method.*
(**) *Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Performed by subcontractor.*
- *Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/ Sample information provided by client.*
- *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Analysis results valid on tested sample only.*
- *Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/ This test report shall not be reproduced except in full, without written approval of Director of WARRANTEK.*

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC

Thay mặt Công ty Cổ phần WARRANTEK 03

LÊ NHƠN ĐỨC

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/ *Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name:* **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address:* 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/ *Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *ANALYSIS RESULTS*

Chỉ tiêu/ *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOD**	**Phương pháp/** *Analysis method*
Arsenic/Asen (As)	mg/kg	Không phát hiện	0.05	WRT/TM/EN/01.01:2019 (Ref. AOAC 2013.06) (*)
Cadmium/Cadimi (Cd)	mg/kg	Không phát hiện	0.03	AOAC 2013.06 (*)
Lead/Chì (Pb)	mg/kg	Không phát hiện	0.04	AOAC 2013.06 (*)
Mercury/Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Không phát hiện	0.02	WRT/TM/EN/01.01:2019 (Ref. AOAC 2013.06) (*)

[Báo cáo kết thúc/ *End of report*]

Ghi chú/ *Notes:*

(*) Phương pháp được công nhận ISO 17025:2017/ *ISO 17025:2017 accredited method*
(**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ *Performed by subcontractor*
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/ *Sample information provided by client*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Analysis results valid on tested sample only*
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/ *This test report shall not be reproduced except in full, without written approval of Director of WARRANTEK*

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC

WARRANTEK
Thay mặt Công ty Cổ phần WARRANTEK
03

LÊ NHƠN ĐỨC

• **WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

• **HOCHIMINH City Branch – Testing Center:**
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/ *Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address*: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/ *Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

Thay mặt
Cổ p
WARRA

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *ANALYSIS RESULTS*

Chỉ tiêu/ *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**Phương pháp/** *Analysis method*
Total Yeast, Mould/ Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	<10	ISO 21527-2:2008 (*)
Total Plate Count/ Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C)	CFU/g	8.1×10^3	ISO 4833-1:2013 (*)
Staphylococcus aureus	CFU/g	<10	ISO 6888-1:1999/Amd1:2003 (*)
Escherichia coli	CFU/g	<10	ISO 16649-2:2001 (*)
Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006 (*)
Bacillus cereus	CFU/g	3.0×10^1	ISO 7932:2004 (*)
Clostridium perfringens	CFU/g	<10	ISO 7937:2004 (*)

[Xem trang kế/ *See next page(s)*]

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8846 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/ *Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address*: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/ *Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

Công ty ấn NTEK 03

[Báo cáo kết thúc/ *End of report*]

Ghi chú/ *Notes:*

(*) Phương pháp được công nhận ISO 17025:2017/ *ISO 17025:2017 accredited method.*
(**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ *Performed by subcontractor*
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/ *Sample information provided by client.*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Analysis results valid on tested sample only.*
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/ *This test report shall not be reproduced except in full, without written approval of Director of WARRANTEK.*

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC

WARRANTEK
Thay mặt Công ty Cổ phần WARRANTEK 03

LÊ NHƠN ĐỨC

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operations@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/ *Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name:* **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address:* 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/ *Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

WARRANTEK Thay m Cõ WARI

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *ANALYSIS RESULTS*

Chỉ tiêu/ *Parameter*	**Đơn vị tính/** *Unit*	**Kết quả/** *Result*	**LOD**	**Phương pháp/** *Analysis method*
Natri benzoate/ Sodium benzoate	mg/kg	Không phát hiện	10	WRT/TM/LC/01.40:2019 (AOAC 983.16) (*)
Acidity/ Độ chua (Độ axit)	ml NaOH 1N /100g	1,18		WRT/TM/NC/01.36:2019 (Ref. AOAC 925.53)(*)
Carbohydrate	g/100g	80.04		TCVN 4594:1988(*)
Crude Fiber/ Xơ thô	%	0.62		TCVN 5103:1990(*)
Crude Protein/ Đạm	g/100g	8.71		TCVN 3705:1990(*)
HCl insoluble Ash/ Tro không tan trong HCl	%	Không phát hiện	0.05	ISO 5985:2002(*)
Moisture/ Độ ẩm	%	8.77		TCVN 3700:1990(*)
Lindane (γ-HCH)	mg/kg	Không phát hiện	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref AOAC 2007.01) (*)
Chlorpyrifos methyl	mg/kg	Không phát hiện	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref AOAC
Fenitrothion	mg/kg	Không phát hiện	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref AOAC
Pirimiphos methyl	mg/kg	Không phát hiện	0.01	WRT/TM/GC/01.05 (Ref AOAC 2007.01) (*)

[Xem trang kế/ *See next page(s)*]

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operation@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2106008223

Ngày/ *Date*: 07/07/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*: 2106008223
Tên khách hàng/ *Client's name:* **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address:* 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin mẫu/ *Sample information*: Bột chiên xù
Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong bao bì kín
Số niêm phong/*Seal No.*: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 30/06/2021
Ngày bắt đầu phân tích/ *Date of analysis commencement*: 30/06/2021

ặt Công ty
phần
ANTEK
03

[Báo cáo kết thúc/ *End of report*]

Ghi chú/*Notes:*

(*) Phương pháp được công nhận ISO 17025:2017/ *ISO 17025:2017 accredited method*
(**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ *Performed by subcontractor*
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/ *Sample information provided by client*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Analysis results valid on tested sample only*
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/ *This test report shall not be reproduced except in full, without written approval of Director of WARRANTEK*

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC

WARRANTEK
Thay mặt Công ty
Cổ phần
WARRANTEK
03

LÊ NHƠN ĐỨC

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY – Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu Street, My Phuoc Hamlet, My Khanh Village, Phong Dien District, Can Tho City, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8846
Email: operations@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat Building, Lot B-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2102001694/1
Ngày/ *Date*: 11/03/2021

Số đơn hàng/ *Job order No.*:	2102001694
Tên khách hàng/ *Client's name*:	**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO**
Địa chỉ/ *Address*:	485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tên mẫu/ *Name of sample*:	BỘT CHIÊN XÙ
Số niêm phong/ *Seal No.*:	Không niêm
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu/ *Receiving date*:	23/02/2021
Ngày bắt đầu phân tích: *Date of Analysis Commencement*	23/02/2021

Thay
WARRANTEK WA

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *ANALYSIS RESULTS*

[Xem trang kế/ *See next page(s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
Báo cáo kết quả thử nghiệm này thay thế cho kết quả thử nghiệm số 2102001694 cấp ngày 03/03/2021, đã không còn giá trị sử dụng/ *This report is issued to replace the report #2102001694 issued on March 03, 2021, of which, its validity becomes null and void.*
(*) Phương pháp được công nhận ISO 17025:2017/ *ISO 17025:2017 accredited method.*
(**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ *Performed by subcontractor.*
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/ *Sample information provided by client.*
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Analysis results valid on tested sample only.*

Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/ *This test report shall not be reproduced except in full, without written approval of Director of WARRANTEK.*

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC

WARRANTEK Thay mặt Công ty Cổ phần WARRANTEK 03

LÊ NHƠN ĐỨC

• **WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8847
Email: operation@warrantek.vn

• **HOCHIMINH City Branch – Testing Center:**
Van Dat building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district, Ho Chi Minh city, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2102001694/1
Ngày/ *Date*: 11/03/2021

STT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	LOD	Phương pháp/ *Analysis method*
1	Carbohydrate	g/100g	76.51		TCVN 4594:1988(*)
2	Moisture/ Độ ẩm	%	10.64		TCVN 3700:1990(*)
3	Crude Fiber/ Xơ thô	%	0.92		TCVN 5103:1990(*)
4	HCl insoluble Ash/ Tro không tan trong HCl	%	Không phát hiện	0.05	ISO 5985:2002(*)
5	Acidity/ Độ chua (Độ axit)	ml NaOH 1N/100g	2.15		WRT/TM/NC/01.36:2019 (Ref. AOAC 925.53)(*)
6	Natri benzoate/ Sodium benzoate	mg/kg	Không phát hiện	10	WRT/TM/LC/01.40:2019 (AOAC 983.16) (*)
7	Crude Protein/ Đạm	g/100g	9.47		TCVN 3705:1990(*)
8	Calories/ Năng lượng	kcal/100g	366		US FDA 21 CFR 101.9
9	Crude Fat/ Béo	g/100g	2.47		TCVN 3703:2009(*)
10	Dietary Fiber/ Xơ tiêu hóa	g/100g	0.39		AOAC 985.29(*)
11	Total sugar (as glucose)/ Đường tổng (tính theo glucose)	%	10.07		TCVN 4594:1988(*)
12	Calcium/ Canxi (Ca)	mg/100g	23.87		WRT/TM/EN/01.01:2019 (Ref. AOAC 2013.06)
13	Iron/ Sắt (Fe)	mg/100g	1.125		WRT/TM/EN/01.01:2019 (Ref. AOAC 2013.06) (*)

[Xem trang kế/ *See next page(s)*]

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8847
Email: operation@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district, Ho Chi Minh city, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2102001694/1
Ngày/ *Date*: 11/03/2021

STT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	LOD	Phương pháp/ *Analysis method*
14	Potassium/Kali (K)	mg/100g	95.89		WRT/TM/EN/01.02:2019 (Ref. AOAC 969.23) (*)
15	Sodium/ Natri (Na)	mg/100g	225.30		WRT/TM/EN/01.02:2019 (Ref. AOAC 969.23) (*)
16	Cholesterol	mg/100g	Không phát hiện	1	WRT/TM/GC/01.02 (Ref. AOAC 994.10) (*)
17	Saturated fat	g/100g	1.579		WRT/TM/GC/01.03 (Ref. AOAC 966.06) (*)
18	Vitamin A (Retinol)	IU/100g	Không phát hiện	80	WRT/TM/LC/01.35:2019 (UPLC/UV)
19	Vitamin C (Ascorbic acid)	mg/100g	Không phát hiện	1	WRT/TM/LC/01.36:2019 (HPLC/UV) (*)

[Xem trang kế/ *See next page(s)*]

• **WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8847
Email: operation@warrantek.vn

• **HOCHIMINH City Branch – Testing Center:**
Van Dat building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district, Ho Chi Minh city, Vietnam

WARRANTEK

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/*Report No.*: 2102001694/1
Ngày/ *Date*: 11/03/2021

Nutrition Facts	
Serving size	**100 g**
Amount per serving	
Calories	**370**
	% Daily Value*
Total Fat 2.5g	**3%**
Saturated Fat 1.5g	**8%**
Cholesterol 0mg	**0%**
Sodium 230mg	**10%**
Total Carbohydrate 77g	**28%**
Dietary Fiber 0g	**0%**
Total Sugars 10g	
Protein 9g	
Calcium 20mg	0%
Potassium 100mg	2%
Iron 1.1mg	6%

* The % Daily value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2000 calories a day is used for general nutrition advice.

[Báo cáo kết thúc/ *End of report*]

• WARRANTEK JOINT STOCK COMPANY - Testing Center:
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, My Khanh village, Phong Dien district, Can Tho city, Vietnam
Tel: +84-292 391 8840 Fax: +84-292 391 8847
Email: operation@warrantek.vn

• HOCHIMINH City Branch – Testing Center:
Van Dat building, Lot II-1, Street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward, Tan Phu district, Ho Chi Minh city, Vietnam

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO Địa chỉ: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Số: 03/2021/QĐ-TCCS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xây dựng và công bố tiêu chuẩn áp dụng

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ban hành ngày 12/07/2006;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ban hành ngày 01/8/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007;
- Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/09/2007của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
- Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2011;
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ban hành ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ vào nhu cầu hoạt động sản xuất của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này:

TCCS 14 : 2021/SUMIMOTO: BỘT CHIÊN XÙ

Điều 2: Các phòng ban có liên quan của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận: - Các phòng ban có liên quan; - Lưu.	**GIÁM ĐỐC** CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO **NGUYỄN ANH MINH**

TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH	THỰC PHẨM	Số: TCCS 14:2021/SUMIMOTO
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO	**BỘT CHIÊN XÙ**	Có hiệu lực kể từ ngày ký

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-TCCS ngày 26/07/2021 của Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng công nghệ SUMIMOTO)

1. Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm BỘT CHIÊN XÙ. Sản phẩm của Công ty cổ phần xây dựng công nghệ SUMIMOTO, địa chỉ: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Sản xuất tại Công ty TNHH MTV thực phẩm Sumimoto, địa chỉ: Lô B2.4, Đường D1, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

2.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng vảy, khô rời, không vón cục.
2	Màu sắc	Trắng, vàng, cam, xanh.
3	Mùi	Thơm đặc trưng của sản phẩm, không mùi mốc, không mùi lạ.
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2.2 Các chỉ tiêu chất lượng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	Độ ẩm	%	≤ 14
2	Độ chua (Độ acid)	ml NaOH 1N/100g	≤ 4
3	Hàm lượng Carbohydrate	%	60 - 90
4	Hàm lượng Protein	%	7 - 12
5	Tro không tan trong HCl	%	≤ 0,1
6	Xơ tiêu hóa	g/100g	0,3 - 0,5
7	Đường tổng	g/100g	7 - 13
8	Hàm lượng béo	g/100g	1,8 - 3,2
9	Năng lượng	Kcal/100g	260 - 482
10	Cholesterol	mg/100g	0
11	Saturated fat	g/100g	1,2 - 2
12	Sắt	mg/100g	0,8 - 1,4
13	Sodium	mg/100g	180 - 276
14	Canxi	mg/100g	14 - 26
15	Kali (Potassium)	mg/100g	70 - 130
16	Xơ thô	%	≤ 1

2.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Coliforms	CFU/g	10^3
3	Escherichia coli	CFU/g	10^2
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	10^2
5	Clostridium perfringens	CFU/g	10^2
6	Bacillus cereus	CFU/g	10^2
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^3

2.4. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	mg/kg	0,1
2	Chì	mg/kg	0,2

2.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: (hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất khác).

- Độc tố vi nấm theo QCVN 8-1: 2011/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1,B2,G1,G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Zearalenone	µg/kg	75

- Hóa chất khác: Theo quy định hiện hành đối với nhóm sản phẩm từ Bột chiên xù.

3. Thành phần cấu tạo:

Bột mì, tinh bột sắn, bơ thực vật, muối, men (saccharomyces cerevisiae), phụ gia làm bánh mì (472e, 170i, 300, 1100, 1102, 1104), màu tổng hợp {màu xanh (133), màu vàng, cam (110, 160a(i))}.

4. Thời hạn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng 01 năm kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng, ngày sản xuất: xem trên bao bì.

5. Hướng dẫn sử dụng và Bảo quản:

5.1 Hướng dẫn sử dụng:

- **Đối với bao bì có khối lượng tịnh 100 g, 200 g, 500 g, 1 kg:**
  - Rắc gia vị như tiêu, muối… lên nguyên liệu đến khi vừa. Cũng có thể lăn tôm, khoai củ với bột chiên mịn.
  - Nhúng vào lòng đỏ trứng gà hoặc bột chiên mịn đã được pha nước.
  - Lăn đều với bột chiên xù.
  - Chiên ngập dầu ở nhiệt độ khoảng 180^{0}C đến khi chín vàng.
- **Đối với bao bì có khối lượng tịnh 10 kg trở lên:**
  - Dùng bao phủ ngoài các loại thủy hải sản.

5.2 Bảo quản: Để nơi khô ráo thoáng mát.

Cảnh báo: Sản phẩm chứa chất gây dị ứng Gluten trong bột mì. Sử dụng hết sau khi mở bao.

6. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng trong bao nhựa 2 lớp: PE trong – PP dệt ngoài.
  - Khối lượng tịnh: 10 kg, 15 kg, 20 kg, 25 kg, 30 kg, 35 kg, 40 kg.
- Sản phẩm được đóng trong bao nhựa OPP.
  - Khối lượng tịnh: 100 g, 200 g, 500 g, 1 kg.

Khối lượng tịnh còn theo yêu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

7. Quy trình sản xuất: Đính kèm.

8. Nội dung ghi nhãn:

Trên bao bì có ghi nhãn hàng hóa theo đúng với các quy định pháp luật hiện hành về ghi nhãn hàng hóa thực phẩm (có nội dung ghi nhãn sản phẩm đính kèm).

9. Xuất xứ và Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

- Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO

Địa chỉ: 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM SUMIMOTO

Địa chỉ: Lô B2.4, Đường D1, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SUMIMOTO

NGUYỄN ANH MINH

PHỤ LỤC

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

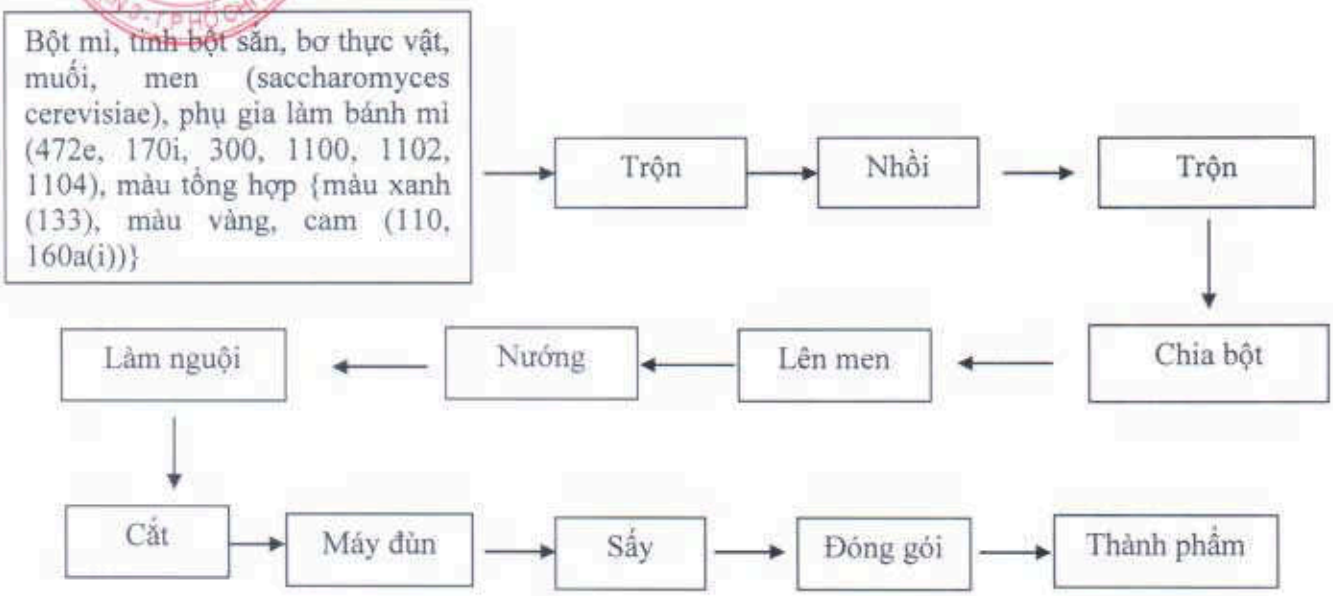

Thuyết minh quy trình:

1) Chuẩn bị nguyên liệu:

   Bột mì, tinh bột sắn, bơ thực vật, muối, men (saccharomyces cerevisiae), phụ gia làm bánh mì (472e, 170i, 300, 1100, 1102, 1104), màu tổng hợp {màu xanh (133), màu vàng, cam (110, 160a(i))}: được chọn lọc và định lượng theo công thức quy định.

2) Trộn: Nguyên liệu (Bột mì, tinh bột sắn, bơ thực vật, muối, men (saccharomyces cerevisiae), phụ gia làm bánh mì (472e, 170i, 300, 1100, 1102, 1104), màu tổng hợp {màu xanh (133), màu vàng, cam (110, 160a(i))}) đã định lượng được cho vào thiết bị trộn với mục đích phân tán đều các loại nguyên liệu.

3) Nhồi, Trộn: Tiếp tục qua thiết bị nhồi trộn cho khối bột mịn, dẻo.

4) Chia bột, Lên men: Bột được chia theo khối lượng quy định và để lên men theo yêu cầu quy định.

5) Nướng: Sau đó đưa qua lò nướng ở nhiệt độ 180^{0}C trong thời gian 20 phút.

6) Làm nguội: Sau khi sản phẩm được nướng chín sẽ được mang ra bên ngoài để nguội tự nhiên trong môi trường bình thường để sản phẩm nguội và cứng.

7) Cắt, Máy đùn: Sau khi nguội sẽ qua máy cắt và máy đùn để tạo dạng vẩy.

8) Sấy: Tiếp theo cho vào máy sấy để đạt độ ẩm quy định.

9) Đóng gói: Sản phẩm cho vào bao bì theo định lượng quy định, ép kín hoặc may kín.

10) Thành phẩm, nhập kho, bảo quản, chờ xuất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12-00/AJI/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân	CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Địa chỉ	Nhà máy Biên Hoà: KCN Biên Hoà I, P. An Bình, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam Nhà máy Long Thành: KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại	028 3930 8784 Fax: 028 3930 2399
E-mail	tvkh@ajinomoto.com.vn
Mã số doanh nghiệp	3600244645
Số Giấy chứng nhận HACCP	VN17/00093
Ngày Cấp/Nơi cấp Giấy chứng nhận HACCP	Công ty SGS Việt Nam cấp cho Công ty AJINOMOTO VIỆT NAM vào ngày 05/05/2021

II. Thông tin về sản phẩm

1. *Tên sản phẩm:* **Aji-Quick® BỘT CHIÊN GIÒN**

2. *Thành phần:*

Bột mì, bột gạo, chất làm dày (Distarch phosphat), tinh bột bắp, chất ổn định (Trinatri citrat, Natri hydro carbonat), chất tạo xốp (Glucono delta-lacton), bột béo, muối, chất điều vị (Mononatri L-glutamat), chất nhũ hoá (Dinatri diphosphat)

3. *Thời hạn sử dụng:*

12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. *Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:*

4.1. *Quy cách bao gói:*
+ Dạng gói: 150 g/gói

4.2. *Chất liệu bao bì:* *(Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế)*
Màng ghép phức hợp

5. *Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:*

Chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Sản xuất tại Nhà máy Long Thành, KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (được đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty Ajinomoto Việt Nam sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất (theo file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hoà, ngày 23 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY GIÁM ĐỐC
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

BQL CÁC KCN ĐỒNG NAI	BỘT NHÃO	SỐ TIÊU CHUẨN 12-00/AJI/2023
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM	AJI-QUICK® BỘT CHIÊN GIÒN	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. CHỈ TIÊU HÓA LÝ

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

1. Trạng thái: Dạng bột
2. Màu sắc: Màu trắng ngà đến kem
3. Mùi vị: Mùi gia vị đặc trưng

1.2 Các chỉ tiêu chỉ điểm chất lượng, giá trị dinh dưỡng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Phương pháp và trung tâm phân tích
	Giá trị dinh dưỡng cho 100 g sản phẩm			Theo phiếu Kết quả phân tích đính kèm
1	Năng lượng	kcal	282 ~ 428	
2	Protit	g	6 ~ 9	
3	Carbohydrat (quy ra glucose)	g	62 ~ 94	

2. CHỈ TIÊU AN TOÀN

2.1 Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo	Phương pháp và trung tâm phân tích
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10^6	Tiêu chuẩn của Nhà sản xuất	Theo phiếu Kết quả phân tích đính kèm
2	*Coliforms*	cfu/g	10^5		
3	*E. coli*	cfu/g	10^2		
4	*Staphylococcus aureus*	cfu/g	10^2		
5	*Clostridium perfringens*	cfu/g	10^2		
6	*B. cereus*	cfu/g	10^2		
7	TSBTNM-M	cfu/g	10^5		

2.2 Hàm lượng kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo	Phương pháp và trung tâm phân tích
1	Cadimi	mg/kg	0,2	QCVN 8-2:2011/BYT	Theo phiếu Kết quả phân tích đính kèm
2	Chì	mg/kg	0,2	QCVN 8-2:2011/BYT	

2.3 Độc tố vi nấm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo	Phương pháp và trung tâm phân tích
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2	QCVN 8-1:2011/BYT	Theo phiếu Kết quả phân tích đính kèm
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4	QCVN 8-1:2011/BYT	
3	Ochratoxin A	µg/kg	3	QCVN 8-1:2011/BYT	
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750	QCVN 8-1:2011/BYT	
5	Zearalenone	µg/kg	75	QCVN 8-1:2011/BYT	

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Trang
06.11.23

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02398BTP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **Aji - Quick® BỘT CHIÊN GIÒN**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 25/04/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 26/04/2024 - 07/05/2024

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Long Thành, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Năng lượng • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018	389 ± 6
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g	QTTN/KT3 140:2016 Phương pháp Kjeldahl	8,00 ± 0,40
7.3. Hàm lượng gluxit (carbohydrate) qui ra glucose, g/100 g	QTTN/KT3 178:2017 (Ref: TCVN 4594:1988)	85,3 ± 1,3

Ghi chú: Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,25

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02398BTP4/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **Aji - Quick® BỘT CHIÊN GIÒN**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 25/04/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 26/04/2024 - 07/05/2024
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
   Khu Công Nghiệp Long Thành, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí,	CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	$5,7 \times 10^3$ [$3,0 \times 10^3$; $1,1 \times 10^4$]
7.2. Coliform,	CFU/g	ISO 4832:2006	Nhỏ hơn $10^{(1)}$
7.3. *Escherichia coli*,	CFU/g	ISO 16649-2:2001	Nhỏ hơn $10^{(1)}$
7.4. *Staphylococcus aureus*,	CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	Nhỏ hơn $10^{(1)}$
7.5. *Clostridium perfringens*,	CFU/g	TCVN 4991 : 2005	Nhỏ hơn $10^{(1)}$
7.6. Tổng số nấm men và nấm mốc,	CFU/g	ISO 21527-2:2008	$1,9 \times 10^2$ [$8,8 \times 10^1$; $4,1 \times 10^2$]
7.7. Nhóm *Bacillus cereus*,	CFU/g	AOAC 2023 (980.31)	Nhỏ hơn $10^{(1)}$

Ghi chú: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02398BTP4/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **Aji - Quick® BỘT CHIÊN GIÒN**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 25/04/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 26/04/2024 - 07/05/2024

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Long Thành, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng chì,	mg/kg	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00x10^{-2}$	Không phát hiện
7.2. Hàm lượng cadimi,	mg/kg	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00x10^{-2}$	Không phát hiện

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *(Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dk.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dk.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02398BTP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **Aji - Quick® BỘT CHIÊN GIÒN**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 25/04/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 26/04/2024 - 07/05/2024
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
   Khu Công Nghiệp Long Thành, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng aflatoxin B1,	µg/kg	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện
7.2. Hàm lượng aflatoxin,	µg/kg	TCVN 7596:2007		
• B_1			0,25	Không phát hiện
• B_2			0,25	Không phát hiện
• G_1			0,25	Không phát hiện
• G_2			0,25	Không phát hiện
7.3. Hàm lượng deoxynivalenol (DON),	µg/kg	QTTN/KT3 089:2018 (LC/MS/MS)	20	Nhỏ hơn 60,0(1)
7.4. Hàm lượng zearalenone,	µg/kg	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15	Không phát hiện
7.5. Hàm lượng ochratoxin A,	µg/kg	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện

Ghi chú: (1): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Certificate VN17/00093

The management system of

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

For the following activities
Bien Hoa site:
THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE)
THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES) AND SAUCES (MAYONNAISE)

Long Thanh site:
THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE
THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS)
THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

Food Category: CIV - Processing of ambient stable products
This certificate is valid from 05 May 2023 until 23 May 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.

Issue 6. Certified since 23 May 2016
Certified activities performed by additional sites are listed on subsequent pages.

Authorised by
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

VICAS 049 - FSMS

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

Issue 6
Sites
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE) THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES) AND SAUCES (MAYONNAISE)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD Long Thanh Factory: Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS) THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

Bảng dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093

Hệ thống quản lý của

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

đã được đánh giá và chứng nhận là đáp ứng các yêu cầu của

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

Đối với các hoạt động sau
Nhà máy Biên Hòa:
ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT))
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG) VÀ XỐT (MAYONNAISE)

Nhà máy Long Thành:
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), NƯỚC XỐT CHẤM VÀ NƯỚC XỐT GIA VỊ
CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT)
CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH.

Nhóm ngành: CIV – Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường

Chứng chỉ có hiệu lực từ 05/05/2023 đến 23/05/2025 và duy trì hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc đánh giá giám sát thoả đáng.
Cấp lần 6. Chứng nhận từ 23/05/2016
Các hoạt động chứng nhận được thực hiện tại các địa điểm bổ sung được liệt kê trên các trang tiếp theo

Được ủy quyền bởi
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
t 02839351920 - www.sgs.vn

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình dáng của văn bản này là bất hợp pháp.

Bảng dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093, tiếp tục

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

Cấp lần 6
Các địa điểm
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT)) CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG) VÀ XỐT (MAYONNAISE)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD Nhà máy Long Thành: Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), NƯỚC XỐT CHẤM VÀ NƯỚC XỐT GIA VỊ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT) CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH.

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình dáng của văn bản này là bất hợp pháp.

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2015

Chứng nhận rằng: **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số: **FM 743392**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2015 cho phạm vi:

Sản xuất, quản lý và cung cấp:
1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt)
2. Giấm
3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương
4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị
5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột)
6. Các loại hạt nêm và gia vị
7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm
8. Bột nhào
9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ
10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
11. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học
12. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản

Đại diện cho Tập đoàn BSI:

Ông Michael Lam
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**
Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Đại diện cho BSI Việt Nam:

Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**
Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Giấy chứng nhận số: **FM 743392**

Địa điểm	***Hoạt động đăng ký***
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Biên Hòa (Trụ sở chính):** Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị Sản xuất và cung cấp: 1. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học 2. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Long Thành:** Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 3. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 4. Các loại hạt nêm và gia vị 5. Các loại súp và chiết suất nước hầm 6. Bột nhào 7. Bột pha sẵn cho bánh nướng các loại nhỏ 8. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Văn Phòng Hồ Chí Minh:** Tòa Nhà Golden Tower, Số 6, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý và cung cấp: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 6. Các loại hạt nêm và gia vị 7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm 8. Bột nhào 9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ 10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**

Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**

Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that: **AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD.**
Bien Hoa I Industrial Zone,
An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province,
Vietnam

Holds Certificate Number: **FM 743392**

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

Manufacturing, managing and supplying of:
1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning)
2. Vinegar
3. Soybean-based seasoning and condiment products
4. Dipping sauces and seasoning sauces
5. Soft beverage products (powder drinks)
6. Seasoning and condiments
7. Soups and broths
8. Batters
9. Mixes for fine bakery wares
10. Supplemented foods (supplemented powders)
11. Organic and biological fertilizer products
12. Material for animal and fishery feed products.

For and on behalf of BSI:

Michael Lam
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:

Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate No: **FM 743392**

Location	*Registered Activities*
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Bien Hoa Factory (Head office):** Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (monosodium glutamate) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces Manufacturing and supplying of: 1. Organic and biological fertilizer products, 2. Material for animal and fishery feed products
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Long Thanh Factory:** Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (enhanced umami seasoning) 2. Dipping sauces and seasoning sauces 3. Soft beverage products (powder drinks) 4. Seasoning and condiments 5. Soups and broths 6. Batters 7. Mixes for fine bakery wares 8. Supplemented foods (supplemented powders)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Ho Chi Minh Office:** Golden Tower Building, No. 6, Nguyen Thi Minh Khai Street, Da Kao Ward District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	Managing and supplying of: 1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces 5. Soft beverage products (powder drinks) 6. Seasoning and condiments 7. Soups and broths 8. Batters 9. Mixes for fine bakery wares 10. Supplemented foods (supplemented powders)

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số 23-00/AJI/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hoà I, Phường An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: 028.3930.8784 Fax: 028.3930.2399
E-mail: tvkh@ajinomoto.com.vn
Mã số doanh nghiệp: 3600244645
Số Giấy chứng nhận HACCP: VN17/00093
Ngày Cấp/Nơi cấp: 24/05/2019 do Công ty SGS Việt Nam cấp cho Công ty AJINOMOTO VIỆT NAM.

II. Thông tin về sản phẩm

1. *Tên sản phẩm*: **GIA VỊ NÊM SẢN AJI-QUICK® LẨU THÁI**
2. *Thành phần*: (Phù hợp theo văn bản hợp nhất 02/VBHN-BYT ban hành 15/06/2015)

Muối, đường, gia vị (ớt, riềng, me) 9,8 %, chất điều vị (mononatri glutamat 621, dinatri 5'-inosinat 631, dinatri 5'-guanylat 627), chất điều chỉnh độ acid (acid citric 330, acid malic 296), tinh bột khoai mì, dầu cọ, hương giống tự nhiên (Tom Yum, nước mắm), chất chiết nấm men, tiêu, chất chống đông vón (dioxyd silic vô định hình 551), phẩm màu tự nhiên (parika oleoresin 160c), chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali 950, sucralose 955), bột gia vị.

3. *Thời hạn sử dụng*:
13 tháng kể từ ngày sản xuất
4. *Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:*
   4.1. *Quy cách bao gói*:
   50 g/gói
   4.2. *Chất liệu bao bì*: (Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế)
   Túi nhôm

III. Mẫu nhãn sản phẩm (được đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công Ty Ajinomoto Việt Nam sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất (theo file đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hoà, ngày 5 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

MASAKI KOBAYASHI

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

BQL CÁC KCN ĐỒNG NAI	GIA VỊ	SỐ TIÊU CHUẨN TCCS 23-00:2019/AJI
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM	GIA VỊ NÊM SẴN AJI-QUICK® LẨU THÁI	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1 YÊU CẦU KĨ THUẬT

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

1. Trạng thái: Dạng bột
2. Màu sắc: Màu cam
3. Mùi vị: Mùi lẩu Thái đặc trưng

1.2. Các chỉ tiêu chỉ đặc chất lượng, giá trị dinh dưỡng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 5
2	Hàm lượng muối	%	35 – 53
3	Giá trị dinh dưỡng cho 100 g sản phẩm:		
	Năng lượng	kcal/100 g	147 – 231
	Protit	g/100 g	4 – 6
	Carbohydrat	g/100 g	29 – 45

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4	46/2007/QĐ-BYT
2	Coliforms	cfu/g	10^2	46/2007/QĐ-BYT
3	*E. coli*	cfu/g	Không có	46/2007/QĐ-BYT
4	*Staphylococcus aureus*	cfu/g	10^2	46/2007/QĐ-BYT
5	Salmonella	cfu/25g	Không có	46/2007/QĐ-BYT
6	TSBTNM-M	cfu/g	10^2	46/2007/QĐ-BYT

1.4. Hàm lượng kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo
1	Asen	ppm	5,0	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Cadimi	ppm	1,0	QCVN 8-2:2011/BYT
3	Chì	ppm	2,0	QCVN 8-2:2011/BYT
4	Thủy ngân	ppm	0,05	QCVN 8-2:2011/BYT

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: 01 – 14730 – 2024 – AVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hoà, ngày 24 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: *Thay đổi thiết kế nhãn*

Kính gửi: - SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hoá;
- Căn cứ Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP*;
- Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/06/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ: *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP*;
- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm*;
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố và Công văn thay đổi thiết kế nhãn cho các sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý Cơ quan về việc đăng ký **thay đổi Thiết kế nhãn** như sau:

STT	Sản phẩm	Mã hồ sơ tự công bố	Quy cách bao gói	Nội dung thay đổi
1	Gia vị nêm sẵn Aji-Quick® LẨU KIM CHI	41-00/AJI/2020	44 g/ gói	Thay đổi hình ảnh thiết kế nhãn
2	Gia vị nêm sẵn Aji-Quick® LẨU THÁI	23-00/AJI/2019	50 g/ gói 1 kg/ gói	

Thời gian dự kiến áp dụng: Khi sử dụng hết lượng nhãn tồn.

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho các sản phẩm trên.

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:
1. Như trên;
2. Lưu văn thư.

Đính kèm:
1. Bản sao Hồ sơ tự công bố và Công văn thay đổi nhãn;
2. Nhãn mới của sản phẩm.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

[Phòng Đảm Bảo Chất Lượng]

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Gia vị nêm sẵn Aji-Quick

LẨU THÁI

CÓ SẴN ME, ỚT, RIÊNG & Các Gia Vị Cần Thiết

Thành phần: Muối, đường, gia vị (ớt, riêng, me) 9,8 %, chất điều vị (Monosodi L-glutamat, Dinatri 5-ribonucleotid), chất điều chỉnh độ acid (Acid citric, Acid malic (DL-)), tinh bột khoai mì, dầu cọ, hương giống tự nhiên (Tôm, Xương, nước mắm), chất chống nấm mốc, tiêu, chất chống đông vón (Dioxyd silic vô định hình), phẩm màu tự nhiên (Paprika oleoresin), chất tạo ngọt tổng hợp (Acesulfam kali, Sucralose (Triclorogalactosucrose)), bột gia vị 0,06 %.

Sản phẩm không dành cho người nhạy cảm với sulfit, giáp xác, sữa, thủy sản, đậu nành, đậu phộng.

Bảo quản: Gói kín, để nơi khô ráo, thoáng mát.

Giá trị dinh dưỡng (100 g)

Năng lượng (kcal)	Protit (g)	Carbohydrat (g)
147 – 221	4 – 6	29 – 45

Chịu trách nhiệm về sản phẩm:
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM,
KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP Biên Hòa, T. Đồng Nai.
Sản xuất tại Nhà máy Long Thành:
KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai.
Xuất xứ: Việt Nam.
Theo nhượng quyền của:
CÔNG TY AJINOMOTO TOKYO, NHẬT BẢN
15-1, Kyobashi 1-Chome, Chuo-ku,
Tokyo 104-8315, Japan

Khối lượng tịnh: **50 g**

BARCODE

Aji AJINOMOTO

Gia vị nêm sẵn

Aji-Quick®

LẨU THÁI

Nấu CANH CHUA Vẫn ngon

1 BƯỚC NÊM TRỌN VỊ THÁI

Chua cay lê lê, nêm là mê

KHẨU PHẦN 4-5 NGƯỜI | DÙNG CHO 1,5 L NƯỚC

Gia Vị Nêm Sẵn Aji-Quick® Lẩu Thái với đầy đủ các gia vị cần thiết như Me, Ớt, Riêng... giúp gói trọn hương vị Lẩu Thái chua cay lê lê, nêm là mê, chỉ trong 1 bước nêm.

Với dạng bột dễ hòa tan & tiện dụng, Aji-Quick® Lẩu Thái là giải pháp tiện lợi, tiết kiệm để nấu món Lẩu Thái thơm ngon như nhà hàng ngay tại nhà.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Phi hành, tái sôi 6 - 7 muỗng canh dầu ăn cho thơm. Thêm 1 trái cà chua cắt múi và 1/4 trái thơm (dứa) cắt lát vào, xào trên lửa lớn để màu thêm đẹp.
2. Đun sôi 1,5 lít nước (~ 6 chén nước). Cho 1 gói Gia Vị Nêm Sẵn Aji-Quick® Lẩu Thái vào, khuấy đều.
3. Thêm sả tẹp sả đập dập và lá chanh sẽ thơm ngon hơn. Đun sôi lại và thưởng thức.

Mách nhỏ

- Ăn kèm: Các loại thịt, hải sản, cá, và các loại rau (rau muống, rau om (rau ngổ), ngò gai (thủi tầu), hùng quế,...)
- Khám phá món ngon mới với Aji-Quick® Lẩu Thái, canh tôm chua cay nghiêu hập Thái, bún Thái, trên website www.monngonmongay.com

NSX-HSD: Xem trên bao bì.
Chỉ dành cho thị trường nội địa.
For domestic market only.
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa.

Tư vấn khách hàng
028.3910 8784
hkh@ajinomoto.com.vn
www.ajinomoto.com.vn

Hãy bỏ rác vào thùng

12/01/2024

11/01/2024

10/01/2024

Trang

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Aj AJINOMOTO

Gia vị nêm sẵn

Aji-Quick®

Nấu CANH CHUA Vẫn ngon

LẨU THÁI

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

50 g (khoảng 3 muỗng canh) dùng cho 1,5 L nước.
Có thể nấu những món hương vị chua cay như lẩu/canh Thái, lẩu/canh chua cay, ...

Bảo Quản

Để nơi khô ráo, thoáng mát.
Cột kín miệng túi sau mỗi lần sử dụng.

Thành phần: Muối, đường, gia vị (ớt, riềng, me) 9,8 %, chất điều vị (Mononatri L-glutamat, Dinatri 5'-ribonucleotid), chất điều chỉnh độ acid (Acid citric, Acid malic (DL-)), tinh bột khoai mì, dầu cọ, hương giống tự nhiên (Tom Yum, nước mắm), chất chiết nấm men, tiêu, chất chống đông vón (Dioxyd silic vô định hình), phẩm màu tự nhiên (Paprika oleoresin), chất tạo ngọt tổng hợp (Acesulfam kali, Sucralose (Triclorogalacto sucrose)), bột gia vị 0,06 %.
Sản phẩm không dành cho người nhạy cảm với sulfit, giáp xác, sữa, thủy sản, đậu nành, đậu phộng.

Chịu trách nhiệm về sản phẩm:
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM,
KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
Sản xuất tại Nhà máy Long Thành,
KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai.
Xuất xứ: Việt Nam.
Theo nhượng quyền của
CÔNG TY AJINOMOTO TOKYO, NHẬT BẢN
15-1, Kyobashi 1-Chome, Chuo-ku,
Tokyo 104-8315, Japan
Chỉ dành cho thị trường nội địa.
For domestic market only.

Tư vấn khách hàng
☎ 028.3930 8784
✉ tvkh@ajinomoto.com.vn
www.ajinomoto.com.vn

MÓN NGON MỖI NGÀY
Khám phá món mới với Aji-Quick® trên www.monngonmoingay.com

Hãy bỏ rác vào thùng

NSX: .....
HSD: .....

BARCODE

Khối lượng tịnh:
1 kg

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hung Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02882BTP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **GIA VỊ NÊM SẢN AJI-QUICK® LẨU THÁI**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 17/05/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 20/05/2024 - 27/05/2024
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
   KCN Long Thành_Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Độ ẩm tính theo khối lượng, %	QTTN/KT3 136 : 2016	2,07 ± 0,10
7.2. Hàm lượng muối ăn (NaCl) tính theo khối lượng, %	QTTN/KT3 190 : 2018	43,3 ± 0,9
7.3. Hàm lượng protein, g/100 g	QTTN/KT3 140 : 2016 Phương pháp Kjeldahl	4,85 ± 0,24
7.4. Hàm lượng gluxit (carbohydrate) qui ra glucose, g/100 g	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)	37,5 ± 0,8
7.5. Năng lượng • kcal/100 g	QTTN/ KT3 024 : 2018	190 ± 3

Ghi chú: Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,25

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02882BTP4/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **GIA VỊ NÊM SẢN AJI-QUICK® LẨU THÁI**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 17/05/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 20/05/2024 - 27/05/2024
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
   KCN Long Thành_Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí,	CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	$3,7 \times 10^2$ [$1,9 \times 10^2$; $7,2 \times 10^2$]
7.2. Coliform,	CFU/g	ISO 4832 : 2006	Nhỏ hơn 10(1)
7.3. *E.Coli*/g		ISO 16649 – 3 : 2015	Không phát hiện
7.4. *Staphylococcus aureus*,	CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	Nhỏ hơn 10(1)
7.5. Tổng số nấm men & nấm mốc,	CFU/g	ISO 21527-2:2008	Nhỏ hơn 10(1)
7.6. *Salmonella* spp/ 25 g		ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	Không phát hiện

Ghi chú:
(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02882BTP4/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2024
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **GIA VỊ NÊM SẢN AJI-QUICK® LẨU THÁI**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 17/05/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 20/05/2024 - 27/05/2024
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
   KCN Long Thành_Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng cadimi,	mg/kg	QTTN/KT3 083 : 2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.2. Hàm lượng chì,	mg/kg	QTTN/KT3 083 : 2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.3. Hàm lượng asen tổng số,	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	-	$8,15 \times 10^{-2} \pm 1,63 \times 10^{-2}$
7.4. Hàm lượng thủy ngân,	mg/kg	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cx@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cx@quatest3.com.vn for further information about test report.

Certificate VN17/00093

The management system of

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

For the following activities
Bien Hoa site:
THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE)
THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES) AND SAUCES (MAYONNAISE)

Long Thanh site:
THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE
THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS)
THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

Food Category: CIV - Processing of ambient stable products
This certificate is valid from 05 May 2023 until 23 May 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.

Issue 6. Certified since 23 May 2016
Certified activities performed by additional sites are listed on subsequent pages.

Authorised by
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

Issue 6
Sites
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE) THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES) AND SAUCES (MAYONNAISE)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD Long Thanh Factory: Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS) THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

Bảng dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093

Hệ thống quản lý của

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

đã được đánh giá và chứng nhận là đáp ứng các yêu cầu của

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

Đối với các hoạt động sau
Nhà máy Biên Hòa:
ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT))
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG) VÀ XỐT (MAYONNAISE)

Nhà máy Long Thành:
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), NƯỚC XỐT CHẤM VÀ NƯỚC XỐT GIA VỊ
CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT)
CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH.

Nhóm ngành: CIV – Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường

Chứng chỉ có hiệu lực từ 05/05/2023 đến 23/05/2025 và duy trì hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc đánh giá giám sát thoả đáng.
Cấp lần 6. Chứng nhận từ 23/05/2016
Các hoạt động chứng nhận được thực hiện tại các địa điểm bổ sung được liệt kê trên các trang tiếp theo

Được ủy quyền bởi
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
t 02839351920 - www.sgs.vn

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình dáng của văn bản này là bất hợp pháp.

Bảng dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093, tiếp tục

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

HACCP Codex Alimentarius
Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP)
System and Guidelines for its application
Annex to CXC-1-1969 (Revised in 2020)

Cấp lần 6
Các địa điểm
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT)) CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG) VÀ XỐT (MAYONNAISE)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD Nhà máy Long Thành: Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), NƯỚC XỐT CHẤM VÀ NƯỚC XỐT GIA VỊ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT) CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH.

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình dáng của văn bản này là bất hợp pháp.

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2015

Chứng nhận rằng: **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số: **FM 743392**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2015 cho phạm vi:

Sản xuất, quản lý và cung cấp:
1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt)
2. Giấm
3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương
4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị
5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột)
6. Các loại hạt nêm và gia vị
7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm
8. Bột nhào
9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ
10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
11. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học
12. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản

Đại diện cho Tập đoàn BSI:

Ông Michael Lam
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Đại diện cho BSI Việt Nam:

Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**
Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**
Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 5198 Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Giấy chứng nhận số: **FM 743392**

Địa điểm	*Hoạt động đăng ký*
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Biên Hòa (Trụ sở chính):** Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị Sản xuất và cung cấp: 1. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học 2. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Long Thành:** Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 3. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 4. Các loại hạt nêm và gia vị 5. Các loại súp và chiết suất nước hầm 6. Bột nhào 7. Bột pha sẵn cho bánh nướng các loại nhỏ 8. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Văn Phòng Hồ Chí Minh:** Tòa Nhà Golden Tower, Số 6, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý và cung cấp: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 6. Các loại hạt nêm và gia vị 7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm 8. Bột nhào 9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ 10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**

Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**

Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 5188 Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that: **AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD.**
Bien Hoa I Industrial Zone,
An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province,
Vietnam

Holds Certificate Number: **FM 743392**

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

Manufacturing, managing and supplying of:
1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning)
2. Vinegar
3. Soybean-based seasoning and condiment products
4. Dipping sauces and seasoning sauces
5. Soft beverage products (powder drinks)
6. Seasoning and condiments
7. Soups and broths
8. Batters
9. Mixes for fine bakery wares
10. Supplemented foods (supplemented powders)
11. Organic and biological fertilizer products
12. Material for animal and fishery feed products.

For and on behalf of BSI:

Michael Lam
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:

Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 5188 Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate No: **FM 743392**

Location	*Registered Activities*
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Bien Hoa Factory (Head office):** Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (monosodium glutamate) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces Manufacturing and supplying of: 1. Organic and biological fertilizer products, 2. Material for animal and fishery feed products
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Long Thanh Factory:** Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (enhanced umami seasoning) 2. Dipping sauces and seasoning sauces 3. Soft beverage products (powder drinks) 4. Seasoning and condiments 5. Soups and broths 6. Batters 7. Mixes for fine bakery wares 8. Supplemented foods (supplemented powders)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Ho Chi Minh Office:** Golden Tower Building, No. 6, Nguyen Thi Minh Khai Street, Da Kao Ward District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	Managing and supplying of: 1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces 5. Soft beverage products (powder drinks) 6. Seasoning and condiments 7. Soups and broths 8. Batters 9. Mixes for fine bakery wares 10. Supplemented foods (supplemented powders)

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16-00/AJI/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:	CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Địa chỉ:	Nhà máy Biên Hòa: KCN Biên Hoà I, P. An Bình, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam Nhà máy Long Thành: KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại:	028.3930.8784 Fax: 028.3930.2399
E-mail:	tvkh@ajinomoto.com.vn
Mã số doanh nghiệp:	3600244645
Số Giấy chứng nhận HACCP:	VN17/00093
Ngày Cấp/Nơi cấp Giấy chứng nhận HACCP:	Công ty SGS Việt Nam cấp cho Công ty AJINOMOTO VIỆT NAM vào ngày 05/05/2023

II. Thông tin về sản phẩm

1. *Tên sản phẩm*: **HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)**

2. *Thành phần*:

Muối, chất điều vị (Mononatri L-glutamat, Dinatri 5'-ribonucleotid), tinh bột khoai mì, đường, chiết xuất xương thịt hầm (từ xương ống, tủy và thịt heo) 4,7 %, dầu cọ, đạm chiết xuất từ thịt heo 0,5 %, hương thịt tổng hợp, bột gia vị, gelatin, hành tây 0,03 %, củ cải trắng 0,03 %, phẩm màu tự nhiên Gardenia yellow

3. *Thời hạn sử dụng*:

18 tháng kể từ ngày sản xuất

4. *Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:*

4.1. *Quy cách bao gói*:
+ Dạng gói: 55 g/gói; 170 g/gói; 400 g/gói; 900 g/gói

4.2. *Chất liệu bao bì: (Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế).*
+ Dạng gói: Màng ghép phức hợp

5. *Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:*

Chịu trách nhiệm về sản phẩm
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam
Sản xuất tại Nhà máy Long Thành, KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (được đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty Ajinomoto Việt Nam sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất (theo file đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hoà, ngày 02 tháng 02 năm 2024

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

BQL CÁC KCN ĐỒNG NAI	Gia vị	SỐ TIÊU CHUẨN 16-00/AJI/2024
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM	HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1 CHỈ TIÊU HÓA LÝ

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

1. Trạng thái: Dạng hạt, không vón cục.
2. Màu sắc: Màu vàng nhạt.
3. Mùi vị: Mùi thịt heo đặc trưng.

1.2. Các chỉ tiêu chỉ đếm chất lượng, giá trị dinh dưỡng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
	Giá trị dinh dưỡng cho 100 g sản phẩm		
1	Năng lượng	kcal	140 ~ 244
2	Protit	g	10 ~ 16
3	Lipit	g	≤ 4
4	Carbohydrat (quy ra glucose)	g	23 ~ 36

2 CHỈ TIÊU AN TOÀN

2.1 Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4	Tiêu chuẩn của NSX
2	*Coliforms*	cfu/g	10^2	
3	*E. coli*	MPN/g	3	
4	*Staphylococcus aureus*	cfu/g	10^2	
5	*Salmonella*	/25 g	Không có	
6	TSBTNM-M	cfu/g	10^3	

2.2. Hàm lượng kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo
1	Arsen	mg/kg	5,0	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Cadimi	mg/kg	1,0	
3	Chì	mg/kg	2,0	
4	Thủy ngân	mg/kg	0,05	

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

KOJI TAMAKOSHI YUSUKE MIKI

Trang

T.P.Linh

05/07/24

BDV.Lam

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

KOJI TAMAKOSHI

YUSUKE MIKI

Trang

T.P.Linh

05/09/24

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

KOJI TAMAKOSHI

YUSUKE MIKI

T.Phuh

Trang

8701124

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

KOJI TAMAKOSHI

YUSUKE MIKI

052 01129

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: 16775-eDOC-QA-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hoà, ngày 19 tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: Cập nhật ngày cấp giấy chứng nhận HACCP

Kính gửi: - SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước Bộ Y tế;*
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố cho sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý Cơ quan về việc đăng ký **cập nhật ngày cấp giấy chứng nhận HACCP** cho sản phẩm sau:

STT	Sản phẩm	Mã hồ sơ tự công bố	Quy cách đóng gói	Chi tiết
1	HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)	16-00/AJI/2024	55 g/gói 170 g/gói 400 g/gói 900 g/gói	Cập nhật ngày cấp Giấy chứng nhận HACCP từ ngày 05/05/2023 thành ngày 12/05/2024

Thời gian dự kiến áp dụng: Tháng 09/2024.

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:
1. *Như trên;*
2. *Lưu văn thư.*

Đính kèm:
1. *Bản sao Hồ sơ tự công bố;*
2. *Bản sao Giấy chứng nhận HACCP.*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: 16762-eDOC-QA-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hoà, ngày 19 tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: Bổ sung thiết kế nhãn Tết 2025

Kính gửi: - SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước Bộ Y tế;*
- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về *Nhãn hàng hóa;*
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BYT-BKHCN ngày 26/06/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ: *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017 NĐ-CP về Nhãn hàng hóa;*
- Căn cứ Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/10/2021 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về Nhãn hàng hóa;*
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố cho sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý Cơ quan về việc đăng ký **bổ sung thiết kế nhãn Tết 2025** cho sản phẩm sau:

STT	Sản phẩm	Mã hồ sơ tự công bố	Quy cách đóng gói	Chi tiết
1	HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)	16-00/AJI/2024	400 g/gói 900 g/gói	Bổ sung thiết kế nhãn mới theo Chương trình Tết 2025

Thời gian dự kiến áp dụng: Tháng 10/2024.

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:
1. *Như trên;*
2. *Lưu văn thư.*

Đính kèm:
1. *Bản sao Hồ sơ tự công bố;*
2. *Thiết kế nhãn mới của sản phẩm.*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

20/08/2024	20/08/2024	20/08/2024	17/08/2024
Yusuke Miki	Hitomi Takase	Ho Thi Thuy Trang	Nguyen Quang Quyen

20/08/2024	20/08/2024	20/08/2024	17/08/2024
Yusuke Miki	Hitomi Takase	Ho Thi Thuy Trang	Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-05822BTP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/10/2023

1. Tên mẫu : **HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 04/10/2023

5. Thời gian thử nghiệm : 04/10/2023 - 12/10/2023

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
KCN Long Thành, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *(Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 1 Ho Van Danh Dist.5, Ho Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-05822BTP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/10/2023
Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC 973.35)	$3,00x10^{-2}$		Không phát hiện
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC 973.35)	$3,00x10^{-2}$		Không phát hiện
7.3. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	$1,00x10^{-2}$		Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$(**)
7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50x10^{-2}$		Không phát hiện

Ghi chú: (**): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-05822BTP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/10/2023

1. Tên mẫu : **HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 04/10/2023

5. Thời gian thử nghiệm : 04/10/2023 - 12/10/2023

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
KCN Long Thành, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM	TL. GIÁM ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Nguyễn Thành Công	**Ngô Quốc Việt**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-05822BTP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/10/2023

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Năng lượng • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	180 ± 4
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g	QTTN/KT3 140:2016 Phương pháp Kjeldahl		-	13,0 ± 0,4
7.3. Hàm lượng béo, g/100 g	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		-	1,06 ± 0,05
7.4. Hàm lượng gluxit (carbohydrate) qui ra glucose, g/100 g	QTTN/KT3 178:2017 (Ref: TCVN 4594:1988)		-	29,7 ± 0,9

Ghi chú: Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,25

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. *(Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và ng.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and ng.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-05822BTP3/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/10/2023

1. Tên mẫu : **HẠT NÊM Aji-ngon® (HEO)**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 04/10/2023

5. Thời gian thử nghiệm : 04/10/2023 - 12/10/2023

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
KCN Long Thành, Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM	TL. GIÁM ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Nguyễn Thành Công	Ngô Quốc Việt

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và ng.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and ng.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05822BTP3/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/10/2023
Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		$6,5 \times 10^1$ [$2,5 \times 10^1$; $1,7 \times 10^2$]
7.2. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$
7.3. *Escherichia coli*, MPN/g	ISO 16649-3:2015	-		0
7.4. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$
7.5. *Salmonella* spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện
7.6. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/g	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$

Ghi chú: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và ng.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and ng.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2015

Chứng nhận rằng: **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số: **FM 743392**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2015 cho phạm vi:

Sản xuất, quản lý và cung cấp:
1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt)
2. Giấm
3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương
4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị
5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột)
6. Các loại hạt nêm và gia vị
7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm
8. Bột nhào
9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ
10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
11. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học
12. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản

Đại diện cho Tập đoàn BSI:

Ông Michael Lam
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**
Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Đại diện cho BSI Việt Nam:

Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**
Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Giấy chứng nhận số: **FM 743392**

Địa điểm	***Hoạt động đăng ký***
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Biên Hòa (Trụ sở chính):** Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị Sản xuất và cung cấp: 1. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học 2. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Long Thành:** Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 3. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 4. Các loại hạt nêm và gia vị 5. Các loại súp và chiết suất nước hầm 6. Bột nhào 7. Bột pha sẵn cho bánh nướng các loại nhỏ 8. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Văn Phòng Hồ Chí Minh:** Tòa Nhà Golden Tower, Số 6, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý và cung cấp: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 6. Các loại hạt nêm và gia vị 7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm 8. Bột nhào 9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ 10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**

Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**

Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that: **AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD.**
Bien Hoa I Industrial Zone,
An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province,
Vietnam

Holds Certificate Number: **FM 743392**

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

Manufacturing, managing and supplying of:
1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning)
2. Vinegar
3. Soybean-based seasoning and condiment products
4. Dipping sauces and seasoning sauces
5. Soft beverage products (powder drinks)
6. Seasoning and condiments
7. Soups and broths
8. Batters
9. Mixes for fine bakery wares
10. Supplemented foods (supplemented powders)
11. Organic and biological fertilizer products
12. Material for animal and fishery feed products.

For and on behalf of BSI:

Michael Lam
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:

Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate No: **FM 743392**

Location	*Registered Activities*
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Bien Hoa Factory (Head office):** Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (monosodium glutamate) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces Manufacturing and supplying of: 1. Organic and biological fertilizer products, 2. Material for animal and fishery feed products
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Long Thanh Factory:** Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (enhanced umami seasoning) 2. Dipping sauces and seasoning sauces 3. Soft beverage products (powder drinks) 4. Seasoning and condiments 5. Soups and broths 6. Batters 7. Mixes for fine bakery wares 8. Supplemented foods (supplemented powders)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Ho Chi Minh Office:** Golden Tower Building, No. 6, Nguyen Thi Minh Khai Street, Da Kao Ward District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	Managing and supplying of: 1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces 5. Soft beverage products (powder drinks) 6. Seasoning and condiments 7. Soups and broths 8. Batters 9. Mixes for fine bakery wares 10. Supplemented foods (supplemented powders)

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Bản dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093

Hệ thống quản lý của

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

đã được đánh giá và chứng nhận là đáp ứng các yêu cầu của

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

Đối với các hoạt động sau
Nhà máy Biên Hòa:
ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT))
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ

Nhà máy Long Thành:
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ
CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT)
CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH

Chứng chỉ có hiệu lực từ 12/05/2024 đến 23/05/2025 và duy trì hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc đánh giá giám sát thoả đáng.

Cấp lần 7. Chứng nhận từ 23/05/2016

Các hoạt động chứng nhận được thực hiện tại các địa điểm bổ sung được liệt kê trên các trang tiếp theo

Được ủy quyền bởi
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
t 02839351920 - www.sgs.vn

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình thức của văn bản này là bất hợp pháp.

Bản dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093, tiếp tục

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

Cấp lần 7

Các địa điểm

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT))
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Nhà máy Long Thành: Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ
CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT)
CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình thức của văn bản này là bất hợp pháp.

Certificate VN17/00093

The management system of

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

For the following activities
Bien Hoa site:
THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE)
THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES), SEASONING AND DIPPING SAUCE

Long Thanh site:
THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE
THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS)
THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

This certificate is valid from 12 May 2024 until 23 May 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Issue 7. Certified since 23 May 2016

Certified activities performed by additional sites are listed on subsequent pages.

Authorised by
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
t 02839351920 - www.sgs.vn

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

Issue 7

Sites

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD
Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE)
THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES), SEASONING AND DIPPING SAUCE

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD
Long Thanh Factory: Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE
THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS)
THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số 27-00/AJI/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Địa chỉ: Nhà máy Biên Hòa: KCN Biên Hoà I, P. An Bình, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam
Nhà máy Long Thành: KCN Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: 028.3930.8784 Fax: 028.3930.2399
E-mail: tvkh@ajinomoto.com.vn
Mã số doanh nghiệp: 3600244645
Số Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 283/2020/ATTP-CNĐK
Ngày cấp/Nơi cấp: 23/12/2020 do Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Nai cấp.

II. Thông tin về sản phẩm

1. *Tên sản phẩm* : **PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®**
2. *Thành phần* :
   Mononatri L-glutamat tinh khiết 99+ % (Chất điều vị).
   (Thành phần Mononatri L-glutamat được sản xuất tại Việt Nam, nhập khẩu từ Thái Lan, nhập khẩu từ Indonesia: Được sản xuất từ nguyên liệu thiên nhiên là mía đường và khoai mì (sắn)).
3. *Thời hạn sử dụng* :
   60 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. *Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì (Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế).*
   Bao nhựa PE: 100 g, 140 g, 400 g, 454 g, 900 g, 1 kg, 1,8 kg, 2 kg, 5 kg.
   Bao nhựa PE bên trong, bao PP bên ngoài: 25 kg
5. *Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:*
   Sản xuất & Chịu trách nhiệm về sản phẩm:
   CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (được đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công Ty Ajinomoto Việt Nam sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- QCVN 4-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất điều vị - Phụ lục II - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với Mononatri L-Glutamat.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hoà, ngày 28 tháng 04 năm 2021

GIÁM ĐỐC

Thái Thị Anh

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TATSUYA NAKAYAMA

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

BQL CÁC KCN ĐỒNG NAI	PHỤ GIA THỰC PHẨM - CHẤT ĐIỀU VỊ	SỐ TIÊU CHUẨN TCCS 27-00/AJI/2021
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM	PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1 CHỈ TIÊU HÓA LÝ

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

1. Trạng thái: Tinh thể hoặc bột tinh thể
2. Màu sắc: Màu trắng
3. Mùi vị: Không mùi, vị UMAMI đặc trưng

2 CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN

2.1. Các chỉ tiêu chỉ điểm chất lượng, giá trị dinh dưỡng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Áp dụng theo
1	Độ tan	-	Dễ tan trong nước, ít tan trong ethanol, thực tế không tan trong ether	QCVN 4-1:2010/BYT
2	Glutamat	-	Phải có phản ứng đặc trưng của glutamat	
3	Natri	-	Phải có phản ứng đặc trưng của natri	
4	Giảm khối lượng khi làm khô (sấy tại 98 °C trong 5 giờ)	%	≤ 0,5	
5	pH (dung dịch mẫu thử 1/50)	-	6,7 ~ 7,2	
6	Góc quay cực riêng (dung dịch mẫu thử 10 % (kl/tt) trong acid hydrocloric 2 N $[\alpha]^{D}_{20}$)	(°)	+24,8° ~ +25,3°	
7	Clorid	%	≤ 0,2	
8	Acid pyrrolidon carboxylic	-	Đạt yêu cầu (mô tả trong phần phương pháp thử của QCVN 4-1: 2010/BYT	
9	Hàm lượng mononatri L-glutamat monohydrat (tính theo chế phẩm đã làm khô)	%	≥ 99,0	

2.2. Hàm lượng kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Áp dụng theo
1	Chì (Pb)	mg/kg	1,0	QCVN 4-1:2010/BYT

BQL CÁC KCN ĐỒNG NAI
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 640/CV-AJI-2021

Biên Hòa, ngày 15 tháng 04 Năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. Ngày đánh giá: 01/04/2021
2. Thông tin tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy:

   Tên tổ chức, cá nhân: Công ty AJINOMOTO Việt Nam

   Địa chỉ: KCN Biên Hoà I, P. An Bình, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam

   Điện thoại: 028.3930.8784 Fax: 028.3930.239
3. Thông tin sản phẩm

   Tên sản phẩm: PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®

   Nhà sản xuất: Công ty AJINOMOTO Việt Nam

   Địa chỉ: KCN Biên Hoà I, P. An Bình, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai, Việt Nam
4. Số hiệu tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 4-1:2010/BYT
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: QUATEST III
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

   6.1. Kiểm soát quá trình sản xuất sản phẩm:

PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO® với quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm theo các quy định HACCP, đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Từng công đoạn của quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ bởi bộ phận sản xuất, bộ phận đảm bảo chất lượng.

Sản phẩm sau khi sản xuất được lấy mẫu ngẫu nhiên để phân tích kiểm tra chất lượng thành phẩm. Các chỉ tiêu được kiểm tra tuân theo QCVN 4-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phụ gia thực phẩm – Chất điều vị, bao gồm:

- Cảm quan
- Độ tan
- Glutamat
- Natri
- Giảm khối lượng khi làm khô
- pH
- Góc quay cực riêng
- Clorid
- Acid pyrrolidon cacboxylic
- Hàm lượng mononatri L-glutamat monohydrat
- Chì

Kết quả phân tích được mô tả chi tiết trong Kết quả thử nghiệm đính kèm hồ sơ này.

6.2. Đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật:

PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO® được phân tích bởi các trung tâm phân tích bên ngoài uy tín có các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với quy định thể hiện theo bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Kết quả phân tích	Đánh giá kết quả phân tích
1	Cảm quan	-	Tinh thể hoặc bột tinh thể trắng, thực tế không mùi.	Tinh thể trắng, không mùi	Đạt
2	Độ tan	-	Dễ tan trong nước, ít tan trong ethanol, thực tế không tan trong ether.	- Dễ tan trong nước - Ít tan trong ethanol - Không tan trong ether	Đạt
3	Glutamat	-	Phải có phản ứng đặc trưng của glutamat	Có phản ứng đặc trưng của glutamat	Đạt
4	Natri	-	Phải có phản ứng đặc trưng của natri	Có phản ứng đặc trưng của natri	Đạt
5	Giảm khối lượng khi làm khô (sấy tại 98 °C trong 5 giờ)	%	$\leq 0,5$	$3,5 \times 10^{-2}$	Đạt

6	pH (dung dịch mẫu thử 1/50)	-	6,7 ~ 7,2	6,92	Đạt
7	Góc quay cực riêng: $[\alpha]^{D}_{20}$ (Dung dịch mẫu thử 10 % (kl/tt) trong acid hydrocloric 2 N)	(°)	+24,8 ~ +25,3	25,2	Đạt
8	Clorid	%	≤ 0,2	< 0,2	Đạt
9	Acid pyrrolidon cacboxylic	-	Đạt yêu cầu (mô tả trong phần phương pháp thử của QCVN 4-1: 2010/BYT)	Âm tính (1)	Đạt
10	Hàm lượng mononatri L-glutamat monohydrat (tính trên chế phẩm đã làm khô)	%	≥ 99,0	99,8	Đạt
11	Chì	mg/kg	≤ 1,0	Không phát hiện (2)	Đạt

(1) Trong sắc ký đồ của mẫu thử không có vết tương đương vết acid pyrrolidon carboxylic trong sắc ký đồ chuẩn (độ nhạy 0,2 %)

(2) Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo: $3,00 \times 10^{-2}$ mg/kg

7. Các nội dung khác (nếu có):.....

8. Kết luận:

☒ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá	**Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân**
HỨA TỦ ANH	*TATSUYA NAKAYAMA*
Đại diện hệ thống quản lý chất lượng	*Giám đốc*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-07424BTP4	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	13/12/2024 Trang 01/02

1. Tên mẫu : **PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®**
(FC - GUNNY INNER BAG – PE, LOT 241209-1)

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong túi nhựa.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 09/12/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 10/12/2024 - 13/12/2024

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM	**TL. GIÁM ĐỐC** **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
Nguyễn Thành Công	**Ngô Quốc Việt**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07424BTP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Giảm khối lượng khi làm khô tính theo khối lượng(*), %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	$5,61 \times 10^{-2}$
7.2. Hàm lượng Mononatri L-glutamat monohydrat tính theo chế phẩm đã làm khô tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	100
7.3. pH dung dịch 1/50	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	6,91
7.4. Góc quay cực riêng (dung dịch mẫu thử 10 % (kl/tt) trong HCl 2 N) ($[\alpha]^{D}_{20}$), °	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	25,2
7.5. Hàm lượng clorua tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Nhỏ hơn 0,20
7.6. Acid pyrrolidon carboxylic	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Âm tính(1)
7.7. Độ tan(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	- Dễ tan trong nước - Ít tan trong ethanol - Không tan trong ether
7.8. Định tính glutamate(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của glutamat
7.9. Định tính natri(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của natri
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$(2)
7.12. Cảm quan(*)	QTTN/KT3 234:2019		
• Trạng thái		-	Tinh thể
• Màu sắc		-	Màu trắng
• Mùi vị		-	Không mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

Ghi chú: (1): Trong sắc ký đồ của mẫu thử không có vết tương đương vết acid pyrrolidon carboxylic trong sắc ký đồ của chuẩn (độ nhạy 0,2%).
(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-07425BTP4	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	13/12/2024 Trang 01/02

1. Tên mẫu : **PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®**
(LC-100G FUJI ACE - LDPE, NSX: 08/12/2024)

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 09/12/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 10/12/2024 - 13/12/2024

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM	**TL. GIÁM ĐỐC** **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
Nguyễn Thành Công	**Ngô Quốc Việt**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Giảm khối lượng khi làm khô tính theo khối lượng(*), %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	$3,77 \times 10^{-2}$
7.2. Hàm lượng Mononatri L-glutamat monohydrat tính theo chế phẩm đã làm khô tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	99,8
7.3. pH dung dịch 1/50	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	6,94
7.4. Góc quay cực riêng (dung dịch mẫu thử 10 % (kl/tt) trong HCl 2 N) ($[\alpha]^{D}_{20}$), °	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	25,3
7.5. Hàm lượng clorua tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Nhỏ hơn 0,20
7.6. Acid pyrrolidon carboxylic	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Âm tính(1)
7.7. Độ tan(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	- Dễ tan trong nước - Ít tan trong ethanol - Không tan trong ether
7.8. Định tính glutamate(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của glutamat
7.9. Định tính natri(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của natri
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$ (2)
7.12. Cảm quan(*)	QTTN/KT3 234:2019		
• Trạng thái		-	Tinh thể
• Màu sắc		-	Màu trắng
• Mùi vị		-	Không mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

Ghi chú: (1): Trong sắc ký đồ của mẫu thử không có vết tương đương vết acid pyrrolidon carboxylic trong sắc ký đồ của chuẩn (độ nhạy 0,2%).
(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được lưu sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-07421BTP4	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	13/12/2024 Trang 01/02

1. Tên mẫu : **PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®**
(LC - 400G - LLDPE, NSX: 08/12/2024)

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 09/12/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 10/12/2024 - 13/12/2024

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM	**TL. GIÁM ĐỐC** **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
Nguyễn Thành Công	**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07421BTP4	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	13/12/2024 Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Giảm khối lượng khi làm khô tính theo khối lượng(*), %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	$2,94 \times 10^{-2}$
7.2. Hàm lượng Mononatri L-glutamat monohydrat tính theo chế phẩm đã làm khô tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	99,9
7.3. pH dung dịch 1/50	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	6,92
7.4. Góc quay cực riêng (dung dịch mẫu thử 10 % (kl/tt) trong HCl 2 N) ($[\alpha]^{D}_{20}$), °	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	25,2
7.5. Hàm lượng clorua tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Nhỏ hơn 0,20
7.6. Acid pyrrolidon carboxylic	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Âm tính(1)
7.7. Độ tan(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	- Dễ tan trong nước - Ít tan trong ethanol - Không tan trong ether
7.8. Định tính glutamate(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của glutamat
7.9. Định tính natri(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của natri
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$(2)
7.12. Cảm quan(*)	QTTN/KT3 234:2019		
• Trạng thái		-	Tinh thể
• Màu sắc		-	Màu trắng
• Mùi vị		-	Không mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

Ghi chú: (1): Trong sắc ký đồ của mẫu thử không có vết tương đương vết acid pyrrolidon carboxylic trong sắc ký đồ của chuẩn (độ nhạy 0,2%).
(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-07422BTP4	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	13/12/2024 Trang 01/02

1. Tên mẫu : **PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®**
(RC - CP INNER BAG-PE, LOT 241209-1)

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong túi nhựa.

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 09/12/2024

5. Thời gian thử nghiệm : 10/12/2024 - 13/12/2024

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM	**TL. GIÁM ĐỐC** **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
Nguyễn Thành Công	**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07422BTP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/12/2024

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Giảm khối lượng khi làm khô tính theo khối lượng(*), %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	$4,64 \times 10^{-2}$
7.2. Hàm lượng Mononatri L-glutamat monohydrat tính theo chế phẩm đã làm khô tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	99,7
7.3. pH dung dịch 1/50	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	6,97
7.4. Góc quay cực riêng (dung dịch mẫu thử 10 % (kl/tt) trong HCl 2 N) ($[\alpha]^{D}_{20}$), °	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	25,2
7.5. Hàm lượng clorua tính theo khối lượng, %	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Nhỏ hơn 0,20
7.6. Acid pyrrolidon carboxylic	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Âm tính(1)
7.7. Độ tan(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	- Dễ tan trong nước - Ít tan trong ethanol - Không tan trong ether
7.8. Định tính glutamate(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của glutamat
7.9. Định tính natri(*)	QCVN 4-1:2010/ BYT (Phụ lục 2)	-	Có phản ứng đặc trưng của natri
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg	TCVN 8427:2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$ (2)
7.12. Cảm quan(*)	QTTN/KT3 234:2019		
• Trạng thái		-	Tinh thể
• Màu sắc		-	Màu trắng
• Mùi vị		-	Không mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

Ghi chú: (1): Trong sắc ký đồ của mẫu thử không có vết tương đương vết acid pyrrolidon carboxylic trong sắc ký đồ của chuẩn (độ nhạy 0,2%).
(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: AVN-CV/2023-297

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v: *Thay đổi thiết kế nhãn*

Kính gửi: - SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/06/2019 của Bộ khoa học và công nghệ: "Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP";
- Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa";
- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm";
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố cho sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý cơ quan về việc đăng ký **thay đổi thiết kế** cho sản phẩm bên dưới như sau:

STT	Tên sản phẩm	Mã hồ sơ	Quy cách đóng gói	Nội dung
1	PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®	27-00/AJI/2021	100 g/gói 140 g/gói	- Bổ sung biểu tượng *"Bao bì này có thể tái chế"* - Thay đổi thiết kế nhãn

- **Thời gian dự kiến áp dụng nhãn mới: Khi sử dụng hết lượng nhãn tồn.**

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.
Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin cảm ơn và trân trọng kính chào.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TATSUYA NAKAYAMA

Nơi nhận:
1. Như trên;
2. Lưu văn thư;

Đính kèm:
1. Bản sao hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.
2. Nhãn mới của sản phẩm.

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Tinh chất của vị *Umami*

AJI-NO-MOTO®

UMAMI SEASONING
BỘT NGỌT (MÌ CHÍNH)

味の素®

HẠT LỚN

TỪ NĂM 1909

Dùng cho thực phẩm

140 g
KHỐI LƯỢNG TỊNH

Bột ngọt Nhật Bản DUY NHẤT (*)

(*) Theo kết quả nghiên cứu thị trường tháng 10/2022 của công ty AYINOE VIỆT NAM. AJI-NO-MOTO® là thương hiệu bột ngọt Nhật Bản duy nhất tại Việt Nam.

THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA
CÔNG TY AJINOMOTO TOKYO, NHẬT BẢN

9.2.23

Tinh chất của vị *Umami*

味の素 AJI-NO-MOTO®

UMAMI SEASONING
BỘT NGỌT (MÌ CHÍNH)

Thương hiệu bột ngọt Nhật Bản duy nhất và lâu đời từ 1909

(*) Thương hiệu Nhật Bản được ưa chuộng

AJI-NO-MOTO® là nhãn hiệu bột ngọt đầu tiên trên thế giới ra đời năm **1909**, từ việc khám phá ra vị UMAMI của một giáo sư Nhật Bản.

Trong hơn **100** năm qua, Bột ngọt AJI-NO-MOTO® đã được sử dụng phổ biến trên **100** quốc gia.

NGUYÊN LIỆU AN TOÀN

Được sản xuất từ nguyên liệu thiên nhiên là mía đường và khoai mì (sắn), Bột ngọt AJI-NO-MOTO® là gia vị an toàn cho gia đình bạn.

NƯỚC SẠCH, CUỘC SỐNG TRONG LÀNH

Công ty Ajinomoto Việt Nam cam kết góp phần giữ gìn môi trường bền vững và cân bằng sinh thái của khu vực sông Đồng Nai.

Eat Well. Live Well.
AJINOMOTO

Theo nhượng quyền của
CÔNG TY AJINOMOTO TOKYO, NHẬT BẢN
15-1, Kyobashi 1-Chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315, Japan
Sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Xuất xứ: Việt Nam

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Hòa vị đậm đà, món nào cũng ngon!

1 muỗng cà phê = 4,5 g (cho 5 người ăn)
Dùng cho các món: canh, kho, chiên, xào

BỘT NGỌT (MÌ CHÍNH)
Thành phần:
MONONATRI L-GLUTAMAT TINH KHIẾT 99+ %
(Chất điều vị. Phụ gia thực phẩm.
Đối tượng và hàm lượng sử dụng: Tùy từng nhóm thực phẩm, việc sử dụng đảm bảo không vượt quá mức cho phép theo hướng dẫn của quy định hiện hành.
KHỐI LƯỢNG TỊNH: 140 g

Không vứt thải phẩm
Bảo vệ môi trường

Tư vấn khách hàng
tel: 028. 3930 8784
Email: tvnhgiaonoi@ajinomoto.com.vn
Website: www.ajinomoto.com.vn

Chỉ dành cho thị trường nội địa.
For domestic market only.

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

HSD: 60 THÁNG KỂ TỪ NSX
NSX: ĐƯỢC GHI DƯỚI BAO BÌ

8 935039 500257

C	M	Y	K	Red Ajinomoto	White

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: 05090 - eDOC - QA - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 27 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v: *Thay đổi thiết kế nhãn*

Kính gửi: **- SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**
- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;*
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/06/2019 của Bộ khoa học và công nghệ: *Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;*
- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;*
- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/01/2018 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố và Thông báo thay đổi thiết kế nhãn cho sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý cơ quan về việc đăng ký thay đổi thiết kế nhãn như sau:

STT	Sản phẩm	Mã hồ sơ tự công bố	Quy cách bao gói	Nội dung thay đổi/ bổ sung	Thời gian dự kiến áp dụng
1	PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®	27-00/AJI/2021	100 g/gói	Thay đổi thiết kế nhãn	Khi sử dụng hết nhãn tồn
			400 g/gói		
			454 g/gói		
			900 g/gói		
			1 kg/gói		
			1,8 kg/gói		
			2 kg/gói		
			5 kg/gói		

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.
Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:
1. *Như trên;*
2. *Lưu văn thư;*

Đính kèm:
1. *Bản sao Hồ sơ tự công bố và Công văn thay đổi Thông tin trên Hồ sơ công bố.*
2. *Thiết kế nhãn của quy cách đóng gói 100 g/gói, 400 g/gói, 454 g/gói, 900 g/gói, 1 kg/gói, 1,8 kg/gói, 2 kg/gói, 5 kg/gói.*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 400gLC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

Project: "AJI-NO-MOTO" packaging, SKU: 400g, Umami Embossed, 151 x 213 mm, 22/02/2024

C	M	Y	K	Red Ajinomoto	Green	Blue	White

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG

"AJI-NO-MOTO" 454gLC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

Project: "AJI-NO-MOTO" packaging, SKU: 454gLC, Umami Embossed, 156 x 218 mm, 22/02/2024

C M Y K Red Ajinomoto Green Blue White

CÔNG TY AJINOMOTO

"AJI-NO-MOTO" 400gRC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

cl: "AJI-NO-MOTO" packaging_SKU: 400g_Umami Emblem_151 x 213 mm_22/03/2024

C	M	Y	K	Red Ajinomoto	Green	Blue	White

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 100gLC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

Project: "**AJI-NO-MOTO**" packaging_SKU: **100**g_115 x 150 mm_23/02/2024

C M Y K Red Ajinomoto Green Blue White

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 900gLC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 1kgLC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

Project: "AJI-NO-MOTO" packaging 1kgLC Reg. Umami 149 x 238 mm 22/03/2024

C M Y K Spot Ajinomoto Green Blue White

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 1kgRC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

"AJI-NO-MOTO" 1,8kgLC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 100gRC – no dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

oject: "**AJI-NO-MOTO**" packaging_SKU: **100**g_115 x 150 mm_23/02/2024

C M Y K Red Aprismatic Green Blue White

CÔNG TY AJINOMOTO

"AJI-NO-MOTO" 2kgRC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

"AJI-NO-MOTO" packaging _ SKU: 2kgRC _ 326 x 110 mm _ 23/02/2024

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 5kgRC – NO dimension

Deputy Division Manager
03/05/2024
Koji Tamakoshi
Department Manager
03/05/2024
Yusuke Miki
Section Manager
03/05/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: 01492-eDOC-QA-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 22 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: *Bổ sung quy cách đóng gói và thay đổi thiết kế nhãn*

Kính gửi: - SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;*
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/06/2019 của Bộ khoa học và công nghệ: *Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;*
- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;*
- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/01/2018 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố và Thông báo thay đổi thiết kế nhãn cho sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý cơ quan về việc đăng ký bổ sung quy cách đóng gói và thay đổi thiết kế nhãn như sau:

STT	Sản phẩm	Mã hồ sơ tự công bố	Quy cách bao gói	Nội dung thay đổi/ bổ sung	Thời gian dự kiến áp dụng
1	PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®	27-00/AJI/2021	230 g/gói	Bổ sung quy cách đóng gói theo mẫu nhãn đính kèm	Theo kế hoạch sản xuất
			25 kg/bao	Thay đổi thiết kế nhãn	Khi sử dụng hết lượng nhãn tồn

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:
1. *Như trên;*
2. *Lưu văn thư;*

Đính kèm:
1. *Bản sao Hồ sơ tự công bố và Công văn thay đổi Thông tin trên Hồ sơ công bố.*
2. *Thiết kế nhãn của quy cách đóng gói 230 g/gói*
3. *Thiết kế mới của quy cách đóng gói 25 kg/bao*

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

20.000đ

AJINOMOTO

BỘT NGỌT (MÌ CHÍNH)

AJI-NO-MOTO®

味の素®

UMAMI SEASONING SINCE 1909

HẠT LỚN

230 g
KHỐI LƯỢNG TỊNH

Bột ngọt Nhật Bản DUY NHẤT (*)

(*) Theo kết quả nghiên cứu thị trường tháng 3/2024 của công ty INTAGE VIỆT NAM, AJI-NO-MOTO® là thương hiệu bột ngọt Nhật Bản duy nhất tại Việt Nam

味の素 AJI-NO-MOTO® UMAMI SEASONING SINCE 1909

味の素 AJI-NO-MOTO®

UMAMI SEASONING SINCE 1909

Thương hiệu bột ngọt Nhật Bản duy nhất và lâu đời từ 1909

AJI-NO-MOTO® là nhãn hiệu bột ngọt đầu tiên trên thế giới ra đời năm 1909, từ việc khám phá ra vị UMAMI của một giáo sư Nhật Bản.

Trong hơn 100 năm qua, Bột ngọt AJI-NO-MOTO® đã được sử dụng phổ biến trên 100 quốc gia.

NGUYÊN LIỆU AN TOÀN

Được sản xuất từ nguyên liệu thiên nhiên là khoai mì (sắn), lên men tự nhiên cùng mía đường, bột ngọt AJI-NO-MOTO® là gia vị an toàn cho gia đình bạn.

NƯỚC SẠCH, CUỘC SỐNG TRONG LÀNH

Công ty Ajinomoto Việt Nam cam kết góp phần giữ gìn môi trường và cân bằng sinh thái của lưu vực sông Đồng Nai.

VUN ĐẮP CHO THIÊN NHIÊN BỀN VỮNG

Eat Well, Live Well.

AJINOMOTO

Theo nhượng quyền của CÔNG TY AJINOMOTO TOKYO, NHẬT BẢN
15-1, Kyobashi 1-Chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315, Japan

Sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Xuất xứ: Việt Nam

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Hòa vị đậm đà, món nào cũng ngon!

1 muỗng cà phê = 4,5 g (cho 5 người ăn)
Dùng cho các món: canh, kho, chiên, xào

BỘT NGỌT (MÌ CHÍNH)
Thành phần:
MONONATRI L-GLUTAMAT TINH KHIẾT 99+%
(Chất điều vị). Phụ gia thực phẩm.
Dùng cho thực phẩm
Đối tượng và hàm lượng sử dụng:
Tùy từng nhóm thực phẩm, việc sử dụng đảm bảo không vượt quá mức cho phép theo hướng dẫn của quy định hiện hành.
KHỐI LƯỢNG TỊNH: 230 g

Tư vấn khách hàng
tel: 028. 3930 8784
Email: info@ajinomoto.com.vn
Website: www.ajinomoto.com.vn

Chỉ dành cho thị trường nội địa.
For domestic market only.

HSD: 60 THÁNG KỂ TỪ NSX
NSX : ĐƯỢC GHI DƯỚI BAO BÌ

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

BARCODE

Project: "AJI-NO-MOTO" packaging_SKU: 230gLC_143 x 190 mm_22/02/2024

C	M	Y	K	Red Ajinomoto	Green	Blue	White

8.4.24 8.4.24 8/4/24

KOJI TAMAKOSHI

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

AJINOMOTO

BỘT NGỌT (MÌ CHÍNH)

AJI·NO·MOTO®

味の素®

UMAMI SEASONING
SINCE 1909

THÀNH PHẦN:
MONONATRI L-GLUTAMAT TINH KHIẾT 99+ % (CHẤT ĐIỀU VỊ)
PHỤ GIA THỰC PHẨM, DÙNG CHO THỰC PHẨM.
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: DÙNG LÀM GIA VỊ CHO THỰC PHẨM
ĐỐI TƯỢNG VÀ HÀM LƯỢNG SỬ DỤNG:
TÙY TỪNG NHÓM THỰC PHẨM, VIỆC SỬ DỤNG ĐẢM BẢO KHÔNG VƯỢT QUÁ MỨC CHO PHÉP THEO HƯỚNG DẪN CỦA QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT
SẢN XUẤT VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SẢN PHẨM:
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
KCN BIÊN HÒA I, P. AN BÌNH, TP. BIÊN HÒA, T. ĐỒNG NAI. ĐT: 028 3930 3794
XUẤT XỨ: VIỆT NAM
THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA
CÔNG TY AJINOMOTO TOKYO, NHẬT BẢN
15-1, KYOBASHI 1-CHOME, CHUO-KU, TOKYO 104-8315, JAPAN
NGÀY SẢN XUẤT: IN TRÊN BAO BÌ
HẠN SỬ DỤNG: 60 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
CHỈ DÀNH CHO THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA. FOR DOMESTIC MARKET ONLY

25 kg
KHỐI LƯỢNG TỊNH

Không vứt thải nhựa
Bao bì này có thể tái chế

TC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Số: 1629 - eDOC - QA - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 16 tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v: *Bổ sung thiết kế nhãn Tết 2025*

Kính gửi: **- SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**
- CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Công ty Ajinomoto Việt Nam chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;*
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/06/2019 của Bộ khoa học và công nghệ: *Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;*
- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;*
- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/01/2018 của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*
- Căn cứ Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế *Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm;*
- Căn cứ Hồ sơ tự công bố và Thông báo thay đổi thiết kế nhãn cho sản phẩm bên dưới;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nay chúng tôi thông báo đến Quý cơ quan về việc đăng ký bổ sung thiết kế nhãn Tết 2025 như sau:

STT	Sản phẩm	Mã hồ sơ tự công bố	Quy cách bao gói	Nội dung thay đổi/ bổ sung	Thời gian dự kiến áp dụng
1	PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO®	27-00/AJI/2021	400 g/gói	Bổ sung thiết kế nhãn Tết 2025	Khi sử dụng hết nhãn tồn
			454 g/gói		
			900 g/gói		
			1 kg/gói		

Chúng tôi cam kết vẫn giữ nguyên chất lượng sản phẩm như đã công bố tại hồ sơ tự công bố cho sản phẩm trên.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:
1. *Như trên;*
2. *Lưu văn thư;*

Đính kèm:
1. *Bản sao Hồ sơ tự công bố và Công văn thay đổi Thông tin trên Hồ sơ công bố.*
2. *Thiết kế nhãn Tết 2025 của quy cách đóng gói 400 g/gói, 454 g/gói, 900 g/gói, 1 kg/gói.*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

TETSUYA OSAWA

"AJI-NO-MOTO" 400gLC – Non dimension

Deputy Division Manager
26/08/2024
Yusuke Miki

Department Manager
26/08/2024
Hitomi Takase

Section Manager
26/08/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 400gRC – Non dimension

Deputy Division Manager
26/08/2024
Yusuke Miki

Department Manager
26/08/2024
Hitomi Takase

Section Manager
26/08/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 454gLC – Non dimension

Deputy Division Manager
26/08/2024
Yusuke Miki

Department Manager
26/08/2024
Hitomi Takase

Section Manager
26/08/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 900gLC – Non dimension

Barcode

Deputy Division Manager
26/08/2024
Yusuke Miki

Department Manager
26/08/2024
Hitomi Takase

Section Manager
26/08/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 1kgLC – Non dimension

Deputy Division Manager
26/08/2024
Yusuke Miki

Department Manager
26/08/2024
Hitomi Takase

Section Manager
26/08/2024
Nguyen Quang Quyen

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

"AJI-NO-MOTO" 1kgRC – Non dimension

Deputy Division Manager
26/08/2024
Yusuke Miki

Department Manager
26/08/2024
Hitomi Takase

Section Manager
26/08/2024
Nguyen Quang Quyen

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2015

Chứng nhận rằng: **CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM**
Khu Công Nghiệp Biên Hòa I,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số: **FM 743392**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2015 cho phạm vi:

Sản xuất, quản lý và cung cấp:
1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt)
2. Giấm
3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương
4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị
5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột)
6. Các loại hạt nêm và gia vị
7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm
8. Bột nhào
9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ
10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
11. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học
12. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản

Đại diện cho Tập đoàn BSI:

Ông Michael Lam
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**
Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Đại diện cho BSI Việt Nam:

Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**
Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Giấy chứng nhận số: **FM 743392**

Địa điểm	***Hoạt động đăng ký***
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Biên Hòa (Trụ sở chính):** Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị Sản xuất và cung cấp: 1. Sản phẩm phân bón hữu cơ và phân bón sinh học 2. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuỷ sản
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Nhà Máy Long Thành:** Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất: 1. Phụ gia thực phẩm (gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 3. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 4. Các loại hạt nêm và gia vị 5. Các loại súp và chiết suất nước hầm 6. Bột nhào 7. Bột pha sẵn cho bánh nướng các loại nhỏ 8. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)
CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM **Văn Phòng Hồ Chí Minh:** Tòa Nhà Golden Tower, Số 6, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý và cung cấp: 1. Phụ gia thực phẩm (bột ngọt, gia vị tăng vị bột ngọt) 2. Giấm 3. Các sản phẩm gia vị làm từ đậu tương 4. Các loại xốt chấm và xốt gia vị 5. Sản phẩm giải khát (thức uống dạng bột) 6. Các loại hạt nêm và gia vị 7. Các loại súp và chiết xuất nước hầm 8. Bột nhào 9. Bột pha sẵn cho bánh nướng loại nhỏ 10. Thực phẩm bổ sung (bột bổ sung)

Ngày đăng ký đầu tiên: **11/03/2005**

Ngày sửa đổi sau cùng: **04/04/2024**

Ngày hiệu lực: **18/05/2024**

Ngày hết hiệu lực: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that: **AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD.**
Bien Hoa I Industrial Zone,
An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province,
Vietnam

Holds Certificate Number: **FM 743392**

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

Manufacturing, managing and supplying of:
1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning)
2. Vinegar
3. Soybean-based seasoning and condiment products
4. Dipping sauces and seasoning sauces
5. Soft beverage products (powder drinks)
6. Seasoning and condiments
7. Soups and broths
8. Batters
9. Mixes for fine bakery wares
10. Supplemented foods (supplemented powders)
11. Organic and biological fertilizer products
12. Material for animal and fishery feed products.

For and on behalf of BSI:

Michael Lam
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:

Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate No: **FM 743392**

Location	*Registered Activities*
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Bien Hoa Factory (Head office):** Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (monosodium glutamate) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces Manufacturing and supplying of: 1. Organic and biological fertilizer products, 2. Material for animal and fishery feed products
AJNOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Long Thanh Factory:** Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam	Manufacturing of: 1. Food additive (enhanced umami seasoning) 2. Dipping sauces and seasoning sauces 3. Soft beverage products (powder drinks) 4. Seasoning and condiments 5. Soups and broths 6. Batters 7. Mixes for fine bakery wares 8. Supplemented foods (supplemented powders)
AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD. **Ho Chi Minh Office:** Golden Tower Building, No. 6, Nguyen Thi Minh Khai Street, Da Kao Ward District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	Managing and supplying of: 1. Food additive (monosodium glutamate, enhanced umami seasoning) 2. Vinegar 3. Soybean-based seasoning and condiment products 4. Dipping sauces and seasoning sauces 5. Soft beverage products (powder drinks) 6. Seasoning and condiments 7. Soups and broths 8. Batters 9. Mixes for fine bakery wares 10. Supplemented foods (supplemented powders)

Original Registration Date: **11/03/2005**

Latest Revision Date: **04/04/2024**

Effective Date: **18/05/2024**

Expiry Date: **17/05/2027**

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated online. Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Bản dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093

Hệ thống quản lý của

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

đã được đánh giá và chứng nhận là đáp ứng các yêu cầu của

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

Đối với các hoạt động sau
Nhà máy Biên Hòa:
ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT))
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ

Nhà máy Long Thành:
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ
CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT)
CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH

Chứng chỉ có hiệu lực từ 12/05/2024 đến 23/05/2025 và duy trì hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc đánh giá giám sát thoả đáng.

Cấp lần 7. Chứng nhận từ 23/05/2016

Các hoạt động chứng nhận được thực hiện tại các địa điểm bổ sung được liệt kê trên các trang tiếp theo

Được ủy quyền bởi
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
t 02839351920 - www.sgs.vn

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình thức của văn bản này là bất hợp pháp.

Bản dịch từ giấy chứng nhận VN17/00093, tiếp tục

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

Cấp lần 7

Các địa điểm

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Nhà máy Biên Hòa: Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
ĐÓNG GÓI PHỤ GIA THỰC PHẨM (MONONATRI L-GLUTAMAT (BỘT NGỌT))
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM GIẤM, ĐẬU TƯƠNG LÊN MEN (NƯỚC TƯƠNG), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ

CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM
Nhà máy Long Thành: Khu Công Nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM ẨM THỰC (GIA VỊ TĂNG CƯỜNG VỊ UMAMI, HẠT NÊM VÀ BỘT NÊM, GIA VỊ BỔ SUNG, SÚP VÀ NƯỚC DÙNG CHIẾT XUẤT TỪ THỊT HEO & GÀ, CÁC LOẠI BỘT), XỐT CHẤM VÀ XỐT GIA VỊ
CHẾ BIẾN SẢN PHẨM NƯỚC GIẢI KHÁT (ĐỒ UỐNG DẠNG BỘT)
CHẾ BIẾN HỖN HỢP CÁC SẢN PHẨM BÁNH

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình thức của văn bản này là bất hợp pháp.

Certificate VN17/00093

The management system of

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

For the following activities
Bien Hoa site:
THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE)
THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES), SEASONING AND DIPPING SAUCE

Long Thanh site:
THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE
THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS)
THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

This certificate is valid from 12 May 2024 until 23 May 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Issue 7. Certified since 23 May 2016

Certified activities performed by additional sites are listed on subsequent pages.

Authorised by
Tran Nguyen

SGS Vietnam Ltd - Certification & Business Enhancement
198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
t 02839351920 - www.sgs.vn

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD

HACCP(GHPs) - The General Principles of Food Hygiene: the Hazard Analysis and Critical Control Point (CXC 1-1969, Latest Revised 2022)

Issue 7

Sites

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD
Bien Hoa Factory: Bien Hoa I Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

THE PACKING OF FOOD ADDITIVE (MONOSODIUM L-GLUTAMATE)
THE PROCESSING OF VINEGAR PRODUCT, FERMENTED SOYBEAN PRODUCT (SOYA SAUCES), SEASONING AND DIPPING SAUCE

AJINOMOTO VIETNAM CO., LTD
Long Thanh Factory: Long Thanh Industrial Zone, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

THE PROCESSING OF CULINARY PRODUCT (ENHANCED UMAMI SEASONING, SEASONING GRANULE AND POWDER, SUPPLEMENT SEASONING, PORK & CHICKEN EXTRACTED SOUPS AND BROTHS, BATTERS), SEASONING AND DIPPING SAUCE
THE PROCESSING OF SOFT BEVERAGE PRODUCT (POWDER DRINKS)
THE PROCESSING OF MIXES FOR FINE BAKERY WARES

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

Số:229/2023/ATTP-CNĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHỦ CƠ SỞ: TETSUYA OSAWA

Tên cơ sở: CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM.

Địa chỉ trụ sở: KCN Biên Hoà I, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3831289.

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
CHO LOẠI HÌNH: SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ GIA THỰC PHẨM: BỘT NGỌT AJI-NO-MOTO (THÀNH PHẦN MONONATRI L-GLUTAMAT TINH KHIẾT 99+% - CHẤT ĐIỀU VỊ 621).

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Đồng Nai, ngày 11 tháng 9 năm 2023

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Đình Minh

A1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 059/MSI/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("MSI")

Địa chỉ: Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (0274) 3729 911 Fax: (028) 3810 9463 Mã số doanh nghiệp: 3700424923

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 72/2019/NNPTNT-BDG – Hiệu lực đến ngày: 12/08/2022 – Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản Bình Dương

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC CHẤM NAM NGƯ ĐỆ NHỊ

2. Thành phần:

Nước muối, nước mắm cốt (cá, muối), đường, chất điều vị (621, 640, 635, 639), chất điều chỉnh độ acid (330), hương liệu tổng hợp, chất tạo màu (caramen nhóm I, carmin) tự nhiên, chất bảo quản (211), chất làm dày (415), chất tạo ngọt aspartam tổng hợp, chiết xuất trái dành dành

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:
  + Đóng chai với thể tích thực ở 20 °C: 800 ml; 900 ml
  + Đóng thùng: 14,4 l (18 chai x 800 ml); 13,5 l (15 chai x 900 ml)
- Chất liệu bao bì:
  - Chai: Nhựa PET
  - Nắp: Nhựa PE
  - Thùng: Giấy carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("MSI")

Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty")
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

- Công ty TNHH Một thành viên Masan MB

Khu B, khu công nghiệp Nam Cấm – khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (*đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố*)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm nước chấm.
2. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế cho nhóm nước chấm có nguồn gốc động vật.
3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 27 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

M.S.D.N: 3700424923-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP MASAN
TX. DĨ AN-T. BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Quốc Tuấn

Bản tự công bố này được niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan ("Công ty")
Bản tự công bố này là tài sản của Công ty, không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

CÔNG TY TNHH CALOFIC

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SẢN PHẨM: DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY

SỐ CÔNG BỐ: 02/CALOFIC/2021

CÁI LÂN 10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/CALOFIC/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3845970 Fax: (0203) 3845971

Hoặc Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 8806 Fax: (028) 3781 8802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH CALOFIC được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY

2. Thành phần: 100 % dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: Thể tích thực ở 20 °C: 400 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH CALOFIC

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về "Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hạ Long, Ngày 01 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY TNHH CALOHIC

ĐỖ THỊ KIM OANH

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

(Đính kèm hồ sơ tự công bố sản phẩm số 02/CALOFIC/2021)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH	DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY	Số CB: 02/CALOFIC/2021
CÔNG TY TNHH CALOFIC		Có hiệu lực từ ngày ký phê duyệt

Các chỉ tiêu tự công bố bao gồm:

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng
- Màu sắc: Màu vàng sáng
- Mùi: Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét.
- Vị: Không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	124-139
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Omega 3	mg/100 g	≥ 4000
8.	Omega 6	g/100 g	≥ 50
9.	Omega 9	g/100 g	≥ 20
10.	Chất béo bão hòa	g/100 g	≤ 20
11.	Chất béo không bão hòa	g/100g	≥ 80
12.	Vitamin E	mg/100 g	≥ 3
13.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100 g	≥ 9200
14.	Cholesterol	g/100 g	0
15.	Năng lượng	Kcal/100g	900

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2.	Coliforms	MPN/ml	10
3.	Salmonella	CFU/25ml	Không phát hiện
4.	S. aureus	CFU/ml	0
5	E. coli	MPN/ml	3
6.	TSVSVHK	CFU/ml	1000

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Aflatoxin B_1	µg/kg	5
2	Hàm lượng Aflatoxin B_1 B_2 G_1G_2	µg/kg	15

CÔNG TY TNHH CALOFIC

Số: 168 /CALOFIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2023

***Kính gửi*: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH QUẢNG NINH.**

Công ty TNHH Calofic chân thành cảm ơn Qúy chi cục đã giúp đỡ trong thời gian qua.

Công ty TNHH Calofic (CALOFIC) đã nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm cho sản phẩm: DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY với số tự công bố: 02/CALOFIC/2021, ký duyệt ngày 01/10/2021 và đã được đăng tải trong danh mục hồ sơ tự công bố sản phẩm trên trang Website của Qúy chi cục.

Do yêu cầu thay đổi địa chỉ công ty như trong giấy phép kinh doanh, Chúng tôi thay đổi địa chỉ của Công ty TNHH Calofic trong hồ sơ tự công bố sản phẩm, cụ thể như sau:

Địa chỉ trước khi thay đổi	Địa chỉ sau khi thay đổi
Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Chúng tôi sử dụng địa chỉ mới này cho các mẫu nhãn sản phẩm dầu đậu nành Simply. Mẫu nhãn được đưa vào sử dụng từ tháng 04/2023 (xem nội dung nhãn đính kèm).

Vậy Công ty CALOFIC xin thông báo áp dụng địa chỉ mới của Công ty TNHH Calofic cho hồ sơ tự công bố sản phẩm và nộp bổ sung nhãn sản phẩm nêu trên. Công ty chúng tôi cam kết bảo đảm chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm như đã công bố.

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu văn phòng

T/L TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

ĐỖ THỊ KIM OANH
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

167 w x 157 h mm

Simply

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	125 Kcal	900 Kcal
Cholesterol	0 g	0 g
Chất béo bão hòa (tối đa)	2,8 g	20 g
Chất béo không bão hòa (tối thiểu)	11,2 g	80 g
Omega-3 (tối thiểu)	560 mg	4.000 mg
Omega-6 (tối thiểu)	7 g	50 g
Omega-9 (tối thiểu)	2,8 g	20 g
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Thành phần:
100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Trị số I-ốt (W/g): 124 - 139.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng cho chiên, xào, trộn salad, làm nước xốt và nấu các món chay...
Bảo quản: Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo: Đóng nắp kín sau khi sử dụng.
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3846971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

CALOFIC

Số CB: 02/CALOFIC/2021

wilmar
Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

CÔNG TY TNHH CALOFIC
M.S.D.N: 5700101... TP. HẠ LONG - QUẢNG NINH

Simply™

DẦU ĐẬU NÀNH

HỘI TIM MẠCH HỌC VIỆT NAM
KHUYẾN DÙNG

100%
Nguyên Chất

Giàu Omega 3,6,9

CHO MỘT TRÁI TIM KHỎE

Khi cầm trên tay sản phẩm này, có nghĩa bạn rất quan tâm đến sức khỏe tim mạch và đang tìm kiếm một sản phẩm tốt cho trái tim.

Cũng như bạn, đội ngũ chuyên gia Simply đã dành trọn tâm huyết để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm **Dầu Đậu Nành Simply nguyên chất 100%**, giàu các chất béo không bão hòa, **Omega 3,6,9** và các vitamin, giúp bảo vệ sức khỏe tim mạch.

Dầu Đậu Nành Simply được sản xuất bằng công nghệ tinh chế hiện đại từ Châu Âu, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm không chứa Cholesterol và a-xit béo cấu hình Trans(*), không chất bảo quản và chất tạo màu.

Simply tự hào là nhãn hiệu dầu ăn duy nhất được **Hội Tim Mạch Học Việt Nam khuyến dùng.**

(*) Theo khuyến nghị của FDA.

THỂ TÍCH THỰC Ở 20 °C:
1 lít

PLEASE RECYCLE

8 934988 020021

PIC KIỂM TRA FILE XÁC NHẬN TẤT CẢ CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI GỬI ĐI IN

114x115

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trung mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Cholesterol	0 g	0 g
Chất béo bão hòa (tối đa)	2,5 g	20 g
Chất béo không bão hòa (tối thiểu)	11,2 g	80 g
Omega-3 (tối thiểu)	*560 mg*	*4.000 mg*
Omega-6 (tối thiểu)	*7 g*	*50 g*
Omega-9 (tối thiểu)	*2,8 g*	*20 g*
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,260 IU	9,000 IU

Thành Phần: 100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

1.2 mm

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Độ số I-ốt (Wijs): 124 - 139.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng cho chiên, xào, trộn salad, làm nước xốt và nấu các món chay...

Bảo quản: Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

HSD: Xem trên bao bì.

1.2 mm

Sản xuất tại Việt Nam bởi:

CÔNG TY TNHH CALOFIC

Khu Đục Công Cầu Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam

ĐT: (0203) 3846993

Fax: (0203) 3845971

Mã nhà máy sản xuất:

- QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660

Email: corporate@wilmar.com.vn

Website: www.calofic.com.vn

Số CB: 02/CALOFIC/2021

Simply™

DẦU ĐẬU NÀNH

HỘI TIM MẠCH HỌC VIỆT NAM KHUYẾN DÙNG

100%

Nguyên Chất

Giàu Omega 3,6,9

CHO MỘT TRÁI TIM KHỎE

Khi cầm trên tay sản phẩm này, có nghĩa bạn rất quan tâm đến sức khỏe tim mạch và đang tìm kiếm một sản phẩm tốt cho trái tim.

Cùng như bạn, đội ngũ chuyên gia Simply đã dành trọn tâm huyết để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm **Dầu Đậu Nành nguyên chất 100%**, giàu các chất béo không bão hòa, **Omega 3,6,9** và các vitamin, giúp bảo vệ sức khỏe tim mạch.

Dầu Đậu Nành Simply được sản xuất bằng công nghệ tinh chế hiện đại từ Châu Âu, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm không chứa Cholesterol và a-xit béo cấu hình Trans(*), không chất bảo quản và chất tạo màu.

Simply tự hào là nhãn hiệu dầu ăn duy nhất được **Hội Tim Mạch Học Việt Nam khuyến dùng.**

(*) Theo khuyến nghị của FDA.

THỂ TÍCH THỰC Ở 20 °C:

400 ml

4.776 mm

wilmar™

Được sự cho phép của:

WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

PLEASE RECYCLE

8 934988 020014

PIC KIỂM TRA FILE XÁC NHẬN TÊN CÁ CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI GỬI ĐI IN

CÔNG TY TNHH CALOFIC

180x100

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 1 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Cholesterol	0 g	0 g
Chất béo bão hòa (tối đa)	2,8 g	20 g
Chất béo không bão hòa (tối thiểu)	11,2 g	80 g
Omega-3 (tối thiểu)	*560 mg*	*4.000 mg*
Omega-6 (tối thiểu)	*7 g*	*50 g*
Omega-9 (tối thiểu)	*2,8 g*	*20 g*
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,288 IU	9,200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy,
TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax : (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

1.506 mm

Số CB: 02/CALOFIC/2021

wilmar™

Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

Simply™

DẦU ĐẬU NÀNH

HỘI TIM MẠCH HỌC VIỆT NAM KHUYẾN DÙNG

100% Nguyên chất

Giàu Omega 3,6,9

CHO MỘT TRÁI TIM KHỎE

Quan tâm đến sức khoẻ tim mạch, đội ngũ chuyên gia Simply đã dành trọn tâm huyết để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm **Dầu Đậu Nành Simply nguyên chất 100%**, giàu các chất béo không bão hòa, **Omega 3,6,9** và các vitamin, giúp bảo vệ sức khỏe tim mạch.

Dầu Đậu Nành Simply được sản xuất bằng công nghệ tinh chế hiện đại từ Châu Âu, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm không chứa Cholesterol và a-xit béo cấu tính Trans(*), không chất bảo quản và chất tạo màu.

Simply tự hào là nhãn hiệu dầu ăn duy nhất được **Hội Tim Mạch Học Việt Nam khuyến dùng.**

(*) Theo khuyến nghị của FDA.

Thành phần:
100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Trị số I-ốt (Wijs): 124 - 139.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng cho chiên, xào, trộn salad, làm nước xốt và nấu các món chay...

Bảo quản: Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).
HSD: Xem trên bao bì.

1.508 mm

THỂ TÍCH THỰC Ở 20 °C:
2 lít

6.11 mm

PLEASE RECYCLE

8 934988 020038

KIỂM TRA FILE XÁC NHẬN TẤT CẢ CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI GỬI ĐI IN

CÔNG TY TNHH CALOFIC

200x120

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Cholesterol	0 g	0 g
Chất béo bão hòa (tối đa)	2,8 g	20 g
Chất béo không bão hòa (tối thiểu)	11,2 g	80 g
Omega-3 (tối thiểu)	*560 mg*	*4.000 mg*
Omega-6 (tối thiểu)	*7 g*	*50 g*
Omega-9 (tối thiểu)	*2,8 g*	*20 g*
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT : (0203) 3846993
Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
• QN : TP. Hạ Long, Quảng Ninh
• HP : Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

Số CB: 02/CALOFIC/2021

wilmar™
Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

Simply™

DẦU ĐẬU NÀNH

HỘI TIM MẠCH HỌC VIỆT NAM KHUYẾN DÙNG

100% Nguyên Chất

Giàu Omega 3,6,9

CHO MỘT TRÁI TIM KHỎE

Quan tâm đến sức khỏe tim mạch, đội ngũ chuyên gia Simply đã dành trọn tâm huyết để nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm **Dầu Đậu Nành Simply nguyên chất 100%**, giàu các chất béo không bão hòa, **Omega 3,6,9** và các vitamin, giúp bảo vệ sức khỏe tim mạch.

Dầu Đậu Nành Simply được sản xuất bằng công nghệ tinh chế hiện đại từ Châu Âu, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm không chứa Cholesterol và a-xit béo cấu hình Trans(*), không chất bảo quản và chất tạo màu.

Simply tự hào là nhãn hiệu dầu ăn duy nhất được **Hội Tim Mạch Học Việt Nam khuyến dùng.**

(*) Theo khuyến nghị của FDA.

Thành phần: 100% dầu đậu nành nguyên chất, vitamin A palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Trị số I-ốt (Wijs) 124 - 132.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng cho chiên, xào, trộn salad, làm nước xốt và nấu các món chay...

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

HSD: Xem trên bao bì.

THỂ TÍCH THỰC @ 20 °C:
5 lít

PLEASE RECYCLE

8 934988 020045

CÔNG TY TNHH CALOFIC

PIC KIỂM TRA FILE XÁC NHẬN TẤT CẢ CHÍNH XÁC TRƯỚC KHI GỬI ĐI IN

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12110.04164545 MM12110.041645451	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 14/10/2021

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH CALOFIC**
Địa chỉ/ *Address* : KHU CN CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM
Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY**
Số lượng/ *Quantity* : 1
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa.
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 04/10/2021
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 12/10/2021

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Coliforms	MPN/mL	0	ISO 4831:2006 (*)
2	Escherichia coli	MPN/mL	0	ISO 16649-3:2015 (*)
3	Salmonella spp.	/25mL	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
4	Staphylococcus aureus	CFU/mL	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1. 2003 (*)
5	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/mL	< 01	ISO 21527-2:2008 (*)
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/mL	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Yên Hà

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2.78, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 31499/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY
2. Mã số mẫu: 10218514/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL, thông tin mẫu đánh máy dán trên chai - Số lượng: 2
   NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 05/10/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 05/10/2021 - 14/10/2021
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH CALOFIC
   Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Tạp chất không tan	%	TCVN 6125:2010	KPH (LOD: 0,01 %)
9.2*	Hàm lượng Acid béo tự do (tính theo Acid acetic)	%	TCVN 6127:2010	0,04
9.3*	Chỉ số Iod	g I_2/100g dầu	TCVN 6122:2015	127
9.4*	Hàm lượng Vitamin A (Retinyl palmitat)	IU/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	$1,06 \times 10^4$
9.5*	Chỉ số Peroxide	meq O_2/kg	TCVN 6121:2018	0,65
9.6*	Hàm lượng Vitamin E (DL alpha tocopherol)	mg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	15,0
9.7*	Chỉ số acid	mg KOH/g dầu	TCVN 6127:2010	0,07
9.8*	Hàm lượng Trans Fat (C18:1n9t, C18:2n6t)	g/14g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	KPH (LOD: $2,1 \times 10^{-4}$ g/14g)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIEN KIEM NGHIEM AN TOAN VE SINH THUC PHAM QUOC GIA

TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 31500/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY
2. Mã số mẫu: 10218514/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL, thông tin mẫu đánh máy dán trên chai - Số lượng: 2
NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 05/10/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 05/10/2021 - 14/10/2021
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH CALOFIC
Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Chlordane	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.2	Hàm lượng Chlorpyrifos	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.3	Hàm lượng Heptachlor	mg/kg	NIFC.04.M.022 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.4	Hàm lượng Clethodim	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.5	Hàm lượng Cyproconazole	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.6	Hàm lượng Flusilazole	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001 mg/kg)
9.7	Hàm lượng Methomyl	mg/kg	NIFC.04.M.022 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12110.04164545 MM12110.041645451	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 14/10/2021

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH CALOFIC**
Địa chỉ/ *Address* : KHU CN CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM
Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU ĐẬU NÀNH NHÃN HIỆU SIMPLY**
Số lượng/ *Quantity* : 1
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa.
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 04/10/2021
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 12/10/2021

STT/ *No*	**Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters***	**Đơn vị tính/ *Unit***	**Kết quả/ *Result***	**Phương pháp/ *Test method***
1	As	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	AOAC 986.15 (*)
2	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,05	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)
3	Béo	g/100g	100	CASE.NS.0008 (Ref.FAO 14/7 p.212,1986) (*)
4	Độ ẩm và chất bay hơi	g/100g	0,05	TCVN 6120:2018 (ISO 662:2016) (*)
5	Năng lượng	kcal/100g	900	Food and Drug Administration (*)
6	Acid béo bão hòa	g/100g	17,1	CASE.SK.0107 (GC) (*)
7	Acid béo không bão hòa	g/100g	82,4	CASE.SK.0107 (GC) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7236
casehcm@case.vn
CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH-27B, Đường 9E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
8	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
9	Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
10	Cholesterol	g/100g	Không phát hiện, MDL = 0,0001	CASE.SK.0012 - GC (*)
11	Omega 3	mg/100g	4563	CASE.SK.0107 (GC) (*)
12	Omega 6	g/100g	52,1	CASE.SK.0107 (GC) (*)
13	Omega 9	g/100g	25,5	CASE.SK.0107 (GC) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Phú Minh Tấn

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Yên Hà

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
Q2 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
1800 1105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

CÔNG TY TNHH CALOFIC

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SẢN PHẨM: DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD

SỐ CÔNG BỐ: 05/CALOFIC/2021

CÁI LÂN 10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/CALOFIC/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH CALOFIC**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0203) 3845970 Fax: (0203) 3845971

Hoặc Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 8806 Fax: (028) 3781 8802

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Công ty TNHH CALOFIC được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD

2. Thành phần: Dầu Olein cọ, dầu đậu nành, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa: este của polyglycerol với axit béo (475), vitamin A palmitat.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy Cách đóng gói: Thể tích thực ở 20 độ C: 250 ml, 400 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong chai nhựa PET (bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH CALOFIC

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

-Hoặc sản xuất bởi: Chi nhánh Công ty TNHH CALOFIC tại Hiệp Phước, TPHCM

Địa chỉ: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu CN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định về "Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hạ Long, Ngày 01 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY TNHH CALOTEC

ĐỖ THỊ KIM OANH

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

(Đính kèm hồ sơ tự công bố sản phẩm số 05/CALOFIC/2021)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NINH	DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD	Số CB: 05/CALOFIC/2021
CÔNG TY TNHH CALOFIC		Có hiệu lực từ ngày ký phê duyệt

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng (trên 30 độ C)
- Màu sắc: Màu vàng sáng đến màu vàng hơi đỏ
- Mùi: Không mùi hoặc mùi trung tính, không có mùi ôi khét.
- Vị: Không vị

1.2. Các chỉ tiêu lý hóa:

Stt	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Trị số a-xít	mg KOH/g dầu	≤ 0,6
2.	Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 độ C	%	≤ 0,2
3.	Tạp chất không tan	%	≤ 0,05
4.	Trị số I-ốt (wijs)	g I-ốt/100g dầu	≥ 60
5.	Chất béo toàn phần	%	≥ 99,5
6.	Trị số Peroxyt	Meq.O2/kg dầu	≤ 10
7.	Vitamin A (bổ sung)	IU/100g	≥ 9200
8.	Vitamin E	mg/100 g	≥ 3
9.	Omega 3	mg/100 g	≥ 500
10.	Omega 6	g/100 g	≥ 14
11.	Omega 9	g/100 g	≥ 25
12.	Cholesterol	g/100g	0
13.	Đường	g/100g	0
14.	Cacbohydrat	g/100g	0
15.	Natri	g/100g	0
16.	Chất đạm	g/100g	0

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	0
2.	Coliforms	MPN/ml	10
3.	Salmonella	CFU/25ml	Không phát hiện
4.	S. aureus	CFU/ml	0
5.	E. coli	MPN/ml	3
6.	TSVSVI IK	CFU/ml	1000

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng As	mg/kg	0,1
2.	Hàm lượng Pb	mg/kg	0,1

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Aflatoxin B_1	µg/kg	5
2	Hàm lượng Aflatoxin B_1 B_2 G_1G_2	µg/kg	15

CÔNG TY TNHH CALOFIC

Số: 169 /CALOFIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH QUẢNG NINH.

Công ty TNHH Calofic chân thành cảm ơn Qúy chi cục đã giúp đỡ trong thời gian qua.

Công ty TNHH Calofic (CALOFIC) đã nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm cho sản phẩm: DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD với số tự công bố: 05/CALOFIC/2021, ký duyệt ngày 01/10/2021 và đã được đăng tải trong danh mục hồ sơ tự công bố sản phẩm trên trang Website của Qúy chi cục.

Do nhu cầu sản xuất và kinh doanh, Chúng tôi thay đổi địa chỉ của Công ty TNHH Calofic trong hồ sơ tự công bố sản phẩm, cụ thể như sau:

Địa chỉ trước khi thay đổi	Địa chỉ sau khi thay đổi
Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Chúng tôi sử dụng địa chỉ mới này cho các mẫu nhãn sản phẩm dầu ăn cao cấp Meizan Gold. Mẫu nhãn được đưa vào sử dụng từ tháng 04/2023 (xem nội dung nhãn đính kèm).

Vậy Công ty CALOFIC xin thông báo áp dụng địa chỉ mới của Công ty TNHH Calofic cho hồ sơ tự công bố sản phẩm và nộp bổ sung nhãn sản phẩm nêu trên. Công ty chúng tôi cam kết bảo đảm chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm như đã công bố.

Nơi nhận
- Như trên
- Lưu văn phòng

T/L TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

ĐỖ THỊ KIM OANH
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CẤP CAO

192mm

MEIZAN

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất đạm	0 g	0 g
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Omega 3 (tối thiểu)	70 mg	500 mg
Omega 6 (tối thiểu)	2,96 g	14 g
Omega 9 (tối thiểu)	3,5 g	25 g
Hydrat-cacbon	0 g	0 g
Đường	0 g	0 g
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,288 IU	9,200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:

CÔNG TY TNHH CALOFIC

Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam

ĐT: (0203) 3846993 • Fax: (0203) 3845971

Mã nhà máy sản xuất:

• QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh

• HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660.

Email: corporate@wilmar.com.vn

Website: www.calofic.com.vn

wilmar

Được sự cho phép của:

WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

MEIZAN

Thành phần:

Dầu: dầu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa (475), Vitamin A palmitat.

Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

• Tr: số I-ốt (Wijs): 60 tối thiểu.

• Không sử dụng chất bảo quản và chất tạo màu.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng để chiên, xào, nấu, trộn salad, làm bánh và các món chay.

Bảo quản:

Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

HSD: Xem trên bao bì

Số CB: 05/CALOFIC/2021

Thể tích thực ở 20°C: 400 ml

8 934988 063011

39 11 26 13 39 13 24

CÔNG TY TNHH CALOFIC

190mm

MEIZAN

Thành phần:
Dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa (475), Vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
- Trị số I-ốt (Wijs): 60 tối thiểu.
- Không sử dụng chất bảo quản và chất tạo màu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, nấu, trộn salad, làm bánh và các món chay.

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số CB: 05/CALOFIC/2021

Thể tích thực ở 20°C
400ml

8 934988 06301 *

PLEASE RECYCLE

MEIZAN™
GOLD
DẦU ĂN CAO CẤP
✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu
Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO
0% CHOLESTEROL

MEIZAN

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất đạm	0 g	0 g
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Omega 3 (tối thiểu)	*70 mg*	*500 mg*
Omega 6 (tối thiểu)	*1,96 g*	*14 g*
Omega 9 (tối thiểu)	*3,5 g*	*25 g*
Hydrat cacbon	0 g	0 g
Đường	*0 g*	*0 g*
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1,288 IU	9,200 IU

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 • Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660.
Email: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar
Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

MEIZAN™
GOLD
DẦU ĂN CAO CẤP
✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu
Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO
0% CHOLESTEROL

1 | 24,5 | 13 | 39 | 13 | 26,5 | 11 | 39

CÔNG TY TNHH CALOFIC
M.S.D.N: 5700101363 - C.T.T.N.H.H
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

252 mm

140 mm

MEIZAN

GOLD

Dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** được kết tinh hoàn hảo từ **03 loại dầu tự nhiên cao cấp**, với khả năng chịu nhiệt cao* giúp giảm ngưng cơ chảy khét, còn món chiên/xào ngon khó tưởng, xứng đáng là **Tuyệt Phẩm Chiên Rán nhiệt độ cao** trong gian bếp của mọi gia đình.

Ngoài ra, dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** còn giàu các dưỡng chất tự nhiên cực tốt cho sức khỏe:

DẦU HƯỚNG DƯƠNG giàu Vitamin E, chống ô-xy hóa hiệu quả

DẦU ĐẬU NÀNH giàu Omega 3-6-9 giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch

DẦU OLEIN có khả năng chịu nhiệt cao*, lý tưởng cho các món chiên giòn ngon hơn

(*) Nhiệt độ chiên thích hợp 170 - 180 °C

NSX: 24 tháng tính hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số CB: 05/CALO PE/2021

Thể tích thực ở 20 °C:
1lít

8 934938 063028

MEIZAN

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu

Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO*

0% CHOLESTEROL

MEIZAN

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 03 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất béo	0 g	0 g
Chất béo bão hòa	14 g	100 g
Omega 3 (tối thiểu)	70 mg	500 mg
Omega 6 (tối thiểu)	1,4 g	10 g
Omega 9 (tối thiểu)	3,5 g	25 g
Hydrat cacbon	0 g	0 g
Đường	0 g	0 g
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A (bổ sung tối thiểu)	1,2 (IU)	8,5 (IU)

Thành phần:
Dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa (475), Vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
- Trị số I-ốt (Wijs): 60 tối thiểu.
- Không sử dụng chất bảo quản và chất tạo màu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, nấu, trộn salad, làm bánh và các món chay.
Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 • Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
E-mail: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar
Thực tự cho phân phối:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

MEIZAN

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu

Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO*

0% CHOLESTEROL

5 mm | 42 mm | 16 mm | 51 mm | 15 mm | 41 mm | 16 mm | 50 mm | 16 mm

M.S.D.N: 5200101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

255 mm

140 mm

MEIZAN

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trung mỗi khẩu phần	Hàm lượng trung bình 100 g
Năng lượng	126 kcal	900 kcal
Chất đạm	0 g	0 g
Chất béo tổng phần	14 g	100 g
Omega 3 (ALA tổng)	70 mg	500 mg
Omega 6 (LA tổng)	3,36 g	24 g
Omega 9 (tổng)	3,1 g	22 g
Hydrat cacbon	0 g	0 g
Đường	0 g	0 g
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin E (ước tính)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (ước tính)	1,200 IU	8,600 IU

Thành phần:
Dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa (475), Vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
- Trị số I-ốt (Wijs): 60 tối thiểu.
- Không sử dụng chất bảo quản và chất tạo màu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, nấu, trộn salad, làm bánh và các món chay.

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 - Fax: (0203) 3849971
Mã nhà máy sản xuất:
- CBC TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
E-mail: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

wilmar
Được sở hữu bởi công ty
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

MEIZAN

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO

✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu

0% CHOLESTEROL

MEIZAN

GOLD

Dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** được kết hợp hoàn hảo từ **03 loại dầu tự nhiên cao cấp**, với khả năng chịu nhiệt cao* giúp giảm nguy cơ cháy khét cho món chiên/xào ngon lên vượt trội, xứng đáng là **Tuyệt Phẩm Chiên Rán nhiệt độ cao** trong gian bếp của mọi gia đình.

Ngoài ra, dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** còn giàu các dưỡng chất tự nhiên rất tốt cho sức khỏe:

DẦU HƯỚNG DƯƠNG giàu Vitamin E, chống o-xy hóa hiệu quả

DẦU ĐẬU NÀNH giàu Omega 3-6-9 giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch

DẦU OLEIN có khả năng chịu nhiệt cao*, lý tưởng cho các món chiên giòn ngon lên

(*) Nhiệt độ chiên thích hợp 170 - 180 °C

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số CB: 16/CALOFIC/2021

Thể tích thực ở 20°C:
1 lít

8 934988 063028

MEIZAN

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO

✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu

0% CHOLESTEROL

19 mm | 40 mm | 17 mm | 45 mm | 10 mm | 42 mm | 21 mm | 45 mm | 11 mm

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

MEIZAN™

Thành phần:
Dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa (475), Vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
- Trị số I-ốt (Wijs): 60 tối thiểu.
- Không sử dụng chất bảo quản và chất tạo màu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, nấu, trộn salad, làm bánh và các món chay

Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long
T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 • Fax: (0203) 3845971
Mã nhà máy sản xuất:
- QN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

Tư vấn khách hàng: 0933 816 660
E-mail: corporate@wilmar.com.vn
Website: www.calofic.com.vn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14 g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100 g
Năng lượng	126 Kcal	900 Kcal
Chất đạm	0 g	0 g
Chất béo toàn phần	14 g	100 g
Omega 3 (tối thiểu)	*70 mg*	*500 mg*
Omega 6 (tối thiểu)	*1,96 g*	*14 g*
Omega 9 (tối thiểu)	*3,5 g*	*25 g*
Hydrat-cacbon	0 g	0 g
Đường	*0 g*	*0 g*
Cholesterol	0 g	0 g
Natri	0 g	0 g
Vitamin E (tối thiểu)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tối thiểu)	1.288 IU	9.200 IU

VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

HALAL

Thể tích thực ở 20°C:
2 lít

wilmar
Được sự cho phép của:
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

PLEASE RECYCLE

MEIZAN™

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu

Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO

0% CHOLESTEROL

CÔNG TY TNHH CALOFIC
HẠ LONG - T. QUẢNG NINH
M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.

MEIZAN™

GOLD

Dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** được kết hợp hoàn hảo từ **03 loại dầu tự nhiên cao cấp**, với khả năng chịu nhiệt cao* giúp giảm nguy cơ cháy khét cho món chiên/xào ngon khó cưỡng, xứng đáng là **Tuyệt Phẩm Chiên Rán nhiệt độ cao** trong gian bếp của mọi gia đình.

Ngoài ra, dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** còn giàu các dưỡng chất tự nhiên rất tốt cho sức khỏe:

DẦU HƯỚNG DƯƠNG giàu Vitamin E, chống ô-xy hóa hiệu quả

DẦU ĐẬU NÀNH giàu Omega 3-6-9 giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch

DẦU OLEIN có khả năng chịu nhiệt cao*, lý tưởng cho các món chiên giòn ngon hơn

(*) Nhiệt độ chiên thích hợp 170 - 180 °C

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số CB: 05/CALOFIC/2021

8 934988 063035

MEIZAN™

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

✓ Omega 3-6-9

✓ Vitamin A & E

✓ Công nghệ Châu Âu

Tuyệt Phẩm CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO*

0% CHOLESTEROL

w165 x h121

121mm

MEIZAN

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 01 muỗng (14g)

	Hàm lượng trong mỗi khẩu phần	Hàm lượng trong 100g
Năng lượng	126 kcal	900 kcal
Chất đạm	0g	0g
Chất béo tổng phần	14g	100g
Omega 3 các loại	700mg	5000mg
Omega 6 các loại	2,9g	21g
Omega 9 các loại	3,5g	25g
Hydrat cacbon	0g	0g
Đường	0g	0g
Cholesterol	0g	0g
Natri	0g	0g
Vitamin E (tổng đồng)	0,42 mg	3 mg
Vitamin A bổ sung (tổng hợp)	1,200 IU	9,200 IU

Thành phần:
Dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương tinh luyện, chất nhũ hóa (475), Vitamin A palmitat.
Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
- Trị số I-ốt (Wijs): 60 tối thiểu.
- Không sử dụng chất bảo quản và chất tạo màu.

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng để chiên, xào, nấu, trộn salad, làm bánh và các món chay.
Bảo quản:
Để nơi khô ráo & thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo:
Đóng nắp kín sau khi sử dụng.

Sản xuất tại Việt Nam bởi:
CÔNG TY TNHH CALOFIC
Khu vực Cảng Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh, Việt Nam
ĐT: (0203) 3846993 - Fax: (0203) 3849971
Mã số nhà máy sản xuất:
- CN: TP. Hạ Long, Quảng Ninh - HP: Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh
Tư vấn khách hàng: 08 5 816 668
Email: corporate@wilmar.com.vn, Website: www.calofic.com.vn

wilmar
Được sử dụng theo phép của
WILMAR INTERNATIONAL LIMITED

MEIZAN™

GOLD

DẦU ĂN CAO CẤP

✓ Omega 3-6-9
✓ Vitamin A & E
✓ Công nghệ Châu Âu

Tuyệt Phẩm
CHIÊN RÁN NHIỆT ĐỘ CAO*

0% CHOLESTEROL

MEIZAN GOLD

Dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** được kết hợp hoàn hảo từ **03 loại dầu tự nhiên cao cấp**, với khả năng chịu nhiệt cao* giúp giảm nguy cơ cháy khét cho món chiên/xào ngon khó cưỡng, xứng đáng là **Tuyệt Phẩm Chiên Rán nhiệt độ cao** trong gian bếp của mọi gia đình.

Ngoài ra, dầu ăn cao cấp **Meizan Gold** còn giàu các dưỡng chất tự nhiên rất tốt cho sức khỏe:

DẦU HƯỚNG DƯƠNG giàu Vitamin E, chống ô-xy hóa hiệu quả

DẦU ĐẬU NÀNH giàu Omega 3-6-9 giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch

DẦU OLEIN có khả năng chịu nhiệt cao*, lý tưởng cho các món chiên giòn ngon hơn

(*) Nhiệt độ chiên thích hợp 170 - 180°C
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem trên bao bì
Số CB: 05/CALOFIC/2021

Thể tích thực ở 20°C:
5 lít

8 934988 063042

M.S.D.N: 5700101362-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CALOFIC
HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

5mm 33mm 5mm 79mm 5mm 33mm 5mm

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 12910/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD
2. Mã số mẫu: 05213575/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa nắp xoáy 350 mL - Số lượng: 3
   NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 06/05/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 06/05/2021 - 14/05/2021
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH Dầu Thực vật Cái Lân
   Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Đường tổng số	%	NIFC.02.M.11	KPH (LOD: 0,01 %)
9.2	Hàm lượng tạp chất	%	TCVN 6125:2010	KPH (LOD: 0,01 %)
9.3*	Chỉ số Iod (Wij's)	gI_2/100g	TCVN 6122:2015	96,6
9.4*	Hàm lượng Vitamin A (Retinyl palmitat)	IU/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	$1,00 \times 10^4$
9.5*	Chỉ số Peroxide	$meqO_2$/kg	TCVN 6121:2018	1,14
9.6*	Hàm lượng Vitamin E (DL alpha tocopherol)	mg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	13,8
9.7*	Chỉ số acid	mgKOH/g	TCVN 6127:2010	0,11

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2021

KT.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12105.11160803 MM12105.111608031	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 21/05/2021

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**

Địa chỉ/ *Address* : KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 11/05/2021

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 19/05/2021

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Coliforms	MPN/mL	0	ISO 4831:2006 (*)
2	Escherichia coli	MPN/mL	0	ISO 16649-3:2015 (*)
3	Salmonella spp.	/25mL	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
4	Staphylococcus aureus	CFU/mL	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1. 2003 (*)
5	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/mL	< 01	ISO 21527-2:2008 (*)
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/mL	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

ThS. Lương Sơn Tùng

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Tuấn Kiệt

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3998216 - 217 - 218
(84.292) 3998219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12105.11160803 MM12105.111608031	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 21/05/2021

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**
Địa chỉ/ *Address* : KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH
Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD**
Số lượng/ *Quantity* : 1
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 11/05/2021
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 19/05/2021

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	As	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,02	AOAC 986.15
2	Na	g/100g	0	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
3	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,05	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)
4	Béo	%	99,9	CASE.NS.0008 (Ref.FAO 14/7 p.212,1986) (*)
5	Carbohydrate	g/100g	0	Food and Drug Administration (*)
6	Độ ẩm và chất bay hơi	%	0,050	TCVN 6120:2018 (ISO 662:2016) (*)
7	Năng lượng	kcal/100g	900	Food and Drug Administration (*)
8	Protein	%	Không phát hiện	CASE.NS.0009 (Ref. FAO 14/7 p.221-223, 1986) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
caseihcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
5TH2.78, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5555
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
9	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 - HPLC (*)
10	Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 - HPLC (*)
11	Cholesterol	g/100g	Không phát hiện, MDL = 0,0001	CASE.SK.0012 - GC (*)
12	Omega 3	mg/100g	2110	CASE.SK.0107 - GC (*)
13	Omega 6	g/100g	28,7	CASE.SK.0107 - GC (*)
14	Omega 9	g/100g	36,1	CASE.SK.0107 - GC (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Phú Minh Tấn

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Tuấn Kiệt

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
Q2 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@casevn

CN CẦN THƠ
F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P.Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@casevn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@casevn

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12105.11160803 MM12105.111608031	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 21/05/2021

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**
Địa chỉ/ *Address* : KHU CÔNG NGHIỆP CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH
Tên mẫu/ *Name of sample* : **DẦU ĂN CAO CẤP NHÃN HIỆU MEIZAN GOLD**
Số lượng/ *Quantity* : 1
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 11/05/2021
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 19/05/2021

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Acephate	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
2	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
3	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
4	Clethodim	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
5	Cyproconazole	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
6	Flusilazole	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
7	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
8	Methamidophos	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
9	Methomyl	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
Q2 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2.78, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
10	Permethrin	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
11	Prochloraz	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Phú Minh Tấn

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Tuấn Kiệt

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH27/8, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn